BÔRIS PÔLÊVÔI

một người chân chính

PHẠM DÂN *dịch*

MỘT NGƯỜI CHÂN CHÍNH

✳

BÔRIS PÔLÊVÔI
PHẠM DÂN dịch

MỘT NGƯỜI CHÂN CHÍNH

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
62 Bà Triệu, Hà Nội.
ĐT: 04.9439364 – 8229413 * *Fax:* 04. 9436024.
Email: nxbthanhnien@yahoo.com

CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
270 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 9303262

MỘT NGƯỜI CHÂN CHÍNH (tập 1)

Hoàng Dân

Chịu trách nhiệm xuất bản:
MAI THỜI CHÍNH

Biên tập: **NGUYỄN TRƯỜNG**
Bìa: **NGUYỄN HÙNG**

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm tại Công ty cổ phần in Thanh Niên, 62 Trần Huy Liệu - Q. PN, TP. HCM. Số ĐKKHXB: 266-2006/CXB/357-22/TN. Quyết định xuất bản số: 135/CN/TN do NXBTN cấp ngày 04/05/2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2006.

Năm 1954, khi từ bưng biền về hoạt động bí mật ở Sài Gòn, tôi đến cửa hàng Albert Portail ở đường Catinat mua sách báo ngoại văn. Tình cờ tôi thấy một số sách Liên-xô dịch ra tiếng Pháp của nhà xuất bản Xã hội Pháp (Éditions Sociales) bày bán tự do. Tôi lựa được một cuốn tiểu thuyết rất hay: "*Một người chân chính*" (Un homme veritable) của nhà văn Xô viết Bôris Pôlêvôi. Tôi bắt đầu dịch ngay trong những thời gian rảnh rỗi, nhất là vào ban đêm.

Lúc đầu tôi định chuyển thể để có thể đăng trên các báo Sài Gòn hoặc ra sách, như kiểu anh Năm Châu chuyển thể vở "*Người mặt cháy*". Nhưng dưới sự kiểm duyệt rất khắc nghiệt của địch nên không thể qua mặt được. Tôi liền gửi đăng trên báo Sống Chung (sau này là báo Trung Lập) của Việt kiều ở Phnôm Pênh.

Sau đó tôi sửa chữa lại lần nữa bản dịch gửi ra Hà

Nội. Vợ tôi (chị Lê Đoan) lúc đó là thư ký tòa soạn báo Phụ Nữ Việt Nam đã đưa bản dịch cho nhà xuất bản Thanh Niên .

Cuốn sách được in 2 lần, mỗi lần với số lượng lớn 15.000 bản. Nhà xuất bản còn đề nghị tác giả Bôris Pôlêvôi gửi ảnh và lời tựa cho cuốn sách kèm với bản từ thuật của ông.

Vì tôi dịch cuốn sách từ tiếng Pháp, chớ không phải tiếng Nga, nên phải nhờ Giáo sư Phạm Huy Thông hiệu đính theo nguyên bản tiếng Nga. Anh Phạm Huy Thông lại có dịp gặp cả tác giả Bôris Pôlêvôi và anh hùng Xô Viết Alếchxây Mêrétxép nên việt xuất bản cuốn "*Một người chân chính*" càng có giá trị thắt chặt quan hệ anh em giữa Liên Xô và Việt Nam. Đây là bản dịch rất sớm các tác phẩm văn học của Liên Xô. Vì cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài tôi rất tiếc không gặp được Bôris Pôlêvôi và anh hùng Alếchxây Mêrétxép, chỉ có liên hệ thư từ với Bôris Pôlêvôi. Chính tác giả đã gởi cho tôi nhiều tác phẩm văn học của Liên Xô và cả sách học tiếng Nga để tôi tự học khi còn ở chiến khu. Bôris Pôlêvôi còn khuyên tôi nên dịch cuốn "T*ấm kiếng Parabôn*" của Alếchxây Tônstôi, tôi cũng đã dịch và in thành feuilleton trong tuần sau "Hòa bình trung lập" của Vệt kiều ở Phnôm Pênh.

Cuốn "*Một người chân chính*" có tính giáo dục, rèn luyện thanh niên rất cao, gần như cuốn "Thép đã tôi thế đấy". Bởi vì phi công Alếchxây Mêrétxép sau khi bị bắn hạ trên bầu trời Đức chiếm đóng, gãy hai chân, đã băng hai tay bò suốt 18 ngày đêm vừa đói vừa rét, để về căn cứ Hồng Quân. Sau khi lắp chân giả, anh lại bay nhiều ngày tấn công địch đến thắng lợi cuối cùng trong chiến tranh chống Phát-xít. Anh được phong Anh hùng lực lượng võ trang Liên-xô và được bầu vào Ban Chấp hành "Hội đồng Hòa bình thế giới" chính anh đã lên tiếng nhiều lần ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam trên các diễn đàn Quốc tế.

Tôi có ý định tái bản cuốn "*Một người chân chính*" vì cuốn sách là một tác phẩm có giá trị văn học, có giá trị giáo dục thanh thiếu niên, ngay cả trong thời kỳ đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Người dịch

Minh Đô (Phạm Dân).

LỜI TÁC GIẢ

Tôi chưa sang thăm nước Việt Nam. Nhưng tôi có cảm tưởng là mình đã từng sống ở đấy, đã quen biết cảnh thiên nhiên giàu đẹp của đất nước này, với những khu rừng nhiệt đới, những con sông hùng tráng và những thung lũng phì nhiêu, những người Việt Nam tuy tầm vóc không cao lắm, nhưng gần cảnh vật và những con người ấy, không ai có thể coi là bé nhỏ.

Những năm trước đây, khi nhân dân Việt Nam đang tiến hành cuộc đấu tranh thần thánh và anh dũng chống bọn thực dân được trang bị đầy đủ thì những người xô- viết chúng tôi đã theo dõi quá trình các trận chiến đấu anh dũng của các bạn với tấm lòng kính phục và thông cảm sâu sắc. Nhân dân chúng tôi biết rõ giá trị của lòng dũng cảm, tinh thần can đảm và lòng yêu mến tự do. Người anh hùng họ biết kính phục tinh thần anh dũng của những người anh hùng

khác. Vì vậy người Việt Nam ở xa chúng tôi, đã trở thành người bạn gần gũi và thân thiết. Chúng tôi rất vui mừng trước mỗi thắng lợi chống thực dân của các bạn và đã gửi đến đất nước các bạn lời chào hòa bình. Ngày nay với tấm lòng kính phục anh em, chúng tôi rất yêu mến những người Việt Nam quang vinh đang nắm trong tay vận mệnh của mình để xây dựng một cuộc sống hạnh phúc.

Tôi hy vọng Alếchxây Mêrétxép, nhân vật có thực trong cuốn sách của tôi - một người xô- viết bình thường sẽ được gặp những người bạn tốt trong hàng ngàn vạn người lao động của nước Việt Nam mới. Chính vì ở nước các bạn cùng biết rõ giá trị tinh thần anh dũng chân chính, nên Alếchxây Mêrétxép đã đến với các bạn như tình anh em.

Mạc tư khoa 2-1960

Bôris Pôlêvôi

LỜI TỰ THUẬT CỦA TÁC GIẢ

Tôi sinh ngày 17 tháng 3 năm 1908 tại Mátscơva, nhưng tôi lớn lên ở Tư-ve (bây giờ gọi là Calinin); cho nên tôi có thể có lý do để tự coi mình là một công dân Calinin.

Cha tôi xưa là luật gia. Ông chết vì bệnh lao năm 1916. Tôi gần như không còn nhớ gì hết về ông, nhưng cứ phán đoán theo tủ sách rất tốt ông để lại, trong đó có đầy đủ các nhà văn cổ điển Nga và nước ngoài, và theo lời mẹ tôi nói lại, thì, đối với thời ông, ông là một người có đầu óc tiến bộ và có học vấn cao rộng. Sau khi cha tôi mất, mẹ tôi vào làm việc ở một nhà thương xưởng máy, làm thầy thuốc, và mẹ con chúng tôi dọn đến ở trong một xưởng dệt lớn của bọn buôn bán Marô-dốp.

Tôi ở đấy suốt thời thơ ấu và thời niên thiếu của tôi.

Chúng tôi ở trong chỗ gọi là "nhà nhân viên", nhưng

bạn học và bạn chơi của tôi là các con cái thợ thuyền, và, vì mẹ tôi làm việc ở nhà thương công việc bận rộn bù đầu và chả mấy khi gần gũi con được, có những khi tôi cứ cả ngày ở trong các nhà ngủ công cộng của công nhân hay ở vùng ngoại ô quanh đấy. Tôi học hành không đến nỗi quá kém ở trường, nhưng cũng không hào hứng quá độ, và ngày giờ rảnh, tôi ra giữa dòng sông Tưmaca, một dòng nước hôi thối chảy ngang qua xưởng, và sách vở trong thư viện của cha. Tuy bận bịu, mẹ tôi cũng cố gắng hướng dẫn tôi đọc sách và khuyên nhủ tôi đọc sách của những tác giả mà mẹ tôi ưa thích nhất.

Những cuốn sách đầu tiên tôi đọc là Gôgôn, Sêkhốp, Nêcưraxốp, Pimialốpski. Nhà văn tôi thích nhất là Goócki. Khi còn là sinh viên, cha mẹ tôi đều rất tôn sùng ông, và tủ sách của gia đình gồm hầu tất cả những sách của ông xuất bản trước cách mạng. Thời còn bé, tôi lại còn có một chiều hướng thích thú khác nữa, là yêu thiên nhiên. Học lớp tư, tôi đã là một "người lãnh đạo" nhóm các nhà sinh vật học trẻ tuổi và đã tham dự những cuộc gặp gỡ của thanh thiếu niên thành phố và của thanh thiếu niên Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên bang Xô viết Nga. Ở nhà tôi lúc nào cũng có chứa những khách lạ: một lần, có con ưng không biết tại sao lạc đến bay lới phới trong sân xưởng và đụng phải dây điện tín gẫy cánh; một lần

khác, có con quạ con bị ngã từ trên ổ xuống được tôi cứu thoát khỏi móng mèo, có con nhím và có cả con rắn nước mà tôi dọn dẹp chỗ cho ở giữa hai khung cửa sổ, trong một đường rãnh nhỏ đã đào riêng cho nó.

Trong thành phố bấy giờ có xuất bản một tờ báo địa phương: tờ Sự thật Tưve. Trong những năm hai mươi[1] có thành lập nên trong xưởng một mạng lưới quan trọng các thông tín viên công nhân. Tòa báo đặt trong căn nhà sắp xếp dụng cụ cứu hỏa. Và lũ bê con chúng tôi, tvô cùng kính phục nhìn những kẻ ra vào căn nhà gạch nhỏ ấy. Những thông tín viên công nhân mà! Những người viết bài trong báo mà! Chủ tịch của tổ chức đó, bác thợ nguội Gurianốp, là một trong những người được trọng vọng nhất nhà máy. Chắc hẳn là từ thuở xa xăm ấy đã chớm nở trong tôi cái chiều hướng thích thú đối với nghề viết báo, bấy giờ tôi đã coi như nghề hay nhất, quan trọng vô cùng, lại có cái khía cạnh đôi chút huyền bí.

Tôi đang học lớp sáu khi báo Sự thật Tưve đăng bài báo nhỏ đầu tiên của tôi. Bài, theo như tôi còn nhớ được, có bảy dòng; nó kể chuyện một nhà thơ nông dân có tiếng tên là Đurốtgin, đến thăm trường. Báo đăng bài đó cuối trang tư và tôi nhớ là đâu không

(1) Tức từ 1920 đến 1930 (chú thích của người dịch)

có ký tên. Nhưng tôi thì tôi biết là ai viết bài đó, nên tôi không bao giờ rời số báo có đăng bài đó cho đến lúc nó rách tan từng mảnh trong túi tôi. Từ đó, tôi viết đều đặn trong báo Sự thật Tưve: bắt đầu là phản ảnh mọi việc gì lôi thôi ở thành phố, rồi vào những đề nghiêm chỉnh hơn; cuối cùng, khi tòa soạn chú ý đến tôi, tôi được giao cho làm những phóng sự nho nhỏ về thời sự ở thành phố trong các xưởng, các nhà máy. Tôi tiếp tục học phổ thông, rồi tôi vào trường kỹ thuật công nghiệp; tôi chuyển ngành hóa học và cắm đầu vào phân tích chất lượng và số lượng. Nhưng tôi đã mơ màng tới những phòng tòa soạn phảng phất mùi mực in; trong những giờ nghe giảng, tôi viết trộm những bài báo hay những thiên phóng sự về những đề khá là xa với những đề mà giáo sư đang diễn đạt. Cứ như thế dần dần tôi đi đến làm cái nghề làm báo xô viết, cái nghề mà tôi luôn vẫn coi như ngành văn chương nhiều hứng thú hơn tất cả các ngành khác.

Báo Sự thật Tưve bấy giờ là một tờ báo rất là sinh động: Nhờ báo biết nắm lấy đúng lúc và "cho ra" cái gì có vẻ mới, hay và có giá trị trong công tác lao động xã hội chủ nghĩa ở xí nghiệp và ở thôn xóm. Làm việc báo chí, tôi quen quan sát cẩn thận, suy nghĩ về các sự việc, và chỉ viết về những vấn đề mà tôi biết thật đầy

đủ. Tôi bỏ những tháng nghỉ ngơi của tôi để làm việc cho nhà báo, cố gắng lợi dụng thì giờ ấy để mà quan sát.

Tấm gương huy hoàng của Goócki, mà tôi đọc tác phẩm từ bé, soi sáng đường đi cho tôi chẳng khác ngọn hải đăng. Tôi học được tinh thần quan sát là chính ở nơi ông. Một mùa hè nọ, tôi định sẽ cho tòa soạn một thiên phóng sự về những xí nghiệp làm nghề rừng và những xí nghiệp làm nghề thả bè trên sông trong vùng Tưve. Tôi đi tuốt đến quận Xêligiarốpski. Ở đó, tôi tới những xí nghiệp làm nghề rừng, tôi lên bè trôi sông và tôi làm việc ở đó, cầm tay lái, giữ tay chèo ở phía sau bè. Cứ thế là từ nguồn sông Vonga tôi xuống đến tận Calinin, rồi lại còn xuống thấp hơn thế nữa, đến tận Rưbinscơ, nơi đó kết thúc thật là mỹ mãn lịch trình của tôi vừa lúc những bè cây cặp đúng bến. Trong khi rong ruổi như vậy, báo đăng loạt bài của tôi tựa là Trên những bè trôi sông. Tôi viết những bài đó ban đêm, gần ngọn lửa nhỏ đốt ở giữa nhà lều trên bè.

Một mùa hè khác, tòa soạn báo Thôn xóm Tưve giao cho tôi làm một thiên phóng sự về tình hình chủ nghĩa xã hội thâm nhập đời sống các thôn xóm chưa tổ chức thành nông trang. Tôi đến làng Míchsina một nơi cùng tận trong tỉnh Tưve, làm nghề sắp xếp sách

trong thư viện và viết một loạt bài báo về đời sống trong làng về những bước đầu tiên của lao động tập thể.

Năm 1927, tập bài báo đầu tiên của tôi ra đời. Các bạn tôi trong tòa báo của thanh niên cộng sản Thế hệ trẻ, không bảo gì tôi cả mà cứ gửi nó đến cho Mắcxim Goócki ở Xorente. Khi hay biết được, tôi cuống cuồng cả lên. Bắt nhà đại văn hào phải mất công đọc các sáng tác chẳng ra gì mấy đó, mà tôi lại nhận thức được vô cùng rõ ràng là thật là còn non nớt, thì theo tôi thật là một việc xúc phạm. Cho nên tôi ngạc nhiên lạ lùng khi nhận được một cái gói to lùm lùm đề tên tôi, có dán tem nước ngoài, chữ viết to và cứng cáp lắm.

Tự tay viết đến sáu trang giấy, Goócki nghiên cứu tỉ mỉ và rất đỗi khoan dung các tác phẩm tuổi trẻ đó của tôi. Ông khuyên tôi nên làm việc không ngừng, học tập các nhà văn cổ điển mà mài giũa văn như "anh thợ tiện mài giũa kim khí". Bức thư ấy của nhà đại văn hào đối với tôi thật là bằng không biết bao nhiêu năm học tập. Tôi đã từng phen suy nghĩ về mỗi chữ ông viết, ra sức rút ra những kết luận đúng đắn và hữu ích.

Goócki đã giúp tôi hiểu được rằng nghề làm báo và nghề viết văn là những nghề khó khăn, đòi hỏi

phải học tập và lao động nhiều hơn bất cứ nghề nào khác. Tôi hiểu rằng không thể nào làm được những nghề ấy theo lối tài tử được, phải bỏ hết tâm lực vào, và chỉ có thế mới mong trở nên được một người lao động thực sự trong ngành báo chí bônsêvích.

Thời ấy, tôi học xong trường kỹ thuật, vừa vào làm việc ở xưởng nhuộm, nơi in những thứ vải gọi là "vải ấn độ"; xưởng này là một bộ phận của nhà máy liên hợp Vô sản.

Chẳng bao lâu, tôi đứng đầu một nhóm thông tín viên công nhân ở đó. Công việc của tôi ở xưởng và công tác xã hội của tôi ở nhà máy chẳng để cho tôi mấy thì giờ để làm cái việc tôi thích thú hơn cả, là làm báo. Mà sự ưa thích của tôi thì lại cứ ngày càng rõ. Cuối cùng, suy nghĩ chín chắn rồi, tôi thôi việc ở xưởng để vào làm biên tập viên tờ báo của thanh niên trong tỉnh, là tờ Thế hệ trẻ.

Ở đó có một tập thể biên tập viên tốt, sau đó nhiều người đã trở nên những người làm báo có giá trị. Hoạt động thật là sôi nổi. Quỹ tờ báo nhỏ bé, rõ là không đủ cho sáu hay tám trang báo mà chúng tôi cứ hàng tuần cho ra hai kỳ. Cho nên phần chính công việc là phải do những nhà thông tín viên trẻ tuổi làm công không giúp cho. Tinh thần phát huy sáng kiến của báo đó đã khiến cho báo được từng phen khen

ngợi trên những cột báo của Sự thật. Tôi đã làm việc ở tòa báo Thế hệ trẻ rồi, khi báo thôi, làm việc cho báo địa phương của Calinin là tờ Sự thật Vô sản, cứ thế không lúc nào ngừng mãi cho tới chiến tranh. Tôi viết những thiên phóng sự cùng những bài báo, và tôi phụ trách các mục kinh tế và văn hóa. Tôi được kết nạp Thanh niên năm 1930; năm 1940 tôi gia nhập Đảng Cộng sản. Nhờ trường học lớn của Đảng bônsêvích mà tôi trở nên được một nhà văn.

Vừa tiếp tục cộng tác biên tập, tôi vừa viết truyện, nhưng, nghe đúng theo lời khuyên nhủ của Goócki, tôi chỉ cho đăng một phần nhỏ thôi trên báo hay trong tập niên lịch của vùng, là tập Ngày nay. Năm 1939, tập san Tháng Mười đăng cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tôi: Xưởng nóng hổi. Tôi định cố tóm thâu trong cuốn sách đó toàn bộ kết quả của những điều tôi đã quan sát được về tình hình phát triển của phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong những xí nghiệp ở Calinin và về hoàn cảnh trong đó phát sinh ra được những sáng kiến của những kẻ phát minh. Tôi đã tự mắt mình quan sát tất cả những cái đó và tôi đã viết phóng sự nhiều về việc này. Sách, sở dĩ thời ấy được đôi chút hoan nghênh, đó là nhờ trước hết ở sự vĩ đại của những sự việc mà sách viết ra, kể đến và của những con người đã là những vai chính của truyện. Tôi muốn được nhấn mạnh nhất là vào một điểm, là

đề truyện và nhân vật trong truyện đều là từ trong đời sống mà lấy ra; những ai công tác từ lâu trong các xưởng chế tạo dụng cụ vận chuyển ở Calinin đều đã nhận ra ngay bạn mình trong đám nhân vật trong truyện, và, rốt cuộc, anh là vai nam chính trong truyện đã mời tôi dự lễ cưới chị là vai nữ chính. Hôm lễ, đã đùa khá nhiều về cái điều đó: chính là nhân vật trong tiểu thuyết bắt buộc phải làm cho xong hẳn công việc của tác giả, để cho tác phẩm được kết thúc có hậu, dầu không ly kỳ chi mấy.

Công tác lâu năm trong báo chí đã khiến tôi viết được những cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tôi, nhưng chính công tác của tôi trong tờ Sự thật, mà tôi là thông tín viên chiến tranh khi cuộc chiến tranh dân tộc vĩ đại bùng nổ, đã là bổ ích nhất cho sự nghiệp nhà văn của tôi.

Có người đôi khi hỏi tôi:

- Cố nhiên là anh làm báo thành ra bị trở ngại nhiều trong công tác viết văn của anh; cái đời nhà làm báo vốn rồn rập, cứ bắt là phải viết về những đề tài nhất định phải gửi bài đến những ngày giờ hẹn trước, chẳng kể tâm tình mình mỗi lúc thế nào, rồi lại kèm vào đấy nữa là phải viết đúng là bao nhiêu hàng chữ.

Những câu hỏi loạt ấy không khiến tôi khó chịu,

chỉ khiến tôi buồn cười, vì chính là công tác trong báo chí bônsêvích đã đưa tôi tới con đường văn chương. Làm báo giúp tôi biết rút ra cái chủ yếu, ghi cái gì là mới, là đã cộng sản rồi trong tâm tình của những người đương thời. Là thông tín viên chiến tranh của báo Sự thật, tôi lúc nào cũng ở những điểm quyết định của mặt trận mênh mông, nơi quyết định số mạng của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Tôi đã thu thập được ở đó một khối lượng tài liệu vô giá. Mọi người đã biết rằng những vai chính trong những cuốn sách của tôi: Một Người chân chính và Người Xô viết chúng ta, đều là những nhân vật có thật. Phần lớn tên thật ngoài đời thế nào, tên trong sách của tôi cũng là thế, đôi khi có thay đổi rất ít mà thôi. Ý đầu tiên của hai cuốn sách này là do ở tòa báo Sự thật mà ra.

Sự việc xảy ra như thế này này.

Tháng 2 năm 1942, có đăng một bài tựa là: Thành tích của Mátvây Cuzơmin. Bài ấy, tôi đã viết vội vã, sau khi đưa ma vị anh hùng ấy. Đó là chuyện một nông dân tập thể, đã bát tuần, thuộc nông trang tập thể Bình minh, trồng gai, cụ nông dân này đã lập lại cử chỉ anh hùng của Iva Xuxanin.

Bài viết vội và không có giá trị chi mấy. Lần đầu tôi ở mặt trận về, anh chủ bút báo Sự thật gọi tôi đến

và trách tôi viết về một thành tích đáng kính phục như vậy một cách quá ư vội vã, y như một phóng viên nhà báo.

- Thật tiếc là lẽ ra có thể kể câu chuyện này một cách khác hẳn, anh trách tôi như vậy. Rồi, với thói quen của anh là hay tổng quát, anh nói thêm: - Tôi đã bảo tất cả các anh thông tín viên chiến tranh, và tôi xin hết điều căn dặn anh: Cứ ghi cho đầy đủ chi tiết những công trạng của những người Xô viết mà các anh có cái may mắn được chứng kiến. Đó là bổn phận công dân của các anh, và, hơn thế nữa, đó là bổn phận đảng viên Đảng Cộng sản của các anh. Nghĩ coi: trong cuộc chiến tranh này, nhân dân Liên xô đã vượt qua về dũng cảm tất cả các vị anh hùng của tất cả các thời đại xưa cũ. Và để cho không quên chi hết về những thành tích hiển hách ấy, để cho mọi người Xô viết biết rõ đồng bào mình đã đánh phát xít như thế nào, đã thắng nó như thế nào, thì phải ghi tất cả, tất cả.

Tôi liền mang theo một tập vở to, đóng bìa cứng, và tôi bắt đầu ghi vào đó thật là rành mạch địa chỉ các vị anh hùng hay những người đã chứng kiến những sự việc quan trọng, nhất là những tấm gương anh dũng mà tôi biết được.

Là thông tín viên chiến tranh, tôi bay nhảy từ góc

mặt trận này đến một góc mặt trận khác, khi thì tôi tới cùng quân du kích, khi thì tôi vào rừng, nơi các biệt đội nhảy dù chuẩn bị đánh chớp nhoáng phía sau lưng địch, rồi tôi lại trở về chiến tuyến ở Stalingơrát, về tuyến lồi Cuốcscơ ở Goócxun Sépchengơrat, tới sông Visla, tới sông Naixơ, tới sông Spưrê, và đâu đâu tôi cũng đã được chứng kiến cái bản lĩnh anh hùng của người Xô viết, đã làm phai mờ cả những thành tích hiển hách của các bậc anh hùng xưa: Ivan Xuxanin, Mácpha, Côgina, Côsơca người thủy thủ Xêbastôpôn, và biết bao nhiêu người nữa mà lịch sử ta, văn chương ta còn nhớ tên, nhớ tuổi.

Suốt thời chiến tranh như thế là tôi đã ghi chép được sự việc về sáu mươi nhăm câu chuyện thuộc loại ấy. Một trong những câu chuyện ấy kể lại buổi gặp gỡ kỳ lạ với trung úy Vệ quốc Marétxép, phi công ở một phi trường lâm chiến, gần Oren, thời tấn công đánh lấy thành phố ấy. Đó là đề tài cuốn Một Người chân chính. Tôi đã rút ra từ những điều tôi đã ghi chép được hai mươi bốn câu chuyện tôi cho là quan trọng hơn cả, điển hình hơn cả, bộc lộ rõ hơn cả tinh thần của con người Xô viết. Và tôi đã viết thành những bài truyện ngắn, tập hợp lại trong một cuốn sách lấy tựa là Người Xô viết chúng ta.

Giờ đây, xong chiến tranh rồi, tôi cứ tiếp tục làm

việc theo đúng phương châm ấy, là kể những cái mà tôi đã chứng kiến. Trong truyện lấy tên là Trở về, tôi đã cố gắng trình bày bằng một hình thức nghệ thuật một mẫu đời của một anh thợ đúc nổi tiếng ở Mátscơva. Đề tài của cuốn tiểu thuyết Vàng cũng là lấy ra từ trong đời sống thực sự: nó kết liễu vào lúc tấn công trên mặt trận Calinin, đầu năm 1942. Cái quan tâm đến sự xác thực đó, không phải là một cái gì riêng cho một mình tôi chút nào. Đời sống của chúng ta, trong chế độ xã hội chủ nghĩa, cứ ngày một đổi thay hoài; nó tiến lên, nó cung cấp cứ mỗi ngày, mỗi giờ, cho nhà văn những đề vừa giản dị vừa say mê, lấy ở kinh nghiệm hàng ngày thấy có. Người Xô viết, được lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản dìu dắt, đạt đến đỉnh cao của sự vĩ đại trong lao động cũng như trong chiến đấu. Những công lao cao cả làm nên vì Tổ quốc, ta cố suy diễn đặt để nó ra thì thật là rất khó, ngay đối với một nghệ sĩ có trí tưởng tượng mãnh liệt nhất. Nhưng đời sống xô viết chúng ta thì cung cấp cho nhà văn biết bao nhiêu tâm tình thật vô cùng là phong phú.

Công tác làm báo luôn luôn đưa chúng tôi tiếp xúc với những người đáng lưu ý nhất của thời buổi này, và cho phép chúng tôi được thấy những người ấy trong lao động và trong đấu tranh. Nghề làm báo khiến cho mắt chúng tôi sắc hơn, tai chúng tôi thính hơn. Riêng

về bản thân tôi, thì những sự việc mà đời sống hiến dâng cho, thay thế vào chỗ trí tưởng tượng văn chương của tôi bị thiếu sót. Những nhân vật mà tôi phác họa ra, mà đời sống vượt tràn ra khỏi những trang sách của tôi, hoàn thành cái gì còn chưa hoàn chỉnh trong sách tôi: chúng tôi đã cùng nhau gặp gỡ nhau lại với anh Marétxép ở Vácxava, không phải với danh nghĩa nhân vật và tác giả tiểu thuyết, mà lần này với danh nghĩa cùng là đại biểu Liên xô tại Đại hội thế giới lần thứ hai của các Chiến sĩ Hòa bình. Malích Gápđulin, nhân vật truyện Một anh hùng ca ra đời hiện lãnh đạo Viện Văn học trong Viện Hàn lâm khoa học nước Cadắc và chị nông dân ở Pôntava, chị Uliana Bialôgorút, người đã cứu được lá cờ của một trung đoàn chiến xa, trong truyện Lá cờ của trung đoàn của tôi, thì sau chiến tranh đã được tặng thưởng huân chương về kết quả chị đã thu được trong vụ mùa củ cải. Được chứng kiến hạnh phúc của những con người ấy, hoạt động say mê của những con người ấy, lao động sáng tác của những con người ấy, lòng ta thật là vui sướng không cùng không tận. Làm nhà văn ở xứ sở của chủ nghĩa xã hội, là được hưởng một hạnh phúc lớn lao không bờ bến.

Bôris Pôlêvôi

Mátscơva tháng 11 năm 1950

PHẦN THỨ NHẤT

I

Những ngôi sao lạnh ngắt còn le lói, nhưng từ phương đông trời đã bàng bạc sáng. Cây cối hiện rõ dần... Bỗng nhiên một ngọn gió mát thổi mạnh lay động ngọn cây. Rồi cảnh rừng bừng thức dậy với những tiếng ồn ào của cây rừng. Những cây thông cổ thụ bắt đầu reo, tiếng reo u buồn và réo rắc, và từ trên cành cây bị lay động, tuyết đọng rơi xuống xào xạc.

Đột nhiên, gió lại êm và cây lá lại im phăng phắc. Khi đó, tai nghe rõ mồn một muôn ngàn thứ tiếng động trong rừng báo tin trời đã bắt đầu sáng: tiếng sói sủa cáu kỉnh ở bìa rừng thưa gần đó, tiếng kêu sợ hãi của mấy con cáo và tiếng chim gõ kiến vừa thức giấc đập còn chưa đều, nghe du dương trong cảnh rừng tĩnh mịch, giống như tiếng gõ lên mặt đàn, chớ không phải tiếng mổ trên thân cây.

Một trận gió khác lay động mấy ngọn thông cao nghệu. Những ngôi sao còn lại sau chót cũng mờ dần

trên nền trời đang mỗi lúc một sáng! Trời như thu hẹp và gọn lại. Rừng cây xua đuổi hết bóng đen còn sót lại vươn mình với màu xanh tươi rộng mênh mông. Đầu những cây thông và đỉnh những cây dương nhọn hoắt bắt đầu nhuộm màu đỏ tía: mặt trời đang lên, hứa hẹn một ngày chói lòa ánh sáng và băng tuyết.

Trời đã sáng rõ. Bầy sói đang núp trong hang, đang ăn ngon lành con mồi kiếm được hồi khuya. Cáo đã bỏ rừng thưa, còn để lại vết chân khôn ngoan trên tuyết. Rừng già xào xạc mãi không thôi. Chỉ có tiếng chim đập cánh, tiếng chim gõ kiến mổ vào cây, tiếng sáo líu lo và tiếng chào mào lảnh lót là thay đổi âm điệu đều đều, buồn tẻ của rừng cây.

Một con chích chòe đang quẹt mỏ trên cành bỗng nhiên nghiêng đầu, thu mình lại, sửa soạn bay lên. Tiếng cành khô răng rắc báo hiệu một điều không lành. Một con vật to lớn đang lang thang trong rừng. Từ những cành cây tuyết đọng lúc ban mai, mõm nhọn của một con thú, sừng có nhánh nặng, vừa xuất hiện. Mắt nó lo sợ nhìn quanh rừng thưa rộng mênh mông. Hai lỗ mũi đỏ hồng, mịn như nhung, đang thở phì phì hơi nóng bốc khói.

Con nai già đứng sững như một pho tượng, giữa rừng thông. Tai lắng nghe từng tiếng sâu bò dưới lớp vỏ cây thông. Những cặp tai lo âu ấy chỉ nghe thấy

tiếng chim kêu, tiếng chim mổ lốp cốp, hay tiếng gió rít trên ngọn cây cao. Tai đã làm nó yên lòng nhưng mũi nó hình như đã đánh hơi thấy tai nạn sắp tới. Một mùi hôi nồng nặc, nặng nề, khác hẳn với hương rừng trong mùi tuyết mát rượi, đang tan theo ánh sáng. Qua ánh tuyết long lanh, con thú lo lắng nhìn những bóng lô nhô đen ngòm phía trước.

Con thú dợm nhảy vô bụi, nhưng những bóng đen đó vẫn im phăng phắc. Họ nằm trong tuyết, chồng chất lên nhau. Rõ ràng là nhiều lắm, nhưng không ai cử động cả, không ai phá tan bầu trời yên lặng buổi sáng. Bên cạnh họ, có những con quái vật gì to lớn cắm mình xuống tuyết. Và chính từ chỗ đó, mùi hôi nồng nặc đang xông lên.

Mắt ngó trân, con nai lo sợ đứng ở bìa rừng nhìn đám người không cử động đó, không hiểu họ đang làm gì. Một tiếng động xé toạt không khí trên đầu làm nó giật mình. Da nó run lên, chân sau nhún mạnh thêm, chuẩn bị nhảy. Nhưng tiếng động đó có gì đáng lo sợ đâu. Đó là bầy bọ hung bay cao tít, xè xè trong cành lá "bu-lô". Cùng với tiếng bầy bọ hung bay, còn có tiếng lạch tạch ngắn giống như tiếng chim le le trên ao lúc trời chiều. Rồi bầy bọ hung lại hiện ra. Cánh sáng bóng lấp lánh, bọ hung bay lượn giỡn đùa trên nền trời xanh lạnh ngắt. Trên cao tiếng lách

tách chim le le vẫn tiếp tục. Con nai thoải mái hơn, bước vô rừng sâu, lưỡi liếm tuyết rắn, mắt vẫn liếc lên trời. Bỗng kìa! Một con bọ hung khổng lồ tách ra khỏi bầy đâm bổ xuống rừng thưa, kéo sau một đám khói huy hoàng. Con bọ hung lớn ra một cách mau chóng và con nai chỉ kịp đủ thời giờ tót vô trong bụi. Đoạn, một vật khổng lồ, ghê gớm hơn cả một cơn bão đột ngột mùa thu, rớt đụng ngọn thông và bị vỡ nát ở trên mặt đất, làm rung chuyển hồi lâu cả khu rừng. Tiếng vang của nó dội trong rừng cây, đuổi vượt con nai chạy bán sống bán chết vô rừng sâu.

Tiếng vang ngưng lại trong rừng thông xanh rì. Rừng lại yên lặng như trước. Rõ ràng là có tiếng rên rỉ của một người. Một con gấu bị tiếng động lạ thường đó xua ra khỏi rừng, nặng nề nghiền nát băng tuyết dưới chân nó. Đó là một con gấu già to lớn và lông lá chồm bồm. Lớp lông chồm bồm ấy ở hai bên mình gầy và lủng lẳng từng chùm sau cái mông xương xẩu của nó. Chiến tranh đã lồng lộn quanh rừng này từ mùa thu. Chiến tranh đã phá tan cảnh yên tĩnh của rừng cây mà xưa kia ngay thợ săn và người gác rừng cũng ít lui tới. Mùa thu này, chiến tranh đã buộc gấu rời khỏi tổ, và làm mất giấc ngủ mùa đông của nó. Bây giờ gấu lạc loài trong rừng, không chỗ nương thân, bụng đói và lòng bực tức.

Gấu dừng chân ở cửa rừng, nơi mà con nai vừa đứng hồi nãy. Nó thích thú đánh hơi thấy mùi tươi ngon còn phảng phất, đôi sườn gầy còm của nó phập phồng, và nó lắng tai. Con nai đã bỏ chạy mất rồi, nhưng có tiếng động của một động vật còn sống mà có lẽ không còn sức tự vệ. Lông cổ con vật dựng lên. Nó hếch mõm... Tiếng rên rỉ yếu ớt ban nãy lại vang lên

Bước nhẹ và khôn khéo - những bước chân làm tan vỡ lớp băng đông cứng trên mặt đất - con thú tiến tới chỗ bóng người không cử động đang nằm lún dưới tuyết.

II

Phi công Alếchxây Mêrétxép bị kẹt ở giữa. Chưa bao giờ lại có một tình trạng chiến đấu trên không nguy hiểm như thế này. Anh đã hết đạn khi anh bị bốn máy bay Đức bao vây và không cho phép máy bay anh bay theo ý muốn nữa. Bốn máy bay Đức buộc anh phải theo chúng hạ cánh ở phi trường của chúng. Trận đánh đã diễn ra như thế này: bốn phi cơ chiến đấu do trung úy Mêrétxép chỉ huy đã xuất trận để bảo vệ cho phi đội liệng bom xuống trận địa của giặc. Lần xuất trận táo bạo này đã thành công. Máy bay "Xít-to-mo-vich" khổng lồ, "những xe tăng bay" như bộ đội thường gọi, đã đến gần mục tiêu, đương bay sà sà trên ngọn thông, tiến sát lại các máy bay vận tải "Giun-cơ" của giặc đậu ở sân bay.

Bay qua chòm lá xanh um của khoản rừng, họ đã lượn trên đoàn "xe bò" nặng nề của địch, cho liệng

bom, xả súng, khạc lửa xuống mục tiêu. Mêrétxép cùng bốn máy bay săn giặc bảo vệ cho máy bay oanh tạc, anh đã thấy từ trên cao, những bóng người đang chạy sớn sác dưới sân. Rồi mấy chiếc "Giun-Cơ" rung chuyển nặng nề trên sân tuyết, nhưng máy bay oanh tạc vẫn bay lượn trên đầu. Qua cơn hốt hoảng, đoàn phi công của các máy bay "Giun- cơ" cố gắng mở máy cất cánh dưới làn mưa đạn của đối phương.

Đó là lúc Mêrétxép đã lầm. Đáng lẽ phải kiểm soát không phận ở trên, anh đã như lời các phi công thường nói, ham cái mồi ngon dưới đất. Bay đâm thẳng, anh bổ nhào như một tảng đá xuống một chiếc "xe bò" vừa chậm chạp lìa khỏi mặt đất, và xả chơi mấy loạt súng vào thân hình vuông bằng đuy-ra cứng, có ngụy trang nham nhở của nó. Biết là ăn chắc rồi, anh cũng chẳng thèm ngó ngàng lại xem chiếc máy bay đó bị rập xuống đất như thế nào. Ở đầu kia trường bay, một "Giun-cơ" khác bay lên. Anh đuổi theo, bắn nhưng không trúng. Đạn lướt phía trên chiếc máy bay đương từ từ lên cao. Anh Alếchxây (tức Mêrétxép) lượn một vòng, quay trở lại đánh, lại hụt, nhưng rượt theo kịp một lần nữa. Cuối cùng anh hùng hổ xả vào thân máy bay từng tràng đạn của tất cả súng ống dưới tay anh, làm cho nó cắm đầu xuống rừng. Máy bay "Giun-cơ" đã bị hạ. Anh hớn hở lượn hai vòng quanh làn khói

đen của máy bay "Giun-cơ" đương bốc lửa dưới đất, đoạn bay lên trên đám rừng cây mênh mông, rồi quay trở về sân bay của giặc Đức.

Anh chưa kịp tới nơi, đã thấy ba máy bay đồng đội bị chín máy bay Đức "Métxécmít" tấn công. Có lẽ sân bay Đức đã cầu cứu ở một phi trường khác tới tiếp viện. Một chống với ba, đồng đội ba máy bay săn giặc của anh cố bám lấy giặc để không cho chúng lại gần máy bay oanh tạc. Họ giữ thế thủ, cố dụ cho máy bay Đức rượt theo, không khác gì con gà rừng dụ thợ săn rượt nó để không cho thợ săn thấy ổ gà con.

Mêrétxép tự trách mình đã quá ham mồi ngon và cảm thấy cặp má anh đang nóng bừng dưới nón. Anh liền kiếm đối phương, sán vô, nghiến răng chiến đấu. Mục tiêu anh nhắm là một chiếc "Mét-xe" (tức Métxécmít, máy bay chiến đấu Đức) vừa bay lọt ra ngoài vòng và hình như chính nó cũng vừa chọn mồi. Anh nhấn hết ga và đâm vào sườn nó theo đúng những quy tắc chiến đấu. Máy bay địch màu xám hiện rõ ở vạch ngắm khi anh nổ cò, nhưng nó bình ổn lướt trước mắt anh. Anh bắn hụt chăng? Không thể, vì mục tiêu gần và khoảng ngắm hết sức rõ. "Đạn! Đạn!". Alếchxây chợt nghĩ đến đạn và thấy lưng chảy mồ hôi lạnh toát. Anh thử nổ cò lần nữa coi sao, nhưng không thấy mỗi thớ gân thớ thịt rung động, như phi công

thường thấy khi sử dụng vũ khí của máy bay. Đạn đã hết. Vì ham đuổi bắn "xe bò", anh đã bắn hết đạn rồi.

Quân địch không ngờ. Riêng anh, tuy hết đạn, song anh cũng nhảy vô cuộc chiến đấu mong cứ thế mà thay đổi tương quan lực lượng. Nhưng anh lại lầm lần nữa. Chiếc "Mét-xe" đối phương mà anh đánh không phải lúc lại do một phi công lành nghề và thiện chiến điều khiển. Hắn nhận rõ rằng anh hết đạn. Hắn ra hiệu cho đồng đội. Bốn máy bay khác lao đến bao vây anh cả hai bên và trên dưới. Đạn vun vút trên trời xanh trong vắt chỉ đường anh phải đi và báo cho anh biết đã ở trong tình thế gọng kìm bốn mặt.

Mấy hôm trước, anh đã được tin phi đội Đức Richhophen thiện chiến đã từ mặt trận miền tây về khu vực của anh. Những phi công lành nghề nhất của phát xít Đức này dưới quyền chỉ huy danh dự của chính Gơ-rinh. Anh hiểu rằng số phận của anh đã bị giao cho "bốn con chó sói của không trung" này. Chúng đương muốn dẫn anh về sân bay của chúng, bắt sống anh. Anh đã thấy bạn anh là Đôchiarencô, anh hùng Liên-Xô, chỉ huy một phi đội bắt sống một máy bay thám thính Đức giống như vậy. Anh chợt nhớ lại hình ảnh phi công tù binh, xuống sân mặt tái xám và xanh ngắt, chân đi ngã xiêu, ngã tới. Anh kiên quyết:

- Không thể nào để chúng lượm mình? Không thể

để chúng tóm được!

Anh có chạy trốn, nhưng vô ích. Máy bay Đức xả súng liên thanh bắn đón đường mỗi khi thoáng thấy anh có ý định bỏ chạy. Hình ảnh tù binh hồi nãy lại hiện ra trước mắt anh với bộ mặt khiếp nhược, răng run lập cập. Trông bộ mặt hãi hùng như con thú, nhục nhã quá!

Mêrétxép nghiến răng, nhấn "ga" bổ nhào xuống mong luồn được xuống dưới đoàn máy bay chắn anh. Quả nhiên, anh bay ngoài vòng bay. Nhưng bọn Đức cũng kịp thời nổ cò. Máy xộc xệch và rồ từng hồi lục cục. Cả chiếc máy bay rung lên như cảm sốt, sắp chết.

Trúng đạn, anh còn kịp bay chúi mũi vào đám mây trắng để khỏi bị truy kích. Nhưng như thế có ăn thua gì không? Máy bay bị thương rung lên, phi công cảm thấy nó rung lên tận cơ thể mình, chẳng khác nào như máy bay hấp hối đã chuyển cơn bịnh vào người anh.

Máy hư chỗ nào? Máy còn bay bao lâu? Bình xăng còn nổ không? Những câu hỏi dồn dập, không phải là suy nghĩ mà chỉ là cảm giác thoáng qua. Anh cảm thấy mình ngồi trên thùng thuốc súng có mồi lửa đương cháy, chỉ chờ nổ.

Anh lái quay về phía trận tuyến của mình để mong

nhờ bàn tay đồng đội chôn cất.

Tai nạn tới mau. Máy xặc một cái rồi ngưng. Như từ đỉnh cao nhảy xuống, máy bay cắm xuống đất. Dưới anh, rừng cây mênh mông như biển biếc...

"Thà thế này còn hơn bị bắt sống". Anh còn kịp nghĩ như thế khi cánh máy bay chấm sát vô rừng cây. Như con thú, rừng cây nhảy vồ lấy anh. Làm theo linh giác, anh tắt điện. Có tiếng động long trời. Thế là trong nháy mắt anh cảm thấy như rớt trong bể nước đen xì, sâu thẳm.

Khi rớt xuống, thân máy bay đụng đỉnh cây thông và do đó bớt trớn. Máy bay làm gẫy nát một số cây, rồi tan vụn ra, nhưng trước đó một lát, Alếchxây như bị rứt ra khỏi ghế ngồi, tung lên trời. Anh rơi xuống một cây thông cổ thụ, như có đôi vai rộng mênh mông, rồi rớt xuống từng cành một, để rồi cuối cùng ngã vào một đám băng tuyết bị gió gom thành đống ở dưới gốc cây. Vì thế mà anh đã thoát chết.

Anh nằm bất tỉnh như thế bao lâu? Anh không thể nhớ rõ được. Bóng người, bóng nhà bóng cửa, những máy móc kỳ hoặc quay cuồng mờ lẫn, ào vào đầu óc anh như một dòng nước chảy xiết, và để lại trong người anh một cảm giác đau đớn ê chề. Rồi từ cái đống lờ mờ ấy nổi lên một cái chẳng ra hình thù gì

cả, to lớn và nóng hổi, tphả qua một anh một hơi thở nồng thối. Anh định tránh, nhưng mình anh đã lúng xuống tuyết. Anh giật mình kinh hãi, và bỗng thấy không khí lạnh ngắt ào vô đáy phổi. Anh thấy má lạnh vì tuyết, và bao nhiêu đau đớn nhất dồn cả vào hai chân.

"Sống". Anh cảm giác mau lẹ điều ấy. Anh định ngồi dậy, nhưng nghe thấy bên cạnh anh có tiếng băng vỡ và một thứ hơi thở ồ ề. Anh đoán ngay: "Bọn Đức", và anh nén xuống cái ý muốn mở bừng mắt và chồm lên để đối phó.

- Bị bắt. Cũng lại cứ bị bắt ư? Phải làm gì đây?

Hôm trước, người thợ máy khéo léo Iura, định sửa cho anh dây da ở vỏ cây súng lục của anh. Nhưng anh không có thì giờ, nên khi sắp bay anh đã bỏ nó trong túi bộ áo liền quần. Giờ xoay mình lại thì có thể rút súng ra. Nhưng nếu anh cử động như thế, giặc Đức sẽ biết. Alếchxây đang nằm úp mặt xuống đất. Cây súng còn cộm ở bên hông, anh thấy rõ cạnh súng áp vào da thịt. Anh nằm im, để giặc Đức tưởng anh đã chết và bỏ đi.

Tên giặc Đức loay hoay gần anh, thở phì phà nghe kỳ lạ quá; nó đến gần anh, anh nghiến tuyết kêu rin rít, rồi cúi xuống. Anh ngửi thấy mùi hôi quá chừng.

Anh biết chỉ có một tên Đức. Đó là điều may mắn để cứu anh. Vậy cố làm sao lừa lúc bất ngờ nhảy ôm nó, vật nó xuống, tóm lấy cổ nó để nó không kịp dùng võ khí đánh mình. Nhưng phải tính từng cử chỉ và hoạt động thật chắc chắn.

Không dám cử động và chậm rãi, chậm rãi vô cùng, anh mở hi hí con mắt, và qua hàng lông mi, anh thấy thoáng bóng con thú vật lông lá, chứ không phải là tên Đức. Anh mở mắt lớn hơn rồi nhắm lại. Trước mặt anh một con gấu lớn ngồi chồm hỗm, ốm giơ xương và cáu kỉnh.

III

Lặng im theo bộ thú, con gấu ngồi gần cái thân hình người một nửa bị chôn dưới tuyết xanh lóng lánh trước mặt trời. Đôi lỗ mũi dơ bẩn của nó hơi phập phồng. Từ miệng gấu, nanh nhọn đã ngã màu vàng vì lâu năm, nhưng vẫn là thứ nanh nguy hiểm, nước dãi của gấu chảy lòng thòng, đánh qua đánh lại vì gió thổi.

Gấu có tật ngủ mùa đông , nhưng vì chiến tranh nên nó phải lang thang, bây giờ nó vừa đói, vừa cáu kỉnh. Nhưng gấu không ăn thịt chết. Sau khi nó đánh hơi cái thân hình bất động sặc mùi xăng, gấu ta chậm rãi tiến ra chỗ rừng thưa ngổn ngang những thân người, cũng bất động và cứng lạnh trong tuyết. Nhưng chỉ cần tiếng rên và tiếng động khẽ của Mêrétxép là đủ làm nó lộn lại.

Nó tiến lại gần anh. Cơn đói làm cho nó phải đấu

tranh với cái ghê tởm không thích thịt chết. Cơn đói bắt đầu thắng. Con gấu vươn mình giơ vuốt lật người đương nằm trên tuyết, định cắm móng xóc áo da của anh, nhưng không được, nó không rách. Gấu lại gầm gừ.

Mêrétxép ráng hết sức bình sanh để không mở mắt, anh dằn lại không nhảy chồm lên, không kêu la, không hất con vật thối hoắc đang đè lên ngực anh. Lúc đó, toàn thân anh nôn nóng muốn tự vệ một cách dữ dội. Nhưng anh tự trấn tĩnh được. Anh móc túi rút súng, chậm đến không nhìn thấy được. Anh nắn cái báng súng kẻ ô vuông, lấy ngón tay cái lên đạn thực cẩn thận để không sao nghe tiếng tách, rồi rút tay cùng súng ra, cũng êm nhẹ như thế. Con gấu lại cào móng nhọn lên bộ áo anh; áo da vẫn không rách. Gấu gầm lên vì cáu, mồm và nanh gấu cắn phập vô áo. Da thịt anh đau nhói sau lớp bông nhồi. Ý chí căng thẳng, anh dằn đau đớn, chờ khi gấu kéo người anh lên khỏi băng tuyết, anh giơ súng nhắm bắn.

Tiếng súng nổ vang trong khu rừng tĩnh mịch.

Một con chim kinh hãi vụt bay lên. Tuyết trên cành rớt tứ tung. Gấu buông mồi. Mắt không rời kẻ thù, anh ngã xuống và như muốn ngập chìm lại trong tuyết. Gấu ngã ngồi xuống, cặp mắt đen nháy có rử và lông trùm cứng tỏ vẻ vô cùng kinh ngạc. Một dòng

máu nhầy nhụa từ răng nanh của nó rỉ ra và rơi xuống tuyết. Nó gầm lên, giọng khàn khàn và ghê gớm, nặng nề cố đứng thẳng dậy, nhưng ngã bổ nhào xuống tuyết, vừa lúc đó anh kịp bóp cò bắn phát thứ hai. Tuyết trắng xanh nhuộm đỏ, tan ra thành chút ít hơi dưới đầu thú bị trúng đạn. Con gấu đã bị giết.

Anh tỉnh lại, đầu bớt căng thẳng. Nhưng anh thấy đau nhói ở giò. Anh gục xuống tuyết và mê đi.

Khi tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao. Tia chiếu chói qua cành lá và chiếu sáng chói lói từng mảng băng dưới đất. Trong bóng cây, tuyết đượm màu xanh thẫm.

Ta nằm chiêm bao thấy gấu ư? Đó là ý nghĩ đầu tiên khi anh bừng tỉnh. Nhưng đống thịt nâu nâu ghê tởm của con thú còn nằm chình ình bên cạnh anh trên tuyết trắng. Rừng cây xôn xao. Tiếng chim gõ kiến vang rân. Mấy con chim khuyên ngực vàng lẹ làng vừa nhảy vừa hót trong bụi.

- Sống, sống, ta còn sống. Mêrétxép nhắc lại một mình.

Toàn thân anh sung sướng hân hoan với cảm giác kỳ lạ của sức sống, cảm giác say sưa của một người vừa thoát chết. Cảm giác mạnh mẽ ấy đã làm anh đạp chân chồm dậy, nhưng anh hét lên và té ngay trên xác gấu. Chỗ anh đau ở chân đâm thấu suốt

mình anh như một luồng lửa bỏng. Óc anh như lỏng ra, đầu nhức như bị kẹp. Mắt anh đau nhói như có những ngón tay ai gí mạnh vào mi. Rồi tất cả những hình ảnh trước mắt khi thì hiện rõ lạ lùng trong ánh nắng vàng lành lạnh khi thì bỗng nhiên mờ, khuất dưới tấm màn trời lốm đốm ánh lửa.

Anh lẩm bẩm:

- Nguy quá! Chắc rớt xuống bị gãy chân!

Anh gắng nhỏm dậy và cố nhận xét cảnh vật quanh bìa rừng tít tắp mãi đến vòng cung xanh ngắt của một khu rừng xác xơ, nơi chân trời.

Chắc hẳn là mùa thu hay đúng hơn đầu mùa đông vừa rồi, những cánh đồng ở bìa rừng này đã được dùng làm giới tuyến phòng ngự. Nơi đây, một đơn vị của Hồng quân đã cầm cự một thời gian tuy ngắn song vô cùng quyết liệt,... Bão tuyết như đã lấy bông băng bó cho những vết thương của cuộc chiến đấu. Đường hầm bị tuyết lấp đi, còn nhô lên những mô đất đặt súng. Những lỗ trũng lớn nhỏ đạn đào lố nhố vô cùng tận, ngay cả dưới gốc những cây bị đạn đánh đổ, chặt đứt hay trốc rễ ngổn ngang. Đó đây trên mặt đất bời bời, những xe tăng bị tuyết bọc kín còn ló hình xe ngụy trang lốm đốm như vẩy cá, trông như xác chết của những con quái vật. Một xe bị lật ngửa vì bị mìn hay lựu đạn nổ, ống súng đại bác cắm xuống

đất như cái lưỡi khổng lồ liếm tuyết. Ngổn ngang trên mặt đất, bên những chiến hào, quanh những chiếc xe tăng và ở rìa rừng, những xác chiến sĩ Xô viết lẫn lộn cùng với thây lính Đức. Xác nhiều quá, nhiều đến nỗi chồng chất lên nhau, giữ nguyên cử chỉ lúc chợt chết. Từ đầu mùa đông đến nay đã mấy tháng rồi, tuyết như ướp xác họ.

Tất cả nói cho anh biết chiến tranh ở đây tàn khốc lắm. Chiến hữu anh quên hết những cái khác trên đời, quyết liệt chiến đấu đến cùng. Cách đó ít bước, dưới gốc một cây thông lớn bị gẫy ngọn, nhựa chảy ra vàng ánh, nhiều xác của giặc Đức bể óc, gãy tay, vỡ ngực. Trong đám xác giặc ấy, một thanh niên đầu trần, mắt trợn, to lớn; mình mặc áo lính bỏ ra ngoài, không dây lưng, cổ áo rách, nằm chết trên xác một kẻ thù. Khẩu súng còn ở bên ngoài, lưỡi lê bị gẫy, báng súng bể nát, dính máu loang lổ.

Xa hơn, trên con đường nhỏ vô rừng, dưới gốc một cây thông nhỏ gần như bị chôn vùi dưới đất bị đạn tung lên, một quân nhân người xứ Udơbếch, mắt xinh đẹp như chạm trên ngà voi, đã ngả màu vàng, nằm ngửa bên một hố sâu của đạn đại bác. Đằng sau anh, còn thấy từng đống lựu đạn xếp cẩn thận dưới những cành cây. Người chết còn cầm một trái lựu đạn nơi tay đương khoành về phía sau, tưởng đâu như khi sắp

liệng lựu đạn anh đã ngửa mặt lên trời và anh đã giữ nguyên dáng điệu từ đó đến nay.

Xa hơn nữa, dọc theo con đường rừng, giữa những xe tăng lốm đốm dưới dốc những hố bom lớn, trong những hầm gần những gốc cây già, đâu đâu cũng thấy những xác người mặt áo, mặc quần bông, hay mặc những bộ nhung phục xanh đã phai màu, đội nón ấm áp của nhà binh, che kín cả hai tai.

Từ những đống tuyết nhô lên những đầu gối bị trẹo, ló ra những cái cằm; những bộ mặt trắng như sáp, lộ ra vì tuyết tan bớt, bị chồn cáo gặm thịt, bị chim quạ mổ mắt.

Mấy con quạ bay lượn chầm chậm trên cánh rừng thưa này. Mêrétxép nghĩ ngay tới một bức tranh, trong xách giáo khoa lịch sử, của một họa sĩ trứ danh, tả chiến trận hồi xưa nơi quân đội của sứ quân Igo (Igor) bị tiêu diệt

Kể ra mình cũng có thể chết ở đây. Anh vừa nói thế, song cảm giác muốn sống cũng vừa nảy ra mạnh mẽ trong óc anh. Anh cựa mình. Nhưng đầu anh vẫn đau như búa bổ, chân anh đau hơn lúc nãy nhiều. Ngồi trên xác con gấu, anh tự hỏi: "Phải làm gì đây? Đi đâu? Làm sao tới trận tuyến của quân mình?"

(1) Theo một bức tranh của họa sĩ Vanétsốp (1848-1926) lấy đề tài là chiến trận của Igo chống lại quân Pôlốpsi.

Khi té xuống, anh đã mất bao đựng bản đồ, nhưng anh vẫn nhớ được rất rõ đường anh đã đi. Sân bay Đức mà anh vừa tấn công cách xa chiến tuyến chừng sáu mươi cây số về hướng tây. Khi đánh với bọn Đức, đồng đội anh đã nhử chúng bay chừng hai mươi cây số về phía đông phi trường, còn anh thì sau khi chạy thoát gọng kìm của giặc, anh còn bay thêm một quãng nữa về hướng đông. Như thế là anh cách chiến tuyến chúng khoảng ba mươi lăm cây số, ở cái quãng gọi là "rừng đen" rộng lớn mênh mông mà anh đã mấy lần bay qua cùng các phi cơ oanh tạc và chiến đấu chớp nhoáng tấn công giặc.

Từ trên cao nhìn xuống, rừng này giống như biển xanh um. Trời tốt, thấy biển ấy nhấp nhô những ngọn thông cao. Trời xấu nó lẫn trong sương mù xám ngắt, giống như biển đen màu chì gợn sóng.

Anh đã rớt xuống giữa khu rừng chằng chịt đó. Đó là vừa may và rủi. May là vì trong rừng rậm này chắc không phải đụng với giặc Đức vì chúng ham ở đường cái và phố xá. Nhưng rủi vì anh phải đi qua một khoảng đường tuy không xa lắm nhưng khó nhọc vì rừng sâu, nhiều cây, không người, không lương thực, không nhà cửa, không một hớp nước nóng cho ấm bụng. Lại còn cặp giò anh nữa... cặp giò anh nó có chịu khiêng anh đi không? Anh có thể đi được không?

Từ bên xác gấu, anh đứng lên. Đau đớn, nhức nhối dữ dội từ bàn chân xộc lên khắp mình. Anh la một tiếng thất thanh và phải ngồi xuống. Anh định tháo một chiếc ủng ra. Ủng bám cứng vô chân, hơi đụng tới đã muốn đứt ruột. Anh nghiến răng, nhắm mắt, hai tay cầm chiếc ủng giựt mạnh. Anh lại ngất đi.

Tỉnh lại, anh gỡ khéo dây băng cột quanh chân. Cả bàn chân anh sưng vù và tím ngắt; mỗi khớp xương cốt làm anh đau đớn. Anh đặt chân xuống tuyết, thấy bớt đau. Anh lại ra sức cởi chiếc ủng thứ hai; như người nhổ răng, anh giựt mạnh.

Hai chân anh giờ trở nên vô dụng. Chắc chắn là lúc máy bay đụng đỉnh cây thông, khiến anh bắn ra ngoài, chân anh bị kẹp và ngón chân anh bị dập. Ngày thường chắc không khi nào anh tính tới chuyện đứng dậy với hai bàn chân gãy nát ấy. Nhưng bây giờ anh có một mình, ở phía sau phòng tuyến địch, và nơi ấy nếu có gặp ai thì đã chẳng được sự giúp đỡ, mà chỉ có nghĩa là chết mà thôi. Anh quyết định đi, đi về phía đông, đi qua rừng chớ không nghĩ tới đường dễ đi và có nhà ở. Đi, dù sao cũng phải đi.

Anh kiên quyết đứng dậy, rên rỉ, nghiến răng và bước lên một bước. Anh đứng lại, kéo chân kia khỏi tuyết và cất bước thứ hai. Anh thấy đầu muốn bể, rừng cây như quay cuồng, đảo lộn.

Đau đớn và cố gắng. Anh lại cắn môi tiếp tục tiến bước nữa. Anh nhắm hướng con đường rừng đi qua nơi tăng đổ và người chiến hữu Udơbếch liệng lựu đạn, rồi tiến vô rừng về hướng đông.

Đi trong tuyết mềm, còn dễ chịu, chớ mỗi khi bước lên trên đường có băng cứng và gió thổi thì đau quá, anh không chịu nổi. Anh phải ngưng lại, không bước thêm được bước nào nữa.

Anh đứng đó, hai chân chàng hãng một cách vụng về, thân hình lảo đảo như đứng trước một trận cuồng phong. Bỗng nhiên, mắt anh mờ đi; đường sá, cây thông và góc trời xanh mà anh nhìn thấy qua kẽ lá, tất cả đều biến mất... Bây giờ anh lại ở trên sân bay, lại gần máy bay của mình, người thợ máy của anh, nhà "kĩ thuật", như vẫn thường kêu, anh chàng Iura mà bộ răng và cặp mắt trắng đã nổi sáng trên bộ mặt lúc nào cũng nhọ nhem, cũng râu ria lởm chởm, đang mời anh bước lên máy bay; máy bay đã sẵn sàng, có thể bay liền. Mêrétxép bước tới máy bay, nhưng đất như lửa bốc cháy dưới hai chân anh, giống như anh đang đi trên tấm tôn nóng bỏng. Anh xông lên, nhảy chồm qua khoảng lửa cháy đỏ, vượt tới chỗ cánh phi cơ, nhưng anh đụng phải thân máy bay mát lạnh, và, - kinh ngạc chưa- thân máy bay không trơn nhẵn phẳng phiu nữa mà sù sì như vỏ cây thông... Có máy

bay gì đâu! Anh đang đứng trên đường và tay anh đang sờ soạng thân cây. Anh tự hỏi:

- Mê chăng? Máy bay rớt đã làm mình điên rồi sao? Đi trên đường không chịu được, hay ta trở lại trong rừng? Nhưng trở về thì thật là đi chậm ghê chậm gớm...

Anh ngồi xuống tuyết, mạnh dạn và lanh lẹ như hồi nãy, anh lại giựt đôi ủng ra. Anh dùng răng; dùng móng tay xé băng ở cổ chân ra để đôi chân đã hỏng của anh được tự do cử động. Anh rút khăn Ănggora quấn ở cổ và xé theo chiều dọc, dùng nó để cột hai bàn chân. Như thế anh đi dễ hơn. Nhưng thực ra gọi là đi thì không đúng lắm. Anh chuyển dịch thận trọng bằng gót, chân giơ cao như người bước trong bùn. Mỗi lần đi được vài bước, đầu anh lại choáng váng vì đau và ráng quá sức. Anh phải ngừng bước, mắt nhắm lại, lưng tựa vô thân cây hay ngồi xuống đống băng để nghỉ. Mạch máu toàn thân anh đập dồn dập.

Anh đi như thế đã mấy tiếng đồng hồ. Nhưng khi anh nhìn qua kẽ những thân cây, anh vẫn còn thấy chỗ đường quẹo, nơi mà xác của người chiến sĩ Udơbếch nổi rõ bóng đen trên nền trời sáng.

Mêrếtxép bực mình, bực mình chứ không sợ hãi.

(1) Khăn choàng làm bằng da thú.

Mục đích duy nhất của anh là đi thật nhanh. Anh đứng dậy, nghiến chặt răng và tiến bước. Anh đặt mục tiêu từng mức từ cây thông này đến cây thông kia, từ gốc cây này đến góc cây khác, từ đống tuyết này đến đống tuyết nọ. Trên tuyết trắng chưa ai đặt chân tới, bao phủ con đường rừng, anh để lại những vết chân khập khiễng và không đều, như vết chân thú bị thương.

IV

Anh đi như thế cho tới chiều. Khi mặt trời lặn sau lưng anh, hoàng hôn còn tạt ánh nắng trên ngọn thông, và sương mù âm u ngự trị trong rừng thì, bên đường đi, trong một nơi đất trũng tùng bách mọc đầy, một cảnh tượng hiện ra trước mắt anh khiến anh phải rùng mình. Tóc anh dựng đứng lên dưới mũ.

Khi còn đương đánh nhau trong rừng này, chắc một trạm cứu thương đã thiết lập ở trũng đất này giữa những bụi cây. Ở đây, thương binh đã được đưa tới băng bó và đạt nằm trên giường bằng cành cây. Thương binh còn nằm đây, sắp hàng gần bên nhau trong bụi rậm, nửa mình chôn dưới tuyết. Mới thoáng nhìn anh cũng hiểu họ đã chết không phải vì thương tích.

Một bàn tay thiện nghệ đã dùng dao đâm cổ họ. Tất cả những người bị giết đều nằm theo một kiểu,

đầu ngửa ra sau như muốn quay cổ nhìn lại. Và đây là chiếc chìa khóa cho ta hiểu cảnh tượng hãi hùng này. Một chị y tá ngồi xổm nửa mình ngập dưới tuyết, đầu gối chị đỡ đầu một chiến sĩ Hồng quân mà thân hoàn toàn bị tuyết vùi. Đó là một thiếu nữ mảnh dẻ, đầu đội mũ da cừu bịt kín hai tai, có dây cột xuống cằm. Một con dao, cán còn sáng ánh, cắm giữa hai vai chị. Bên cạnh chị là một tên phát xít mặc quân phục đen của bọn SS [1] và một chiến sĩ Xô-viết, đầu quấn băng đỏ lòm máu, hai người đã bóp cổ nhau, cho đến chết.

Mêrétxép hiểu ngay rằng con quỷ đã dùng dao găm tàn sát các thương binh ở đây và cuối cùng đâm chết chị y tá. Sau đó bị một chiến sĩ Hồng quân sức sống không còn nữa, nhưng đã đem tất cả sức còn lại vào những ngón tay đã co quắp để bóp cổ hắn cho tới chết.

Trận giông tuyết đã bao phủ thành một nấm mồ chung; cả cô thiếu nữ mảnh dẻ đội nón da cừu và chiến sĩ mà chị đang săn sóc, lẫn tên sát nhân và người chiến sĩ phục thù.

Mêrétxép nhìn cảnh ấy kinh ngạc hồi lâu. Rồi anh bước lại gần thiếu nữ, rút cây dao găm ở mình chị. Đó là con dao găm của bọn SS, bắt chước dao kiểu Đức

(1) SS: xung kích của phát xít Đức Hít-le.

cổ, trên cán dao bằng gỗ đào hoa tâm ghi dấu hiệu SS khảm bằng bạc. Trên lưỡi dao đã gỉ còn đọc được khẩu hiệu: "Tất cả cho nước Đức". Anh đang cần một con dao dùng làm vũ khí đường trường. Anh bèn lấy của tên Đức cả dao lẫn cái bao da đựng dao của nó. Anh lượm được trong tuyết một mảnh vải bố làm lều đã cứng ngắc trong băng, bao lấy thân thể chị y tá và đặt lên trên đó mấy cành thông...

Lúc anh lo công chuyện ấy, thì trời vừa tối. Phương đoài, ánh nắng mặt trời le lói đã tắt sau lùm cây. Bóng đêm lạnh lẽo và dày đặc bao trùm hốc trũng. Cảnh vật yên tĩnh, nhưng gió đêm thơ thẩn đỉnh thông; rừng xào xạc, khi như ru ngủ, khi như lo lắng thở phì phào. Mắt không nhìn thấy tuyết rơi lún phún, nhưng tuyết hắt nhẹ trên mặt.

Mêrétxép quê ở Kamisin, trên thảo nguyên sông Von- ga; anh là người thành thị không biết đời sống ở trong rừng. Vì vậy anh không lo chỗ nghỉ và lửa đêm. Đêm đến bất ngờ, không còn đủ sức đi kiếm vài nhánh cây để sưởi. Anh cuốn mình nằm dưới gốc cây trong một cụm thông non, lá xum xuê che phủ. Hai tay ôm đầu gối và gục mặt cho bớt lạnh, anh sưởi ấm bằng hơi thở của mình. Anh dần thiếp đi.

Anh ngủ một giấc nặng nề, chẳng hề nghe tiếng cây reo đều, tiếng cú kêu sát bên đường, tiếng sói gào

phía xa.

Anh giật mình thức dậy khi cây cối mờ mờ từ bóng tối lạnh buốt hiện ra. Vừa thức dậy, anh chợt nghĩ ngay tới chuyện đã qua, tới nơi mình đang ở, và chỉ bấy giờ anh mới giật mình thấy sao mình đã vô tâm đến thế trong đêm vừa qua. Trời lạnh thấu qua áo da và buốt tới xương. Anh không ngăn nổi rét run trong người, nhưng đau đớn hơn cả là ở chân. Dù anh đã nghỉ một đêm, nhưng chỗ đau lại còn đau hơn trước. Chỉ mới nghĩ đến việc đứng dậy, anh đã khiếp đảm. Nhưng anh đứng phắt dậy như anh đã cởi giầy hôm trước. Mỗi giây phút đối anh quí báu vô cùng.

Thêm vào những đau đớn ấy, anh lại thấy đói. Hôm trước lúc lấy tấm vải bố bọc thây chị y tá, anh thấy gần chị có một túi vải có hình chữ thập đỏ ở gần đó. Một loài gậm nhấm nào đó đã chui vô đục túi vải ấy, có những mẩu bánh vung vãi quanh trên tuyết. Anh không chú ý, nhưng bây giờ thì anh nhặt túi lên. Anh thấy trong túi có ít vải băng cá nhân, một hộp đồ ăn lớn, một gói thư và một cái kính hình một người mẹ già. Trong túi chắc có bánh mì và bít- quy, nhưng chim chuột đã ăn. Anh lượm hộp thịt và vải băng bỏ vào những túi áo quần mình, trong lòng thầm cám ơn chị y tá. Rồi anh lấy tay vén miếng vải bố che lên chân chị cho kín, vì gió đêm qua đã thổi tung lên. Anh

chậm chạp ra đi về hướng đông, nơi ánh sáng hồng đã chói lọi sau bức rèm cành lá.

Thế là từ nay anh đã có một hộp đồ ăn chừng một kilô. Anh quyết định ăn mỗi ngày một lần, vào giữa trưa.

V

Muốn cho khi đi bớt đau, anh tìm cách khuây lãng bằng cách tính đường đi. Nếu một ngày đi được mười, hoặc mười hai cây số, thì chừng ba bốn ngày là cùng, anh có thể về tới trận doanh của mình.

Được! Nhưng, mười, mười hai cây số là thế nào? Một cây số là hai ngàn bước. Mười hai cây số là hai vạn bước. Như vậy là nhiều quá, vì cứ năm sáu trăm bước, anh lại phải ngừng lại để thở...

Hôm qua, để thu đường cho ngắn lại, anh đã đặt những mục tiêu gần: đến cây thông này, đến gốc cây kia, rãnh sẻ khác trên đường. Anh ra sức đi tới mau và tới được rồi thì nghỉ một lát. Sáng nay, anh chuyển tất cả những cái đó ra con số, thành số bước đi. Anh đặt chặng một ngàn bước một, tức là nữa cây số một, mà mỗi lúc chỉ nghỉ năm phút, không hơn, đồng hồ cầm tay để canh giờ cho đúng. Nếu vậy thì đi từ sớm tới khuya

chắc anh có thể bước thấp bước cao đi được mười cây số đã định.

Nhưng ngàn bước đầu tiên biết bao đau đớn! Muốn lãng quên và bớt đau, anh chăm chú đếm bước, nhưng chừng năm trăm bước, anh lộn xộn. Đầu óc anh không rời khỏi cái đau ở chân. Anh vẫn đi được một ngàn bước. Đi xong, anh không còn đủ sức ngồi xuống; anh gục xuống, mặt rập xuống tuyết; anh liếm lấy liếm để mảng tuyết dưới miệng, và lấy trán, lấy thái dương, mà mạch máu đập mạnh bên trong, đè lện trên tuyết. Đụng tuyết lạnh, anh khoái trá không sao tả được.

Anh rùng mình và nhìn đồng hồ. Nhìn kim nhỏ, anh thấy chỉ còn mấy sao nữa là hết năm phút nghỉ. Anh nhìn thấy trừng trừng, lòng lo sợ, tưởng như khi nó chạy hết vòng thì một cái nhìn kinh khủng sẽ xảy ra. Khi đủ sáu mươi sao, anh đứng phắt dậy, rên rỉ và lại đi.

Đi tới trưa, lúc nắng xuyên qua cành lá dày đặc rót những tia sáng vào trong bóng tối của rừng rậm. Mùi nhựa cây và tuyết tan xông lên nồng nàn trong rừng. Anh mới đi được có bốn chặng. Anh ngồi phệt xuống giữa đường, ngay trên tuyết, không còn đủ sức đi tới thân cây bu-lô lớn ngã gần ngay bên cạnh mà hầu như chỉ giơ tay là với đến. Anh ngồi đó hồi lâu, không nghĩ, không nhìn, không nghe, và cũng không thấy đói.

Anh thở dài, liệng vài miếng tuyết vô miệng, rồi gượng cử động, rút từ trong túi lấy cái hộp thịt đã sét ra. Anh dùng dao găm mở hộp. Mỡ đông đặc, anh bỏ một miếng vào miệng anh định nuốt, nhưng chưa kịp nuốt mỡ đã tan ra. Cái đói bỗng cào ruột đến đỗi anh muốn ăn một lần cả hộp thịt, nhưng anh lấy vài nắm tuyết nuốt để có cảm giác đã được ăn tiếp.

Trước khi lại ra đi, anh vót mấy cành tùng làm gậy. Chống gậy đi, anh vẫn thấy mỗi lúc đi mỗi khó khăn.

VI

Ngày thứ ba của cuộc du hành qua rừng rậm mà chưa hề gặp một bóng người. Một chuyện bất ngờ xảy ra:

Anh thức dậy, lúc mặt trời vừa hửng sáng, run lẩy bẩy vì vừa lạnh vừa sốt. Anh thọc tay trong túi, thấy có cái bật lửa mà người thợ máy Iura đã lấy một cái vỏ đạn làm tặng anh để lưu niệm. Trước đó, thì không bao giờ anh nghĩ ra rằng có thể đốt được lửa. Anh bứt mấy cành cây khô có rêu, trên cây thông mà anh ngủ dưới đó hồi hôm, xếp thêm quả thông khô lên và quẹt lửa. Từ ánh lửa bốc cháy vàng vút lên một luồng khói đen. Củi khô và có mủ cháy lẹ thành một ngọn lửa vui vui. Lửa bắt vào quả thông, nhờ gió thổi, lửa cháy lan ra kêu rít rít.

Lửa lắc rắc, hơi nóng bốc lên ấm áp và khỏe người. Anh khoan khoái vô cùng, tháo "phéc mơ tuya" cởi áo,

móc túi áo trong lấy ra một tập thư, giấy đã ngả mầu vàng, dòng chữ tròn và nắn nót; anh lấy một bức, rút ra hình một chị nữ thanh niên người thanh tú, mặc áo hoa sặc sỡ, ngồi trên cỏ, hai chân chéo nhau. Anh ngắm nghía hồi lâu, rồi cất cẩn thận vào cái kẹp bằng nhựa trong, anh giữ trong tay, trầm ngâm giây lát, rồi lại bỏ vào túi.

- "Được mà, được mà, thế nào rồi cũng sẽ qua được mà". Anh nói không biết với thiếu nữ, hay nói với chính mình. Rồi anh lại nhắc lại.

- Thế nào rồi cũng được mà...

Với cử chỉ đã trở nên quen, anh tháo ủng ra, cởi băng và ngó hai bàn chân anh. Chân lại còn sưng hơn trước nữa, và ngón chĩa ra các phía như từ một cái bong bóng đâm ra; màu thì tím ngắt, tím hơn cả hôm qua.

Anh thở dài từ giã đám lửa tàn và lại bước ra đi, gậy của anh chống xuống băng kêu kèn kẹp. Anh cắn môi, sắp ngất đi. Bỗng nhiên, ngoài tiếng rừng vi vu mà anh đã quen tai, anh nhận ra từ xa có tiếng máy nổ. Lúc đầu anh cho là anh mê sảng vì mệt. Nhưng tiếng máy nghe rõ dần, lúc vang lên khi máy rồ, lúc chạy êm. Có lẽ là bọn giặc Đức đương đi theo đường này. Anh lạnh người.

Nhưng vì sợ, anh càng có sức hơn. Quên mệt, quên đau, anh rời con đường lớn, đi vào rừng thông rậm rạp. Khi đã vô sâu, anh nằm vật xuống tuyết. Ngoài đường không thấy được. Nhưng anh thì có thể nhìn rõ con đường lúc ấy có nắng trưa soi sáng, với vừng dương chót vót trên đỉnh thông mã vĩ chơm chởm.

Tiếng động gần hơn. Tuyết còn in vết chân anh rõ quá, nhưng trễ quá rồi, không trốn được. Tiếng máy của xe đi đầu đã đến gần. Anh nằm sát xuống tuyết. Qua kẽ lá, anh thấy lướt qua một xe thiết giáp ngụy trang bằng vôi. Nó vừa chạy vừa ngả ngả nghiêng nghiêng, ầm ĩ vì tiếng dây sên, tiến gần đến chỗ vết chân nơi anh quẹo vô rừng. Anh nín thở. Cỗ xe thiết giáp đi luôn. Theo sau là một cỗ xe có bánh bọc sên, mở mui. Bên cạnh tài xế là một sĩ quan đội cát két, mặt mũi so ro trong cổ áo lông màu nâu. Phía sau y, trên một cái ghế dài cao hơn, là một số lính bận áo choàng màu xanh gỉ đồng và đội nón sắt, đeo súng tiểu liên, bị lắc lư vì xe chạy. Một cỗ xe sắt theo sau hơi xa. Anh nghe tiếng máy nổ, tiếng sên nghiến, và thấy chừng mười lăm lính Đức ngồi sát nhau thành mấy hàng trên xe. Mêrétxép vẫn nằm sát xuống tuyết. Xe đi gần đến rồi, anh thấy phà vào mặt một luồng mùi xăng nhớt ấm và hôi xì. Anh thấy tóc gáy dựng đứng, và bắp thịt rung lên. Nhưng xe đã đi qua, mùi

xăng cũng tan bay mất và tiếng máy cũng xa dần.

Đợi tiếng máy xa hẳn, anh mới lần ra ngoài đường, nhìn đường còn hằn vết sên xe như những nấc thang dài vô tận. Anh theo vết đó mà đi. Anh lại đi từng chặng đều và nghỉ từng chập. Trưa đến, anh lại ăn như hôm qua. Nhưng bây giờ anh phải cảnh giác như một con thú rừng. Tai lắng nghe từng tiếng động, mắt trông trên, dưới, trước, sau, như đang có một con thú dữ tợn vô hình đang rình bắt anh.

La phi công thiện chiến ở trên trời, lần này là lần đầu tiên anh gặp kẻ thù còn sống, còn nguyên vẹn, ở dưới đất liền. Anh theo bước của chúng và vừa đi vừa lẩm ba lẩm bẩm. Ở đây, đời không tươi với chúng đâu. Bọn chiếm đóng quả là không được chút tiện nghi, niềm nở nào. Giữa rừng sâu, sau ba ngày đi anh chưa hề gặp một bóng người, thế mà một tên sĩ quan phải cần cả đoàn hộ vệ mới dám đi đường.

- "Được mà, được mà! Thế nào rồi cũng sẽ được mà" Anh cứ đi, đi nữa, đi nữa, cố hết sức để quên đói, quên cái đau đớn đang hoành hành đôi chân và quên sức đang đuối dần. Những mẩu vỏ thông non và đọt "bu lô" đắng khè, mà anh nhai nuốt mãi mấy hôm nay, cũng như những vỏ bồ đề mà anh nghiền mềm và quánh dính vào răng, nay chẳng làm anh bớt đói lòng nữa.

Đến đêm rồi mà anh mới chỉ đi được năm chặng đường. Anh đốt một đống lửa lớn. Đốt được nhờ lấy quả thông và cành củi nhỏ trùm lên một thân cây bu lô khổng lồ đã bắt đầu thối mục, đổ xuống đất. Gốc cây cháy dần và tiết ra một sức nóng ấm dễ chịu. Anh ngủ trên tuyết; thỉnh thoảng trở mình là mỗi khi thức giấc, anh cho thêm cành khô cho lửa khỏi tàn.

Nửa đêm có cơn giông tuyết. Những thân cây thông cao lớn rít trên đầu anh. Từng đám tuyết buốt người lăn sát mặt đất. Bóng đêm hổn hển và quay cuồng trên đám lửa vừa than van vừa phụt ra những tia lửa nhỏ tứ tung. Nhưng giông tuyết không thắng nổi anh; anh vẫn ngủ ngon, ham mê khoái trá bên lửa nóng.

Lửa giúp anh chống được thú rừng.

Còn giặc Đức, anh đâu có sợ, vì trong một đêm giông to, gió lớn như thế này, đời nào chúng lại dám vô rừng sâu. Tuy nhiên, thân thể anh mệt lả, anh gục xuống nghỉ ngơi, giữa làn khói phủ và trong hơi ấm, nhưng tai anh vẫn lắng nghe như tai thú rừng, từng tiếng động nhỏ.

Sáng sớm, khi cơn giông đã dịu và sương trắng còn ôm ấp mặt đất, Mêrétxép tưởng như nghe thấy xen lẫn tiếng thông reo và tiếng tuyết rớt lộp độp xuống đất, tiếng bom đạn nổ, tiếng súng liên thanh từng

hồi, tiếng súng trường, những tiếng chát chúa của một trận đánh ở xa xa vọng lại.

Anh tự hỏi:

- Lẹ quá vậy! Đã tới trận tuyến rồi ư?

VII

Khi gió sáng đã đánh đuổi sương mù, rừng tỉnh giấc hiện ra bạc xóa, sáng sủa và vui tươi, ánh sáng long lanh trên cành băng đọng, mừng cho cuộc đổi thay mau chóng đó. Cả loài chim bắt đầu véo von, báo tin xuân sẽ tới. Mêrétxép lắng nghe vô ích, lúc này không còn thấy tiếng đánh nhau nữa, liên thanh và đại bác cũng đều lặng thinh.

Từ cây cao, tuyết chảy, mặt trời chiếu óng ánh từng sợi trắng mơ hồ. Đó đây lộp bộp rớt xuống tuyết những giọt xuân nặng trĩu.

Cảnh xuân rồi! Lần đầu tiên anh thấy cảnh xuân biểu hiện rõ rệt như thế. Anh đã quyết định sáng nay thức giấc thì ăn nốt chỗ tí xíu thức ăn còn lại trong hộp: mấy mẩu thịt vụn có lẩn mở thơm phức che ở trên. Cần ăn, vì anh thấy rõ là không ăn, thì không đứng dậy nổi. Anh chùi cẩn thận cái hộp, tay bị cứa

đứt mấy lần vì miệng hộp bén. Cảm giác là mở còn dính ở đáy hộp, anh lấy tuyết bỏ vào hộp, đặt lên lửa và anh uống ngon lành từng hớp nhỏ một thứ nước nóng pha mùi thịt. Anh bỏ hộp trong túi định dùng để uống. Uống trà! Thú vị quá. Anh sung sướng với sáng kiến này và mạnh dạn lên đường.

Nhưng một thất vọng lớn tới với anh. Giông tố hồi hôm đã phủ tuyết kín đường. Đường bị chặn bởi từng mô tuyết ngã nghiêng, chỏm nhọn hoắt, ánh sáng chiếu rọi xanh chói, làm cho mắt nhìn khó chịu. Tuyết mềm như bông nên mỗi bước lại bị sụt xuống lún chân. Mỗi lần bước là một lần ra sức kéo giò lên. Gậy thọc vào đó cũng chẳng tác dụng mấy.

Buổi trưa, gốc cây thâm sì trở lại và mặt trời giương mắt nhìn xuống đường qua những đỉnh cây. Anh mới đi được chừng một ngàn rưỡi bước, anh đã kiệt sức, anh phải vận hết sức mới lê thêm một bước. Anh loạng choạng; đất như thụt đâu mất dưới chân anh. Cứ mỗi phút là anh té, té rồi nằm chết hồi lâu trên một mô tuyết, rập trán trên tuyết kêu lắc rắc, rồi lại đứng lên đi thêm ít bước. Một cơn buồn ngủ không sao cưỡng được, tràn tới. Anh định nằm luôn ở đó, nằm quên hết mọi việc, muốn ra sao thì ra. Anh đứng lại tê bại cả người, anh lảo đảo. Song anh cắn chặt môi, cô bước thêm mấy bước nữa trên đường tuyết.

Chân anh đã lún sâu xuống.

Sau cùng, anh tự thấy không còn sức để đi nữa; không một sức mạnh nào trên đời làm anh rời được chỗ anh đứng, và nếu ngồi xuống thì không đứng dậy được nữa. Anh nhìn quanh nhớn nhác. Gần đường có cây thông nhỏ cành lá xum xuê. Anh ráng sức bước lại cây và ngã thụp xuống. Một ngáng cây trúng dưới cằm anh, đỡ người anh, anh thấy khỏe được một chút. Nhờ cành cây ấy, anh co từng chân lên cho đỡ mỏi, đỡ đau, rút được chân ra khỏi tuyết. Nhờ làm như vậy anh nảy ra một sáng kiến. Ừ phải. Chứ sao, hay nhất là chặt cây thông nhỏ này ra, vót thành một cây gậy, có chãng ba ở đầu. Anh đưa cái gậy ra xa, kê cằm vô chỗ chãng ba, rồi ấn tất cả sức nặng của mình lên, như anh vừa làm, kéo đôi cẳng tiến lên phía trước. Như thế lâu lắm, lâu nhưng không phải chờ cho tuyết đóng cứng thành băng. Anh ngồi ngã quỳ xuống, lấy dao chặt cành thông, tỉa cành lá, lấy khăn tay băng cột chãng ba cho êm rồi thử lại lên đường. Anh đưa gậy lên trước, tì cằm lên chãng ba, tiến lên một bước, rồi một bước nữa, lại đưa gậy lên trước, tì vào, lại tiến lên một bước, rồi một bước nữa. Anh đi như vậy, đếm từng bước đi và đặt những mục tiêu mới cho bước tiến của mình. Thật là một cảnh tượng kỳ quặc nếu ai thấy được cái con người nọ tiến lên giữa rừng thẳm

bằng một cách không thể tưởng tượng được như vậy. Anh tiến giữa tuyết chất thành từng đống với tốc độ một con sâu, đi từ sáng tinh sương đến tối mịt để di chuyển được có năm cây số. Nhưng rừng vắng vẻ chỉ có mấy chú ác-là là thấy cảnh đó. Và, suốt mấy ngày đó, chim càng thấy rõ con vật kỳ lạ có ba chân ấy thật vụng về và vô hại. Anh đến gần, chúng chỉ nhảy tránh một bên, mà còn như tiếc công, rồi ngoái đầu lại phía anh, nó quan sát anh với những cặp mắt nhỏ, đen và tò mò.

Anh đi như thế hai ngày nữa trên con đường tuyết phủ. Đưa cây gậy ra phía trước, kê cằm lên và kéo chân bước tới. Chân anh đã tê liệt không còn cảm giác gì nữa. Nhưng mỗi bước, đau đớn lại cắn xé toàn thân anh. Đói hình như không hoành hành nữa. Bao tử không còn bị gân rút nữa, nhưng anh thấy đau âm ỉ liên miên, y như vì nó rỗng không nên đã co lại và đè nặng lên tất cả các bộ phận khác của thân hình anh.

Alếchxây sống bằng vỏ thông non, mà mỗi khi ngừng bước anh lấy dao găm đẽo hoặc mầm bu-lô, mầm tiơn, và rêu ong moi dưới tuyết, rồi nấu trong nước mà ăn. Ngon nhất là được uống nước "trà" nấu bằng cây tỏi dại, lá tỏi dại lấp lánh ở những nơi tuyết đã tan. Nước nóng làm tỉnh người và cho anh cái ảo tưởng là không đói nữa. Anh uống từng hớp nhỏ nước nóng,

đầy mùi oi khói và mùi lá khô mà thấy lòng như êm dịu hẳn.

Đêm thứ sáu, anh lại ngủ lần nữa dưới mái lều xanh của cành lá một cây mã-vĩ-tùng. Anh đốt lửa quanh một gốc thông già nhiều mủ và nghĩ nó sẽ cháy tới sáng và sưởi ấm cho anh. Trời chưa tối hẳn; một con sóc vô tình chạy nhảy trên cành cao. Nó cắn trái thông nhọn và lâu lâu làm rơi xuống đất trái thông đã lột vỏ và giập vỡ. Bị cái đói ám ảnh, anh tự hỏi con sóc ăn gì trong trái thông. Anh lượm một trái, bẻ ngược một cái vẩy, và ngạc nhiên thấy trong có một cái hột, lớn chừng bằng hột kê, có một cái cánh nhỏ, trông y như một hạt bá hương nhỏ vậy. Anh lấy răng nhai, và thấy trên lưỡi một vị béo ngon như dầu. Anh liền nhặt những trái thông rơi vãi trên mặt đất; nó chưa nứt, anh bỏ vô lửa, lấy một cành cây đảo đi đảo lại. Vẩy nứt thì anh lượm lấy hạt bỏ vào trong bàn tay mà sát. Anh thổi cho những cánh bé bay đi, rồi bỏ cả nắm hạt vô miệng

Tiếng rừng êm êm. Gốc cây sẵn có mủ cháy, khói bốc lên làm cay mắt. Lửa cháy khi thì bốc ngọn, khi lại lụi dần.

Alếchxây cho thêm vài cành cây vào đống lửa rồi lại lượm trái thông, lấy hột. Mùi dầu bá hương nhắc anh những hình ảnh hồi thơ ấu xưa mà đã từ lâu anh

quên rồi... Đây là gian phòng với bao đồ vật quen thuộc. Này là cái bàn, là cái đèn treo giữa nhà. Má anh mặc áo tết, đi lễ nhà thờ về. Trịnh trọng, từ trong một cái hộp má lấy ra một gói giấy trong đó có những hột dài dài, rồi bày cả vào một cái đĩa. Cả nhà xum họp: má, bà nội, hai anh và Mêrétxép là con út. Mọi người ngồi quanh bàn và bắt đầu bóc vỏ; hội vui là có lệ được ăn món quà ngon đó. Không ai nói gì cả. Bà thì khêu hột nhân bằng trâm cài đầu, má thì khêu bằng cái kim tây; má bửa vỏ ra khéo vô cùng, trích hột ra, rồi sắp thành đống. Thỉnh thoảng má lại hốt một nắm bỏ vô miệng từng đứa con. Cậu nào được chọn thì sung sướng lắm vì không những được ăn mà còn được bàn tay má ấp lên môi, bàn tay chai cứng của người lao động cần cù không lúc nghỉ, và trong ngày hội vui đã thơm phức mùi xà bông thơm.

Kamisin... thời thơ ấu... Cuộc đời êm ả biết bao trong gian nhà nhỏ hết sức tầm thường đó trong cái phố ở ngoại ô... Rừng dào dạt, mặt anh nóng bừng tuy trời lạnh đã thấm nhói vào lưng anh. Một con cú kêu đêm, vài con cáo rít. Chồm hổm bên lửa, một người mệt rũ, ốm đói, mơ màng nhìn củi cháy. Anh cô độc trong rừng sâu, và trước anh, là một con đường anh chưa biết nó ra sao cả, đầy hiểm nghèo và thử thách bất ngờ.

- Được mà, được mà. Thế nào rồi cũng được mà... Anh đột nhiên nói vậy, và lửa tàn đỏ ói hắt ánh sáng lên cặp môi nứt nẻ dường như nở một nụ cười với những mộng tưởng xa xôi.

IX

Sau bảy ngày đi, Alếchxây đã hiểu tiếng vọng của cuộc chiến đấu trong cái đêm giông tố đã từ đâu đưa tới.

Kiệt sức, anh buộc phải mỗi lúc mỗi dừng lại để thở lấy sức, anh kéo lê trên con đường rừng đương khoảng tuyết tan. Mùa xuân không còn chỉ mỉm cười đằng xa. Mùa xuân đã tiến vô rừng sâu, mang vào đó hơi thở ấm áp, mạnh mẽ của mình. Ánh nắng xuân đã chĩa xuyên qua rừng, và làm tan tuyết rrên đất. Mỗi chiều, quạ quàng quạc rất buồn. Những con quạ đen, nghiêm nghị, trên những mỏm gồ trên đường; tuyết ướt át, mỏng trong như mật ong, đã để lộ đất nâu ở dưới. Những mảng nước loáng loáng đó đây, hương thơm mạnh mẽ và ngây ngất làm người và vật đều phải say sưa.

Từ thuở nhỏ, anh vẫn ưa mùa này. Cả trong lúc

này, lúc anh đang lê đôi chân đau đớn ê chề trong đôi ủng ướt sũng rách ra từng mảng, lúc anh đang ngất lên ngất xuống vì đói lả và cực nhọc, lúc anh bực bội tức tối với những vũng nước, với tuyết, với bùn dính bê bết, anh vẫn say sưa hít những hương thơm mát dịu của mùa xuân. Anh chẳng nhìn xem mình đặt chân vào đâu nữa, chẳng đi vòng tránh vũng nước nữa. Anh bì bõm, té xuống, đứng lên, tì nặng nề lên trên gậy, dừng lại, lảo đảo, và lấy tất cả sức bình sinh, lại ném gậy về phía trước...

Bỗng đến lối quẹo, đột ngột ngoắt sang tả, anh dừng lại. Ở một chỗ, giữa hai bụi mãvĩtùng, con đường đặc biệt hẹp lại, anh nhận thấy những chiếc xe hơi Đức đã vượt anh trước kia đương bị hai cây thông chặn lại. Gần hai cây đó, cỗ xe ô tô bọc sắt đứng im, cỗ xe giống như chiếc nồi ấy; nó húc mũi vào thân cây. Và, giờ thì xe không còn màu trắng lốm đốm mà nó đã ngả màu đỏ tía, mình xe chúi xuống trên vành bánh sắt, vì vành bánh cao su đã bị đốt cháy rụi. Không xa, dưới một gốc cây, tháp của pháo xe từ trong tuyết nhô lên như một cây nấm kỳ quặc. Ba xác của người ngồi trên xe nằm gần ngay đó, vẫn còn y nguyên áo khoác màu đen dính đầy dầu mỡ và y nguyên mũ da.

Hai cỗ xe có bánh bọc sên cũng bị đốt. Vỏ xe ngoài

bây giờ đỏ, nhưng trong đen xì. Cả hai đã đâm vào xe đầu, và tuyết tan quanh xe, đen xì vì bồ hóng, tro bụi và tàn tích xe đã cháy rụi. Khắp nơi, hai bên đường, trong các bụi rậm, xác lính của Hít-le chết nằm rải rác. Thấy rõ là chúng đã hoảng lên, tới tấp chạy chẳng hiểu đã xảy ra chuyện gì, chẳng nhận ra cái chết chờ chúng ở từng gốc cây, từng bụi rậm, lẩn trong tuyết xoáy mịt mù. Xác tên sĩ quan bị trói vào một thân cây, còn mặc nhung phục nhưng quần thì bị tuột ra. Một miếng giấy còn ghim trên- áo xanh, cổ màu thẫm có ghi: "Kiếm gì, đã tìm được nấy"; và ở dưới có thêm chữ người khác viết, bằng chì mực, chữ , lớn, nét đã phai màu: "Chó".

Alếchxây tìm mò lên mãi trong chỗ phục kích ấy để tìm kiếm một thứ đồ ăn. Anh chỉ thấy trong tuyết một mẩu bánh bích quy đã mốc mà chim chóc đã mổ nát. Anh đưa vô miệng và hít lấy hít để mùi chua của bánh bột lúa mạch. Anh muốn nhét vội vô miệng tất cả, để nhai ngấu nhai nghiến chỗ bột có mùi bánh. Nhưng anh phải chia ba rồi lấy hai phần cất vào túi. Còn miếng kia thì anh bốc từng vụn nhỏ, bỏ vô miệng nuốt như con nít ăn kẹo để hương vị còn lâu trong miệng cho thích.

Anh đi quanh trận địa một vòng nữa, và anh nghĩ: "Du kích phải gần đây, đâu đây không xa, vết chân

còn in trên tuyết mềm quanh những bụi rậm và thân cây,chắc chắn là của họ. Biết đâu trong lúc anh đương đi trong đám xác chết, một người trinh sát, núp cao vót trên một cây thông, hay sau một bụi rậm hoặc một đống tuyết, lại đã chăng nom thấy anh rồi." Anh đưa hai tay làm vòng trước miệng và ráng sức kêu lên:

- Ôi anh em du kích ơi!

Tiếng anh yếu quá làm cho anh lo. Tiếng vang lên trong rừng cây, từ cây này sang cây khác. Trong rừng thẳm tiếng đó vọng lại tai anh, anh thấy hình như cũng còn lớn hơn tiếng anh. Anh ngồi bệt xuống tuyết bên cạnh máy móc đã cháy đen, cạnh xác im lìm của kẻ thù, và lại kêu lên:

- Du kích! Anh em du-u-ki-i-ích ơi!

Sau khi kêu, anh lắng nghe, chẳng mấy lúc anh khàn cổ và mất tiếng. Anh hiểu ra rằng du kích phục kích được rồi, đã mang theo chiến lợi phẩm rút đi từ lâu. Ở lại trong cảnh rừng vắng vẻ này làm gì nữa? Tuy thế anh vẫn hy vọng ở một phép mầu nào đó, từ những bụi rậm, có thể nhô ra những người râu ria dài rậm mà anh thường nghe nói có ở trong rừng. Rồi anh được nhặt lên, rồi anh được mang đi, rồi anh sẽ được nghỉ một ngày hay một giờ cũng được, được người

thân săn sóc, không cần lo gì, làm gì cả nữa. Nhưng chỉ có rừng dội lại tiếng anh kêu. Bỗng nhiên, nhưng có lẽ đây chỉ là một ảo tưởng, do tâm trí anh căng thẳng quá mà phát sinh ra thôi, anh nghe thấy, qua tiếng cây cọ du dương và nghiêm nghị, có những tiếng như tiếng nền trầm và mau, khi rõ, khi mờ. Anh rùng mình, chẳng lẽ tiếng một người bạn nào vọng vào tai anh trong chốn rừng xa này chăng? Anh không tin tai anh nữa, và ngồi dỏng cổ lắng nghe...

Nhưng không, anh không lầm. Một luồng gió mát thoảng qua, từ phương đông đưa tới và lần này thì rất là rành mạch, mang đến tai anh một lần nữa tiếng bắn của đại bác. Mà không phải là tiếng bắn cầm chừng cách quãng, như là trong những tháng vừa qua thường nghe thấy ở khắp chiến tuyến nơi bộ đội hai bên đóng vững chắc trong những chiến tuyến phòng thủ vững chắc, chỉ trao đổi những cơn bắn lẫn nhau mà thôi. Tiếng súng mau dồn dập, rầm rầm như ta đảo đi lộn lại cả một đống gạch lát, hay như tiếng đấm thình thình vào đáy một cái thùng bằng gỗ sơn. Đó là một cuộc chiến đấu dữ dội của pháo binh. Cứ nghe tiếng nổ, chắc chiến tuyến chỉ xa chừng mười cây số. Rõ là một bên tấn công và đối phương chống trả lại kịch liệt. Sung sướng, nước mắt Alếchxây chảy dài trên má. Mắt anh nhìn về phương đông. Con đường

chạy trước mặt anh chừng một quãng, lại quẹo ngoặt hẳn lối khác và trước mắt anh, mênh mông cả một vùng tuyết. Những tiếng gọi nọ vang lại chính từ phía đó. Chính phía đó là nơi những vết chân chưa tới, những vết dài dài in trên tuyết của chân du kích quân; chỗ ở đâu đây thôi, những vị anh hùng đó của rừng sâu.

Anh lại lẩm nhẩm tự nhủ:

- Được mà, được mà, các đồng chí! Thế nào cũng được mà...

Rồi anh mạnh dạn cấm gậy vào tuyết, kê cằm vào chãng ba tì cả sức nặng của mình lên, rồi mệt mỏi nhưng kiên quyết, anh lê chân trên đống tuyết. Anh bỏ con đường lớn và tìm vào cánh đồng đầy tuyết phủ.

X

Anh chỉ đi một trăm rưỡi bước trong tuyết suốt ngày đó mà cũng chẳng được. Hoàng hôn buộc anh ngừng bước. Anh lại kiếm một gốc cây già, xếp củi khô xung quanh, móc túi lấy cái bậc lửa quí báu ra, rồi quẹt ngón trên bánh xe, quạt lần nữa, rồi lạnh người. Bật lửa đã hết xăng rồi. Anh lắc, lắc và thổi, hòng còn một chút hơi xăng đủ mồi. Nhưng vô ích. Bóng đêm đã tới. Những tia lửa nhỏ yếu của bánh xe quẹt chỉ làm tan giây lát bóng tối quanh mặt anh. Đá lửa mòn đi, nhưng chịu không mồi được lửa.

Anh bò mài mò tới gốc một bụi thông rậm rạp, nằm co mình tôm, hai tay ôm ghì và gối ấp lên cằm. Anh lăn không cựa, chăm chú nghe tiếng núi rừng. Có thể là đêm đến làm anh tuyệt vọng, nhưng tiếng súng đại bác lại vọng vào rừng thẳm rõ đến khiến anh phân

biệt được tiếng động ngắn khi pháo nổ và tiếng rền vang khi đạn rớt.

Sáng dậy, thấy lòng man mác, lo âu và đau đớn, Alếchxây tự hỏi: "Chi đây? Ta vừa mới nằm chiêm bao phải không?" Anh nhớ tới cái bật lửa. Nhưng mặt trời mơn man đang sưởi ấm người anh và quanh anh. Tất cả sáng chói, tuyết loãng và mềm, thân cây cao và lá cây nhọn. Cái bật lửa không còn là một tai nạn lớn đối với anh nữa. Nhưng nguy nan còn hơn cả thế nữa. Tháo hai tay ê ẩm ra, anh thấy anh không sao đứng dậy nổi nữa. Anh cố gắng. Rút cuộc chỉ làm cho gậy chãng ba bị gãy và anh té xuống đất như một cái bị. Anh nằm ngửa lên cho tay chân thoải mái, nhìn mặt trời. Qua những cành cây lởm chởm lá nhọn, là nền trời xanh vô tận và mây trắng như bông viền vàng, bay nhanh nhẹn, bên cạnh ánh nắng hồng. Anh tỉnh dần, nhưng chân anh khác hẳn thường, không sao đứng được nữa. Anh bám cây thông và tính đứng dậy nữa. Nhưng khi anh định bước tới cây thì anh bị té liền. Anh không những thấy yếu lắm mà lại còn thấy đau đớn nhiều hơn, đau đớn ghê gớm ở hai bàn chân.

Phải chăng là tận số? Anh chỉ còn chờ chết thôi sao, dưới những cây thông này, mà không chừng không ai biết tới, không ai chôn cất, xương anh để thú rừng

gậm nhấm? Kiệt sức, anh nằm ì dưới đất. Nhưng đại bác nổ xa xa. Chiến trận nơi kia, nơi kia là người mình... Chẳng lẽ không kiếm thêm ra được trong mình chút sức để thắng bảy, tám cây số này ư?

Tiếng đại bác lôi cuốn anh, nâng đỡ anh, kêu gọi anh mạnh mẽ, và anh hưởng ứng lời kêu gọi. Anh bèn bò bốn chân như con vật và lết về phương Đông.

Lúc đầu anh cắm cổ bò càn theo tiếng súng xa xa, sau đó, anh hiểu rõ chống gậy đi không bằng cứ bò như thế, có lẽ dễ dàng hơn: anh sẽ bớt đau đớn vì chân anh không phải chịu đựng sức nặng của toàn thân. Bò như thú vật, anh sẽ tiến mau hơn nhiều.

Một lần nữa, anh cảm thấy niềm vui tràn ngập đầy ngực anh, lên tới cổ họng và anh nói lớn, không phải với riêng anh mà hình như với một kẻ thất chí, đang nghi ngờ kết quả của cách tiến lên khó tưởng ra được đó của mình:

- Được mà, cậu mình ơi! Lần này nhất định được mà...

Đến chặng nghỉ đầu, anh phải nhét hai tay cóng buốt vô nách hồi lâu cho ấm. Anh bò tới gần cây thông non, và bóc mấy miếng vỏ vuông, gẫy cả móng tay, rút ra được mấy sợi trắng dài ở thân cây bu lô ra. Anh lại rút từ trong ủng ra vài mảng khăn quàng len

để bọc lấy tay. Rồi anh đóng một vuông vỏ cây như đế giày vậy, lấy sợi gỗ và băng vải buộc lại. Thế là ở tay mặt, anh có như một cái đế rộng và tiện thiết bị cho tay trái, anh phải lấy răng mà cột, nên hai tay không đều nhau. Nhưng dù sao hai tay anh thế là có hai tay nịt như đi giày, và Alếchxây tiếp tục bò, có cảm tưởng rằng tiến lên như dễ hơn. Đến chặng sau, anh cột hai miếng vỏ nữa vào đầu gối.

Đến trưa nắng dữ hơn, anh đã đi được khá nhiều "bước" với đôi tay. Hoặc anh đã tới gần, hoặc do ảo tưởng khi nghe, anh nghe tiếng đại bác mỗi lúc một to thêm. Trời nực quá nên anh mở nút bộ áo liền quần, và mở móc gài cho mát.

Anh bò qua một bãi lầy nhỏ, có những mô đất xanh nhô lên dưới tuyết, và bỗng tìm thấy một cái hay: dưới rêu xám và sù sì, anh thấy những cành nhọn nho nhỏ có lá nhọn hoắt và ánh sáng; giữa những lá, trên mặt những mô đất, có những trái nhỏ màu đỏ sẫm, hơi răn reo, nhưng phồng đầy nước chua.

Alếchxây cúi trên đống rêu và hái bằng môi, trong nhung ấm của rêu, những trái nham-lê đầm ao, có mùi mát và ướt. Đó là món ăn đầu tiên qua mấy ngày nay. Vị vừa ngọt vừa chua, khiến trái vô bao tử lại cào ruột anh. Nhưng anh không có nghị lực để cho cái cảm giác đau nhói và nhức nhói đó nguôi đi. Anh bò

từ mô đất này tới mô đất kia, dùng môi, dùng lưỡi hái trái cây đầy nước và thơm tho mà ăn, giống như một con gấu. Cứ như thế anh "dọn" nhẵn mấy mô đất; anh chẳng thấy cái lạnh của nước vừa từ tuyết tan ra, thấm vào da của anh, cũng chăng thấy cái đau tấy lên ở chân, chẳng thấy cái mệt nữa; anh chẳng thấy chi cả, trừ cái cảm giác ngòn ngọt mà chua đầy miệng anh và một ấn tượng no đầy vui thích trong bao tử. Anh ụa mửa. Anh biết anh ăn nhiều quá, nhưng anh không nỡ bỏ trái cây ấy. Anh tháo bộ đồ đóng ở tay ra, và hái thêm nữa bỏ vô hộp và mũ phi công rồi anh buộc ở dây lưng và tiếp tục lại bò, khó lắm mới thắng cơn buồn ngủ.

Tối đến, anh nghỉ ở một gốc thông già, ăn trái cây dại, nhai vỏ thông và hột mã vĩ tùng xong, anh ngủ một giấc ngủ lo âu. Nhiều lần anh cảm thấy như có người lại gần anh trong bóng tối một cách lặng lẽ. Anh mở mắt nhìn ra, lắng nghe, lắng cho đến ù cả tai, rút súng và chờ, im lìm như một cục đá, chỉ nghe thấy tiếng trái thông rớt, tiếng tuyết nứt, và tiếng nước róc rách dưới băng, là đủ giật mình thon thót.

Mãi đến gần sáng, anh ngủ thiếp đi. Tỉnh dậy, trời đã sáng lâu. Bên cạnh cây nơi anh ngủ, anh thấy dấu chân xinh xinh của một con cáo, đuôi cáo lê thành một vết dài nhe.

Vậy ra tại con vật này mà hồi hôm anh ngủ không được. Dấu chân cáo chỉ rõ nó đi quanh quẩn nhiều vòng ở chỗ cây anh nằm. Một ý nghĩ ghê rợn thoáng qua trí anh. Những người thợ săn thường nói con vật tinh khôn này hay đánh hơi theo dõi, rình mò người sắp chết. Phải chăng có sự báo hiệu như thế mà con vật sợ người này lại quyến theo anh?

- "Nghĩ bậy mà! Rồi được mà!" Anh nghĩ vậy để giữ tinh thần và lại bắt đầu bò tới, bò nữa, cho mau xa nơi đó.

May mắn khác lại đến với anh bữa nay nữa. Trong lúc một cụm đỗ tùng thơm tho, anh lượm đầy miệng trái rừng xanh biếc, anh thấy một cuộn lá khô lăn tròn trông là lạ. Anh lấy tay sờ nó, cuốn lá nặng và không rẽ ra. Anh liền rứt lá, và chọc tay vào trong. Một con dím to! Thật không sai, đó là con dím to, già, kiếm hốc cây này để nằm mùa đông, cuốn mình trong lá cây. Anh vui sướng như điên. Từ lúc đầu tiên trên đường đi khổ cực này anh đã thèm thịt chim hay thú rừng. Đã bao lần anh lấy súng nhắm bắn con chim khách, con cà cưỡng hay con thỏ rừng nhưng mỗi lần, tiếc thì tiếc, anh đã kìm lại ý muốn bắn. Anh còn ba viên đạn, hai viên Bắn kẻ thù, còn một viên bắn mình nếu cần. Anh đành phải tra súng vào bao. Anh không có quyền làm liều.

Thế mà lần này một miếng thịt lại tự nhiên lọt vào tay anh. Anh không cần biết con dím bị coi là thú vật hôi hám. Lanh lẹ anh hất lớp lá quanh mình dím xong. Con vật vẫn ngủ và lăn tròn như một hạt đậu to, trông buồn cười, gai lởm chởm. Anh đâm nó một nhát, giết chết và mổ ruột, vụng về lột lớp da vàng ở bụng và rút ra bộ giáp có lông nhọn cứng. Rồi anh cắt mồi ra từng và nhai lấy nhai để; thú vị biết bao, thịt dím ấm ấm và dai dính với xương. Anh ăn một hơi hết không còn một mẩu. Xương nhỏ cũng nghiền ra và nuốt hết. Chỉ bấy giờ anh mới thấy trong miệng có mùi hôi thối. Nhưng mặc kệ mùi hôi, hôi, có nghĩa lý gì so với cái được, anh cảm thấy ấm lòng, toàn thân no nê, khoan khoái ấm áp, muốn thiu thiu ngủ.

Anh mút thêm một lần nữa mấy mẩu xương, rồi nằm dài trên tuyết để hưởng cái khoái trá được ấm áp, được nghỉ ngơi. Có lẽ anh ngủ quên nếu không nghe được tiếng cáo như lo âu chi đó trong bụi cây. Alếchxây rình chờ, và bỗng nhiên, vượt trên tiếng đại bác, luôn luôn anh vẫn nghe thấy rầm rì từ phương Đông vọng lại, anh còn nhận thấy tiếng súng liên thanh lách tách, lách tách. Lập tức anh thấy hết mệt. Anh không nghĩ đến con cáo trong bụi nữa, không nghĩ tới nghỉ ngơi nữa, và anh lại bắt đầu bò trong rừng sâu, tiến lên mãi...

XI

Qua khỏi quãng đất bùn lầy, Mêrétxép đi tới một quãng rừng thưa có một hàng rào cũ, màu xám, làm bằng cành cây, dây choại cột tréo xuống và có cọc nhỏ đóng xuống đất.

Qua hai cái rào, thấy dưới tuyết có một con đường không có người đi nữa, vậy là có một căn nhà không xa! Tim Alếchxây bắt đầu đập dồn dập. Chắc không thể gặp bọn Đức ở một cõi hoang vu này. Mà nếu có nữa, thì hẳn cũng có người của mình, và đồng bào mình chắc hẳn là vui lòng che chở, nuôi nấng và giúp đỡ cho một thương binh.

Giờ cuối cùng của cuộc hành trình gian khổ đã đến chăng? Anh bò tới không kịp thở nữa, té gục mặt xuống tuyết. Anh ngất đi, khi tỉnh lại bò nữa, bò mau cho tới chỗ cao cao chút ít kia, mà anh chắc là ở đó,

thấy được làng, nơi anh sẽ thoát nạn. Anh ráng hết sức còn lại để tới nơi có người, và không để ý rằng ngoài hàng rào và con đường lõm càng ngày càng thấy rõ dưới tuyết tan, không có gì biểu hiện ở đó có bóng người .

Đã tới đỉnh dốc, anh hổn hển, đớp không khí từng hơi. Anh ngẩng mắt, rồi nhắm ngay mắt lại vì cảnh vật anh vừa thấy khủng khiếp quá :

Cách đây không lâu, chắc chắn đây là một thôn xóm nhỏ miền rừng. Còn đoán được địa điểm vì có hai hàng ống khói còn lại nhô lên bên các đống gạch khói cháy rụi, phủ trắng tuyết. Từng quãng, còn thấy hàng rào, hàng giậu hoặc những bộ xương cây trồng trước cửa sổ mà hiện nay vẫn đứng dựng với hình bóng đã cháy đen. Giờ đây, là một bãi tuyết hoang vu, trên đó ống khói nhô lên như những gốc cây bật rễ. Ở giữa làng, còn sừng sững một cách vô nghĩa cái cần cây kéo nước giếng mà cái gáo gỗ có đóng đai sắt đã mốc meo, lủng lẳng ở đầu cái xích gỉ, còn đưa đi đưa lại trước gió.

Ở cửa làng, cạnh một cái vườn nhỏ có rào sơn xanh, hãy còn vòng nguyệt xinh xắn của cửa làng mở ra mở vào quanh bản lề gỉ và rít. Không một người, không một tiếng động, không một mẩu khói. Đó là một bãi sa mạc. Giống như không có ai ở đây từ hồi

nào tới giờ. Một con thỏ giật mình, vì thấy Alếchxây, từ một bụi rậm sổ ra, cái đít ngoe ngoẩy trông hay hay, và chạy cố xác. Nó chạy thẳng vào làng, ngừng lại, đứng dựng lên như một cái bia, giơ hai chân về phía trước, vểnh tai, lặng yên một lát, rồi nhận thấy con vật kỳ lạ đang bò theo nó, nó nhảy mất, chạy theo lớp rào cháy đen và vắng ngắt.

Như cái máy, Alếchxây tiến tới nữa. Những giọt lệ lớn chảy trên đôi má râu ria rồi lăn xuống tuyết. Anh cũng ngừng lại gần chỗ cửa làng nơi con thỏ vừa ngừng lại lúc trước. Một miếng bảng hãy còn hàng chữ: "...Trẻ!" Có thể nhận ra liền, là ngay sau hàng rào xanh, trước đây là một gian nhà xinh đẹp chắc dùng làm vườn trẻ. Còn lại đó những cái ghế dài tí hon bào láng bóng do bác thợ mộc trong làng đóng cho các em. Anh đẩy cửa và đến gần một cái ghế, định ngồi. Nhưng vì lưng anh quen bò rồi, nên khi ngồi thẳng anh thấy xương sống đau nhừ. Muốn nghỉ, anh nằm trên tuyết, mình lăn tròn như một con thú kiệt sức.

Tuyệt vọng tràn tới.

Cạnh ghế, tuyết đã tan. Mắt nhìn rõ được hơi nóng mờ mờ bay lên khỏi chỗ đất trở nên đen. Anh cầm một nắm đất nóng ấm và dinh dính; đất rã ra trong tay anh và một mùi phân ẩm ướt xông lên: mùi chuồng, mùi đời sống!

Mặt trời lặn xuống hàng răng cưa lởm chởm của rừng cây. Alếchxây lại bò qua cái trước kia là đường làng mà nay không còn gì cả. Một mùi thối của xác chết xông lên từ những ngôi nhà bị cháy.

Làng này còn hiu quạnh hơn cả khu rừng hiu quạnh nhất. Bỗng nhiên một tiếng động làm anh giật mình. Ở trong đống gạch ngói của gian nhà cuối, anh thấy một con chó. Một con chó rất thường, to, hay nuôi ở sân, lông dài, tai rủ lòng thòng. Một con chó kiểu chó Bô-bích hay Giúcca rất thông thường. Nó gầm gừ gặm một miếng thịt nhời nhợi, hai chân trước ôm lấy miếng thịt. Vừa thấy anh, con chó mà trước kia có lẽ rất ngoan, thường bị bà chủ nhà cầm chổi dọa hay được con nít vuốt vuốt ve ve, hiện nay, đổi khác hẳn, nó giơ nanh và sủa. Mắt nó hung dữ khác thường làm cho anh rởn tóc. Anh rút miếng vỏ độn tay để rút sẵn súng. Trong chốc lát, người và con chó đã trở thành thú dữ nhìn nhau chòng chọc, như thách thí nhau.

Nhưng rồi con chó như nhớ lại những chuyện cũ nào; mõm nó gục xuống, đuôi nó ve vẩy như nó thấy lỗi mình. Nó tha mồi và cụp đuôi xuống rút lui vào sau đống cây, gạch ngói lộn xộn.

Bây giờ Alếchxây chỉ còn nghĩ tới một chuyện: trốn ngay khỏi chốn này! Anh cố gắng dùng quãng thời gian ngắn ngủi trời còn sáng để vượt qua cánh đồng

này đi tới rừng, không cần chọn đường, chỉ theo linh tính. Anh lắng nghe tiếng đại bác giờ đây đã rất rõ, mà bò tới. Tiếng súng lôi cuốn anh như đá nam châm hút sắt, sức hút càng mạnh khi anh bò càng sát lại gần.

XII

Anh còn lê lết thêm một ngày, hai ngày, ba ngày... Anh đã quên mất cả thời gian. Tất cả gom lại trong những cố gắng không ngừng để cử động... Có nhiều lúc, anh muốn thiếp đi, không biết là ngủ hay ngất đi nữa. Anh vừa đi vừa ngủ, lòng quyết tâm đi về phương Đông mạnh mẽ đến nỗi anh cứ thế mà tiến, bất tri bất giác, cho đến khi đụng phải bụi cây, trượt tay hay vấp mặt trong tuyết lạnh đã tan ướt át, anh mới tỉnh dậy. Ý thức và tư tưởng anh mơ mơ hồ hồ, đầu anh luôn luôn căng thẳng và chỉ có một mục tiêu là bò để tiến, tiến cho bằng tới.

Anh đi đường luôn luôn để ý đến các bụi cây, nhưng không thấy con dím thứ hai. Anh ăn những trái cây dại dưới tuyết và mút rêu mà sống. Có một lần, anh té đụng một ổ kiến lớn. Ổ kiến đứng sững giữa rừng như một đống rơm chất vững và được mưa vuốt nhẵn.

Kiến còn ngủ, ổ kiến bề ngoài như vắng hoe. Anh đụng tay vô cục đất cứng đó và khi rút ra thì kiến nhỏ bu đen tay anh, nó cắn chặt lấy da. Anh cho tay vào miệng và ăn. Mùi vị chua và rát làm cho anh khoan khoái vô cùng vì miệng anh khô nẻ cả. Anh thọc tay vô mấy lần nữa cho đến khi đánh thức cả ổ kiến. Bị đột kích bất ngờ, kiến chống đỡ dữ dội. Tay, môi, lưỡi anh bị cắn. Kiến còn chui vào lần áo da và cắn cùng mình anh, nhưng kiến đốt giờ đây anh lại thấy dễ chịu. Anh khát nước, anh thấy một vũng nước sình giữa mô đất. Anh cúi xuống và bỗng rùng mình một cái. Nước như một tấm gương đen xì phản ánh màu trời xanh ngắt; từ đáy tấm gương ấy, nhô ra một hình thù ghê tởm. Cái gì trông như một cái đầu lâu có làn da đen xì bọc lấy và lởm chởm những tóc xoắn cùng râu? Mắt anh sâu hoắm sáng lên như đôi mắt thú dữ, tóc rối bù bờm chờm trên trán dính lẫn những sợi tuyết băng lòng thòng.

- Phải là ta không? - Anh tự hỏi.

Anh không dám cúi xuống lâu hơn. Anh nuốt một ít tuyết, rồi lại đi về phương Đông như có sức điện-từ hấp dẫn.

Đêm đến, anh định ngủ ở một hố bom mà sức nổ đã làm cho đất cát dựng lên một ổ súng. Trong hố, không khí im lặng hơn. Gió không thổi thốc vô và chỉ

nghe tiếng cát tuột từ trên miệng xuống. Từ dưới hố bom anh thấy sao trên trời thật sáng và tựa như treo kề trên đầu. Cành thông xum xuê, lá rung rinh dưới sao thật chẳng khác một bàn tay phủi mãi bụi và mài giũa cho những ngọn lửa lập lòe đó.

Sáng, trời lạnh hơn nhiều. Mù sương giá lạnh bao trùm khu rừng. Gió xoay chiều thổi từ phương Bắc lại.

Sau đêm đó, anh thấy yếu hơn bao giờ hết. Anh không buồn nhai vỏ cây thông mà anh còn để dành trong túi. Anh uể oải bò dậy không nổi, tưởng người anh như gắn xuống dưới đất trong ban đêm. Không buồn phủi tuyết đọng trên tóc, râu, anh bò lên khỏi hố bom. Nhưng tay anh yếu ớt tuột trên sườn hố đầy băng trong đêm. Anh cố đu mình nhưng không lên nổi. Anh lại ngả xuống đáy phễu. Và mỗi lần như thế, anh thấy sức đuối thêm. Cuối cùng anh kinh hoảng nhận ra rằng nếu không có người giúp sức, chắc anh không lên thoát khỏi hố. Ý nghĩ ấy đẩy anh phải cố, phải tự lực. Anh cử động thêm ít nữa nhưng lại bị tuột xuống, kiệt sức và bất lực.

- Thôi kệ, thế là xong.

Anh co mình nằm dưới hố. Anh rút thư trong túi, những bức thư nhàu nát, nhưng anh không còn đủ sức

đọc nổi nữa. Anh cầm cái hình bọc trong giấy kính, rút hình ra, hình cô thiếu nữ trẻ, mặc áo xiêm sặc sỡ ngồi giữa đồng cỏ nở hoa. Anh mỉm cười cùng cô một cách nghiêm trang buồn bã, và hỏi cô:

- Phải chăng là vĩnh biệt? - Bỗng nhiên anh rùng mình; hình còn trong tay anh lặng yên. Trên kia, cao hơn rừng cây, trời lạnh ngắt, hình như có tiếng động quen tai.

Mệt mỏi, buồn ngủ hình như tan mất. Thực ra tiếng động không có gì lạ đâu. Tiếng động ấy lại nhỏ lắm, có lẽ một con thú lắng rình cũng không nghe rõ giữa tiếng thì thầm đều đều của cây cao, nhưng anh thì anh nghe thấy rất rõ vì có nhiều tiếng rít riêng. Anh đoán chắc không thể lầm: đó là tiếng máy bay săn giặc- giống những kiểu máy bay anh vẫn cầm lái.

Tiếng máy gần dần, lớn dần và rú mạnh thành tiếng rít và tiếng rền trong khi lượn trên trời. Rồi Alếchxây thấy, rất cao, trên trời xám, một hình chữ thập bay chậm, có lúc bay lẩn trong mây, rồi có lúc lại lộ ra. Rồi anh thấy hình như những ngôi sao đỏ trên cánh ngay trên đầu anh.

Anh thấy mình ngồi trong máy bay. Nháy mắt, hút một điếu thuốc thôi cũng chưa xong, anh đã về tới trường bay giữa rừng. Ai vừa bay qua đó nhỉ? Phải Ăngđơrây Đếchcharencô bay thám thính buổi sáng?

Nhân lúc lòng thầm mong kiếm ra được một chiếc máy bay địch. Máy bay?... Bạn hữu?...

Anh thấy tràn lên anh một luồng sức mạnh mới. Anh nhìn lên sườn hố đầy băng tuyết. Thế nào thế? Không ra nổi sao hả? Nằm sóng soài đó chờ chết mà coi được à? Rồi anh lấy dao găm ra và từng nhát chậm chạp và yếu ớt anh đào những bậc thang trong cát cứng lạnh. Anh gẫy cả móng tay. Ngón tay chảy máu, nhưng anh cứ cắm cúi làm vừa bằng móng tay vừa bằng lưỡi dao. Sau, anh đặt chân và tay lên trên bậc thang và chầm chậm bò lên. Anh bò tới gần miệng hố. Cố thêm một chút nữa thì anh sắp nằm được lên trên đỉnh và lăn mình ra phía ngoài. Nhưng chân anh tuột xuống và anh ngã xuống, mặt đập vào tuyết. Anh đau nhưng tiếng động cơ còn văng vẳng bên tai. Anh cố bò lên lần nữa, nhưng lại ngã lần nữa. Anh bèn nhìn công cuộc đào nấc thang với con mắt phê phán, anh hiểu rằng phải đào bậc sâu hơn, rằng những bậc cao thì chỗ víu phải sắc hơn. Rồi, thân mình mệt mỏi, còn bao nhiêu sức lực, anh đem tất cả ra mà bò lên...

Anh đã lên khỏi miệng hố một cách rất vất vả và để cho mình lăn ngã sang bên kia. Lên rồi, anh tức tốc bò đi về phía máy bay, như- ngày đó mặt trời cũng đang mọc phía trên rừng rậm, đánh tan sương mù đang gặm nhấm tuyết, và chói lọi trên băng khác nào pha lê.

XIII

Nhưng lết đi mệt mỏi quá. Tay anh run run, và khuỵu xuống nhiều lần dưới sức nặng của thân anh. Mặt úp xuống tuyết băng tan, anh thấy như mặt đất hút anh xuống khỏe hơn gấp bội. Anh thấy như không sao vượt qua được nữa. Rồi anh thấy thèm nghĩ vô cùng, dù chỉ nửa giờ thôi cũng được. Song sức thúc đẩy anh tiến lên lại càng mạnh hơn. Anh dẹp tất cả mệt mỏi đang tràn ngập người anh để lại bò nữa. Anh té xuống, nhổm dậy, lại bò. Anh không thấy đau, không thấy đói, không nghe, không thấy gì cả, trừ tiếng đại bác và liên thanh nổ đều.

Khi hai tay anh đã đau nhừ, anh thử bò bằng khuỷu tay. Thực là khó; khó ghê khó gớm. Anh nằm sóng soài rồi tì hai khuỷu tay mà cố đi. Lăn như thế không mệt bằng nhưng đầu anh choáng váng. Mỗi lúc, anh như muốn ngất đi, đành ngừng lại, ngồi trên tuyết để

chờ trời đất rừng cây thôi không quay lộn nữa.

Ở chỗ này, rừng thưa hơn, anh thấy một, hai quãng rừng bị đốn nhiều cây. Tuyết băng còn có vết hằn của đường đi mùa đông. Alếchxây không còn tự hỏi mình còn sức đến trận tuyến của mình không? Anh chỉ còn biết mình phải bò, phải lăn cho tới khi nào không còn cử động được nữa. Đôi lúc anh mê đi vài giây trong cái việc làm ghê gớm đó, nhưng bắp thịt anh tuy mệt mỏi vô cùng, anh vẫn cứ làm như cái máy, vẫn lăn trên tuyết theo tiếng súng về hướng đông.

Đêm nay ra sao? Sáng mai tới đâu? Alếchxây không biết nổi. Chỉ còn mảng nhớ những chướng ngại anh đã vấp hôm vừa qua: một gốc thông vàng đốn ngang, mủ chảy, một đống củi, vỏ bào và mạt cưa đầy đất, một gốc cây đếm được những vòng tròn mỗi năm vẽ thêm một đường vào thớ gỗ.

Một tiếng động bất ngờ làm anh đang mê mê muội muội cũng phải chú ý. Anh thức tỉnh, ngồi dậy nhìn quanh, anh chợt hiểu mình đang ở ngay một xưởng đốn cây lớn trong rừng, tràn ngập ánh mặt trời, ngổn ngang những thân cây chưa gọt và những thanh củi chất thành từng thước. Mặt trời giữa trưa đang ngay trên đỉnh đầu anh. Mùi mủ thông, lá mã vĩ tùng, tuyết tan, xông lên không khí. Trên cao, rất cao trên mặt đất, con chim chích chòe đương say mê hót vang

từng khúc, từng khúc...

Lo lắng về sự nguy hiểm mơ hồ nào đó có thể đến, anh nhìn cây bị đốn. Xưởng đốn cây này còn làm, rõ ràng là không phải bỏ hoang. Cành cây xanh chặt xuống còn xanh um, chưa kịp đổi màu vàng, chưa kịp héo. Mủ còn nhỏ giọt y như mật ong. Mùi vỏ bào cùng vỏ cây tươi ngổn ngang trên mặt đất còn thơm phức. Nhất định xưởng đốn cây này đương làm việc. Có lẽ bọn Đức đã đốn cây để làm xà làm cột, nếu quả thực như vậy thì phải đi ngay. Bọn người đốn củi lúc nào cũng có thể đến. Nhưng mình anh cứng như đá; đau đớn và mệt mỏi đã đến độ thấy mình nặng nề lạ thường, không còn sức nữa.

Anh phải lê đi xa hơn nữa không? Linh tính của thú vật đã nảy nở trong người anh, sau bao ngày sống kiểu thú rừng, giữ anh lại. Anh không cần nhìn mà nhận xét, phán đoán, với cái tính của con thú, anh cảm thấy như có người rình anh, theo dõi anh. Ai? Rừng vẫn êm, chim chích chòe vẫn hót từng khúc phía trên xưởng gỗ, chim mổ kiến vẫn mổ đều vô thân cây, chim sơn tước vẫn vụt đi vụt lại, xuyên như những mũi tên qua cành lá những cây đã bị đốn. Không có gì lạ, thế mà, với tất cả tâm thần anh, Alếchxây cảm thấy có người rình anh.

Một cành cây gẫy, anh nhìn quanh; giữa những cây

thông non, đầu bờm chờm trước gió, anh thấy mấy cành cây nhỏ sống một đời sống riêng, không cùng cử động như các cây khác. Anh nghe hình như có tiếng thì thầm, rõ là tiếng người ở phía đó. Và lần này cũng như lần anh thấy con chó, người và chó chừng chừng nhìn nhau, và anh thấy tóc anh dựng đứng lên.

Anh móc túi lấy cây súng gỉ. Anh phải dùng cả hai tay lên cò. Tiếng cò động khiến trong đám thông như có gì động đậy. Đỉnh mấy ngọn cây nhỏ như lung lay, như có ai cựa quậy phía sau, rồi anh lại yên như cũ. Anh thử hỏi:

- Cái gì thế? Có con vật sao? Hay có người? Và anh có cảm tưởng như trong bụi rậm có người cũng đặt câu hỏi ấy: "Có người sao?" phải chăng là giác quan lầm lẫn? Hay là đúng thế: có ai nói tiếng Nga ở trong bụi? Phải rồi tiếng thì thầm rõ là tiếng Nga! Nghe nói tiếng Nga, anh vui mừng một cách điên cuồng và không cần biết đó là bạn mình hay là kẻ thù, anh kêu lớn vui mừng, nhảy chồm lên, cả thân mình tung lên, rồi rớt xuống, rên la như bị gãy tan, tay buông khẩu súng rơi trên tuyết.

XIV

Anh mê đi. Nhưng vì sợ nguy hiểm xảy ra, anh tỉnh lại ngay. Không nghi ngờ chi nữa: có người núp trong rừng thông rình anh và bàn se sẽ với nhau.

Anh chống tay dậy, lượm khẩu súng, anh cầm súng sát xuống, anh nhận xét. Cảm giác nguy hiểm đã làm anh sáng suốt như trước. Những người ấy là ai? Có lẽ là những tiều phu bị bọn Đức cưỡng ép đi làm chăng? Hay đó là những đồng bào của anh cũng như anh đương bị nghẽn ở phía sau lưng giặc và cũng đương tìm cách về với người mình qua hàng chiến tuyến như anh? Hay đó là nông dân địa phương? Lúc nãy rõ ràng anh nghe có tiếng trong bụi nói: "Có người sao?"

Cây súng trong tay rung rung vì anh vừa bò vừa nắm súng, tay bị cứng. Tuy vậy anh sẵa sàng đổi sanh mạng anh lấy mấy mạng địch và nhất quyết không để phí ba viên đạn của anh. Ngay lúc đó, từ trong bụi,

tiếng một em nhỏ lo lắng hỏi: Này ai đấy? Đức phải không?

Những tiếng lạ lùng ấy khiến Alếchxây nghi ngại. Nhưng rõ ràng là tiếng Nga và rõ ràng là tiếng một em nhỏ.

- Mi làm gì ở đây? - Em nhỏ khác hỏi.

Anh hỏi lại.

- Còn các em là ai?

Anh chỉ nói thế thôi rồi im, kinh hoảng nghe thấy tiếng mình nói nhỏ yếu đến thế, mà nhạt đến thế.

Câu hỏi của anh làm xôn xao trong bụi rậm; lời bàn bạc thì thào, tay vung lên chỉ trỏ, đụng những cành thông khiến rung cả lên.

- Mi đừng lừa tụi ta! Không được đâu. Ta thì bọn Đức cách chừng dặm đường, ta cũng đã thấy rồi. Mi là Đức có phải không?

- Thế các em là ai?

- Mi hỏi làm gì? Mi có hiểu lời ta nói không nào?

- Tôi là người Nga.

- Câm cái miệng... Đích mười mươi là mi nói láo... Đồ phát- xít đểu!

- Tôi là người Nga, người Nga nghe rõ chưa? Tôi là phi công. Tôi bị Đức nó bắn rớt máy bay.

Thôi anh không cần phải giữ gìn gì nữa. Sau bụi rậm chắc chắn rồi, anh biết là người mình, người Nga, người Liên Xô. Mà đồng bào không tin, ấy là chiến tranh đã dạy đồng bào cảnh giác. Lần này anh đuối sức hẳn đi; lần đầu tiên anh thấy kiệt sức, không cựa quậy chân tay nữa, không cử động nổi, không tự vệ chi nổi nữa, nước mắt anh chảy dài trên cặp má đen xạm.

Anh nghe tiếng nói sau bụi rậm:

- Coi kìa nó khóc! Tại sao mi khóc hả?

Tôi thề tôi là người Nga, người Nga mà! Người mình mà, phi công đó.

- Thế ở phi trường nào?

- Nhưng các em là ai?

- Không cần biết! Trả lời đi?

- Môngchalôvô. Giúp anh đi! Ra cho coi mặt nào!

Tiếng bàn cãi trong bụi lại sôi nổi hơn. Giờ thì Alếchxây nghe rõ được nhiều câu hơn:

- Mày nghe không? Nó nói ở phi trường Môngchalôvô. Có lẽ không phải nó gạt đâu. Kìa, nó khóc, này phi công! (Các em kêu to) Liệng cái đùng của mi coi! Liệng đi bảo thiệt đó! Nếu mi không muốn tụi tao bỏ chạy liền...

Mêrétxép bỏ rơi khẩu súng. Lập tức từ trong bụi rậm lách ra hai chú nhỏ, mắt dòm chừng, giống như những con chim lanh khôn lúc nào cũng sẵn sàng rống nếu có chuyện. Hai em thận trọng tiến đến phía anh, tay cầm tay. Em lớn là một chú bé ốm, mắt xanh, tóc vàng bồng lên, tay cầm một cái búa bổ củi Mà em lăm lăm bổ xuống nếu cần. Em bé núp sau lưng nhưng tò mò nhìn không sao chịu được . Tóc em hung hung đỏ có chấm lốm đốm trên mặt. Em lẩm nhẩm:

- Ra khóc thiệt. Và sao ốm quá...- Em lớn lại gần Alếchxây tay cầm búa lăm lăm. Em lấy chân đá xa khẩu súng, chân em đi đôi ủng "phớt" to gộc có lẽ là của ba em.

- Mi nói mi là phi công? Vậy giấy đâu? Đưa coi!

Anh không ngăn được nụ cười và lắp bắp:

- Thế nhưng ai ở đây vậy? Phải quân Đức hay của mình?

- Ai mà biết được. Có ai nói rõ cho tôi nghe đâu. Đây là rừng, giữa rừng mà!

Đó thiệt là một câu trả lời ngoại giao. Alếchxây phải giơ tay mò túi áo trong lấy giấy tờ. Thẻ đỏ của sĩ quan, có in nổi hình ngôi sao, anh rút ra như có ma

(1) Ý nói sắp chết.

lực gì đối với hai em.. các em như bỗng nhiên thu hồi lại được tâm hồn thơ ấu đã mất đi thời chiếm đóng. Chỉ vì các em nay đương đứng trước mặt một người mình, đứng trước mặt một phi công của quân đội Xô Viết.

- Chúng mình ở đây đấy, chúng mình đấy, chúng mình ở đây từ ba hôm nay anh ạ!

- Tại sao anh ốm thế anh?

Sau khi nói huyên thuyên như vậy hai em xoay quanh săn sóc người thương binh. Còn năm cây số nữa, theo các em từ xưởng tới làng. Anh thì anh mệt quá rồi không còn đủ sức xoay mình nằm ngửa cho đỡ mệt. Chiếc xe trượt mà các em để đốn lấy cành trong "công trường Đức" này nhỏ quá không sao kéo được người lớn băng qua một vùng tuyết không có đường xá gì cả. Em lớn là Xêriônca ra lệnh cho em là Phétca chạy ngay về làng kêu bà con ra cứu. Còn mình thì ở lại bên Alếchxây để, theo như em nói, coi chừng bọn Đức trở lại và cũng có một ý ngầm dè chừng: "Ai biết được , bọn phát- xít nó quỷ quyệt lắm. Tụi nó có thể giả vờ đau gần chết và cũng có thể ăn cắp giấy tờ giả vờ là "người mình". Nhưng dần dần, em bớt nghi.

Mắt lim dim, Alếchxây thiếp đi trên cái giường làm bằng cành cây. Anh còn vẳng nghe tiếng em bé

chuyện trò, nhưng thật ra cũng chẳng nghe chi. Trong cơn mơ màng thiêm thiếp, anh chỉ nghe thấy từng tiếng. Không cần biết nghĩa của những tiếng đó. Và âm điệu ấy đã làm anh sung sướng, nó là âm điệu, là tiếng nói quê hương. Mãi về sau đây anh mới biết chuyện làng Pơlavơni nhỏ bé này với tất cả những nỗi đau khổ của dân làng.

Từ tháng 10, bọn phát-xít đến chiếm vùng rừng hồ này. Lúc ấy lá dương vàng chói lói trên cây bu lô và lá những cây liễu Hoàn diệp thì rực sáng một màu lửa đỏ không lành. Quanh Pơlavơni không có chiến trận. Cách phía Tây chừng ba mươi cây số, một đơn vị bộ đội Liên Xô bị địch tiêu diệt; trận tuyến mới tổ chức gấp quá, và những đoàn quân Đức có xe tăng ủng hộ đã vượt qua Pơlavơni ở trận trong rừng sát bên hồ, xa đường qua lại; quân Đức đã tiến về phía Đông, không đóng trong làng này. Chúng ra sức chiếm đường giao thông chiến lược chỗ đường sắt Bôlôgôi. Nếu chiếm được thì chúng sẽ cắt bộ đội mình làm đôi: mặt trận Tây và mặt trận Tây Bắc. Gần thành phố, nhân dân vùng Calinin, đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, dân thị thành, nông dân đủ các giới, các lứa tuổi đã miệt mài, cả mùa hè và mùa thu, ngày và đêm, mưa hay nóng bức, kệ thây muỗi, đầm ẩm ướt, nước độc, miệt mài cùng nhau xây dựng phòng tuyến. Thành lũy đã được xây dựng hàng trăm cây số

từ nam chí bắc, qua rừng, qua truông, dọc hồ, dọc khe, dọc sông. Những người xây dựng đã phải chịu nhiều gian khổ không sao tả được, nhưng công họ không vô ích. Bọn Đức trên đà tiến đã đánh thủng nhiều phòng tuyến, nhưng chúng đã phải ngừng trước một trong những phòng tuyến cuối. Mặt trận trở thành vững chắc. Tụi Đức không thể đánh tới Bôlôgôi. Chúng phải dồn lực tấn công miền Nam trở về thế phòng ngự.

Nhân dân Pơlavơni đất cát thu hoạch quá kém, mỗi năm kiếm ăn thêm bằng nghề chài lưới ở hồ trong rừng, họ sung sướng thoát khỏi nạn chiến tranh. Quân chiếm đóng bắt phải đổi tên chủ tịch hợp tác xã thành "thư ký" nhưng dân vẫn sống theo lối hợp tác xã như trước, vì hy vọng rằng bọn Đức sẽ không ở mãi trên đất Liên Xô, và nhờ thế dân làng hy vọng không chừng không bị tai hại gì lắm. Nhưng bọn Đức áo xám xanh như nước ao vừa đi khỏi thì bọn áo đen trên đầu có mũ vẽ hình đầu lâu và hai ống xương xếp chéo, lại kéo xe hơi tới. Chúng đòi dân làng Pơlavơni phải cung cấp nội trong 24 tiếng đồng hồ mười lăm người đi sang Đức làm việc. Nếu không có sẽ bị nghiêm trị. Những người tình nguyện phải đến gian nhà ngay ở cửa làng ra, dùng làm nhà kho của hợp tác xã đánh cá và nhà của chính quyền địa phương. Họ buộc phải mang theo quần áo thay, muỗng dĩa dao và lương thực

mười ngày. Nhưng quá hạn, không một ai thèm tình nguyện. Bọn Đức áo đen, hẳn là đã có kinh nghiệm, không ra vẻ trông đợi chi lắm. Chúng bắt ông chủ tịch hợp tác xã, bà giáo già coi vườn trẻ là bà Vêrônica Gơrigorépna hai người chỉ huy hợp tác xã và chừng mười nông dân bị chúng tóm được và đem ra bắn ở trước nhà giam. Chúng cấm chôn xác và cảnh cáo dân làng nếu hôm sau không đủ số người tình nguyện đến nơi đã định thì cả làng sẽ chịu hình phạt như thế nữa.

Vẫn không ai thèm tình nguyện cả. Nhưng sáng hôm sau, bọn SS trong đoàn Commandô thấy nhà nào cũng vắng tanh. Già trẻ đều đi hết. Hồi hôm, nhân dân đã bỏ nhà cửa. Họ bỏ đất cày cấy và tất cả những gì họ đã cực khổ làm bao nhiêu năm mới có. Họ bỏ cả hầu hết súc vật. Nhờ có đêm sương dày đặc bao phủ khắp vùng, họ đi không để lại dấu tích gì, trốn tránh vào sống trong rừng cách làng mười tám véc nơi họ làm xưởng gỗ trước kia. Khi đã đào hầm dưới đất, người lớn đều đi du kích, đàn bà cùng trẻ con ở lại sống lay lứt trong rừng cho đến mùa xuân. Làng kháng chiến đã bị đoàn Commăngđô tiêu hủy như hầu hết các làng khác trong vùng này, mà bọn Đức gọi là "khu chết".

---

(1) Véc: đơn vị đo chiều dài của Liên-Xô bằng gần một cây so.

- Ông chủ tịch hợp tác xã là ba của em đấy. Chúng nó cứ gọi là thư ký. - Em Xêriônca kể tiếp và tiếng em nói dội vào ý Thức của Alếchxây như qua một bức tường. - Chúng giết chết ba em. Chúng lại giết cả anh của em bị thương tật; anh đã bị mất một tay vì máy đập lúa. Tất cả mười sáu người. Em ở đó em đã coi thấy cả. Chúng nó bắt mọi người phải ra xem. Ba em trước khi chết cứ bô bô: "Tụi mày phải đền tội, đồ chó má! Tụi mày sẽ phải đền tội, sẽ phải khóc ra máu cho mà coi!"

Nằm nghe câu chuyện của em nhỏ tóc vàng hoe, mắt đượm buồn và mệt mỏi, anh phi công thấy một cảm giác khác thường. Thật là anh đương bơi lội trong một đám sương mù đặc quánh, anh không cưỡng được với mệt mỏi nữa, toàn thân đã bất lực vì đã quá cố sức tưởng tượng. Anh không còn sức cử động ngón tay. Anh cũng không sao tưởng tượng nổi được nữa rằng cách đây hai giờ anh còn bò được.

- Vậy em cùng người nhà đương sống giữa rừng?

- Dạ! Gia đình em đương sống như thế đấy. Bây giờ thì cả thảy có ba người: em cùng Phétca và má. Trước em còn một em bé gái nữa, tên là Nhútca, nhưng đã chết mùa đông rồi; rồi lại một em trai út cũng đã chết. Thế nên bây giờ mới còn ba. Thế này anh này! Giặc Đức sẽ có còn trở lại nữa không, anh bảo em đi!

Ông ngoại em hiện nay làm chủ tịch chỗ chúng em đó, có nói: "Người chết thì có bao giờ trở lại nữa!". Nhưng má em thì vẫn cứ sợ chúng nó trở lại nên thường nói thà ra đi... Kìa, anh ơi! Ông ngoại và em Phétca đã đến kia!"

Quả nhiên vừa lộ ra ở mép rừng Phétca, chú bé tóc hung hung đỏ. Em chỉ Alếchxây cho ông già lưng còng mặc một chiếc áo rách tứ tung, may bằng vải sô dệt bằng khung dệt trong nhà và nhuộm bằng nước hành. Dây lưng của ông là một dây sợi và ông đội cái mũ cao của sĩ quan Đức.

Ông cụ mà mấy cậu em thường kêu là ông Mikhailô người cao, gầy trơ xương và khom khom. Mặt cụ hiền hậu như một ông thánh Nicôlai trong các nhà thờ vùng quê, tạc bởi những bàn tay của các nhà nghệ sĩ ngây thơ, mắt như mắt trẻ em, trong và sáng, điểm thêm râu lơ thơ cong cong như sóng gợn và trông như bằng bạc. Cụ bọc Alếchxây trong một cái mền da cừu loang loang lổ lổ và rách vá nhiều chỗ. Cụ nâng anh, ôm dễ dàng cái thân hình không còn gì nữa của anh và vừa làm vừa nói, tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Trời ơi! Sao mà ốm đến thế này? Cháu thực chỉ còn có xương. Một bộ xương! Chiến tranh tàn ác đến nỗi này Mỹ? Ối chào ôi! Chào ôi!

Cụ kỹ lưỡng lắm, kỹ như ôm một đứa con nít mới

sanh. Cụ đặt Alếchxây trên cái cộ kéo, lấy cái dây cột chặt anh, nghĩ ngợi một lát, rồi cởi áo choàng ra cuộn tròn lại, và đặt xuống dưới đầu Alếchxây. Rồi cụ lại đến phía trước cái cộ, luồn qua cổ cái vòng đai nhỏ làm bằng vải bao, đưa cho mỗi em nhỏ cầm một sợi dây cột vào cộ, rồi "Ra sao thì ra!". Cả ba ông cháu ra sức kéo. Tuyết chảy, dính vào giày tuyết, kêu răng rắc và bét dưới chân như bột nghiền.

XV

Đối với Alếchxây, hai ba ngày sau như bao bọc trong một đám sương mù, trong đó mọi sự việc tiếp diễn một cách mơ hồ, như những bóng ma. Thực hư, hư thực lẫn lộn trong đầu óc anh, và mãi mãi về sau, anh mới xếp đặt lại được thứ tự mọi việc xảy ra.

Làng lánh nạn ở ngay trong một khu rừng cây cổ thụ. Hầm đào dưới đất có tuyết phủ đặc lại được ngụy trang bằng cành lá, nên mới nhìn, đâu ai có biết làng xóm này trong rừng. Khói bếp bốc lên như từ đất mà ra vậy. Hôm Alếchxây vô rừng, khí trời ẩm ướt và yên tĩnh, khói bò trên rêu và quyện lấy cây cối. Anh tưởng như rừng cháy mới tắt.

Tất cả dân làng trong đó đàn bà và trẻ con là đông nhất, lại cả một số các cụ già, đều chạy ra đón anh khi nghe tin rằng cụ Mikhailô vô rừng đón một người

phi công Liên Xô gầy ốm, theo lời Phétca, như một bộ xương. Khi xuyên qua cây, thấy bộ ba kéo chiếc cộ vừa tới, mấy người phụ nữ chạy bu quanh. Các bà, củng vào đầu con nít kêu chúng tránh ra nhưng các em vẫn quấn bên chân. Các bà đi theo cộ vừa than vãn vừa khóc sướt mướt. Ai nấy đều rách rưới và đều trông như già xộm. Một lớp bụi mù bóng đen phủ trên da mặt, vì họ ở nhà hầm. Có nhìn cặp mắt coi sáng thế nào và hàm răng coi trắng thế nào trên khuôn mặt hốc hác, thì mới phân biệt được ai trẻ ai già.

- Thôi tránh ra, các bà này! Các bà lũ lượt kéo đến đông thế này làm cái gì thế hở? Đâu có phải hát bội? Đâu có phải rạp hát? - Cụ Mikhailô vừa kéo mạnh vòng cổ vừa càu nói: Tránh ra chứ không làm sao tôi đi được! Úi chao ôi! Các cái bà này thật tệ hơn một đàn cừu!

Alếchxây vẳng nghe từ đám đông các chị nông dân, có người lớn tiếng bình phẩm:

- Trông thân với hình kìa! Thật là một bộ xương.

- Sao anh không động đậy? Không biết có còn sống không?

- Có lẽ anh ấy đương mê đấy. Coi kìa, tội nghiệp chưa, ốm quá! Ốm quá đi mất thôi!

Đợt ngạc nhiên lúc đầu bớt dần. Các chị nông dân

không biết phi công đã trải qua những ngày như thế nào, nhưng cứ thế là các chị đã khủng khiếp. Trong khi cộ tiến qua rừng thưa, lại gần làng dưới hầm, mọi người bàn tán: nên để anh ấy ở nhà ai?

Một chị dân làng bé nhỏ, mặt tròn, lên tiếng:

- Nhà tôi khô ráo. Hầm đào trong các, có nhiều khí trời. Tôi lại có một cái lò con.

- Có cái lò con! Nhưng nhà chị ấy mấy người ở? Muốn nghẹt thở cả lũ sao? Đưa về nhà tôi đi, cụ Mikhailô ạ! Ba đứa con tôi đang ở tiền tuyến cả, nhưng tôi còn chút bột để tôi làm bánh đa cho anh ta ăn.

- Không! Ở nhà tôi hơn. Nhà tôi rộng hơn. Chúng tôi chỉ có hai người thì không thiếu chỗ. Còn bánh đa thì cứ đưa tới. Ăn ở đâu mà chẳng được. Ở nhà tôi, tôi sẽ cùng với con bé Xênha lo cho anh ta. Tôi còn ít cá ướp trong nước đá. Để tôi nấu canh cá dấm cho anh ăn.

- Cái bộ chị này nói chuyện canh với kiếc gì thế? Không thấy anh ấy đã để một chân dưới huyệt rồi sao?(1) . Thôi đưa anh ấy đến nhà tôi đi, bác Mikhailô ạ! Nhà tôi còn có bò. Để tôi vắt sữa cho anh uống.

Nhưng cụ Mikhailô đã kéo chiếc cộ vào chính cửa hầm của cụ ngay giữa làng...

(1) Ý nói sắp chết.

Alếchxây thấy nằm trong hầm chật và tối. Một mẩu cây cắm ở tường đốt leo lét làm đuốc; lửa phun khói, nổ lắc rắc, thỉnh thoảng lại tóe tia sáng. Ánh sáng lập lòe chiếu sáng cái bàn làm bằng một cái thùng đạn của quân Đức, có cái cọc cắm xuống đất giữ cho vững. Những khúc cây để la liệt chung quanh dùng làm ghế ngồi. Một phụ nữ mảnh dẻ đầu chít cái khăn vuông đen kiểu bà già, đương cúi xuống bàn. Đó là chị Vácvara, người dâu út của cụ Mikhailô. Ông cụ già, tóc xám hoa râm lơ thơ, đứng bên cạnh.

Alếchxây nằm trên một tấm đệm nhồi rơm, vải sọc. Miếng da cừu chắp vá nhiều mảnh vẫn dùng làm mền. Anh ngửi thấy mùi miếng da có gì chua chua nhắc nhở anh cái gì quen thuộc, ấm cúng. Toàn thân anh rã rời, ê ẩm như bị cối đá xay. Chân anh bỏng rạn như có hai cục gạch nung đỏ đặt vào. Nhưng được nằm ấm áp, anh thấy khoan khoái vô cùng, nằm ngay đừ như thế yên ổn chắc chắn không sợ ai giơ tay lên đánh đập, không phải cử động, nghĩ ngợi, đề phòng gì cả...

Góc hầm, có một lò lửa đặt giữa hai bản đá, ngay dưới đất. Khói bóc lên tỏa ra và cuộn thành những vòng màu xanh. Alếchxây có cảm tưởng cái bàn và mái tóc bạc phơ của cụ Nikhailô, lúc nào cũng có vẽ vội vàng và hình dáng nhỏ bé của chị Vácvara, tất cả

đều dài ra, cuộn khúc và tan đi cùng một lúc với khói. Anh nhắm mắt lại. Rồi lại mở ra, giật mình thức giấc vì một luồng gió lạnh thổi ùa vào từ cửa giữa, chỗ treo một tấm màn bằng vải bạt. Một người đàn bà đứng gần, bàn tay bà còn mân mê gói đồ nhỏ vừa đặt lên, hình như trong đầu giữa hai ý cho và lấy lại. Bà thở dài nói với chị Vácvara:

- Đây là một gói bột trân châu. Trước chiến tranh đấy. Tôi định giữ cho cháu Cốt- cha. Bây giờ thì cháu Cốtcha chẳng còn cần nữa. Chị đem quấy cho người bệnh đi. Thứ bột này nấu cho con nít tốt lắm. Người bệnh hiện đang cần chính cái đó.

Bà trở ra, và nhè nhẹ đi, như để lại sau lưng bà cả cái luồng buồn bã của bà. Có người đem đến cá ướp nước đá, có người đem bánh đa nướng trên đá nung đỏ, mùi bánh nóng hỏi thơm khắp hầm.

Rồi đến em Xêriônca và em Phétca nữa. Em Xêriônca vô cửa, lật mũ theo cử chỉ của nông dân.

- Xin chào tất cả. - Em chào rồi đặt lên bàn hai cục đường còn dính thuốc lá và cám.

- Mẹ tôi bảo đưa tới. Đường ăn tốt lắm, chắc anh ấy cần. (Rồi nó quay qua nghiêm trang nói với ông). Chúng cháu trở về làng bị phá, kiếm được một cái nồi con, hai cái sẻng chưa đến nỗi cháy quá và một cái búa mất cán. Chúng cháu đã mang cả về, có lẽ xài

được việc.

Phétca đứng sau anh, thèm thuồng nhìn hai cục đường và nuốt nước miếng ừng ực.

Lâu mãi về sau, Alếchxây nhớ lại tất cả những cái đó, mới thấy rõ tất cả giá trị những đồ vật mà đồng bào đã đem cho mình; một phần ba dân làng này đã bị chết đói vào mùa đông vừa qua. Không gia đình nào không có một hay hai người chết đói.

- Cha cha! Phụ nữ, phụ nữ! Phụ nữ quí như vàng, nghe chưa, Alếchxây. Tôi nói thế đó: phụ nữ Nga ta quí như vàng. Khi nào họ đã xúc động thì đến giọt máu cuối cùng của họ, họ cũng cho. Đúng không nào?

Cụ Mikhailô vừa nói vừa nhận đồ biếu Alếchxây và vừa tiếp tục sửa sang công việc bề bộn hàng ngày: khâu lại cái dây da, chữa lại cái vòng cổ, sửa lại chiếc giày v.v...

- Còn nói về tinh thần làm việc ấy à? Cậu Alếchxây của tớ này! Ta không hơn gì họ đâu nhé. Có những anh đàn ông phải ngượng là khác nữa. Đàn bà, thì chỉ có vấn đề cái miệng lưỡi. Úi chao! Cái miệng lưỡi đó thì thật là... Bọn họ làm tôi phát điên lên, hoàn toàn điên. Khi nhà tôi chết, thật là khốn khổ cho tôi, tôi tự nhủ : "Lạy Chúa, thế là tôi yên!" Chúa liền phạt tôi. Tất cả trai tráng trong làng, ai chưa tòng ngũ khi bọn Đức đến, thì đều đi du kích hết, chỉ còn có đàn

bà. Thế là để chuộc tội, tôi trở thành viên chỉ huy của cả đoàn phụ nữ trong xã chẳng khác một con dê đực giữ cả đàn dê cái. Khốn khổ ơi là khốn khổ!

Alếchxây ghi nhớ sâu sắc tất cả những hình ảnh của làng giữa rừng sâu. Dân làng Pơlavơni bị giặc Đức cướp bóc hết. Họ bị mất đủ thứ: nào nhà cửa, dụng cụ, súc vật, đồ dụng trong nhà, quần áo, tất cả những cái gì thu góp đời này qua đời khác mới có. Bây giờ họ sống trong rừng, suốt tháng năm lo sợ đủ mọi thứ tai họa, và lúc nào cũng hồi hộp e phát xít biết được. Họ đói khổ đủ điều. Họ chết chóc, nhưng hợp tác xã không tan rã. Khi con rể cụ Mikhailô chết, cụ lên thay làm chủ tịch, đã làm đủ mọi nhiệm vụ. Cụ đã làm cho dân làng sống đúng theo nề nếp và phong tục cũ ngay ở đáy rừng sâu như vậy, và giờ đây, trong làng hầm hố này do cụ chỉ huy, việc đồng áng mùa xuân tiến hành theo từng đội, từng kíp.

Lúc trong làng bị đói kém, các chị nông dân vẫn đem tất cả lúa gom lại trong kho chung đào dưới đất. Cái gì mang theo được ở đây tuốt. Bê sinh ra sau khi bò được cứu khỏi tay bọn Đức, được săn sóc chu đáo. Bởi vậy trong lúc đói kém nhất, không ai chạm đến đàn bò chung cả. Con nít chẳng quản nguy hiểm đến tính mạng trở về làng cũ kiếm đồ, những lưỡi cày đã bị lửa hun xanh; những lưỡi cày còn dùng được, dân

làng sửa sang lại để cày vụ xuân với bò cái cũng được. Cái nào tốt tra cán để xài. Đàn bà tổ chức từng toán cắt phiên nhau đi câu, và chính nhờ câu được cá mà dân làng đã sống qua được cả mùa đông.

Cụ Mikhailô nói:

- Này, Alếchxây thân mến ạ! Con hãy coi xem đàn bà họ thế nào! Đàn bà, đã từ hàng thế kỷ rồi, lúc nào cũng bám cả hai bàn tay vào miếng ăn. Tại sao? Không phải họ hà tiện, không! Nhưng chính họ hiểu rõ giá trị của miếng bánh kiếm được. Vì chính họ nuôi con họ sống. Nói gì thì nói, chính đàn bà là người làm cho công việc trong nhà chạy đều. Con cứ coi nhà này thì rõ. Tình thế là thế đấy: một miếng cũng phải lo phải tính. Đói mà! Vậy mà tháng giêng vừa rồi, có một số du kích về làng, không phải thanh niên làng chúng tôi đâu. Đám này nghe nói là đánh ở vùng Olêninôcơ! Họ là anh em công nhân xe lửa, chúng tôi không quen biết. Họ đến ở nhờ đây và bảo là đói lắm. Vậy mà con tin thì tin, không tin thì thôi, chứ hôm sau khi ra đi, họ đầy túi bánh. Đó là nhờ phụ nữ trong làng. Trong lúc đó con cháu mấy bà phù lên vì đói, đi không nổi nữa. Đó, sự việc là thế. Nếu bác là tướng thiệt, thì khi nào giặc Đức cuốn gói rồi, bác sẽ tập trung lại những đạo quân tinh nhuệ nhất, bác cho diễu trước một chị phụ nữ mình, một chị Nga, và ra lệnh phải

bồng súng chào. Chào đàn bà. Đúng thế!

Alếchxây nằm nghe cụ già kể lể thiu thiu khoan khoái. Lắm lúc, nghe cụ nói, tay muốn rút thơ và hình cô bé trong túi cho cụ coi. Nhưng anh yếu quá, giơ tay lên không nổi. Tuy nhiên, mỗi khi bác ca tụng phụ nữ của mình, Alếchxây cảm thấy, qua lần vải áo, hơi nóng của tập thơ làm tim anh càng ấm áp.

Bận nhiều công việc trong nhà, con dâu cụ Mikhailô mỗi buổi tối cũng ngồi vào cùng bàn ấy làm việc. Lúc đầu, anh cho chị già lắm và tưởng lầm là vợ của cụ Mikhailô. Nhưng sau anh thấy rõ ra chị mới có hai mươi, hăm hai tuổi chi đó. Chị mảnh khảnh và xinh xắn. Chị thường nhìn anh với vẻ sợ hãi lo âu, hồi hộp như muốn nuốt không xong một cái gì.

Đêm tối, lúc ngọn lửa sắp tàn, tiếng dế kêu rên rỉ - con dế mà cụ Mikhailô tìm thấy trong gạch vụn làng cũ, bỏ vào chiếc bao tay, mang về "bày biện" cái hầm của cụ, cùng một lúc với vài ba dụng cụ trong bếp - khi đó Alếchxây như nghe tiếng chị khóc nhè nhẹ, trên tấm phản, răng cắn chặt gối nén tiếng thổn thức...

XVI

Sau ba ngày Alếchxây trú ở nhà này, cụ Mikhailô sáng đó, bảo anh:

- Này, chú Alếchxây ạ! Tội nghiệp con quá! Người đầy chấy rận. Thật con hôi như con bọ hung ấy! Mà con gãi cũng chẳng được nữa. Để bác sẽ tắm cho con. Con nghĩ sao? Bác tắm cho, bác kỳ cọ cho. Cực khổ quá rồi, giờ phải tắm một trận cho sướng, con ạ!... Nhé!

Thế là bác sửa soạn tắm nước nóng cho anh. Bác đốt một bếp lửa lớn đến nỗi đá lò nung nóng nứt nẻ cả. Chị Vácvara lo khiêng nước đến trong một cái thùng cũ. Đất rãi rác đầy rơm vàng ánh. Cụ Mikhailô cởi trần rá, chỉ còn bận một quần cụt. Cụ hòa tro để tắm trong một xô nước, tước một miếng vỏ gai ngửi như thấy mùi mùa hè. Gian nhà trở nên ấm, hơi nước đọng trên trần hầm, những giọt nước lạnh giỏ xuống.

Cụ già chạy vội ra ngoài, kéo tảng đá nung đỏ trên một tấm tôn Quắng nó vào thùng nước. Hơi nước nóng xông lên, bay lên trần và cuộn thành những vòng tròn trắng. Chẳng thấy gì cả nữa, và Alếchxây thấy ông già đưa tay cởi áo quần cho anh. Chị Vácvara giúp cụ. Chị đã cởi bỏ áo trễn gòn và vuông khăn chít đầu. Tóc chị dày, thường che dưới vuông vải thủng lỗ chị vẫn bịt đầu, nay tỏa ra và xõa xuống vai. Thật là một sự biến dạng. Bà già thấp bé ấy đã trở thành một cô gái nhỏ nhắn, lẹ làng, với đôi mắt bồ câu. Sự hiển hiện bất ngờ ấy làm cho Alếchxây tới đó không để ý gì đến chị, bỗng giật mình mắc cỡ vì mình trần truồng.

- Yên con! Alếchxây con! Không sao cả, con quý ơi! Yên. Ở Phần Lan nghe đâu đàn ông đàn bà họ tắm chung cả đấy. Có thật thế hay không, kệ họ! Em Vácvara, thì con cứ cho như là một y tá đương chăm sóc cho thương binh ấy mà! Đừng ngượng ngùng gì vì nó cả! Này giữ lấy anh, để tao cởi luôn Cái áo lót cho anh. Áo mục cả, cởi là tả tơi ra từng miếng một thế này, chợt thấy trong cặp mắt lớn, đen nháy của người thiếu phụ có vẻ gì gớm ghiếc. Qua làn hơi nước, lần đầu tiên từ cái tai nạn hôm trước, anh lại thấy thân thể anh. Trên rơm vàng ánh lót dưới đất, một bộ xương người đặt nằm, xương bọc một lần da đen xạm. Xương hông và xương gối chìa ra, nhọn hoắt, bụng

hỏm vô dưới lồng xương ngực lòi ra.

Cụ Mikhailô loay hoay bên xô nước. Cụ nhúng nắm sợi vô nước xám và nhờn định cọ mình cho anh. Qua hơi nước, cụ chợt thấy rõ thân hình anh ốm quá, và tay cụ đương giơ lên, và cứ giữ nguyên như vậy:

- Khổ quá, sao mà đến nỗi này. Con đã thoát vuốt bọn Đức nhưng không biết bây giờ liệu có thoát khỏi cái chết không đây?

Bỗng cụ lên tiếng quở chị Vácvara đương đỡ Alếchxây:

- Nhìn cái quái gì mà dữ vậy? Mà tại sao mày cắn môi chứ? Con bé đốn đời! Đàn ông người ta đương trần truồng, đàn bà chúng bay đứa nào cũng như đứa nào. Thật là cái giống khốn kiếp. Còn con, thì đừng lo gì, con ạ! Bọn bác ở đây xoay xở lôi con ra khỏi tay cái chết, thế nào cũng cứu được mà! Bọn bác sẽ cứu con, sẽ chữa con khỏi mà, đừng lo gì.

Khéo léo, cẩn thận, cụ tắm cho Alếchxây như tắm cho con nít. Cụ lật anh lại, cụ xối nước xong, cụ kỳ cọ anh đến nỗi làm cho những khớp xương dô ra của anh kêu răng rắc.

Chị Vácvara lặng lẽ giúp cụ.

Lời rầy la của cụ thật là oan cho chị. Chị đâu có muốn nhìn bộ xương người gớm ghiếc đương ỳ trơ

trên tay chị. Chị ráng nhìn thẳng trước mặt chị mà thôi, nhưng mỗi khi qua hơi nước mờ mờ, chị không muốn mà vẫn cứ thấy chân anh hay tay anh, thì một tia gớm ghiếc lóe trong mắt chị. Chị cảm thấy hình như nằm trước mặt chị không phải là thân thể người phi công lạ tình cờ lạc đến với gia đình chị, mà chính là thân hình Misa, chồng chị. Chị mới được gần gũi chồng vẻn vẹn có một mùa xuân. Chàng thanh niên nọ, mạnh khỏe, mặt lấm tấm những vết tàn hương lớn trên nước da trắng trẻo, như không có lông mày, cánh tay gân guốc, bọn phát xít đã làm thân hình anh như thế này đây. Chị tưởng tượng cái thân hình chị đương nâng đỡ, cái thân ma này, không phải là ai xa lạ mà chính là thân hình kiệt lực của Misa. Chị thấy lòng đau xót ghê gớm, mắt hoa đi, môi phải cắn chặt để khỏi té xỉu.

Alếchxây thấy mình nằm trên tấm nệm, bằng một chiếc sơ mi dài rộng của cụ Mikhailô, khâu vá lung tung, nhưng sạch sẽ và êm êm. Anh thấy mát mẻ và toàn thân khoan khoái. Anh tắm xong, hơi khói bốc ra khỏi hầm qua một cái lỗ trên lò, chị Vácvara cho anh uống nước thuốc nấu bằng lá cây rừng ám mùi khói. Anh uống từng hớp nhỏ, nhấm nháp với hai cục đường do các em nhỏ đã đem đến được chị Vácvara nghiền nhỏ và đã để lên mảnh vỏ bu- lô cho anh dùng. Rồi anh ngủ thiếp đi, một giấc ngủ ngon lành,

lần thứ nhất không mơ.

Anh sực tỉnh dậy khi nghe tiếng hai người bàn tán. Hầm tối lắm, ngọn đuốc chỉ le lói không đủ sáng. Trong bóng tối và khói mù, tiếng mụ Mikhailô lanh lảnh :

- Đầu với óc! Đầu óc bà để đâu mới được chứ! Người ta nhịn đói mười một ngày trời rồi, không có một hột trong bụng, lại vác trứng buộc lại. Trứng luộc ăn sao được. Chị muốn người ta chết sao? Mà bây giờ đâu có cần trứng, bây giờ cần nước súp gà. Rồi bỗng giọng ông già dịu lại như cầu xin :

- Bây giờ không phải lúc anh ta ăn trứng, bà Vaxilixa ạ! Anh ta cần bây giờ là cần canh gà. Có cái đó, anh ta mới sống trở lại được. Vậy thì còn con "Du kích" của bà?...

Tiếng một bà già cứng cỏi và nghe khó chịu chặn lại như kinh khủng :

- Cho nó ấy à? Không đời nào đâu! Không, không là không. Ông muốn nói gì tôi cũng không chịu đâu. Cụ quỷ sứ già ơi! Đừng có nói nhiều nữa. Chuyện với trò! Con "Du kích" của tôi, tôi yêu nó thế mà đem nấu canh sao? Khuân được lắm thứ đến đây đấy hẳn, mà ông cho nó ấy à? Không đời nào đâu! Không, không là tưởng đã đến lúc đình đám đấy hả? Ông nghĩ với ngợi gì thế?

- Bà Vaxilixa này! Bà không mắc cỡ sao? Làm như bà không có hai đứa con ra trận ấy? Người ta đã phải hy sinh cả da cả thịt, người ta đã phải đổ máu vì mình...

- Tôi không cần máu mủ anh ta? Tôi có hai con tôi đổ máu cho tôi rồi. Thôi đừng nài nỉ gì cả. Tôi nói không được đâu. Tôi đã nói không thì không có đâu nhé.

Bóng một bà già lướt ra phía cửa hầm và cửa hé để lọt ánh sáng xuân tràn vô trong hầm. Alếchxây chói mắt, nhắm mắt lại, khẽ rên. Cụ Mikhailô lại gần anh :

Con không ngủ sao? Con có nghe nói chuyện không?

- Nghe thấy hả? Xin con, Alếchxây ạ! Đừng tưởng mụ ta tồi, đừng phê phán mụ theo như lời mụ ta nói nhé! Mụ nói thế nhưng trong lòng tốt lắm. Đừng tưởng mụ keo kiệt không cho mình con gà. Không phải thế đâu Alếchxây, con ạ! Con có biết bọn giặc Đức đã tàn sát gia đình mụ không: gia đình đông lắm, mười người. Mười người bị bọn Đức giết mất cả!

Con lớn của mụ là Đại tá. Bọn Đức biết vậy liền bắt cả gia đình, trừ mụ. Rồi chúng chôn luôn tất cả trong một hố. Nhà mụ bị đốt rụi. Tuổi mụ lớn vậy rồi mà không có nhà, không bà con nữa, thực cực khổ quá. Mụ chỉ còn cứu được một con gà mái, chỉ một con

thôi. Nhưng con gà đó khôn ngoan sao, Aliêusa con ôi! Ngay tuần đầu đến làng, giặc Đức đã bắt tất cả gà vịt trong làng, không để lại một con nào. Bọn Đức ham gà vịt của mình lắm. Câu đầu tiên đứa nào cũng nói là: "Bà già này, có gà không?". Có lẽ tất cả gà mái đều bị bắt hết, trừ con gà ấy. Thực không phải là con gà nữa, mà là một nhà nghệ sĩ vậy! Khi bọn Đức vô sân nhà, thì nó đã lên vựa lúa, và nó đứng im để mọi người quên nó đi. Không nghe tiếng nó nữa. Những người như ta nó đâu có sợ, nó cứ đi đi lại lại! Chịu không biết làm sao nó nhẩy ra được khỏi bọn giặc Đức. Dầu sao cả làng này chỉ có mình con gà mái ấy là thoát tay Đức. Từ đó cái con gà tinh ranh đó, ở đây kêu nó là con "Du-kích".

Mở mắt, nhưng Alếchxây thiêm thiếp. Đó là một thói quen từ khi anh vào rừng. Anh nằm yên làm cụ Mikhailô lo sợ. Sau khi quanh quẩn trong hầm, rồi đến gần cái bàn, loay hoay cái này cái khác, cụ lại nói tiếp:

- Đừng cho mụ ta là tồi, Alếchxây nhé! Con, con là một anh chàng tốt, con phải hiểu mụ ấy. Trước kia mụ cũng như cây bu- lô già nằm trong rừng rộng, được chắn gió, giờ thì mụ như một khúc gốc, đương bị đẵn vậy. Con gà là vật duy nhất an ủi mụ. Sao con không nói gì. Này con! Con ngủ à? À, thế thì tốt, phải ngủ.

Thôi ngủ đi con!

Anh nằm mà không ngủ được. Da cừu anh dùng để đắp bay lên mùi bánh cũ, mùi nhà cửa cũ kỹ ở thôn quê. Anh nghe tiếng dế kêu êm ả, anh không muốn cử động tí ti nào. Mình anh như là không có xương vậy; thật như ai nhồi bông ấm vào anh, và trong bông ấm, anh thấy máu chảy dồn dập. Chân anh bị kẹp và sưng lên đau đớn, anh không muốn quay mình hay động đậy.

Trong tình trạng nữa mê nữa tỉnh ấy, cảnh gian hầm hiện ra trước mắt anh chỉ từng lúc, như không phải anh đương sống thực, mà y như những hình ảnh lộn xộn và kỳ lạ chiếu trên tấm màn trước mặt anh.

Mùa xuân đã bắt đầu. Làng lẩn tránh này sống những ngày vất vưởng nhất. Lương thực giấu giếm được trước khi đi đã đào ngầm ban đêm, dưới những đống gạch vụn nát đem lần tới rừng ăn hết. Đấy là lúc băng tuyết tan. Nhà hầm đào vội, nhiều chỗ đã thấy nước ứa ra như khóc vậy; đất mềm cả ra. Đàn ông đánh du kích ở miền Olêninô, gần đây thỉnh thoảng đã tìm được cách lần về làng hầm ban đêm thăm người nhà. Nay giữa họ và làng đã bị mặt trận cắt làm đôi. Trong làng không được tin của họ nữa. Đó lại thêm một mối lo âu cho các phụ nữ, đã xiết bao khổ sở. Rồi xuân tới, tuyết tan họ bắt đầu phải nghĩ

đến ngày cấy, đến vườn tược.

Các bà, các chị đi lang thang, lo buồn, cau có. Họ cãi lộn nhau chí chóe về đủ chuyện trong hầm cụ Mikhailô.

Có lần ông cụ về nhà có vẻ lo nhưng vui lòng. Cụ cầm một nhánh cỏ xanh và cẩn thận đặt trên bàn tay chai của cụ cho Alếchxây coi.

- Con thấy không con. Bác ở đồng về. Trên mặt đất, băng bắt đầu tan rồi. Cám ơn trời: lúa mùa đông có vẻ tốt lắm. Tuyết nhiều lắm. Bác có theo dõi kỹ. Nếu cùng lắm lúa mùa xuân có thất bát thì vẫn cứ còn thứ "lúa" này ăn tạm. Bác đi báo cho họ biết để họ mừng. Cũng phải cho họ thích thích một tí chứ nhỉ: tội nghiệp?

Thế là nhánh lúa xanh cụ Mikhailô ở đồng mới đem về đã gieo rắc bao hy vọng mới trong lòng phụ nữ, họ kéo đến trước hầm léo nhéo chuyện trò chẳng khác một đàn chim khách khi mùa xuân đến. Trời tối, cụ Mikhailô xoa tay:

- Thế là các vị bộ trưởng tóc dài của bác đã cùng bác quyết định. Này nhé, Alếchxây này! Một đội sẽ lấy bò mà cày ruộng, cày ở một chỗ đất lõm, nên cày nặng lắm. Ấy vậy mà chỉ còn sáu con bò nhỏ để cày cho cả làng. Trên ruộng cao sẽ có một đội khác lấy

mai và sà beng mà làm, đất ở đấy khô hơn. Rồi một đội thứ ba sửa sang chỗ trồng khoai tây. Việc này thì dễ hơn: con nít với các cô nào, bà nào yếu nhất cũng làm được . Với lại này! Con nhỉ! Có lẽ đến lúc đó thì chánh phủ cũng giúp được một phần rồi. Mà nếu chánh phủ chưa giúp được thì lại tự lực cánh sinh, cũng xong. Loay hoay thế nào thì loay hoay, nhưng đất không bỏ hoang. Bây giờ bọn giặc Đức đã bị tống cổ thế là nhất định cái gì rồi cũng xong. Dân làng thiệt là bền bỉ, thế nào họ cũng cứ chịu đựng được!

Ông cụ ngủ chẳng được. Cụ trở mình trên đống rơm, cụ lẩm bẩm, cụ gãi cọ, cụ kêu than:

- Trời, thật là... Chúa ơi! Thật là...

Cụ thức dậy mấy lần, đến xô nước, lấy nước uống. Cụ lò mò đi, rồi uống ừng ực từng hơi, như con ngựa bướng. Cuối cùng, không chịu được nữa, cụ bật cái bật lửa, đốt một miếng vỏ bào và đến sờ Alếchxây. Anh vẫn nằm, mắt mở, nửa mê nửa tỉnh.

- Ngủ không đấy, Alếchxây con? Bác cứ nhớ mãi cái chuyện ấy. Con biết chuyện gì đấy nhỉ: chuyện cây sến nhỏ ở làng bác ấy mà, ở cái chỗ mọi người từ xưa thường qua lại. Ba mươi năm trước, thời ta đánh nhau với tên Nicôlai, cây bị sét đánh gẫy ngọn. Nhưng sến ta có rể khỏe lắm, mạnh lắm, nhựa nhiều. Mọc phía trên không được nữa thế là đâm chồi ngang, và bây giờ

thì con ra mà coi, cành lá nó xum xuê. Làng Pơlavơni này cũng như cây sến đó: Chỉ cần là có nắng soi sáng, có đất màu mỡ, và có chính quyền của ta, con sẽ coi, Alếchxây con ạ! Chỉ năm năm nữa lại sẽ đủ cả như trước. Chẳng còn chuyện gì lôi thôi cả nữa! Ha ha... mong sao chiến tranh chấm dứt đi, mong sao ta đánh chúng nó thua liểng xiểng. Con nghĩ sao?

Đêm nay anh thấy khó chịu hơn các đêm trước.

Tắm rồi, mọi bộ phận trong người anh như được khuấy động; anh như được kéo ra khỏi tình trạng mòn mỏi tiêu hao dần dần. Anh bỗng nhiên cảm thấy sâu sắc hơn bao giờ hết sự mệt mỏi quá sức của toàn thân anh và cái đau đớn nơi đôi chân. Anh nói sảng trong một cơn nửa thức nửa mê. Anh quằn quại trên ổ rơm, rên rỉ, nghiến răng, kêu la, đòi hỏi.

Chị Vácvara thức sáng đêm, ngồi coi anh, cầm tỳ nơi đầu gối. Chị mở to cặp mắt buồn,, đau đớn nhìn bệnh nhân. Thỉnh thoảng chị thấm nước lạnh vào khăn bông đắp lên đầu anh, lên ngực anh; chị đắp lại cho anh tấm da cừu mà anh cứ choãi đẩy ra mãi. Vừa làm, chị vừa nghĩ tới chồng chị, giờ đây đang ở xa, xông pha nơi trận tuyến...

Cụ Mikhailô thức dậy sớm lắm. Cụ muốn nhìn thấy anh đã dịu và thiếp đi ngủ yên. Cụ thì thầm bên tai nàng dâu dặn dò ít lời, rồi sắm sửa ra đi. Cụ choàng

lên đôi ủng da những miếng cao su mà cụ đã tự tay cắt ra từ một cái ruột xe hơi, cụ lấy một sợi dây gai buộc áo khoác, cầm cây gậy đã từng mài nhẵn, cụ thường dùng để đi xa.

Rồi cụ đi mà không nói gì với Alếchxây cả.

XVII

Mêrétxép mê mệt đến nỗi không để ý biết chủ nhà đã đi khỏi. Mê man luôn một ngày nữa, mãi sáng hôm sau nữa anh mới tỉnh. Lúc đó mặt trời đã lên cao, từ trên trần hầm lọt xuống chân anh một luồng ánh nắng đặc, nó xuyên qua khói biêng biếc của lò bếp và không làm tan bóng tối, lại khiến cho bóng tối như dầy thêm.

Hầm trống không. Tiếng chị Vácvara khẽ và khan khan từ ngoài cửa hầm trên cao vọng vô. Có lẽ chị đang làm chi đó, vừa làm chị vừa hát một bài dân ca thông thường của vùng rừng rú này. Đó là lời than của một cây dâu trơ trọi tưởng nhớ tới cây sến cũng trơ trọi một mình ở xa xa.

Alếchxây đã từng nghe bài này nhiều lần. Các cô thiếu nữ những thôn lân cận thường hát khi các cô từng đoàn vui vẻ kéo đến giúp sang bằng hay dọn dẹp

sân bay. Anh thích điệu ca lê thê và đượm buồn đó, nhưng cho tới nay anh chưa hề để ý tới lời ca.

Trong không khí căng thẳng hồi còn chiến đấu, những lời ca ấy không nhập vào ý thức anh. Nhưng hôm nay lời ca, từ miệng người chinh phụ trẻ tuổi có cặp mắt đẹp này, xúc động một cách sâu sắc. Lời ca biểu lộ không chút che giấu tấm lòng lo buồn của chị, và Alếchxây, qua bài ngâm, cảm thấy rõ tận trong đáy lòng mình, tất cả tấm lòng tha thiết của chị Vácvara đang nghĩ tới ai cũng như cành dâu mỏng mảnh nọ đang nghĩ tới sến xa xôi của mình.

Em dâu đành mãi một mình
Sống xa anh sến hữu tình, than ôi!
Số dâu muôn kiếp thế thôi
Run run như đứa trẻ côi khác nào.

Chị hát như vậy, tiếng chị hát nghẹn ngào như đượm những giọt lệ chân thành. Khi chị không hát nữa Alếchxây tưởng tượng chị ngồi dưới gốc cây chan hòa nắng xuân, nét mặt buồn, lệ lưng tròng mắt. Anh thấy mình cũng nghẹn ngào y hệt chị, và anh muốn lấy gói thư của anh giữ trong túi áo ra đọc một lượt, tuy anh đã thuộc lầu. Anh muốn ngắm nghía tấm hình người thiếu nữ mảnh dẻ ngồi trên đồng cỏ. Anh định giơ tay kéo cái áo, nhưng anh không cất nổi, tay rã rời trên ổ rơm. Rồi tất cả lại mờ mờ xám xám; những

vòng ánh sáng muôn màu lướt qua. Trong bóng tối, lâu lâu có những tiếng kẹt, anh nghe thấy giọng hai người: tiếng chị Vácvara và tiếng một người đàn bà khác, có tuổi hơn mà anh cũng đã nghe thấy. Tiếng nói thì thầm:

- Không ăn à?

- Ăn gì! Hôm qua có nhai mấy mẩu bánh, nhưng mửa liền. Thế là ăn à? Có uống mấy hớp sữa. Ở đằng này có cho uống...

- Vì là, này, trông! Tôi mang ít súp đến cho anh ta. Có lẽ hợp vị anh ta hơn!

Chị Vácvara kêu lên:

- Thím Vaxilixa! Chẳng lẽ thím đã...

- Ừ đúng đấy. Nước súp gà đấy! Thế thì có gì là lạ? Việc thường thế thôi mà! Kêu anh ấy dậy coi. Nài thêm vào, may ra anh ta ăn được.

Alếchxây nghe câu chuyện như người trong mộng. Anh chưa kịp mở mắt thì chị Vácvara đã lay mạnh anh, chẳng dè dặt gì cả, vì chị mừng quá:

- Alếchxây! Alếchxây này! Dậy! Thím Vaxilixa cho súp gà đấy! Dậy mà ăn. Bảo mà!

Ngọn lửa cắm gần nhà vẫn le lói. Trong ánh sáng bập bùng và mờ khói ấy, anh thấy một bà già, nhỏ bé, lưng còng, mặt dài, nhăn nheo và cau có. Bà già đang

xum xoe mở cái gói lớn để ở bàn. Bà tháo nút một mảnh vải bao bố, rồi nút một vuông khăn chít đầu cũ; cuối cùng, bà bỏ lần giấy độn, ở trong lộ ra cái nồi gang. Mùi súp gà ngon thơm, béo ngậy xông lên trong gian hầm, dạ dày Alếchxây như muốn chuyển.

Nét mặt nhăn nheo của thím Vaxilixa chẳng tươi lên chút nào.

- Tôi làm cho anh ăn đó. Vui lòng mà ăn, anh nhé! Ăn rồi thì may ra... nhờ trời, khá ra.

Alếchxây nhớ lại câu chuyện thảm thương của cả một gia đình bà già này bị tàn sát, và cả câu chuyện con gà khôn ngoan này được tăng cái biệt hiệu buồn cười là con "Du- kích". Tất cả những hình ảnh: nào bà già, nào Vácvara, nào cái nồi thơm ngon, đều hòa lẫn trong mắt anh, nước mắt trào ra. Bấy giờ anh mới thấy bà già nhìn anh với cặp mắt nghiêm nghị, nhưng chan chứa ái ngại, yêu thương.

Lúc bà sắp đi ra phía cửa, anh cố nói không thành tiếng:

- Cám ơn, má!

Bà già ra đến cửa rồi, nói với lại:

- Thôi đừng cám ơn! Sao lại cám ơn! Các con của má cũng ở mặt trận. Có lúc cũng có người cho chúng nó ăn súp không chừng. Ăn cho ngon đi con! Ăn cho

mau lành.

- Má, má!

Alếchxây vươn cả mình lên mà nói, nhưng chị Vácvara đỡ anh lại, dìu anh lại nằm xuống ổ rơm.

- Thôi mà! Nằm yên. Đừng cử động mạnh! Anh ăn chút súp này đi thì hơn.

Không có đĩa, chị Vácvara đưa cho anh một cái nắp "gà- mên" cũ của Đức để đựng nước súp, mùi thơm bốc lên ngon lành. Chìa cái nắp gà mên cho anh, chị quay mặt đi, chắc để giấu lệ mà chị không ngăn được trào ra mắt.

- Ăn đi anh!

- Thế bác Mikhailô đâu? Chị!

- Ba tôi đi khỏi, có chuyện. Ba tôi đi kiếm chính quyền vùng. Có lẽ không về ngay đâu. Nhưng thôi anh ăn đi!

Và gần sát mặt anh, anh thấy một chiếc muỗng bằng gỗ lớn đã mòn cạnh, đầy nước súp vàng ánh. Những muỗng nước súp ngon lành làm anh thèm thuồng vô cùng, dạ dày anh vừa đòi hỏi, vừa quặn đau. Nhưng anh tự hạn chế mười muỗng và ăn vài miếng thịt nạc trắng và mịn. Dạ dày anh còn đòi hỏi thêm nữa, muốn ngấu nghiến, nhưng anh cương quyết đẩy món ăn ra vì anh biết rằng trong trường hợp anh mà ăn

nhiều là có thể chết ngay.

Nước súp của bà già hiệu quả như thần. Vừa ăn xong Alếchxây đã ngủ được liền. Anh không ngủ mê man như những hôm trước, mà ngủ ngon lành say sưa, khỏe mạnh. Anh thức dậy, ăn thêm rồi lại ngủ, ngủ không có gì làm anh thức dậy được, dù khói trong hầm tỏa ra, dù tiếng mấy bà rì rào nói chuyện, dù chị Vácvara sợ anh chết lúc nào không biết, nên lâu lâu lại cuối xuống đặt tay thăm dò người anh xem có còn thở không.

Anh quả là vẫn sống. Tim anh đập đều, hơi thở mạnh. Anh ngủ suốt ngày đó, rồi suốt đêm, hình như không có sức mạnh nào trên đời này có thể ngăn giấc ngủ của anh.

Nhưng sáng ra, sớm tinh sương, anh nghe thấy một tiếng động từ xa, tiếng động đều đều, xen lẫn với tiếng cây rừng rào rạt. Anh giật nẩy mình, và toàn thân vận sức, anh nâng đầu xa mặt gối.

Anh sung sướng hân hoan quá đỗi. Anh ngây người ra, mắt sáng lên. Đá kê lò nguội đi kêu răng rắc, dế thao thức suốt đêm trường mỏi mệt còn rền rĩ và từng hồi nghe thấy phía trên hầm, tiếng thông lớn bình tĩnh reo, tiếng tuyết tan rớt lách tách từng giọt lớn trước cửa hầm. Những tiếng động ấy vẫn không làm cho anh nghe rõ một tiếng vo vo đều đặn. Nghe

tiếng, anh nhận được đó là tiếng động cơ chiếc máy bay kiểu U.2. Tiếng máy khi gần và lớn hơn lên, khi trầm hơn nhưng không lúc nào xa đi. Alếchxây nghẹt thở. Máy bay không xa, rõ ràng là thế, nó đang lượn trên rừng này như kiếm chỗ hạ cánh xuống.

Anh cố chống tay lên, miệng kêu:

- Chị Varia, Varia!

Nhưng chị Vácvara đi khỏi. Từ ngoài cửa, tiếng đàn bà nói láo nháo, tiếng chân chạy gấp. Nhất định có chuyện gì xảy ra.

Một lát cánh cửa hé mở, gương mặt có vết cám của em Phê- đi- a (tức Phétca) lộ ra. Em kêu lớn:

- Dì Varia! Dì Varia!

Và em cuống quýt:

- Nó lượn, nó quay ngay trên đầu chúng ta...

Anh chưa kịp hỏi gì thì em đã chạy mất.

Anh cố hết sức chống tay ngồi dậy. Tim anh đập mạnh, máu chạy mau khắp mình. Máu đập mạnh ở thái dương anh, ở chân anh, đau đớn. Anh đếm vòng máy bay lượn trên không: một hai, ba... rồi anh té xuống nệm, quá xúc động, anh thiếp đi ngủ một lần nữa say sưa, hồi lại sức.

Anh thức giấc vì nghe thấy một giọng nói trẻ trung,

một giọng nói trầm mà to như sấm, một giọng nói mà dù giữa một nghìn giọng khác anh cũng nhận ra liền. Cả trung đoàn phi cơ săn giặc, chỉ có một người là có giọng nói đó: đó là viên chỉ huy phi đội Ăngđơrây Đếchcharencô.

Anh mở mắt và vẫn tưởng là mình còn đang ngủ, tưởng đang mê thấy khuôn mặt của bạn anh.

Đếchcharencô ầm ầm hỏi:

- Bố ơi! Chiến lợi phẩm của bố đâu cho coi nào!

Thì ra đây không phải là một cái hình trong mộng, nó không tan đi. Quả đây là Đếchcharencô, bạn anh, dù rằng anh không thể ngờ bạn anh có thể kiếm anh ở só làng hẻm này, thăm thẳm tận đáy rừng. Bạn anh, to lớn, lênh khênh, vai rộng, áo phanh ngực ra theo thường lệ, đang đứng trước mặt anh. Anh mang trong tay cái mũ phi công, dây vô tuyến điện lòng thòng, cùng những gói đồ đủ thứ. Đuốc chiếu ngược ánh sáng. Tóc anh ngắn tủn quanh đầu như một vòng hào quang vàng nho nhỏ.

Sau lưng Đếchcharencô là cụ Mikhailô mặt xanh lợt, coi bộ mệt lả, mắt mở hau háu, vì cảm động quá. Bên cạnh là Lênốtka, chị y tá, tay mang một túi vải Hồng thập tự và ôm ghì ngực một bó hoa là lạ.

Mọi người yên lặng hồi lâu. Ăngđơrây Đếchcharencô

bị quáng vì tối nên đương nhìn dò dẫm khắp nhà. Một đôi lần, mắt của Ăngđơrây nhìn qua mặt của Alếchxây mà anh không nhận ra. Còn Alếchxây tuy đã thấy mặt của bạn anh, nhưng anh không ngờ, vẫn tưởng mê hoảng.

Chị Varia vạch tấm lông cừu, đắp trên người Mêrétxép nói khẽ:

- Ối trời ơi! Chính là anh ta đó mà!

Đếchcharencô nhìn trở lại tận mặt Alếchxây một cách bàng hoàng.

Alếchxây gắng gượng chống khuỷu tay vươn dậy, nói:

- Ăngđơrây!

Phi công nhìn anh, không giấu nổi ngạc nhiên kinh hãi.

Mêrétxép toàn thân run rẩy, lẩm nhẩm:

- Ăngđơrây, không nhận ra tôi sao?

Ăngđơrây một lúc lâu nữa nhìn bạn chỉ còn là một bộ xương còn sống, ngoài bọc da đen xì như bị đốt xám. Anh cố tìm ra nét tươi vui cũ của bạn. Chỉ trong cặp mắt mênh mông, gần như tròn của Alếchxây, anh mới thấy hình dáng quen thuộc của Mêrétxép, bạn anh, coi vừa bướng bỉnh vừa trung kiên. Anh giơ tay,

mũ cùng mọi gói đồ to nhỏ đều rớt xuống đất nện chặt: táo, cam, bích quy lăn tứ tung.

- Alếchxây, Alếchxây đấy à? - Giọng anh đượm lệ, mi anh dài và như không màu sắc, ươn ướt. Alếchxây ơi! Alếchxây!

Anh ôm người bạn ốm yếu nhẹ bỗng bằng đứa con nít, lôi ra khỏi giường, ghì vào ngực và kêu hoài:

- Alếchxây của tớ ơi! Alếchxây!

Một lát, anh buông Mêrétxép xuống, lui lại và ngắm ngắm nghía nghía, như coi kỹ quả thực là bạn mình, rồi anh lại ghì chặt vào lòng:

- Đúng phải rồi, thực quả là mi rồi. Alếchxây ơi! Cái thằng quái thằng quỷ này!

Chị Varia và chị y tá Lênốtca phải ra sức gỡ thân hình ma dại của Alếchxây ra khỏi sức ghì của Đếchcharencô, hai tay khô cứng như cẳng gấu vậy.

Chị Varia phát giận lên:

- Buông ra nào, chao ôi! Anh ấy muốn chết rồi.

Chị y tá thì nói:

- Ấy coi nào, xúc cảm thế không tốt đâu! Ấy coi nào...

Và chị cuống cuồng lên, nhắc đi nhắc lại mãi câu:

"Ấy coi mà, ấy coi mà".

Khi Đếchcharencô đã nhận rõ cái người đen đủi này, già đi, nhẹ như chẳng còn gì cả nữa, chính là Alếchxây Mêrétxép bạn anh, người bạn chiến đấu vào sinh ra tử, mà ở trung đoàn cũng tưởng là đã chết rồi, anh giơ cả hai tay ôm lấy đầu bạn và rú lên một tiếng mừng rỡ. Ăngđơrây lại ôm lấy ngang vai anh, nhìn thẳng vào đôi mắt đen láy của anh đang sáng lên nỗi mừng trong quầng mắt thâm. Và kêu ầm lên:

- Sống! Nỡm ơi là nỡm! Nhưng thằng trời đánh thánh vật kia ơi! Mi ở đâu từ bữa đó tới nay! Hả ông quái?

Chị y tá mà cả trung đoàn cứ gọi trống không là Lê nốtca, mặc dầu chị đeo lon trung úy, hay lại còn gọi trêu "nữ y tá y khoa" thấy Ăngđơrây làm quá, nên chị nghiêm khắc cản:

- Ấy coi nào, đồng chí đại úy, đồng chí để cho bệnh nhân nằm yên nào...

Chị đặt lên bàn bó hoa, hôm trước phải cho đi máy bay đến thị trấn mà kiếm mới có, nhưng lúc đó tỏ ra thực là vô dụng, và chị mở túi hồng thập tự lấy đồ nghe ra nghe thương binh. Ngón tay nhỏ bé của chị sờ chân Mêrétxép, chị đưa tay mau và hỏi hoài:

- Có đau không anh? Chỗ này? Chỗ này?

Đó là lần đầu Mêrétxép chú ý thực tới chân mình. Hai chân anh sưng lớn trông phù gớm ghiếc và tím ngắt. Hơi rờ tới đã đau đớn và chuyển nhói khắp mình. Điểm mà chị y tá lo nhất là đầu ngón chân anh đã đen xì mà lúc chị đụng vào chị không thấy anh kêu đau.

Cụ Mikhailô và Đếchcharencô ngồi ở bàn. Hai người tuyết vài hơi trong bình rượu của phi công để ăn mừng, rồi chuyện trò vui vẻ. Cụ cất giọng lanh lảnh và run run, kể câu chuyện của Mêrétxép mà rõ ràng là không phải cụ kể lần đầu tiên:

- Ấy đó, mấy cháu nó lùng kiếm ở chỗ xưởng gỗ. Chỗ đó bọn Đức trước hay đến chặt cây để kéo về làm trại. Má chúng nó, tức là con gái tôi, cho cháu đến bó củi nhỏ. Hai cháu gặp anh ở đó. Úi chao ôi! Mới lạ làm sao chớ! Thoạt tiên hai đứa tưởng anh là con gấu, một con gấu bị thương bò lăn dưới đất. Tụi nó bỏ chạy. Sau vì tò mò tụi nó trở lại, muốn coi xem con gấu gì thế? Và tại sao gấu ta lại lăn dưới đất? Anh tưởng tượng coi. Tụi nó nhìn, và tụi nó thấy anh vừa lăn mình vừa rên rỉ.

Đếchcharencô có vẻ mặt hoài nghi:

- Lăn thế nào cơ?

Rồi anh đưa thuốc mời cụ Mikhailô:

- Cụ hút thuốc!

Cụ già cầm điếu thuốc rồi móc túi lấy một mẩu giấy nhật trình, cẩn thận, xé lấy một miếng vuông, rồi đổ chỗ thuốc của điếu thuốc vào, cuộn lại hút phì phèo, khoái trí lắm.

- Hút chứ. Sao lại không? Hồi Đức còn ở đây, thuốc lá làm gì có mà hút, hút rêu và lá khô thì có. Ấy thế đấy... À, anh vừa hỏi tôi không biết anh ấy lăn thế nào? Tôi, thì tôi không thấy. Mấy đứa nhỏ nói thấy anh lăn như thế này này: lăn bằng lưng, bằng bụng, bằng bụng lại bằng lưng... Hình như anh không còn sức bò trên tuyết nữa nên phải lăn. Anh ấy là một anh chàng như thế đấy.

Đếchcharencô cứ muốn vùng lên xem bạn đương được hai chị săn sóc; hai chị lấy mềm xám bộ đội do chị y tá đem đến, bọc toàn thân Alếchxây.

- Thôi, ngồi yên nào, cái anh này, ngồi yên. Bọc cu cậu vào đã, không phải việc của đàn ông chúng mình. Hãy nghe tôi nói tiếp nào, để rồi mà về báo cáo cho cấp trên. Anh chàng này thực đã làm một việc khác thường đấy nhé, cứ nghe tôi! Cả tuần nay, dân làng này lo cho anh, còn anh thì một ngón tay út cũng không động đậy được. Vậy mà anh đã lấy sức ở đâu không biết để bò qua rừng, qua truông. Không dễ gì mà kiếm được một người mà hạng như anh đâu nhé! Thần thánh trên trời cũng chẳng làm nổi như vậy. Ừ

mà thần thánh thì chỉ cứ suốt đời ở trên bệ thôi nhỉ; làm thần thánh như thế chả khó gì. Không nào, nghe người ta với chứ, con! Nghe này...

Cụ già cuối xuống tận gần tai Ăngđơrây, mấy sợi râu trong chòm râu nho nhỏ chạm vào da mặt anh.

- Tôi chỉ còn sợ anh ấy không qua nổi, Đức không bắt được anh, nhưng anh có thoát nổi... cái chết không... Anh chỉ còn xương thôi, chẳng biết anh làm thế nào mà tiến lên được. Chắc phải có cái sức gì ghê gớm lắm nó hút anh đến với đồng bào, đồng đội. Ngay trong lúc mê sảng, anh cứ nói hoài: phi trường, phi trường... Và cũng nói những cái gì gì ấy nữa, trong đó có nhắc tới tên Onga nào đó. Có ai tên như thế ở phi trường các người không? Hay là vợ anh? Anh có nghe tôi không? Anh phi công! Có nghe nói đấy không, hả?

Đếchcharencô quả là không nghe. Anh đang hình dung người bạn anh kia, trông có khác chi bọn thanh niên khác ở trung đoàn đâu, mà ngày đêm bò, trườn, lăn mình được qua rừng, qua truông, trên tuyết tan, kéo lê thê cặp giò đã giá cứng hay đã gãy nát. Anh nghĩ tới bạn anh, muốn ra sao thì ra, củng cố trốn thoát tay giặc về hàng ngũ của mình nên sức đã kiệt mà vẫn cứ bò, bò không được nữa thì trườn trên mặt đất... Nghề phi công săn giặc đã làm cho Ăng- đơ- rây quen nguy hiểm; khi anh bay ra trận, không bao giờ

anh nghĩ đến cái chết; những khi ấy, anh thấy trong mình rạo rực một thứ hân hoan riêng là khác nữa. Nhưng một mình trong rừng, trong trường hợp này...

- Bác gặp anh ấy hồi nào?

- Hồi nào?

Cụ già chép môi, lấy điếu thuốc nữa tháo ra, rồi lại cuốn vào mẩu nhật trình nữa.

- Anh muốn biết hồi nào? Ờ! Đúng thứ bảy, trước ngày hôm chủ nhật đầu Lễ Chay. Thế tức là đúng một tuần rồi.

Đếchcharencô làm tính nhẩm và kết luận. Vậy anh Alếchxây bò trong mười tám ngày và mười tám đêm. Đối với một thương binh, không lương thực, bò được lâu đến thế đó là một việc khó tưởng tượng. Phi công ôm ghì cụ già nói: "Cám ơn bác! Cám ơn ông già!"

- Có gì phải cám ơn! Có gì! Thật là không có gì để cám ơn. Anh hãy coi lại này. Nói thế mà nghe được sao? Tôi là người ngoại quốc đấy à?

Rồi cụ giận dữ quay lại, thấy con dâu đang đứng như thường lệ, có vẻ như buồn rầu và suy nghĩ, má tì trên tay, cụ quát lên:

- Lượm đồ dưới đất lên chứ. Để bừa bãi thế này không tiếc của sao? "Cám ơn" à? Chuyện với trò!

Chị Lênốtca vừa cuộn anh Mêrétxép vào mền xong;

chị nhắc đi nhắc lại, lời trúc trắc và hấp tấp như ổ bi lăn:

- Rồi đồng chí trung úy sẽ thấy! Rồi được mà, được mà. Ở Mátcơva, cứ thoát một cái là có thể chữa lành được. Ở Mátcơva có nhiều người bệnh nặng lắm mà vẫn cứ lành được!

Chỉ nghe chị y tá làm ra bộ vui đùa, và coi cái cách chị ấy nhắc đi nhắc lại mãi rằng Mêrétxép sẽ thoắt một cái là Lành, Đếchcharencô biết ngay là chị đã xem thấy tình hình bệnh nhân đáng lo ngại, bạn anh đang khó sống.

Bọc trong mấy lớp mền chỉ hở cái đầu, thân hình Alếchxây làm cho Ăngđơrây nhớ tới mấy cái thân vua chúa Ai- cập cổ tẩm thuốc, in trong sách giáo khoa cổ sử hồi còn học trò. Ăngđơrây xoa bàn tay to lớn của anh trên má bạn, má chằng chịt râu ria hung hung và cứng rậm.

- Đừng lo, Alếchxây ạ! Rồi mày khỏi cho mà coi. Anh em sẽ lo chu đáo. Đã có lệnh ngay hôm nay, đưa mày về Mátscơva tới một bệnh viện cừ lắm cơ, ở đó toàn là giáo sư y khoa có nhiều những cô nữ y tá (anh liếc nhìn phía Lênốtca và chép lưỡi đùa) làm cho người ta đã chết thì cũng phải hồi lại cơ. Rồi hai đứa chúng ta sẽ còn nô nghịch với nhau trên trời...

Anh được cụ già giúp lo đặt cẩn thận Alếchxây lên

trên chiếc băng ca, chị Vácvara lo thu xếp đồ đạc, gói lại cho anh một gói. Lúc thấy con dao găm SS Đức mà cụ Mikhailô đã nhiều lần lau chùi mài bén và miết thử lên ngón tay, và đã nhiều lần ngắm nghía tỏ ra vẻ sành sỏi lắm, anh liền ngăn chị lại và nói:

- Bác giữ lấy con dao găm này bác ạ! Gọi là để làm chút kỷ niệm nhỏ.

- Cám ơn, Alếchxây con, cám ơn! Dao này thép tốt lắm. Nhưng mà nó có hàng chữ gì không phải chữ mình? - Cụ vừa nói vừa đưa dao cho Đếchcharencô xem.

Đếchcharencô dịch:

- "Tất cả cho nước Đức" bằng tiếng Đức.

- "Tất cả cho nước Đức?"

Mêrétxép vừa nhắc lại, dằn tung tiếng vừa nhớ đến hoàn cảnh thu được con dao.

Đếchcharencô đã ra đứng phía trước băng ca, kêu lên:

- Nào, nhấc lên, nhấc lên, cụ già!

Chiếc băng ca rung rinh, và chạm sát vách đất, cả bọn ra khỏi cửa hầm chật hẹp.

Dân làng đến đầy hầm để chào người đồng bào kiếm được trong rừng, cũng ra ngoài luôn. Chỉ có chị

Vácvara ở lại trong nhà. Chị chậm rãi sửa lại cây đèn mủ thông ở khe vách, đến gần nệm rơm bọc vải, vẫn chỗ còn dấu nằm của chiến sĩ, tay chị vuốt ve tấm vải. Chị chợt nhìn xuống bó hoa mà khi vội đi không ai nhớ tới. Đó là những cánh hoa li la, trồng trong buồng ấm, nhợt nhạt, yếu ớt, giống như thân hình những người dân làng đang tránh giặc ở đây, đã trải qua cả một mùa đông trong những cái hang ẩm ướt, lạnh lùng này. Người chinh phụ trẻ tuổi ôm bó bông, ngửi mùi thơm tinh tế của hoa xuân lẫn trong mùi khói trong nhà hầm, rồi chị nằm lăn ra ván, nghẹn ngào lệ...

XVIII

Tất cả dân làng Pơlavơni đều ra tiễn người khách bất ngờ của làng. Máy bay đậu ở sau rừng trên một ao đóng băng; băng đã tan ở mép, nhưng còn đủ vững và trơn. Không có đường đi tới. Lúc vô, một giờ trước đó, thì cụ Mikhailô, Đếchcharencô và Lênốtca đã phải dọn một con đường nhỏ trong tuyết tan. Bây giờ cả một đám đông người đi đường này ra chỗ máy bay. Mấy đứa nhỏ đi trước mở đường, dẫn đầu là em Xêriônca và em Phétca rất phấn khởi. Lấy danh nghĩa là bạn cũ, vì chính mình đã thấy phi công trong rừng, nên nó nghiêm trang đi trước băng ca, chú ý để khỏi tụt mất hai chiếc ủng cũ của ba nó chết trận để lại. Nó lớn tiếng ra lệnh cho cả lũ trẻ quần áo rách rưới, răng trắng bóng trên những gương mặt lem luốc. Đếchcharencô và cụ Mikhailô khiêng băng ca đi dè dặt. Lênốtca thì chạy theo bên, giữa tuyết, khi sửa

mền, khi lấy khăn quàng của mình trùm đầu cho bệnh nhân. Rồi tới đàn bà, già, trẻ đủ cả. Tất cả đám ồn ào nhộn nhịp theo sau.

Mới ra, Mêrétxép chói mắt vì ánh sáng ngoài trời lại được tuyết phản chiếu lại.

Không khí mát mẻ buổi sớm mùa xuân làm anh rùng mình suýt chết ngất. Nhưng rồi anh hé mắt nhìn, mắt anh quen dần với ánh sáng, và anh quan sát xung quanh. Anh thấy quang cảnh bên ngoài của làng hầm.

Khắp bốn hướng, rừng già bao bọc như tường thành không một vết nứt. Cây um tùm che phủ từng gian nhà hầm. Ánh mặt trời ít lọt xuống dưới được nên gốc cây soi râm mát. Tuyết phủ ngập mọi nơi.

Sau chiếc băng ca, cả làng đương từ từ đi theo con đường phố của làng.

Ra chỗ thoáng, Alếchxây thoạt tiên thấy sung sướng vô bờ bến, như con thú vật được khoái trá trong thể xác, nhưng sau anh lại hơi bâng khuâng lo buồn. Chị Lênốtca lấy tấm khăn tay nhỏ thấm những giọt nước mắt anh. Chị đã hiểu theo kiểu của chị và dặn người khiêng đi chầm chậm lại.

Mêrétxép vội nói:

- Không, không! Đi mau hơn lên, xin đi mau hơn lên cơ!

Anh đã cho là đi chậm quá. Anh bắt đầu lo không kịp chuyến máy bay từ Mátscơva, vì riêng anh mà đến bỗng nhiên vì lý do gì đó phải đi ngay, không đưa anh tới được nhà thương đã bố trí sẵn chờ anh, nơi anh chờ mong sẽ được cứu khỏi. Anh rên rỉ khe khẽ vì đau do người khiêng băng ca đương rảo bước, nhưng anh vẫn cứ van vỉ đi mau thêm. Anh đòi đi lẹ đến nỗi cụ Mikhailô vừa khiêng vừa thở không kịp. Cụ vấp rồi đi không kịp nữa. Hai chị đàn bà khiêng thay cho ông già. Cụ Mikhailô lại chạy theo trên tuyết, cùng chị Lênốtca, mỗi người một bên băng ca. Cụ lấy cái mũ sĩ quan cụ đang đội thấm mồ hôi trên đầu hói, trên bộ mặt đỏ hồng, trên cổ nhăn nheo, và không bực mình gì cả, cụ lẩm nhẩm:

- Ấy thế đấy! Nó gấp lắm. Cũng hay Alếchxây ạ! Con nói có lý! Mau lên là phải. Muốn đi mau ấy tức là bám chặt lấy đội. Tôi nói lẽ có sai đâu... Đến nhà thương nhớ viết thư cho bác nhé. Con nhớ: làng Pơlavơni; huyện Bulôgôiê khu Calinin. Làng tương lai đấy! Ôi chao cái làng tương lai đấy! Nhưng chớ có sợ gì. Thư thế nào rồi cũng đến. Nhớ lấy: địa chỉ đúng thế đấy!

Lúc nâng cao băng ca để cho anh lên máy bay và Alếchxây ngửi thấy mùi dầu xăng quen thuộc, anh lại tràn ngập sung sướng một lần nữa. Nắp máy bay bằng

nhựa đóng kín, anh không còn thấy tay dân làng vẫy chào nữa. Anh không thấy bà già bé nhỏ chít khăn vuông xám trông y như con quạ, tay rụt rè và sợ cánh quạt máy bay nhưng vẫn cố lách mình đến tận gần Đếchcharencô trao gói thịt gà luộc. Anh không thấy cụ Mikhailô lăng xăng quanh máy bay, kêu gọi đàn bà, xua đuổi con nít sợ chúng phá. Rồi cánh quạt quay mạnh làm rớt mũ trên đầu cụ, lăn long lóc trên tuyết. Anh cũng không thấy cụ đứng, đầu trần, vài nạm tóc trắng xóa phất phơ quanh đầu tung bay trong gió, chẳng khác hình ảnh ở thôn quê của thánh Nhicôlai. Cụ già, chỉ có một mình là đàn ông giữa đám dân làng phụ nữ áo quần nhiều màu sắc, lấy tay vẫy chào máy bay chuyển mình trên tuyết và xa dần.

Đếchcharencô cho máy bay rồi anh bay qua đầu mọi người. Anh cẩn thận bay gần như chạm băng với bộ phận trượt băng của máy bay, cho máy bay đi từ từ dọc bờ hồ dựng đứng, rồi một lúc sau khuất dạng sau một hòn đảo rườm rà cây cối.

Ăngđơrây là người bay ẩu nhất, đã bị cấp trên phê bình nhiều lần về tội thường bay quá sức gấp, nhưng lần này anh bay cẩn thận đặc biệt. Anh không bay mà chỉ lượn là là chỉ bay thấp theo những hóc núi đã do sông rạch ra, lẩn tránh dưới những bờ hồ cao. Nhưng Alếchxây đâu có hay biết gì! Mùi dầu xăng và nhớt

quen thuộc, cảm giác sung sướng lại được bay lên không làm anh thiếp đi. Anh tỉnh dậy lúc tới sân bay, và được khiêng ra khỏi máy bay, để đưa qua máy bay y tế hạng bay nhanh, đã từ Mátscơva tới chực sẵn.

XIX

Anh xuống sân bay mà anh quen thuộc, vào lúc sân bay đương lúc nhộn nhịp nhất. Đã từ đầu xuân, mỗi ngày nhân viên của trường bay đều bận tới tấp.

Tiếng máy không ngưng một phút. Một đội phi cơ hạ xuống để lấy xăng, thì một đội phi cơ khác đã bay lên, rồi đội thứ ba...

Từ phi công cho tới tài xế chở xăng và thợ máy phân phối xăng, ai nấy đều đã tới lúc kiệt sức. Tham mưu trưởng đã khản tiếng, bây giờ nói chỉ thành những tiếng ồ ồ.

Ai nấy đều bận rộn và làm việc nhộn nhịp, nhưng hôm nay ai nấy chỉ bận tâm niệm chờ đón Mêrétxép trở về.

Những phi công chưa kịp tắt máy, chưa kịp xuống sân đã vội hỏi như thợ máy:

- Thế nào, chưa về Mỹ?

Các "vua xăng", mỗi khi có xe cam nhông chở xăng tiến đến gần kho đào dưới đất, săn hỏi:

- Sao, không có tin tức gì à?

Mọi người đều lắng tai chờ tiếng máy bay y tế của trung đoàn, mà ai cũng đã quen nghe, chờ mãi cố nghe tiếng nó vo vo phía trên khu rừng.

Khi Alếchxây nằm trên băng ca đã ra khỏi máy bay, anh thấy quanh mình toàn mặt anh chị em thân thuộc. Anh mở lớn mắt. Trong đám đông, tiếng kêu hoan hô vang dậy.

Sát gần băng ca, anh nhận ra nét mặt trẻ trung lúc nào cũng nghiêm nghị của tham mưu trưởng, đương mồ hôi nhễ nhại, với cả bộ mặt mũm mĩm, trắng bệch của viên trưởng liên đoàn quản trị và tổ chức, mà anh không ưa mấy vì quan liêu và bủn xỉn. Toàn là bạn quen. Đi đến khiêng băng ca là anh thợ máy Iura, vừa khiêng vừa không ngớt quay đầu lại nhìn Alếchxây, nhưng nhìn chẳng được vì cứ quay đầu là chân vấp. Đi bên cạnh là một cô bé tóc hung hung đỏ, trung sĩ coi thiên văn, Alếchxây vẫn thường cho chị này có ác cảm với mình và tránh không muốn gặp anh, đồng thời như soi bói gì anh, nên cứ liếc trộm một cách kỳ quặc. Anh vẫn phá chị và kêu chị là cô "Đội Thiên

văn". Rồi tới anh phi công Cưcúckin, một anh chàng khẳng khiu, nước da vàng é và là người khó tính trong phi đội chẳng mấy ai ưa. Nhưng anh cũng mỉm cười và cố gắng đi sao cho kịp những bước đi dài thật là dài của Iura, Mêrétxép còn nhớ rằng trước khi mình lên máy bay, anh có giễu Cưcúckin trước mặt mọi người vì anh này có món nợ mà cứ lần khẩn mãi không trả, và anh cho rằng anh này thù dai, chắc không bao giờ hết giận anh. Nhưng không, nay là anh ta đương bám sát chiếc băng ca, giúp đỡ một tay và lấy khuỷu tay thúc mấy người đi gần, để bảo vệ anh khỏi bị chạm phải.

Alếchxây không ngờ anh nhiều bạn quá. Chỉ lúc này mới biết ai là bạn. Anh nghĩ thương hại cho chị "Đội thiên văn" cứ lấm lét sợ anh, anh thấy mình có lỗi với viên phụ trách hành chính là người mà anh hay nói nhạo và kể chuyện nói giễu để cho cả sư đoàn bàn tán, anh muốn xin lỗi Cưcúckin, nói với tất cả bà con rằng, nghĩ cho cùng, anh này không đến nỗi khó chịu và khó tính đến thế đâu. Anh cảm giác như đã trở về với gia đình thật của mình và mọi người đều sung sướng đón chờ sau bao nhiêu ngày gian nguy.

Anh được khiêng thật chu đáo cẩn thận tới góc sân bên kia, chỗ chiếc máy bay y tế đương chờ; máy bay bóng nhoáng màu bạc, nấp ở rìa một đám rừng câu

bu-lô nhỏ. Thợ máy đã bắt đầu dùng một thứ máy bơm sửa soạn cho chiếc máy bay y tế đương nguội máy ấy để lên đường.

Bỗng nhiên Alếchxây nói với chỉ huy trưởng trung đoàn, cố ý kêu lớn tiếng và làm cho tiếng có vẻ hết sức rắn rỏi:

- Đồng chí Trung đoàn trưởng!

Trung đoàn trưởng như thói quen, cúi xuống và hơi mỉm cười trông như có vẻ bí mật.

- Đồng chí Trung đoàn trưởng ạ! Đồng chí cho phép tôi ở đây khỏi phải về Mátscơva, ở đây với đồng chí...

Chỉ huy trưởng trung đoàn bỏ mũ phi công bịt kín hai tai ra để nghe cho rõ.

- Tôi không muốn đi Mátscơva ạ! Tôi xin ở lại trạm y tế này.

Trung đoàn trưởng rút găng tay bọc lông ra và kiếm lấy tay Alếchxây dưới chân, nắm chặt lấy:

- Anh định nói chơi đấy chứ? Hiện nay anh đang cần săn sóc rất nhiều.

Alếchxây lắc đầu. Anh thấy mình đương dễ chịu lắm, đương rất bình tĩnh. Tất cả những gì anh đã trải qua, chân tay đau đớn, anh đều thấy chẳng có gì là ghê gớm cả.

Tham mưu trưởng hỏi:

- Cậu ấy muốn gì?

Chỉ huy trưởng cười trả lời:

- Cậu ấy muốn xin phép ở lại đây với chúng ta.

Nhưng trung đoàn trưởng cười lần này không có vẻ bí mật như lúc thường nữa, mà rõ là âu yếm và buồn rầu.

Tham mưu trưởng càu nhàu:

- Ngu! Thực là chuyện lãng mạn, anh hùng cho báo con nít đọc! Theo lệnh riêng của chính Tổng chỉ huy quân đoàn, đã được danh dự có máy bay từ tận Mátscơva đến đón riêng, ấy thế mà còn kỳ kèo.

Mêrétxép muốn trả lời là không có gì là lãng mạn cả. Anh chỉ muốn được chữa dưới mái lều trạm y tế của trung đoàn; trước anh đã nằm đấy mấy ngày để chữa chân, chân bị sái vì có lần máy bay bị bắn hư, anh hạ cánh không được bình thường. Anh tin tưởng rằng trong không khí thân mật này có lẽ còn khỏi bệnh mau hơn ở một nhà thương Mátscơva có đầy đủ tiện nghi hơn. Anh đương tính sẽ nói thế nào đó để trả lời tham mưu trưởng cho thật là đanh thép, nhưng chưa kịp nói ra.

Tiếng ốc hụ đã rú lên thảm đạm. Nỗi lo buồn bỗng

đượm nét mặt con người. Chỉ huy trưởng ra lệnh cho mọi người. Lời gọn và rõ. Thế là tất cả phân tán mau lẹ như đàn kiến. Kẻ thì chạy ra máy bay núp ở bìa rừng; người thì chạy tới hầm chỉ huy, nhìn lên phía kia sân bay; người khác nữa thì chạy tới những máy bay giấu trong rừng. Alếchxây thấy rõ mồn một luồng khói xám ở một chiếc hỏa tiễn bay lên trời rồi tan dần đi. Anh nghe thấy còi hiệu báo động; tim anh đập mạnh, mũi nghe phập phồng và anh thấy trong thân thể còn yếu của anh, chuyển mạnh một luồng lạnh buốt như mỗi khi lâm vào cảnh hiểm nghèo.

Lênốtca, anh thợ máy Iura và cô "Đội thiên văn" vì không có nhiệm vụ đặc biệt gì và không tham dự cuộc hăng say chuẩn bị chiến đấu, nên cả ba xúm lại nâng băng ca lên, rồi cố gắng đi từng bước một, nhưng không được vì vội quá, thực ra là rảo cẳng chạy; mấy người khiêng anh đến đám rừng gần nhất.

Alếchxây khẽ rên rỉ. Mấy người khiêng đi chậm lại. Từ xa, tiếng cao xạ chạy lạch tạch nổ đều. Trên đường bay, từng chiếc máy bay săn giặc tiếp nối nhau mà lăn, rồi vút lên, rồi biến mất trên trời. Alếchxây nghe tiếng máy bay đương nổ máy từng chặp phía trên rừng. Bắp thịt anh cứng lại. Nằm dí trên băng ca, sức cùng lực kiệt, nhưng anh tưởng chừng như đương ở trong lòng một chiếc máy bay săn giặc, bay

trên trời bám lấy máy bay giặc và xả súng chẳng khác một con chó săn giỏi đánh hơi thấy thú rừng.

Băng ca không kéo vô trong hầm chật hẹp được. Iura và hai Thiếu nữ muốn ôm lấy chiến thương đưa anh xuống, nhưng anh không chịu và đề nghị để băng ca dưới bóng một cây bu-lô lùn thấp, ở mép rừng. Ở đó, anh đã chứng kiến trận chiến đấu diễn ra những phút giây phút sau đó, mau chóng như một cơn ác mộng. Phi công mấy khi có dịp được ở dưới trên trời máy bay bắn nhau đâu. Anh là một phi công chiến đấu ngay từ hồi đầu chiến tranh, quen bay giữa trời chiến đấu với những tốc lực nhanh ghê gớm, anh lấy làm lạ sao thấy đánh nhau coi chậm rãi quá chẳng có gì ghê rợn cả. Máy bay như uốn lượn từ tốn, và cả đến tiếng súng liên thanh sao cũng hiền từ quá, chẳng khác nào tiếng công việc nội trợ nào đó, tiếng máy bay hay tiếng vải xé thật là từ từ.

Mười hai máy bay oanh tạc Đức đi thành hình tam giác, như ngỗng trời bay, lượn một vòng trên phi trường rồi biến mất trong ánh sáng mặt trời chói lóa. Tiếng súng cao xạ ở một khu rừng nhỏ gào lên dữ dội, và khói đạn nổ lưng trời trông y như phấn hoa bị gió cuốn đi, rồi cả chùm bom giội xuống như những giọt mực đen xì từ bút lông rớt xuống, thoáng cái đã lớn hết sức; anh cũng chẳng thấy sợ hãi gì và ngẩng nhẹ

đầu lên nhìn xem nó rơi đâu.

Thái độ chị "Đội thiên văn" khiến Alếchxây lạ lùng hết sức. Khi tiếng bom rít dữ dội tột bực, thì cô thiếu nữ ấy, đương nửa mình ở trong hầm hầm ẩn, và vẫn cứ nhìn trộm soi bói Alếchxây như mọi khi, bỗng nhảy từ một bước đến băng ca, dâm bổ vào anh, toàn thân run rẩy vì động và sợ hãi đè ép anh xuống sát đất để che chở anh.

Anh thoáng thấy sát gần mặt anh, gương mặt xạm nắng như còn con nít của chị; môi chị dày và mũi chị nhỏ, ngắn, rám nắng. Tiếng nổ dữ ở rừng. Rồi kế gần hơn nữa hai ba bốn tiếng, tiếng thứ năm nổ vang nổ vang lên gần chỗ anh đến nỗi rung lên, và ngọn cây bu lô dưới gốc đó Alếchxây đương nằm bị gẫy tan và tung lên nhào xuống đất.

Anh nhìn lại thấy trước mắt một lần nữa vẻ mặt xám xanh kinh khủng của chị, má chị lạnh buốt áp vô má anh, và trong thời gian ngắn giữa hai tràng bom nổ, anh nghe môi chị sợ hãi và cuốn quít kêu lên:

- Anh thân yêu! Thân!

Một loạt bom nữa làm đất rung chuyển. Trên sân bay đất và khói khét lẹt bốc lên trời như những cột lửa, khác nào cả một dãy cây khổng lồ như từ đất bỗng vút mọc lên cành tan rã tức khắc rồi sụp xuống

như cả một khối đất lạnh cứng ầm ầm rớt. Trên không chỉ còn lại một luồng khói nâu, mùi nồng nặc như mùi tỏi.

Khi khói tan rồi, tất cả lại trở nên yên tĩnh. Tận phía kia rừng, tiếng một cuộc chiến đấu giữa không trung còn nghe thấy văng vẳng.

Cô thiếu nữ chỉ một bước nhảy phắt dậy. Má xanh lợt của chị đỏ ửng. Chị đỏ mặt thẹn đến ứa nước mắt ra, và không dám nhìn Alếchxây nữa, chị xin lỗi:

- Em có làm anh đau không? Sao tôi ngốc thế, sao tôi ngốc thế, trời ơi! Xin lỗi anh.

Iura càu nhàu, bực mình vì không kịp, như cô gái nhỏ đó, lấy thân che chở cho bạn:

- Thế mà hối hận à?

Anh vừa lẩm bẩm vừa phủi bộ áo quần liền, gãi gáy, lắc đầu nhìn chỗ cây bu-lô bị chặt ngọn, vết bom nổ như dao cắt vẹt hẳn đi, và trên thân cây đã phả xuống một dòng mủ trong vắt. Mủ cây bị thương trên ánh vỏ cây có rêu, nhỏ giọt xuống đất thành từng giọt trong sáng như những giọt lệ.

Lênốtca lúc nguy hiểm không rời vẻ mặt ngạc nhiên và đùa nghịch, nói:

- Coi, cây bu-lô cũng khóc nè!

Iura vẻ mặt ảm đạm đáp lại:

- Chứ sao! Thôi thế là xong, bây giờ lên đường. Mong sao cái máy bay y tế không sao.

Cả ba - Iura khiêng đằng trước, hai chị khiêng đằng sau - khiêng băng ca tới phía máy bay, giữa những lỗ bom còn tỏa khói, mà nước từ tuyết tan ra đã bắt đầu chảy vào. Alếchxây tò mò nhìn bàn tay nhỏ bé nhưng cứng cáp thò ra khỏi cánh tay áo nhà binh phùng phình, nắm chặt lấy băng ca. Đầu óc cô bé nghĩ gì? Hay anh mê sảng tưởng như nghe những câu ban nãy vì quá xúc động mà thôi?

Trong ngày đáng ghi nhớ đó Alếchxây Mêrétxép lại còn mục kích một cảnh giác nữa. Lúc băng ca gần đến máy bay óng ánh màu ba có hình Hồng thập tự trên cánh và ở thân máy bay, và người thợ máy đang lắc lư đầu đi vòng một lượt xem máy có bị một mảnh bom nào hay hơi bom nổ làm hư hỏng gì không thì máy bay săn giặc cũng đã hạ cánh lần lần từng chiếc một. Máy từ phía sau rừng nhô ra, rồi đậu xuống không lượn gì cả, như mọi khi, khi trở lại nơi ẩn nấp ở mép rừng.

Trời đã trở lại yên tĩnh. Phi trường vắng dần. Tiếng động cơ dịu dần, nhưng gần trạm chỉ huy, một nhóm nhỏ người tìm kiếm trên trời, để tay che trên mắt

cho đỡ chói ánh nắng. Iura báo tin:

- Máy bay số 9 không thấy về. Thiếu Cưcúckin. Mêrétsép nhớ tới khuôn mặt bé nhỏ của Cưcúckin, lúc nào cũng có vẽ như chua chát.

Chính Cưcúckin mặt mày như thế đấy, vừa lúc nãy còn xum xoe đỡ băng ca mình. Và bây giờ... Ý nghĩa ấy, các phi công đang trong lửa chiến đấu, thường có, nay Alếchxây không sống đời sống chung của phi trường nữa làm cho anh rùng mình. Bỗng tiếng máy bay vo vo ở trên trời. Iura nhảy cỡn lên vì mừng:

- Hắn rồi!...

Mọi người nhốn nháo quanh trạm chỉ huy. Có chuyện chi? Máy bay số 9 không đậu. Nó bay lượn một vòng lớn và lúc bay qua trên đầu mình, Alếchxây thấy máy bay đã mất một mẩu cánh, và, kinh hoàng hơn là dưới thân chỉ còn thấy có một bánh xe để hạ xuống mà thôi. Hai hỏa tiễn màu đỏ liên tiếp bắn lên trời. Cưcúckin lại lượn một vòng nữa và máy bay của anh giống như con chim bay về tổ cũ mà thấy tổ mình bị phá hư không biết đậu vào đâu nữa, anh định bay thêm một vòng thứ ba nữa.

Iura coi đồng hồ lẩm bẩm :

- Bây giờ phải nhảy thôi. Xăng gần hết sạch rồi. Đương là những giọt cuối cùng.

Trong trường hợp như thế, khi máy bay đậu không được nữa, phi công có quyền bay lên cao, rồi dùng dù nhảy xuống để tự cứu. Máy số 9 chắc đã nhận được lệnh này từ dưới đánh lên, nhưng nó cứ gan lì, quay tròn mãi.

Iura coi máy bay, rồi lại nhìn đồng hồ. Khi anh như nghe thấy động cơ chậm lại, anh cuối đầu xuống và ngoảnh mặt đi. Phi công hy vọng cứu máy bay chăng? Mọi người đều nghĩ :

- Nhảy, nhảy xuống đi nào!

Một chiếc máy bay chiến đấu có số 1 sơn ở đằng đuôi nổ máy, bay vụt lên, sấn lên không ngay trong vòng lượn đầu, và kẹp ngay bên chiếc máy bay bị thương một cách rất khéo. Thấy lối bay cực kỳ tinh xảo ấy, Alếchxây biết ngay đó chính là chỉ huy trưởng trung đoàn. Chỉ huy trưởng cho rằng máy vô tuyến điện của Cưcúckin đã bị hư không nhận được lệnh, hoặc anh chàng cuốn lên, nên chỉ huy trưởng tiến đến gần, nghiêng cánh để ra hiệu : "Bắt chước tôi" rồi bay lên cao tránh xa. Đó tức là đã ra lệnh cho Cưcúckin bay tránh xa phi trường và nhảy. Nhưng ngay lúc đó Cưcúckin tắt máy và sửa soạn hạ cánh.

Chiếc máy bay bị thương, cánh gãy bay phía trên đầu Alếchxây hạ xuống mau chóng. Rồi tới sát đất,

nó bỗng nghiêng vội phía "cẳng" còn lành, lăn ít lên trên một bánh, tốc độ chậm Dần, rồi ngả về phía hữu, phía đó cánh móc đáp; rồi máy bay xoay vòng tròn, tung tuyết lên trắng xóa.

Tuyết tung tóe che khuất một lúc, và khi tuyết rớt xuống hết, thì bên cạnh máy bay nằm nghiêng một bên, có một cái gì đen đen không xa máy bay mấy. Mọi người xô lại. Xe y tế cũng vùn vụt tiến đến, còi bóp in ỏi.

Mêrétsép vẫn nằm ở băng ca với chút ít thèm thuồng, nghĩ:

- Hoan hô Cưcúckin! Thế là anh chàng đã cứu được máy. Thằng cha nó học đâu được cái lối này không biết?

Anh muốn chạy phóng tới chỗ anh chàng bé nhỏ đương nằm chết giấc trong tuyết, anh chàng chẳng được ai ưa, vừa tỏ ra tài giỏi và can đảm nhường ấy. Nhưng anh đang bị bó trong mền, sát vải bố băng ca, đau đớn vô cùng, cơn thần kinh được sự kích thích căng thẳng đã quen, thì đau không sao chịu được nữa.

Tất cả những sự việc này xảy ra trong không đầy một giờ đồng hồ, nhưng bao nhiêu sự việc dồn dập xảy ra, khiến Alếchxây không còn kịp nhận cái gì ra

cái gì nữa. Chỉ lúc băng ca đã đặt lên máy bay y tế, được buộc kỹ càng, mắt anh mới lại gặp mắt cô "Đội thiên văn" và lúc đó anh mới hiểu được ý nghĩ cũng như lời đã lọt ra khỏi cặp môi xám nhợt của chị, giữa hai đợt bom nổ hồi nẫy. Anh mắc cỡ vì không biết tới cả tên của cô con gái tốt, đầy lòng hy sinh ấy.

Anh khẽ nói, mắt nhìn tỏ vẻ biết ơn :

- Đồng chí đội trưởng.... - Động cơ bay át mất tiếng của anh. Chắc chị không nghe thấy tiếng anh. Nhưng chị tiến lại gần đưa một gói nhỏ :

- Đồng chí trung úy, có thư cho anh! Tôi đã giữ tất cả lại cho anh vì tôi vẫn yên trí là anh vẫn còn sống và sẽ trở về. Tôi tin như thế. Tôi cảm thấy như thế. Chị đặt chồng thư nhỏ trên ngực anh. Anh thấy những cái gập hình tam giác, của mẹ anh, địa chỉ viết run run bởi một bàn tay bà già. Và có những phong bì khác có nét bút giống như tập thư anh đã ôm ấp trong túi áo anh. Mặt anh tươi sáng hẳn lên và anh định rút tay khỏi mền.

Cô "Đội thiên văn" buồn rầu hỏi :

- Đó là thư của một thiếu nữ hở anh?

Vừa nói má anh đỏ hồng, đỏ đến nổi mắt chị ướt lệ dưới cặp mi dài màu hồng.

Mêrétsép hiểu rằng anh đoán không lầm ý nghĩa những lời anh đã nghe thấy khi bom nổ. Anh không dám nói sự thực :

- Đó là thư em tôi, nó đã có chồng nên họ tên nó khác họ tên tôi.- Anh nói thế, mặc dầu anh rất ghét nói dối kiểu ấy.

Trong tiếng động cơ đã nóng và rồ lên, có tiếng người nói. Cửa hông của máy bay vừa mở, một thầy thuốc mặc áo bờ-lu trắng ngoài binh phục bước vô nhìn qua Mêrétsép, rồi nói :

- Đã có một chiến thương rồi hả? Được rồi, xếp đặt cho anh kia, rồi ta đi. Thế còn các bà, các bà làm gì ạ?

Vừa nói người thầy thuốc vừa nhìn cô "Đội thiên văn", qua cặp mắt kính mờ hơi, cô ta cố nấp sau Iura. "Mời các chị xuống cả cho, chúng tôi đi ngay đây. Thôi đưa băng ca lên".

Mêrétsép còn nghe tiếng vọng lại :

- Viết thư cho em, em mong lắm nhé, viết thư cho em... Em chờ đấy.

Nhờ Iura, thầy thuốc đã nâng băng ca lên máy bay; một người bị thương đương rên rỉ. Lúc băng ca đã đặt vô máy bay để lọt đúng cỡ, miếng vải đắp tuột rơi, và anh thấy mặt Cưcúckin nhăn nhó vì đau đớn. Thầy

thuốc xoa tay, nhìn lại gian phòng chở bệnh nhân và đặt tay vỗ nhẹ một cái trên bụng Mêrétsép, rồi nói :

- Được rồi, tốt vô cùng! Thế nào, cậu? Có bạn đi cùng để khỏi buồn đấy nhé! Thôi, ra cả đi thôi! Cái cô tiên đeo lon đội trưởng bảo mãi cũng đã ra rồi chứ? Thế thì được rồi. Thôi, đi!

Thầy thuốc đẩy Iura vì anh còn đứng nán lại. Cửa đóng, máy bay rung động, chuyển mình nhảy nhót chút ít, rồi nhè nhẹ tiếng trong môi trường của mình.

Máy bay đều đều. Thầy thuốc vịn sườn máy bay, tiến lại với Mêrétsép và nói :

- Khà không? Cho tôi coi mạch nào! (Ông ta nhìn chăm chú người bệnh và lắc lư đầu). Ứi chà chà! Khỏe thật là khỏe! Bạn anh có kể lại cho tôi nghe qua câu chuyện kỳ dị của anh. Thật là một câu chuyện kiểu Giắc Lông Đôn.

Thầy thuốc ngồi xuống chiếc ghế bành, loay hoay ngồi sao cho thoải mái, rồi một lát ông ngủ ngay. Rõ ràng là ông già xanh xao, đã có tuổi ấy, thật là đã kiệt lực.

Anh nghiền ngẫm :

- Chuyện kiểu Giắc Lông- Đôn.

Mấy tiếng ấy nhắc lại nhiều kỷ niệm hồi nhỏ :

chuyện một người chân bị giá cóng lạnh, đi trong sa mạc, lại bị một con vật ốm và đói đuổi theo. Tiếng máy đều đều như ru anh ngủ. Tất cả mờ dần, biến dần và tan đi trong bống tối mờ mờ. Trong lúc anh ngủ thiếp đi, thì ý nghĩ cuối cùng của Alếchxây là: không có chiến tranh, không có ném bom, không có cái đau day dứt ghê gớm ở chân, không có máy bay về Mátscơva, tất cả những cái đó chẳng qua chỉ có trong cuốn sách hay lạ hay lùng mà anh coi hồi nhỏ ở Kamixin, thành phố xa xôi, quê hương anh.

PHẦN THỨ HAI

I

Trong khi ca tụng những cái rực rỡ của nhà thương Mátscơva, mà theo yêu cầu của tư lệnh quân đoàn, Alếchxây và Trung úy Cưcúckin được đưa tới điều dưỡng, Anđơrây Đếchcharencô và Lênốtca không hề nói sai sự thật. Trước chiến tranh, đó là bệnh viện trực thuộc một viện khảo cứu, ở đó, một nhà bác học trứ danh của Liên Xô nghiên cứu về những phương pháp mới hồi sinh mau chóng các bộ phận của cơ thể con người sau khi bị thương hay đau yếu. Bệnh viện này có truyền thống vững chắc và đã nổi danh trên thế giới. Khi chiến tranh bùng nổ, nhà bác học ấy đã dùng nơi này làm bệnh viện sĩ quan. Cũng như trước, bệnh nhân đều được chăm sóc và điều trị theo tất cả các phương pháp khoa học tối tân nhất. Chiến tranh đã diễn ra gần ngay thủ đô, bệnh viện đã nhận thêm rất nhiều thương binh, nhiều đến nỗi phải tăng số giường lên gấp bốn lần trước. Tất cả những phòng

phụ xưa kia để tiếp khách, để làm phòng đọc sách và giải trí trong nhà, làm nơi ăn cho những bệnh nhân đã hết bệnh, hoặc làm nhà ở của nhân viên, đều được sắp xếp lại thành phòng ngủ bệnh nhân. Ngay nhà bác học cũng nhường phòng giấy của ông ở gần phòng thí nghiệm dọn tới một phòng nhỏ mà trước đây dành cho thầy thuốc gác.

Mặc dù thế, vẫn phải kê thêm nhiều giường ở các lối đi. Giữa các bức tường trắng toát, một màu trắng hình như lúc nào cũng lặng yên một cách trang nghiêm cho phù hợp với tính chất một tòa đền y học, thì ngày nay đâu cũng chỉ toàn những tiếng rên rỉ, tiếng thở dài của thương binh, tiếng ngáy của người ngủ hoặc tiếng mê sảng của những người bị trọng thương.

Mùi hôi nồng nặc, mùi của chiến tranh tỏa ra: mùi bông hấp hơi, mùi mủ ở các vết thương, mùi thịt bị hư thối. Không có cách gì làm tan thứ mùi ấy được. Từ lâu rồi, đã phải kê thêm những giường lính, bên cạnh những giường nhà thương đóng một cách thông thái theo kiểu của nhà bác học. Chén đĩa thiếu. Những bộ đồ sứ sang trọng xếp bên cạnh những "gà mên" nhôm méo mó. Hơi bom nổ gần nhà thương đã làm bể kính của những cửa sổ lớn kiểu Ý, đã phải dùng ván ép thay vào. Nước thiếu và hơi đốt thường bị cắt, nên phải nấu đồ mổ bằng đèn cồn vậy. Và bệnh nhân

ngày càng đông thêm. Họ tới bằng máy bay, bằng xe cứu thương, bằng xe lửa. Số thương binh càng nhiều thêm lên, khi, trên tiền tuyến, quân ta tấn công ngày càng mãnh liệt. Tuy nhiên, tất cả nhân viên trong nhà thương, từ bác sĩ viện trưởng, một nhà bác học lỗi lạc và đại biểu Xô-viết tối cao, cho tới những người hộ lý, gác cổng, giặt đồ, mặc dù bị đói, bị mệt, bị mất ngủ, nhưng vẫn thi hành nội quy của bệnh viện một cách chặt chẽ. Những người hộ lý phải gác hai ba buổi liền không nghỉ, vẫn dùng những thì giờ rỗi rãi để lau, để rửa, để chùi. Y tá ốm và già đi, mệt mỏi đến mức độ đi loạng choạng, nhưng khi tới phòng làm việc vẫn mặc áo "bờ-lu" là hồ và lo lắng thi hành thực nghiêm chỉnh lời dặn của thầy thuốc. Các bác sĩ nội trú không ngừng phê bình họ như xưa kia về từng vết nhơ nhỏ trên tấm "đờ- ra", kiểm soát sự sạch sẽ trên tường, trên cầu thang và cả trên những quả đấm chốt cửa bằng cách lấy mùi soa sạch ra lau thử. Bác sĩ chủ nhiệm là một ông già cao lớn, mặt hồng hào, tóc hoa râm trên đỉnh trán, có ria và râu đen chỉ điểm trắng ở đầu cuối mà thôi. Ông vẫn nổi giận mỗi ngày hai lần như hồi trước chiến tranh, khi ông đi cùng đoàn người phụ tá thăm bệnh nhân. Ông hỏi kết quả khám nghiệm những bệnh nhân mới vô và tự khám những người bị thương nặng.

Trong những ngày chiến tranh gay go nhất, ông

bận rất nhiều công việc, cả ở ngoài bệnh viện, nhưng ông vẫn thu xếp đủ thì giờ làm việc trong bệnh viện , mà ông rất thiết tha yêu như yêu đứa con yêu, có nhiều khi phải bớt giờ ngủ và giờ nghỉ để làm việc cũng cứ bớt. Ông sửa chữa từng chút những khuyết điểm của nhân viên, lớn tiếng mắng, mắng gay gắt ngay ở nơi làm việc, trước mặt bệnh nhân. Trong thủ đô Mátscơva bị tối tăm vì giảm đèn và luôn bị bom đạn, bệnh viện vẫn làm việc tốt và đều, đấy là câu trả lời tốt nhất đối với tất cả bọn Hítle và bọn Gơrinh, theo như ông nói. Ông không muốn nghe nói đến những khó khăn do chiến tranh gây ra. Bọn lười cút đi đâu thì cút; ông cho rằng càng khó khăn thì bệnh viện càng phải có trật tự nghiêm khắc. Về phần ông, ông đi thăm bệnh nhân đúng giờ. Cũng như hồi nào tới giờ, đúng đến nỗi hộ lý cứ quen lệ, như trước kia, kiểm lại giờ đồng hồ treo trong phòng mỗi khi thấy ông đi thăm bệnh. Ngay những lúc báo động máy bay ném bom cũng không làm cho ông sai giờ. Chắc hẳn là nhờ thế nên nhân viên của ông đã đoạt được những thành tích kỳ diệu và giữ gìn quy chế của bệnh viện như hồi trước chiến tranh trong những điều kiện không thể nào ngờ được.

Trong giường bệnh một buổi sáng, bác sĩ chủ nhiệm mà từ nay ta hãy gọi là Vaxiliêvít đứng sững lại trước hai cái giường lính kê cạnh nhau, ngay trên thang gác

tầng thứ hai.

- Triển lãm gì đây hả? Ông vừa gầm lên vừa nhìn người phụ tá của ông, bằng con mắt dữ tợn dưới cặp lông mày rậm, khiến cho người phụ tá tuy thân hình cao lớn và lưng đã còng, không phải còn trẻ trung gì nữa, cũng phải đứng thẳng người như một cậu học sinh, mà đáp:

- Họ mới vô đây hồi khuya thôi ạ; cả hai là phi công. Người này gãy xương háng và gãy tay mặt. Bệnh trạng bình thường. Người kia (người phụ tá vừa nói vừa chỉ một người gầy ốm tong teo, mắt nhắm, nằm yên không cử động, khó đoán được tuổi tác) là một người bị thương nặng lắm; xương bàn chân gãy nát cả, hai chân thối thịt, và nhất là kiệt sức đến mức cùng. Cố nhiên là tôi chưa tin được báo cáo của quân y sĩ hạng nhì, đã nói rằng thương binh bị nát cả hai chân như thế này mà lại đã bò mười tám ngày đêm đằng sau chiến tuyến của bọn Đức. Chắc chắn là báo cáo hơi phóng đại...

Không nghe thêm nữa, Vaxiliêvít giở mền. Alếchxây nằm hai tay khoanh trước ngực; những cánh tay đen xạm đã hết cả thịt trên nệm trắng tưởng như có thể dùng làm đồ vật để trình bày khi nghiên cứu về xương người được. Giáo sư nhè nhẹ đắp mền lại cho phi công và cắt lời thầy thuốc với một giọng càu nhàu:

- Sao để họ ở đây?

- Không còn chỗ ở hành lang nữa ạ... Chính bác sĩ đã nói rằng...

- Tôi đã nói, đã nói...? Thế còn phòng 42 thì sao?

- Đó là phòng các đại tá.

- Phòng các đại tá? Giáo sư hét lên: đồ ngu nào bày đặt ra chuyện đó vậy. Phòng các đại tá! Thực là cả một lũ ngốc!

- Nhưng chúng tôi có nghe nói phải dành chỗ cho những anh hùng Liên Xô ạ!

- Anh hùng! Anh hùng! Trong chiến tranh này, chỉ có toàn là anh hùng cả. Các anh nói những chuyện gì lôi thôi vậy? Ai chỉ huy ở đây? Nếu ai không chịu tôi chỉ huy thì xin mời lập tức tếch ngay đi nơi khác cho. Tôi ra lệnh đem ngay hai phi công này tới phòng 42. "Phòng các đại tá" Lũ ngốc thế!

Ông ra đi được vài bước, rồi quay lại ngay, cúi xuống đặt tay lên vai người phi công và hỏi:

- Thực anh đã bò trên hai tuần lễ ở trận tuyến để khỏi vòng vây của giặc Đức à?

Mêrétxép phều phào như sắp tắt hơi:

- Thực tôi bị thối thịt đấy à?

Giáo sư, mắt chừng chừng như tức giận, nhìn đoàn

người giúp việc đi theo đứng ngây cả lại trước cửa, rồi nhìn thẳng vào cặp mắt to và đen láy của phi công , trong cặp mắt đó thấy rõ cả một niềm bồn chồn ghê gớm. Và đột ngột nói:

- Nói với những người can tràng như anh, nói dối là có tội. Anh bị thối thịt mất rồi. Nhưng chớ có buồn, chớ có nản đấy! Đời nay không còn bệnh gì là không chữa nổi nữa, chẳng còn tình thế nào mà có thể bảo là không có lối ra. Hiểu không? Tốt.

Nói xong ông xầm xầm bước ra; sau cửa kính hành lang, đã nghe thấy ầm lên giọng khàn của ông cụ. Mêrétxép gắng gượng nhìn theo ông cụ, nói:

- Ông lão kỳ quặc!

Cư- cúc- kin nhích mép mỉm cười cắt nghĩa:

- Chắc ông khùng - Thấy không? Ông tán bọn mình. Những Ông cụ dở hơi hạng này, tớ biết lắm. Thế ra ông cho chúng ta danh dự được đưa vô "phòng các đại tá'.

Mêrétxép nói khẽ:

- Thối thịt!

II

"Phòng các đại tá" ở lầu thứ nhất, tận phía trong cùng hành lang. Cửa sổ mở ra phía đông và phía nam, khiến mặt trời chiếu vô phòng suốt ngày, lần lượt khắp các giường. Đó là một gian phòng tương đối nhỏ. Cứ theo những vết hằn thâm trên ván, ta cũng đoán được rằng trước chiến tranh phòng này chỉ kê hai giường, hai bàn nhỏ đầu giường, và một bàn tròn kê giữa. Bây giờ thì kê bốn giường. Trên một giường, có một thương binh toàn thân bó băng, y như đứa trẻ mới sinh quấn tã. Anh luôn nằm ngửa và từ trong băng bó, anh nhìn suốt ngày lên trần nhà với cặp mắt trống không. Một giường khác, bên cạnh giường Alếchxây có một thương binh nhỏ thó, lúc nào cũng cục quậy, mặt rỗ và răn reo, điểm một râu mép nhỏ. Người này hay nói chuyện và ưa giúp đỡ anh em.

Trong bệnh viện, quen biết nhau rất nhanh. Ngay

chiều hôm đó, Mêrétxép đã biết anh chàng mặt rỗ này là một người Xibêri, chủ tịch một nông trường, săn bắn giỏi nên trong chiến tranh đã tỏ ra là một chiến sĩ thiện xạ. Từ những trận đầu tiên đối với anh ở Iennia mà anh đã tham chiến trong sư đoàn Sibêri, cùng với hai đứa con và chàng rể, anh chiến đấu ở tiền tuyến và anh đã "hạ", như lời anh nói, được bảy mươi giặc Đức.

Anh trở thành anh hùng Liên Xô và khi anh cho Alếchxây biết tên anh, Alếchxây nhìn rất chăm chú cái anh chàng bé nhỏ trông chẳng ra mẽ này. Tên anh, thời ấy, đã vang lừng trong toàn quân. Báo lớn đã đăng bài xã luận về người thiện xạ kỳ tài này. Tất cả mọi người trong bệnh viện, những nữ y tá, bác sĩ nội trú và cả Vaxiliêvít đều kính cẩn kêu anh là Stêpan Ivanôvít.

Người thứ tư trong phòng, người toàn thân đều bó băng, suốt ngày không thổ lộ một câu nào. Nhưng tuy anh không kể chuyện đời mình mà Stêpan Ivanôvít chuyện gì cũng biết rõ đã khe khẽ kể lại cho Mêrétxép nghe. Trung úy xe tăng xung kích, cũng có quân chương Anh hùng. Anh vừa tốt nghiệp trường xe tăng, nhập ngũ và ra ngay tiền tuyến chiến đấu trong những trận

(1) Di-gon: Tên một du mục châu Âu, xuất phát từ Bô-hêm (Tiệp).

đánh đầu tiên của chiến tranh, ở mặt trận Bơrét Litốp. Trong trận chiến đấu xe tăng nổi tiếng ở Bialystốc, xe tăng anh bị hư, anh chạy qua một xe tăng còn lại của sư đoàn thiết giáp, anh đã bảo vệ đồng đội rút lui về MinScơ. Trong trận Búc, anh lại bị hư một chiếc xe tăng nữa. Anh bị thương, bò qua xe tăng khác và, thay cho người chỉ huy bị hy sinh, anh chỉ huy đại đội xe tăng tiếp tục chiến đấu. Sau đó, bị cô lập sau hàng tuyến Đức, anh cùng hai xe tăng khác tổ chức một đội biệt lập ba xe tăng. Anh xông pha cả một tháng, tiến rất sâu vào sau trận địa giặc, tấn công những đoàn vận tải cũng như những đội chiến đấu. Anh tự cung cấp xăng, đạn dược và những đồ phụ tùng trên những nơi chiến trận mới toanh; trong những thung lũng xanh tươi, gần đường cái, trong rừng rậm hay đầm lầy, tản mác không biết cơ man nào các xe cộ đủ mọi loại bị phá hỏng chẳng có ai canh giữ cả.

Anh vốn sinh đẻ ở vùng Đôrôgôbu. Khi nhận được tin bằng vô tuyến điện, trên chiếc xe tăng chỉ huy của anh, báo rằng mặt trận lúc này đã di chuyển về đúng quê hương anh, thì Gơvôđép không chịu được nữa. Anh cho phá hủy ba xe tăng và, cùng tám anh em đồng đội còn lại, anh đi chân băng rừng mà về.

Nhớ lại ngay trước ngày chiến tranh bùng nổ anh được nghỉ phép về thăm làng, làng bé nhỏ bên một

con sông, chạy quanh giữa những khu rừng. Ở đó, mẹ anh, một nữ giáo viên trường làng đang lâm bệnh nặng, và cha anh một kỹ thuật viên nông nghiệp già, đại biểu Xô Viết địa phương, đã phải kêu con về thăm mẹ.

Gơvôđép như còn thấy gian nhà gỗ bé nhỏ, bên cạnh trường, thấy mẹ anh, bé nhỏ ốm yếu, nằm trên đi văng cũ, chẳng còn hơi sức gì nữa, cha anh, bận chiếc áo tuýt- xo như kiểu mặc ngày xưa, ngồi kề bên giường người bệnh, và sù sụ ho vừa xoăn râu cằm trầm ngâm suy nghĩ. Anh như còn thấy ba người em gái của anh, đương lớn lên, cũng mảnh khảnh, tóc đen như mẹ anh. Anh nhớ tới Giênia cô nữ y tá trong làng, mắt xanh biếc, người thon thon, ngồi chung xe bò ra ga tiễn anh và được anh hứa sẽ viết thư về mỗi ngày.

Tiến lên như một con thú bị lùng săn, qua những cánh đồng bị chà đạp, những làng mạc bị đốt cháy và vắng, đến Biêlôruxi, vòng qua những thành phố và tránh những đường lớn người thường đi lại, anh bồn chồn tự hỏi: đến gian nhà nhỏ bé ở quê hương anh thì anh sẽ thấy gì đây! Anh nghĩ không biết cha mẹ anh có chạy kịp không và nếu không,thì thế nào đây?

Gơvôđép về đến quê nhà thấy sự thật còn thê thảm hơn cả những nỗi lo âu ảm đạm nhất của anh. Anh không còn thấy gian nhà nhỏ, cũng không thấy cha

mẹ, không thấy Giênia và cũng chẳng thấy cả đến vết tích làng mình nữa. Một bà già, nửa tỉnh nửa điên, vừa lắc lư vừa lẩm bẩm cái gì đó, đang nấu không biết đồ ăn gì trên một cái lò còn trơ lại giữa đống gạch vụn cháy rụi, cho anh biết rằng khi phát-xít tới thì bà giáo đau nặng quá, khiến cho ông cụ kỹ thuật viên nông nghiệp và các cô con gái không biết tính sao, không thể mang đi được, cũng không nỡ bỏ lại. Bọn Hít-le hay tin có đại biểu Xô-viết địa phương còn ở lại trong làng với gia đình. Chúng liền tới bắt cả gia đình, và ngay đêm đó đã treo cổ tất cả lên trên một cây bu- lô gần nhà và đốt cháy luôn gian nhà. Giênia vội chạy đến nhà tên chỉ huy Đức định kêu nài cho gia đình, thì hình như đã bị cả một trận đày đọa khổ sở. Tên chỉ huy Đức để ý tới nhan sắc chị. Sau đó thế nào, bà già không biết, nhưng cái điều chắc chắn là hai ngày sau chúng mang thây chị ra khỏi nhà tên chỉ huy ở; xác bị bêu hai ngày ở bờ sông. Còn làng, thì giặc Đức vừa mới đốt hôm trước thôi, để trả thù kho xăng của chúng tại chuồng bò của nông trường bị đốt.

Bà già dẫn chiến sĩ xe tăng đến tro tàn nhà cũ và chỉ anh coi cây bu-lô già. Hồi còn bé anh đã treo dây đu chơi trên cành lớn nhất, và bây giờ cây bu-lô cháy rụi, và từ cành còn thòng xuống năm sợi dây. Miệng

vẫn cứ lẩm nhẩm như cầu kinh kệ gì đó, và mình mẩy run lập cập như gân cốt rung lên, bà già dẫn Gơvôđép ra bờ sông và chỉ nơi quẳng xác người thiếu nữ, mà anh từng hứa viết thư hàng ngày, nhưng không giữ được lời hứa.

Anh đứng im hồi lâu giữa những lùm cây rào rạt, rồi trở lại khu rừng, nơi các chiến hữu đang đợi chờ, không nói một câu, không nhỏ một giọt nước mắt.

Cuối tháng sáu, khi tướng Kônếp ra lệnh tấn công ở mặt trận phía tay, Gơrigôri Gơvôđép đã cùng với bộ đội của anh vượt được trận tuyến của giặc Đức. Tháng tám, anh được nhận một xe tăng mới, hiệu T.34 nổi tiếng, và cùng với xe tăng, trước mùa đông năm đó, anh đã lừng danh trong tiểu đoàn là người quả cảm. Mọi người kể lại và viết báo kể nhiều chuyện về anh, những chiến công ngoài sức tưởng tượng của con người nhưng chính là sự thật. Được phái đi dò xét địch tình, anh đã cho xe tăng chạy hết tốc lực trong đêm tối vượt đồn lũy Đức. Anh vượt qua được cả một chiến tuyến gài mìn của giặc, rồi anh sử dụng tất cả vũ khí có trong xe, làm cho địch hoảng lên, xông vào trong một thành phố nhỏ do giặc Đức chiếm đóng đang bị hàng ngũ quân đội Liên Xô bao vây trong một gọng kìm, rồi sau khi đi ngang qua thành phố làm cho hàng ngũ giặc mất thần, anh lại trở về trận địa Liên

Xô. Một lần khác, anh hoạt động trong một bộ phận cơ động ở hậu phương địch và từ một nơi phục kích, đột nhiên anh nhô ra trước một đoàn hộ tống Đức, và đã nghiến nát cả bọn người lẫn ngựa của giặc, dưới xích xe tăng của anh.

Mùa đông, anh dẫn đầu một đoàn nhỏ xe tăng tấn công một đồn địch ở một làng gần Rơgiép, ở đó có cơ quan tham mưu tác chiến của giặc.

Trước khi anh vô được làng này, vượt qua được chiến tuyến của địch, xe tăng của anh bị một chai thuốc đốt xe của giặc làm bốc cháy. Xe tăng anh bị khói lửa bao phủ mịt mù, nhưng toàn đội vẫn tiến vô làng. Như một ngọn đuốc khổng lồ, xe tăng của anh phóng vô làng, xả tất cả các súng mà bắn giặc. Anh đi đi lại lại tìm giặc để tiêu diệt và nghiến nát dưới xích sắt biết bao thây giặc Đức không để cho chúng lủi trốn. Gơvôđép và các bạn đồng đội mà anh chọn trong số người đã như anh từ vòng vây của giặc thoát ra, biết rằng dầu làm gì rồi cũng chết khi thùng xăng và các hòm thuốc đạn bắt lửa sẽ nổ. Nghẹt thở trong khối, tôn bọc xe đã nóng bỏng, áo mặc cũng đã bắt cháy trên mình rồi, các chiến sĩ vẫn không rời xe, vẫn chiến đấu. Thình lình một trái đạn đại bác cỡ lớn nổ dưới xích xe tăng và lật nhào xe. Đạn nổ đã tung hơi và bốc các cùng băng tuyết phủ lên chiếc xe và

dập tắt ngọn lửa. Vừa kịp lôi Gơvôdép ra khỏi xe thì anh đã bị bỏng khắp mình. Khi đó là anh đương ở trong đài bắn của xe tăng, bên cạnh đồng chí pháo binh đã tử trận và anh đã thay thế ngay khi chiến đấu.

Hơn một tháng rồi, chiến sĩ xe tăng đang ở trong tình trạng nửa sống, nửa chết, không có chút hy vọng nào cứu anh được. Anh chẳng buồn lo tính gì cả và suốt ngày chẳng nói nửa lời.

Đối với những người bị thương nặng, thế giới thường đóng khung lại trong bốn bức tường nhà thương, ở ngoài kia là những biến cố lớn lao, là những dục vọng của loài người sôi nổi lên mỗi ngày đã để lại một dấu vết trong tâm hồn người ta. Nhưng trong gian phòng của những thương binh nặng này, đời sống bên ngoài không lọt vô và giông tố ạt ào ở bên ngoài bốn bức tường chỉ dội tới đây một dư âm văng vẳng, xa xôi.

Dù muốn dù không, phòng này cũng có một cuộc sống riêng biệt bé nhỏ của nó. Chỉ một con ruồi rét mướt và bướng bỉnh từ đâu bay tới, đậu trên kính cửa để sưởi nắng, cũng thành một sự việc lớn. Bữa nay, chị y tá Cơlaođia Mikhailôna mang đôi giày cao gót mới để đi coi hát sau khi ở nhà thương ra, cũng là một tin mới mẻ cho những người trong phòng. Mận luộc thay cho mứt mơ, ăn đã chán, cũng trở thành câu

chuyện để thảo luận.

Và điều mà những người thương binh nặng này không ngớt bàn tới, không lúc nào ngừng nghĩ tới suốt những ngày dài dằng dặc ở nhà thương chính là những vết thương đã buộc họ phải xa chiến hữu của mình, xa đời sống gian khổ ở mặt trận, buộc họ phải gắn mình trên giường bệnh, nệm êm, mền ấm ngay từ buổi đầu đã khiến cho họ không chịu được. Họ ngủ nhưng luôn luôn nghĩ tới vết thương, chỗ sưng, nơi gãy. Họ thấy những cái đó trong mộng và mỗi khi thức dậy, họ hồi hộp muốn biết chỗ sưng đã dẹt chưa, vết thương còn đỏ chăng, cơn nóng tăng lên hay giảm sút. Cũng như lúc trời tối tĩnh mịch, tai có thể lắng nghe từng tiếng động nhỏ mà tưởng chừng như quá mạnh ở đây cứ chú ý luôn luôn đến những vết thương như thế đã làm cho họ đau đớn thêm. Và ngay với cả những người có một ý chí sắt thép, đã không run sợ nhìn thẳng vào mặt tử thần ở trận tuyến, cũng lo âu, lắng nghe từng giọng nhỏ trong tiếng nói của giáo sư; tim họ đập rộn ràng, mắt họ nhìn đăm đăm, đoán xét từng nét mặt của Vaxiliêvít mỗi khi ông phát biểu về sự diễn biến bệnh trạng của họ.

Cưcúckin không ngớt kêu ca càu nhàu. Luôn luôn anh thấy dây cột không đúng chỗ, hoặc cột chặt quá, hoặc xương anh nối không trúng khớp phải phá ra bó

bột lại. Gorôgôri Govôđép thì êm lặng, anh chìm đắm trong một thứ giấc ngủ bàng hoàng mê mệt. Nhưng cũng không khó nhận ra nỗi lo lắng, nôn nóng của anh, khi chị y tá Cơlaođia Mikhailôna thay băng, bôi từng nạm vadơlin trên những vết thương cho anh, anh thấy toàn thân đỏ tía, da đứt ra từng mảng một. Và cũng không khó nhận thấy anh đã cố lắng nghe lời các thầy thuốc trao đổi với nhau bên giường về bệnh tình của anh. Chỉ có một mình Stêpan Ivanôvít là có thể đi lại trong phòng, nhưng cũng đi lại rất khó khăn, mình gập đôi lại, tay bám chấn song giường mà lần bước. Anh có đủ loại những lời nguyền rủa buồn cười, chửi bới "quả bom ngu si" nọ đã khiến cho anh bị đau một trận nên thân và do đó bị cái bệnh "đau cuống thận đểu giả" này.

Mêrétxép cố không để lộ tình cảm mình: anh làm bộ không quan tâm khi các y sĩ bàn về bệnh anh. Nhưng mỗi khi thay băng ở chân để chiếu điện, anh thấy cái màu đỏ sẫm cứ ngày càng loang lớn dần lên phía đùi anh, chậm chậm, nhưng không sao hoãn lại được, thì anh mở to đôi mắt kinh hoàng. Anh trở nên buồn bực. Một câu nói đùa vô ý một chút, một mảnh "đờ-ra" xếp không đúng chỗ, một cái bàn chải bị người hộ lý già làm rớt cũng làm cho anh nổi giận, một cơn giận khó dằn xuống được. Khẩu phần thực ngon và bổ

mà bệnh viện tăng lần lên cho anh đã làm cho anh lấy lại sức mau chóng. Đến giờ thay băng hay chiếu điện, đám tập sự trẻ tuổi đã bớt lo sợ vì thân hình gầy yếu của anh rồi. Nhưng cơ thể anh càng phục hồi, thì vết thương ở chân anh càng nặng hơn. Sắc đỏ ở bàn chân đã lần lên tới bắp chuối. Ngón chân đã hoàn toàn tê liệt; châm kim vào thịt anh ở chỗ đó, anh không hay biết gì cả. Đã ngăn được chỗ sưng của anh, không cho lan ra bằng cách chữa gọi một cách kỳ quặc là "chặn đứng" nhưng anh càng thấy đau hơn trước, không chịu được. Ban ngày Alếchxây nằm im không cựa, áp mặt vào gối chịu trận. Ban đêm chị Mikhailôna phải chích thuốc "moóc- phin" cho anh.

Trong câu chuyện giữa các bác sĩ đã nghe thấy nhiều lần tiếng ghê gớm: cưa. Vaxiliêvít đã có lần ngừng lại ở đầu giường Mêrétxép và hỏi anh:

- Thế là anh chàng chuyên môn bò, có đau không? Không chừng cứ cắt phăng đi là hơn, nhỉ? Cứ đánh cắc một cái, khỏi phải nói chuyện lôi thôi gì nữa.

Alếchxây thấy người lạnh đi và co quắp lại. Anh nghiến chặt răng để không la lên, đầu lắc lư. Giáo sư càu nhàu:

- Thế thì thôi vậy! Cứ mà chịu đau vậy, cứ chịu đi. Việc của anh chứ của ai! Chúng tôi thì cũng cứ thử

tìm các cách khác xem sao.

Và giáo sư lại cho toa mới.

Cửa đóng lại, bước đi xa lần ở ngoài hành lang, và Mêrétxép, mắt ngắm nghiền, nằm trên giường suy nghĩ: "Chân ơi chân! Có thể sống không chân được không? Lại què quặt giống như ông già Akasa, ông già coi dò ở quê hương Kamisin! Mỗi lần muốn tắm lội, ông phải tháo cẳng gỗ để trên bờ sông, rồi bò bằng hai tay đi tới sát nước giống như con khỉ".

Và nỗi buồn của anh càng tăng lên vì một lẽ khác nữa. Từ khi vô bệnh viện, anh đã đọc những bức thư từ Kamisin gởi tới. Những bức nhỏ bé gập ba góc của mẹ anh cũng vẫn ngắn gọn như trước, vẫn đầy những lời chào của bạn bè thân thích, vẫn nhắc đi nhắc lại nghìn lần câu "nhà của bình yên, nhờ Trời chẳng có gì xảy ra cả", dặn dò "chú Alếchxây ta" đừng mất công lo nghĩ gia đình. Và tiếp đó thì là những lời khuyên anh nên thận trọng, nên giữ đừng để lạnh mình, đừng để ướt chân, đừng mạo hiểm, phải đề phòng bọn giặc Đức rất quỉ quái mà má nghe các bà lối xóm đã kể lại bao nhiêu là chuyện. Tất cả những bức thư đó giống nhau, chỉ có một bức hơi khác là bà nói có nhờ bà con lối xóm cầu kinh cho chiến sĩ Alếchxây yên lành. (Bà không tin đạo, nhưng biết đâu đấy, ngộ nhỡ như trên kia quả thực có gì đó thì sao...) Thư sau bà nói lo cho

mấy người anh của anh, chiến đấu ở mặt trận phía Nam lâu quá không viết thư về. Trong thư sau cùng, bà nói nằm chiêm bao thấy nước sông Vôn- ga dâng lên; và tất cả con cái đều về nhà rồi. Tất cả cùng cha đã mất rồi đi câu được kha khá cá trở về và bà đã làm một món ăn ngon cho cả gia đình: món chả cá chiên mà ai nấy đều thích. Bà con lối xóm đã cho đó là điềm tốt, có lẽ một trong những con trai của bà sắp từ mặt trận trở về. Và bà già, tội nghiệp quá, bảo Alếchxây thử dạm hỏi cấp chỉ huy xem có thể về phép được không, một ngày cũng là tốt.

Những chiếc bao thư xanh với những nét chữ lớn, tròn trĩnh, nắn nót chứa đựng trong những lá thư của một cô gái mà trước kia Alếchxây đã cùng học ở trường chuyên môn. Tên cô là Onga. Cô đang làm việc ở nhà máy cưa Kamisin, nơi đây, anh cũng đã từng làm thợ tiện kim khí. Cô gái này không chỉ là người bạn cũ hồi thơ ấu và những bức thư thường. Không phải là không có gì đâu, khi anh đã đọc đi đọc lại những bức thư. Đó và đôi khi anh vừa đọc vừa cố tìm trong những lời bình thường nhất một ý tứ gì thầm kín của người viết, ý tứ ấy như thế nào, anh không hiểu rõ lắm, nhưng cũng cứ làm anh sung sướng. Cô cho biết cô rất nhiều công việc, đến nỗi không về nhà ngủ được, phải ngủ ngay tại sở. Xưởng đã thay đổi nhiều, thay đổi khác hẳn xưa, làm cho Alếchxây

chắc giờ chẳng nhận ra được nữa đâu, và anh sẽ thấy rất lạ và sung sướng đến điên người lên được nếu anh đoán được bây giờ xưởng cưa của anh đang sản xuất cái gì. Trong các câu chuyện, cô có nói đã có lần nhân lúc rảnh - tuy rảnh là rất hiếm, không quá được một lần mỗi tháng, cô đi thăm má anh và má già không mạnh lắm. Thương quá, má không nhận được thư của các con lớn và đời sống khó khăn hơn trước, dạo vừa qua, sức khỏe má kém lắm. Cô nhắc anh thường viết thư cho má, viết dài, và đừng báo tin gì buồn cho má lo, nhất là hiện nay mà không chừng chỉ còn có anh thôi.

Càng đọc đi đọc lại thư của Onga, Alếchxây càng hiểu rõ cái mưu má anh đã khéo léo kể lại câu chuyện nằm chiêm bao. Anh đoán chừng được nỗi lo âu của mẹ đang đợi anh và anh sẽ làm cho hai người đàn bà bàng hoàng nhường nào nếu anh kể rõ tai nạn anh vừa gặp phải. Anh suy nghĩ rất lâu nên làm thế nào, và anh không có can đảm viết rõ sự thực. Anh quyết định hãy đợi và viết cho cả hai người nói rằng anh mạnh giỏi, cấp trên đã đổi anh về một nơi yên ổn. Và để giải thích làm sao anh đổi địa chỉ thư từ, anh nói ra cho có vẽ thật rằng anh được chuyển về hậu phương để làm một công việc đặc biệt và như thế, anh sẽ còn ở nơi đây khá lâu.

Bây giờ mỗi khi anh nghe thầy thuốc bàn nhau nói tới tiếng "cưa" là anh thấy gớm ghê quá. Anh sẽ trở về Kamisin với hai chân què sao? Lẽ nào dám đưa hai cẳng cụt cho Onga coi? Mẹ anh sẽ đau khổ chừng nào khi mẹ đã mất hết cả những con gái khác trên mặt trận rồi, và chỉ còn chờ đợi ngày anh trở về.

Tất cả những ý nghĩ đó vò xé anh trong khi cả phòng yên tĩnh, anh nghe thấy tiếng lò xo giường chuyển động khi Cưcúckin trở mình hay tiếng thở dài của người cầm lái xe tăng ít nói. Còn Stêpan Ivanôvít thì, người gập lại làm ba, cả ngày ngồi gần cửa sổ lấy ngón tay gõ trên kính.

Anh nghĩ: "Cưa chân ư? Không, nhất định không cưa! Dù chết còn hơn". Đó là một tiếng nói lạnh người, một tiếng đáng ghê sợ: "Cưa chân! Không, nhất định không thể cưa được".

"Cưa à? Không. Gì thì gì, không chịu cái đó, chết còn hơn. Tiếng gì nghe lạnh buốt cả người, tiếng gì gớm ghiếc quá: cưa! Không. Không thể nào được". Alếchxây nghĩ vậy. Và cái tiếng khủng khiếp đó hiện ra cả trong lúc chiêm bao, anh nằm mơ thấy một con nhện khổng lồ bằng thép đang dùng những cái càng cong lớn của nó mà cấu xé anh tan nát.

III

Trong một tuần lễ, số khách trong phòng số 42 đang là bốn người, cứ thế mà ăn ở với nhau. Nhưng một hôm Cơlaođia Mikhailôna cùng hai nữ y tá nữa vô cho biết bệnh nhân phải chịu thiệt thêm một chút nữa. Stêpan Ivanôvít khoái lắm, giường anh được kê sát cửa sổ; giường Cưcúckin thì đẩy vô sâu trong một góc, cạnh Stêphan Ivanôvít, và ở chỗ trống mới này đặt một cái giường tốt, rất thấp với cái nệm có lò xo êm.

Thế là đủ cho Cưcúckin phát khùng lên. Anh tái mặt lên vì giận, tay đập xuống bàn đầu giường và la rầy nữ y tá, bệnh viện, và cả giáo sư Vaxiliêvít. Anh hăm sẽ kiện lên cấp trên, anh nổi giận đến nỗi còn một chút nữa là anh liệng cái chén vô mặt chị Cơlaođia Mikhailôna. Anh đã liệng cái chén rồi nếu lúc đó

Alếchxây không ngăn anh lại, bằng cách kêu lên một tiếng đe dọa, và trợn đôi con mắt đen nháy, như mắt người Digon[1], nhìn tròng trọc vào anh.

Ngay lúc đó, một thương binh thứ năm được khiêng vô. Có lẽ người này nặng lắm, cái "băng ca" kĩu kịt và trĩu xuống mỗi khi những người y tá bước. Một cái đầu tròn, cạo trụi lũi, dựa trên gối, lắc lư như không còn hơi sức. Mắt to rộng, nước da vàng và nhợt phếch, như không còn chút thần sắc. Cặp môi dày và xanh tím như ghi rõ cả sự đau đớn. Bệnh nhân mới tưởng như bất tỉnh nhân sự.

Nhưng khi "băng ca" vừa để xuống sàn, thì thương binh mở ngay mắt, tì khuỷu tay nhỏm dậy, tò mò nhìn quanh phòng Và nhíu mắt nhìn Stêphan Ivanôvít như muốn hỏi: "Sao, dễ chịu chứ?" rồi người đó ho sù sụ. Người anh nặng, có lẽ bị va chạm thế nào ghê gớm lắm và anh đau đớn vô cùng. Mêrétxép thoạt nhìn người to béo ấy, không thích lắm, nhìn những người khiêng "băng ca", nhìn hai chị hộ lý và chị y tá một cách hằn học, khi họ đang ra sức thu xếp để đặt thương binh lên giường.

Anh thấy mặt người mới đến bỗng tái đi và toát mồ hôi, khi giò thẳng cứng của thương binh bị vấp một

(1) Di-gon: Tên một du mục châu Âu, xuất phát từ Bô-hêm (Tiệp)

cái. Cặp môi xanh méo đi vì đau đớn, nhưng chỉ nghe thấy tiếng răng anh nghiến lại.

Khi đã nằm sang giường, người thương binh gấp cẩn thận mép "đờ- ra" lên trên mền và xếp gọn gàng lên bàn đầu giương mấy cuốn sách và sổ tay mang theo, đặt thật kỹ càng thuốc chà răng, nước sức thơm, dao cạo, xà bông lên kệ dưới. Xong xuôi mọi việc, anh kiểm soát đồ đạc với con mắt chủ nhân ông, anh cảm như ở nhà mình, rồi giọng khàn khàn của anh vang lên:

- Nào chúng ta hãy làm quen nhau nào! Xin tự giới thiệu: tôi là Xêmiôn Vôrôbiốp, chính ủy trung đoàn, một anh chàng yên tĩnh và không nghiện thuốc lá, xin được cùng sống chung với, nghe.

Nói rồi, anh vừa trầm tĩnh vừa săn sóc nhìn từng đồng chí trong phòng. Và Mêrétxép cảm thấy dừng lại trên người anh cái nhìn đăm chiêu, sâu sắc của đôi mắt xếch, con ngươi ánh vàng, tinh sắc.

- Chắc tôi không ở đây lâu với các đồng chí đâu. Không biết các đồng chí nghĩ sao chớ tôi chắc không thể ở hoài trong nhà thương này được. Bộ đội kỵ binh của tôi đang chờ tôi, băng sắp tan rồi, đường sẽ khô, và lên đường thôi! Nói xong anh khe khẽ ca: "Đây đoàn kỵ sĩ của Hồng quân", khiến đầy phồng ngân

lên giọng ồ ồ, vui vẻ của anh.

Cưcúckin đáp lại, vừa nói vừa bỗng lật úp mặt vô tường:

- Chẳng ai ở đây hoài. Băng sắp tan rồi, và lên đường thôi! Khi chân bước đi, bước sang... phòng 50. Thực ra, đâu có phòng 50 ở bệnh viện, nhưng bệnh nhân nói chuyện với nhau kêu nhà xác là phòng 50. Chính ủy mới vô không hiểu chuyện, nhưng anh cũng hiểu ngay câu nói đùa bi đát này. Anh không tỏ vẻ giận nhưng nhìn Cưcúckin như ngạc nhiên anh hỏi:

- Cậu đã bao nhiêu tuổi rồi bạn thân ơi? Này, ông cụ râu ơi! Thế là cụ đã già trước tuổi rồi đó.

IV

Từ khi thương binh mới mà ai nấy cứ gọi là "chính ủy" đến căn phòng 42, căn phòng thay đổi hẳn. Trong một ngày, người thương binh to béo bị tê liệt này đã làm quen với mọi người. Như Stêpan Ivanôvít thường nói, về anh, anh biết tìm "chìa khóa mở mỗi người". Với Stêpan Ivanôvít, đôi bạn thân không biết chán chuyện cỡi ngựa và đi săn. Về mặt này, cả hai đều là tay lão luyện và ham thích. Với Mêrétxép người ưa những chuyện quân sự, đôi bạn đem ra bàn một cách say sưa tình hình sử dụng hiện nay của máy bay, xe tăng và kỵ binh. Anh nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng xe tăng và máy bay là những vũ khí siêu việt, nhưng chẳng làm mất tác dụng của kỵ binh. Cứ chỉ cần cung cấp ngựa tốt cho những đơn vị kỵ binh, cải thiện những chiến cụ cần thiết cho kỵ binh, đào tạo thêm bên những lão chiến sĩ những cán bộ kỵ binh

trẻ tuổi dũng cảm và có nhãn quan rộng rãi, thì kỵ binh ta sẽ làm cho thế giới kinh ngạc.

Anh lại biết cả cách đẩy đưa câu chuyện với người lái xe tăng lầm lì ít nói. Sư đoàn của "chính ủy" có tham gia chiến đấu gần Yếchxêvô và ở vùng Đukhôchina, sư đoàn được sử dụng trong cuộc phản công của tướng Kônép, nhờ đó anh lái xe tăng và đồng đội đã xông pha thoát khỏi vòng vây. Anh nồng nàn kể lại tên các làng xóm mà cả hai đều biết, nhắc lại những nơi đã giã cho bọn phát xít những trận đòn nên thân. Anh "lái xe tăng" vẫn không nói chuyện, nhưng anh không còn ngoảnh mặt đi như trước nữa. Băng còn phủ kín đầu anh, không thấy mặt anh, nhưng thấy được đầu anh gật gù tán thưởng. Còn đối với Cưcúckin, tính tình cáu kỉnh đã dịu hiền khi chính ủy đề nghị đánh chơi ván cờ. Bàn cờ để ở giường Cưcúckin, còn chính ủy thì "chơi mò" nằm dài, mắt nhắm khỏi nhìn bàn cờ. Anh đánh cho viên trung úy khó tính thua liểng xiểng nhiều bàn và từ đó hai bên thân thiết với nhau vô cùng.

Có chính ủy vào trong phòng làm cho mọi người vui, cũng như mỗi buổi sáng chị hộ lý mở cửa sổ phụ phía trên cửa phòng; để những tiếng ồn ào vui vẻ của đường phố đột ngột ào vô cảnh tỉnh mịch nặng nề của bệnh viện cùng một lúc với không khí của thủ đô Mátscơva những ngày đầu xuân sớm, ướt át và tươi

tấn. Chính ủy không hề phải ráng sức để gây ra cái đó. Anh chỉ việc cứ sống bình thường, sống nhiệt tình, sống toàn thân toàn ý, quên đi hay gắng quên mọi đau đớn đương giầy vò anh.

Sáng sớm, thức giấc, anh ngồi dậy giơ tay trên đầu rồi, giang tay hình chữ thập, cúi xuống, ngửa lên, quay cổ lại, rồi lại cúi đầu xuống, động tác tập đều: đó là anh làm thể dục.

Khi đưa đồ rửa mặt đến, anh đòi nước thực lạnh. Anh vục mình mãi trong thau, dùng khăn lông chà người thực mạnh đến lúc da đỏ ửng lên mới thôi, mọi người thấy anh làm thế ai cũng muốn làm như anh. Khi đưa báo tới, anh giật vội lấy trên tay chị y tá và lập tức lớn tiếng đọc các thông báo của Cục thông tin Liên Xô rồi lần lượt đi vào chi tiết, đọc những bài phóng sự ở tiền tuyến. Anh có lối đọc báo riêng của mình, có thể nói là một cách chủ động. Đoạn nào anh ưa, anh lẩm nhẩm thêm vô hai tiếng: "Đúng đấy". Chỗ khác, anh nổi nóng: "Bậy bạ! Đem đầu tôi ra mà cá, chỉ lấy một chai bia nhỏ thôi, thằng cha viết bài này chưa ra mặt trận hồi nào! Bụ đầu bụ óc như thế này mà cũng đòi viết!".

Một hôm, bực quá với một phóng viên chiến sự tếu, anh liền viết cho tòa soạn một tấm thiếp đâu ra đấy, chứng minh rằng khi đánh nhau, không bao giờ

có chuyện lối ấy, và đề nghị bịt mõm anh chàng khoác lác đó lại. Đôi khi anh trầm ngâm trên tờ báo giải trên gối. Anh ruỗi thẳng chân, mở mắt lớn, hay đem ra kể những chuyện về kỵ binh của anh mà, theo anh, thì ai nấy đều là những anh hùng, những người dũng cảm vô song cả. Rồi anh lại tiếp tục đọc nữa, và điều lạ lùng là những lời tán rộng thêm, những đoạn văn vẻ ra ngoài đề của anh không làm anh em rối loạn, trái lại nghe anh nói thêm càng hiểu rõ câu chuyện.

Mỗi ngày hai tiếng, giữa giờ ăn và giờ chữa bệnh, anh học tiếng Đức. Anh đọc đi đọc lại từng tiếng, tập ghép câu, và bỗng nhiên đôi lúc anh suy luận về tinh thần tiếng ngoại quốc. Anh nói:

- Các cậu, này! Có biết tiếng Đức kêu gà con là gì không? Họ kêu là "quisensen". Tài tình chưa, khi nghe tiếng "quisensen" là nghĩ ngay tới cái gì be bé, mềm mềm, êm êm. Thế còn cái chuông con gọi là gì, biết không? Là "Gơlốccơlinh". Cứ nghe là cảm thấy như nghe tiếng rung lên, phỏng?

Một hôm Stêpan Ivanôvít không giữ được nữa, nói:

- Này chớ, đồng chí chính ủy, anh học tiếng Đức để làm gì hả? Tốn công vô ích, anh phải gìn giữ sức khỏe là hơn...

Chính ủy hóm hỉnh nhìn người lính già:

- Thế lão râu ta cho rằng người Nga cứ thế mà chịu

được à? Không học tiếng Đức, thì khi chúng ta tiến tới Bálinh, lão bảo tớ dùng tiếng gì đây để nói chuyện với các cô gái Đức? Hay là dùng tiếng cực nam châu Mỹ hả?

Stêpan Ivanôvít, ngồi trên giường chính ủy, cự lại một cách có lý rằng lúc này chiến tuyến đương gần sát Mátscơva và còn phải đi một quãng đường kha khá đấy mới đến gần được các cô gái Đức, nhưng giọng chính ủy rung động một niềm tin vui sướng khiến cho anh chiến sĩ phải đằng hắng một tiếng rồi nói tiếp một cách nghiêm trang như thực:

- Ừ phải rồi! Anh lại nói bằng tiếng cực nam châu Mỹ. Nhưng đồng chí chính ủy ạ! Anh vẫn cứ nên giữ gìn sức khỏe, nhứt là sau khi đã bị trận giập cả mình mẩy như anh.

- Ngựa cưng lắm thường là chổng bốn vó trước tiên! Chắc anh không biết câu phương ngôn đó, hả lão râu? Không biết là không tốt.

Thực ra trong số mấy người thương binh, chẳng ai có râu cả, nhưng chính ủy ưa kêu mọi người là "lão râu"; tuy anh kêu thế, chẳng ai buồn cả. Trái lại ai cũng thấy như vậy là buồn cười, vừa vui vẻ. Alếchxây nhìn chính ủy cả buổi để thử tìm xem tại sao anh vui vẻ hồn nhiên như vậy. Chắc là chính ủy đau dữ dội. Mỗi khi anh mệt thiếp đi và không tự chủ được nữa,

thì nghe thấy anh rên rỉ, vật vã, nghiến răng; mặt anh lúc đó nhăn nhó hẳn lại vì đau đớn. Chắc anh cũng biết rõ điều đó, nên cố tránh không ngủ ngày, lúc nào cũng kiếm công chuyện mà làm.

Thức dậy là anh luôn luôn bình tĩnh, điềm nhiên hình như không phải là bị một sự đau đớn ghê gớm giày vò. Anh thảo luận từ tốn với các thầy thuốc, cười đùa với họ khi họ tới thăm bệnh và khám phá những chỗ đau của anh. Chỉ đoán được anh phải cố gắng thế nào mới nén được đau, khi thấy tay anh quơ quơ trên tấm đờ- ra hay thấy mồ hôi lấm tấm nhỏ giọt trên cuống mũi anh. Phi công không hiểu được vì sao người bạn này có thể trấn áp được những đau đớn ghê gớm và tìm được ở đâu bấy nhiêu nghị lực, bấy nhiêu niềm vui, bấy nhiêu sức sống.

Alếchxây muốn biết bí quyết đó vì bản thân anh lúc này đây, đang dùng thuốc ngủ, liều thuốc ngày một mạnh hơn, mà cũng không ngũ được. Đã nhiều đêm trường, có khi suốt tới sáng, anh không nhắm mắt, răng cắn chặt mền để không la lên thành tiếng.

Tiếng "cưa" khủng khiếp cứ ám ảnh anh hoài, và càng ám ảnh hơn sau mỗi lần thầy thuốc thăm bệnh.

Gần tới ngày ác hại đó, thì Alếchxây nghĩ rằng nếu tàn tật như thế thì cuộc sống chẳng còn đáng sống nữa.

V

Ngày đó tới. Vaxiliêvítrờ khám rất lâu hai chân đen sì và tê liệt, rồi bỗng thẳng người dậy, giáo sư nhìn Mêrétsép thẳng vào đôi mắt anh và nói:

- Phải cưa!

Mặt phi công tái đi và trước khi anh ú ớ được câu trả lời, thì giáo sư đã dằn mạnh từng tiếng nói thêm :

- Phải cưa. Không ấm ớ gì nữa, nghe chưa? Nếu không thì toi mạng. Hiểu không?

Nói xong giáo sư ra khỏi phòng. Cả phòng im phăng phắc thật là nặng nề. Mêrétsép nằm yên, mặt ngẩn ra như hóa đá, hai mắt mở thao láo. Như qua bóng sương mờ, anh lại thấy đầu hai khúc chân cụt của người đưa đò què, tím ngắt và chẳng ra hình thù gì nữa, anh thấy ông đang bò bốn cẳng như một con khỉ

ra tận sông, trên cát ướt.

Chính ủy nhỏ nhẹ kêu :

- Cậu Alếchxây này!

Alếchxây trả lời bằng một giọng nói xa xôi, hiu quạnh:

- Hở?

- Phải thế thôi, cậu Alếchxây ạ!

Lúc này Mêrétsép thấy không phải là ông già đưa đò nữa mà chính là anh đang bò bằng hai cẳng què và Onga thân yêu của anh, đứng trên bãi cát, lộng lẫy và tươi đẹp trong bộ áo bông màu phơ phất, nhẹ nhàng, đang cắn môi và nhìn anh không chớp mắt.

Sẽ như vậy đó! Và anh gục mặt vào gối, nức nở khóc lặng lẽ, toàn thân anh run lẩy bẩy. Nỗi đau buồn ấy tràn ngập cả gian phòng, Stêpan Ivanôvít, vốn hay càu nhàu, đứng dậy, Khoác áo choàng vô và lê dép, bám giường, tiến lại gần Mêrétsép. Nhưng chính ủy cản anh ta lại bằng một cử chỉ có ý nghĩa :

- Để cho đồng chí ấy khóc!

Và quả nhiên Alếchxây dịu lại, không khóc nữa. Anh cảm thấy nhẹ nhõm như một người đã được giải quyết xong một việc mà trước kia đã làm cho mình đau khổ lắm. Anh yên lặng mãi như thế cho tới chiều,

lúc những người khiêng "băng ca" đến đón anh đưa tới phòng mổ. Trong gian phòng trắng sáng, anh chẳng nói câu nào, ngay cả lúc anh được cho biết vì tim anh yếu quá nên không chụp thuốc mê được mà chỉ chích thuốc tê nơi chân thôi. Anh chỉ gật gù gật gù cái đầu. Trong lúc cưa, anh không rên cũng không kêu nửa tiếng. Giáo sư Vaxiliêvít đã tự tay cưa chân cho anh mặc dù không có khó khăn gì cả, và như thường lệ, gắt gỏng với những người phụ tá và khán hộ, ông nhắc họ nhiều lần phải coi chừng xem bệnh nhân có chết trong khi ông mổ không.

Khi cưa xương ống chân, Alếchxây thấy đau dữ dội, nhưng anh đã quen chịu đựng đau rồi và anh không biết đám người mặc "bờ-lu" trắng này, mặt trùm vải thưa, đang làm gì quanh chân anh. Khi anh tỉnh lại thì anh đã trở về phòng, và cái mà anh nhìn thấy trước tiên là nét mặt lo âu của chị Cơlaođia Mikhailôna. Lạ lùng chưa: Anh không nhớ gì cả và anh ngạc nhiên thấy người đàn bà nọ, trông thật là dịu hiền, dễ thương dưới bộ tóc óng vàng, sao lại đang nhìn anh xúc động và lo sợ đến thế. Thấy anh mở mắt, nét mặt chị vui hẳn lên chị luồn tay dưới mền nắm nhẹ tay anh.

Vừa nghe mạch cho anh, chị vừa nói :

- Anh thực là dũng cảm!

- Tại sao chị ấy nói thế nhỉ?

Anh tự hỏi xong thì cảm thấy hai chân anh đau nhức vô cùng, đau cao hơn trước kia và đây không phải là cái đau nhói nhức, day dứt như trước, mà là một cái đau âm ỉ, như bị trói chặt cứng phía trên cổ chân. Và đột nhiên nhìn xuống dưới, qua những nếp của lớp mền, anh chợt thấy người anh ngắn hơn trước. Tất cả sự việc, anh cùng nhớ lại cả một lúc : gian phòng trắng chói, tiếng gắt gỏng của Vaxiliêvít và tiếng cái gì đánh thịch một cái vào thùng tráng men. Thế là xong à? Anh ngạc nhiên và trơ trơ không phản ứng gì cả. Anh gượng mỉm cười và nói với chị y tá:

- Cắt ngắn bớt tôi lại rồi thì phải?

Nụ cười bất đắc dĩ của anh giống như người mếu. Cơlauđia Mikhailôna dịu dàng vuốt tóc anh:

- Thôi, không sao đâu anh ạ! Bây giờ anh nhẹ nhõm hơn trước nhỉ.

- Nhẹ nhõm, đúng rồi, nhưng chưa biết nhẹ bao nhiêu ký?

- Anh đừng nói thế, anh! Anh đã can đảm đến thế. Có người thì kêu la, có người thì phải lấy dây ra trói lại, và phải giữ lấy mình; còn anh, anh chẳng chuyển chút nào... Chiến tranh! Ôi là chiến tranh!

Ngay lúc đó, giọng nói giận dữ của chính ủy vang lên trong bóng thâm đang tràn vào phòng:

- Than vãn gì đấy hả? Cô bé y tá kia ơi! Cô hãy đưa gói thư cho cậu ấy đọc có hơn không? Sao mà thằng cha nó may thế?

Ai mà không thèm. Mỗi lần mà được đọc cả gói thư.

Chính ủy giao cho Mêrétsép cả một xấp thư. Đó là thư từ Trung đoàn anh gửi tới. Mỗi cái ghi ngày khác nhau nhưng đã đến tay anh cùng một lúc. Và thế là Alếchxây với hai chân vừa bị cưa, đọc hết bức này sang bức khác, những bức thư thân yêu đem đến cho anh những tin tức về đời sống cực khổ, xa xôi, đầy thử thách và nguy hiểm mà anh thích, nhưng nay anh đã mất không sao có được nữa. Những tin tức trọng yếu hay những chi tiết nhỏ nhặt, anh đều sung sướng thưởng thức ngang nhau. Tất cả mọi tin, anh đặt ngang hàng nhau và đọc thích thú như nhau : Tin anh sĩ quan phụ trách ban chính trị của quân đoàn tiết lộ cho biết rằng trung đoàn của anh được đề nghị tặng thưởng huân chương Cờ Đỏ; anh Ivansúc được nhận hai cái huân chương một lúc, anh Alêchin đi săn giết được một con cáo không có đuôi, câu chuyện tình duyên giữa Stêpan Rôstốp và chị y tá Lênốtca chấm dứt vì bỗng dưng Stêpan bị sưng vù một bên má. Anh nghĩ miên man tới cảnh máy bay giữa đám rừng và hồ mà các phi công thường hết lời nguyền rủa, vì đất có lắm

chỗ nguy, nhưng giờ đây dưới mắt anh, anh coi như toàn thế giới không có đâu là kỳ diệu thích thú bằng. Anh mãi miết đọc thư, chẳng kể gì đến ngày tháng trong thư khác nhau, Cũng chẳng để ý thấy chính ủy liếc mắt và mỉm cười làm hiệu với cô y tá và thì thào nói:

- Thuốc của tôi còn công hiệu hơn tất cả các viên luminan và verônan của cô!

Alếchxây đâu có biết rằng chính ủy chờ sẵn ngày thử thách lớn, đã gom góp tất cả những thư gửi tới cho anh Mêrétsép, để khi cái ngày ghê gớm ấy đến, tất cả những lời chào mừng âu yếm và những tin tức từ phi trường tới sẽ làm bớt được phần đau khổ cho anh phi công. Chính ủy thực là một người lính già dặn. Anh biết rõ hiệu lực của những mẩu giấy chữ nguệch ngoạc ấy, ở mặt trận, có khi còn hiệu nghiệm hơn cả thuốc men và bánh ngọt.

Thư tín của Ăngđơrây Đếchcharencô giản đơn và thô cứng cũng giống như tính của người viết, có mang theo một tấm thiếp đầy những chữ có tô giạm và đặt những tấm than.

"Đồng chí trung úy ơi! Thế là không tốt. Anh không giữ lời hứa! Trung đoàn nhớ tới anh luôn. Tôi không nói dối đâu, nhắc tới anh luôn đấy. Hôm trước, Trung đoàn trưởng nói trong nhà ăn rằng Mêrétsép thật là

một người đáng kể!!! Và anh biết đấy, ít khi đồng chí ấy nói ai như thế. Về sớm nhé, ở đây chờ anh đấy!!! Chị Lôla, cái chị người to, dọn cơm ở nhà ăn ấy, bảo tôi nói với anh rằng chị ấy sẵn sàng dọn khẩu phần gấp ba người thường để cho anh ăn, và nếu có vì thế mà bị đuổi chị cũng cứ dọn cho anh ăn. Nhưng dầu thế nào, không giữ lời hứa là xấu lắm!! Anh viết thư cho mọi người, trừ tôi. Tôi giận lắm, và vì thế tôi không viết thư riêng cho anh, nhưng, xin anh đấy,anh viết cho tôi một bức thư cá nhân nhé để cho tôi biết giờ đây anh ra sao và đã đến đâu rồi nào..."

Tấm thiếp nhỏ ngồ ngộ đó, có chữ ký: "Cô đội Thiên văn".

Alếchxây mỉm cười, nhưng anh bỗng chú ý đến câu "về sớm nhé, ở đây chờ anh đấy!" câu này có gạch ở dưới. Anh nhổm dậy trên giường; dáng anh như người lục túi bỗng thấy mình mất một tài liệu gì quan trọng lắm. Anh đưa tay rờ nơi trước kia có chân anh, nay tay anh không thấy gì cả.

Chỉ lúc đó, Alếchxây mới thấy thực rõ tai hại lớn lao vừa qua. Không khi nào nữa, anh còn được trở lại trung đoàn, làm phi công, ra mặt trận. Không khi nào nữa, anh còn lái máy bay, còn chiến đấu. Không khi nào nữa! Từ nay, anh chỉ còn là một kẻ thương tật, không thể còn hoạt động, cái hoạt động ưa thích của

mình; ngồi cắm vào một chỗ, ăn hại. Sống cũng bằng thừa và điều đó không có cách gì cứu chữa nổi. Và cứ như thế đến ngày anh lìa bỏ cõi đời.

Sau khi cưa chân, Mêrétsép thu mình lại, và như thế là không gì bất lợi cho anh bằng. Anh không than van, không khóc lóc, không hờn giận. Anh chỉ im lặng. Cả ngày, anh nằm ngửa, dán mắt nhìn lên một vết nứt trên trần nhà. Bạn bè hỏi chuyện, anh chỉ ừ hữ cho qua, rồi anh lại nằm im, nhìn lên trần, ngắm không biết chán vết rạn nẻ nhỏ xíu, hằn thành một vạch đen, như tìm đọc một thứ chữ gì bí mật có thể giúp anh cứu lại cuộc đời. Anh theo sát các lời ghi trong toa của thầy thuốc, uống hết các thứ thuốc, nuốt cho rồi bữa cơm và rồi lại nằm ngửa xuống.

Chính ủy kêu anh :

- Này chớ lão râu! Nghĩ gì vậy?

Alếchxây quay đầu lại, nhưng mặt mày chẳng thay đổi mảy may như không nhìn thấy ai cả.

- Tớ hỏi cậu nghĩ gì đó?

- Chẳng nghĩ gì cả!

Một hôm Vaxiliêvít vào :

- Thế nào nhà chiến sĩ chuyên môn bò, còn sống à? Khá không? Anh hùng, thực là anh hùng mà: tôi nói

vậy đó. Khi mổ anh không hề nhúc nhích. Chú mình này, bây giờ thì tôi mới thực tin rằng anh đã bò mười tám ngày trời để vượt phòng tuyến giặc Đức. Trong đời tôi, các anh đã ăn bao nhiêu củ khoai, thì tay tôi đã rờ vào bấy nhiêu anh chàng; nhưng dũng cảm cỡ anh, thực tôi chưa từng mổ xẻ một người nào như thế!

Giáo sư xoa hai bàn tay đỏ ửng, móng bị chất thăng hoa ăn.

- Tại sao mà mặt mũi cau có thế kia hả? Người ta khen mà lại mím môi lại. Tôi là tướng quân y. Mỉm cười đi nào! Tôi hạ lệnh cho anh đó!

Hé cặp môi mềm nhũn như cao su, Mêrétsép cười và tự nghĩ: "Nếu biết như vầy thì bò bằng tay mà làm gì? Bấy giờ mình còn những ba viên đạn trong súng cơ mà!"

Chính ủy bèn đem ra đọc một bài phóng sự rất hào hứng trong báo về một trận chiến đấu trên không. Sáu máy bay săn giặc của ta chiến đấu với hai mươi hai máy bay của giặc, ta đã hạ được tám cái mà chỉ mất có một. Chính ủy đọc phóng sự hăng say làm như các phi công là kỵ binh dưới quyền chỉ huy của các anh chứ không phải là những phi công anh chưa từng quen biết. Ngay cả Cưcúckin cũng khoái chí, tham gia thảo luận tìm hiểu xem sự việc đã diễn ra cụ thể thế nào. Alếchxây thì nghe và nghĩ: "Họ thực là may mắn.

Được lái phi cơ, được chiến đấu còn mình thì chẳng bao giờ được cất cánh bay lên nữa".

Thông báo của Cục Thông tin Liên Xô ngày một thêm ngắn cụt. Mỗi người đều có thể do đó dự đoán quân đội Xô-viết đang tập trung ở hậu phương để chuẩn bị một cuộc phản công mới. Chính ủy thảo luận sôi nổi với Stêpan Ivanôvít về hướng quân ta sẽ phản công.

Còn mới đây thôi, Alếchxây là người hạng nhất ưa thảo luận loại vấn đề này; bây giờ anh làm thinh giống như không nghe thấy gì. Riêng anh, anh cũng đoán rằng sắp có những biến cố lớn đến nơi. Anh đánh hơi ngửi thấy sắp nổ ra những trận chiến đấu khổng lồ, không chừng có tính cách quyết định. Các đồng chí đều sẽ được ra trận. Cả Cưcúckin đương rất mau lành bệnh cũng sẽ được ra trận. Chỉ có anh là suốt đời bó gối nằm ì ở hậu phương. Ý nghĩ ấy thật là chua xót đến nỗi khi thấy chính ủy đọc báo hay bàn tới chiến trận thì anh lấy mền trùm kín đầu và áp má lên gối để không thấy và không nghe gì cả. Và một câu của Goóc-ki cứ lảng vảng trong đầu anh; "Kẻ nào sanh ra để bò thì không tài nào bay được".

Cơlaođia Mikhailôna đem về ít cành liễu, không biết bẻ ở chỗ nào trong thành phố Mátscơva đang chiến đấu gian khổ, lởm chởm chiến lũy. Chị cắm một

nhánh vào ly nước đặt trên mỗi bàn nhỏ của từng bệnh nhân. Cành cây đỏ hồng êm êm những nụ trắng, gây ra một không khí tươi mát, thực như mùa xuân đã ào vô gian phòng 42. Ai cũng vui mừng, ngay cả anh lái xe tăng ít nói cũng thốt ra mấy câu qua lần vải băng Bó.

Alếchxây nằm im nghĩ ngợi. Ở Kamisin, có những rãnh nước sình chảy dọc theo những lề đường bùn lội, trên đá lát đường sáng loáng; mùi đất nồng và ướt cùng mùi phân ngựa bốc lên. Một ngày như ngày đó, Onga cùng anh ra đứng bên bờ sông Volga cheo leo. Trước mặt hai người là sông nước mênh mông. Cảnh im lìm thực là trang nghiêm. Con chim sơn ca réo rắt hót, tiếng hót ngân lanh lảnh; từng tảng băng lều bều trên mặt nước trôi theo dòng. Nhưng anh thấy hình như không phải những cục băng trôi xuôi, mà chính là Onga và anh đang đi ngược dòng sông bồng bột, cả hai im lặng. Nhưng trước mắt hai người, viễn cảnh của hạnh phúc đẹp đến nỗi, đối diện sông Vol- ga bát ngát và trong hơi thở của mùa xuân ôm ấp, cả hai cùng phập phồng lồng ngực. Tất cả những cái đó từ nay đã mất rồi. Nàng sẽ từ nay không ngó ngàng anh nữa, và nếu nàng không làm thế, thì anh có quyền được nhận sự hy sinh ấy không? Lẽ nào anh để cho thiếu nữ lộng lẫy ấy, tươi đẹp ấy, đầy tương lai ấy, gắn bó với một kẻ thương tật lết đi bằng hai chân

què...?

Anh yêu cầu chị y tá đem cất ngay khỏi bàn vật đã ngây thơ làm cho anh nhớ tới mùa Xuân.

Cành liễu đã cất rồi, nhưng anh vẫn không xua đuổi nổi những ý nghĩ nặng nề đang xông tràn vô tư tưởng anh. Onga sẽ nói gì khi biết anh què? Nàng sẽ thôi anh? Nàng sẽ quên anh? Nàng sẽ gạt anh ra khỏi đời nàng? Nghĩ đến đấy, với tất cả tâm hồn anh, Alếchxây bừng bừng nổi giận : Không Onga không phải là hạng người như thế! Onga đâu có bỏ anh? Đâu có xoay lưng lại anh? Nhưng còn đáng bực hơn thế nữa cơ: anh đã tưởng tượng thấy Onga sẽ lấy anh vì thương hại, lấy một người tàn phế và vì thế Onga sẽ phải nghỉ học, bỏ giấc mộng học kỹ thuật cao cấp và sẽ phải lo còng lưng làm việc nuôi chồng, nghĩa là anh, một người chồng tàn tật và biết đâu, lại phải nuôi cả con nữa.

Anh có quyền nhận sự hy sinh đó không? Chưa có gì gắn bó hai người. Onga chỉ hứa hôn chứ chưa phải vợ anh. Anh thương chị bằng một mối tình chơn thật và vì vậy anh quyết định không muốn dùng quyền đó của mình, cho rằng bổn phận của anh là phải tự mình cắt đứt hẳn hoi mọi liên lạc với Onga, và ngay từ bây giờ để tránh những tương lai đau đớn sau này, mà cả những đau khổ trong lúc ngập ngừng hiện tại. Nhưng,

nhiều bức thư, với con dấu mà bưu điện Kamisin, lại tới tay anh, những bức thư đã quét sạch một lần hết những quyết định của anh. Có một bức thư của anh. Có một bức thư của Onga chan chứa một nỗi băn khoăn thầm kín. Hình như linh tính báo trước cho chị một tai nạn đau thương xảy ra, chị viết cho anh tỏ rằng chị sẽ ở suốt đời với anh, và chính nhờ thế, nên chị đã có đủ nghị lực chịu đựng cuộc đời nặng nề của thời buổi chiến tranh này, những đêm không ngủ trong xưởng, những ngày đêm ròng rã đào hầm trú ẩn và hầm chống xe tăng và cả - giấu mà làm gì - cái bụng đói và xé chị không đứt.

"Tấm hình mới nhất của anh, có hình anh ngồi trên một thân cây, với con chó, và anh đang mỉm cười, lúc nào cũng giữ trên mình em. Em đã lồng nó vào khuôn hình nhỏ của mẹ và đeo trên ngực: khi buồn, em lấy ra nhìn... và, anh biết không, em tin chắc rằng chúng ta cứ yêu nhau, chẳng phải sợ cái gì cả".

Thư chị còn cho biết má Alếchxây hồi này rất lo lắng về anh vì lâu quá không được thư anh. Chị nhắc anh năng viết thư hơn cho mẹ già, để bà khỏi khổ và nhớ đừng báo tin gì không hay làm cho mẹ buồn.

Lần đầu tiên những bức thư từ quê hương gửi tới, những bức thư trước kia sưởi ấm lòng anh cả một thời gian dài giữa những nổi khổ sở trên mặt trận, ngày

nay chẳng làm cho Alếchxây vui chút nào. Thư chỉ làm cho anh thêm bối rối và anh đã mắc một khuyết điểm rất có hại cho anh quyết định sẽ không viết thư gì về Kamisin nói về việc cưa chân. Người duy nhất mà anh cho biết rõ những nỗi buồn khổ của mình là "cô đội Thiên văn". Anh không biết cô này nhiều, nên anh nói hết sự thực với cô. Anh chẳng biết đến cả tên cô, và đề địa chỉ, thì anh chỉ viết: "Cô đội Thiên văn. Hòm thư số mấy đó, trạm thiên văn...". Anh biết rõ, ở mặt trận, thư được chuyển rất thận trọng ngần nào và anh hy vọng sớm muộn thư sẽ đến tay cô dầu địa chỉ ghi kỳ quặc như vậy. Nói cho cùng, việc này cũng chẳng có gì quan trọng đối với anh. Anh chỉ cần nói hết được những cảm nghĩ của mình với ai đó.

Những ngày ở nhà thương trôi đi một cách tẻ nhạt với Alếchxây Mêrétxép, đương quanh quẩn với những ý nghĩ miên man buồn chán của mình. Cơ thể sắt thép của anh đã giúp anh chịu đựng một cách dễ dàng việc cưa chân, được thực hiện giỏi vô cùng; những vết thương mau lành, nhưng anh vẫn cứ yếu lần. Mặc dù được săn sóc chu đáo, anh vẫn gầy ốm và mất sức thêm mãi.

VII

Mùaxuân tới, hết sức huy hoàng, rực rỡ.

Mùa xuân đã vô tận phòng 42, cánh cửa sổ mở, gió mát ẩm thấp do hơi tuyết tan lọt vô phòng, đem theo tiếng chim se sẻ ríu ra ríu rít, tiếng bánh xe điện rít vui vẻ trên những khúc quanh, tiếng chân Khách bộ hành nện trên đường nhựa không còn vướng tuyết nữa và buổi chiều lại còn có cả tiếng ắccoócdè- ông cò kè êm dịu. Mùa xuân đã lọt vô phòng bằng cửa sổ góc nhà, nơi đó nhìn ra thấy cành cây bạch dương rọi nắng đã đâm mầm non dài ngoẵng có lớp nhựa vàng che phủ. Mùa xuân cũng đã vô phòng này với những ánh vàng lấm chấm trên màu da trắng của chị Cơlaođia Mikhailôna, những chấm tàn hương qua lượt phấn thoa vẫn nổi rõ và khiến cho chị y tá bực mình lắm. Mùa xuân hiển hiện trong những giọt nước nặng lộp độp vui vẻ trên rìa bằng tôn của những cửa kính. Cũng

như từ bao lâu rồi, mùa xuân làm cho tâm hồn mỗi người thêm tươi trẻ và làm cho những giấc mộng đẹp nẩy sinh.

- Nè! Giờ này mà được ghìm một khẩu súng săn thực tốt đứng nấp trong rừng thưa nhỉ? Cậu thấy thế nào, Stêpan Ivanôvít? Hoặc sớm tinh sương, ấy thế mới khoái, cậu nhỉ? Sáng sớm ửng hồng, trời lành lạnh mà ta đứng rình thú vật, tai lắng nghe rồi thấy tiếng uống nước: Cục - cục - cục... rồi lại tiếng cánh chim đập vu - vu - vu... rồi một chú hạ cánh, cái đuôi xòa ra như cái quạt, rồi đến một chú nữa, chính ngay trên đầu mình...

Trong lúc Stêpan Ivanôvít hít hít như thèm nhỏ nước miếng, thì chính ủy nói tiếp:

- Rồi cắm trại bên đống lửa ấm, uống chơi một tách trà nóng hổi thơm ngát mùi khói hay một chén rượu nhỏ cho giãn từng thớ gân cốt! Nghĩ sao nào! Cực nhọc xong...

- Nè, đồng chí chính ủy! Khỏi phải nói... Ở xứ tôi, mùa này, anh biết người ta săn chi không? Này nhé, tin hay không, mặc anh, dân làng tôi săn cá măng đấy! Tôi thề với anh đấy! Vui đáo để: để chơi thôi, nhưng cũng khá lợi. Khi băng tan vỡ trên mặt hồ và nước sông tràn trề thì cá măng lội vô bờ để đẻ. Nó lội vô gần đến nỗi chỉ còn suýt cái thì nó leo lên;

mình trốn trong cỏ, trong rêu ngập nước, nó đẻ ở đó. Ta cứ việc đi theo bờ thôi! Nếu thấy những cái gì như những khúc củi nhỏ tròn tròn, thì chính là nó đấy. Tha hồ mà ngắm súng. Có khi cứ thế lượm đầy bao. Có khi không kịp lượm nữa. Tôi nói thực đấy, thế mà...! Còn chuyện này nữa...

Thế là cùng nhau kể lại những chuyện kỷ niệm săn bắn. Rồi lại trở lại bàn chuyện ở tiền tuyến. Mọi người dự đoán ở sư đoàn, ở đại đội giờ đây có chuyện gì lạ.

Ăn cơm xong, mọi người lấy đồ ăn dư nuôi chim se sẻ. Stêpan Ivanôvít là người chẳng chịu ngồi không, tay lúc nào cũng phải ngó ngoáy làm cái này cái nọ; anh có sáng kiến thu thập những thứ đồ ăn vụn thừa và liệng cho chim qua cửa thông hơi. Việc đó đã thành thói quen rồi. Về sau liệng không phải đồ ăn vụn thừa nữa, mà liệng từng miếng lớn, nhưng đem nghiền nhỏ sẵn ra cho chim. Do đó, nói theo như anh Stêpan Ivanôvít thì cả một bộ lạc chim được "đảm nhiệm cấp dưỡng". Tất cả phòng ai cũng thích đàn chim nhỏ ào xuống kiếm ăn, ríu rít quanh mẩu bánh lớn, kêu chiếp chiếp, đánh nhau và sau khi đã dọn sạch bờ cửa sổ, thì nghỉ ngơi và rỉa lông trên cành dương, rồi bỗng vùng bay đi cả đám như đã đồng tình cả với nhau là chim phải đi lo công chuyện

hàng ngày của chim. Nuôi chim đã thành một trò giải trí được mọi người ưa thích. Anh em thương binh đã nhận rõ được một số con chim quen thuộc và đặt tên cho nó. Một con chim dạn lắm và không có đuôi, được cả phòng chú ý mến đặc biệt. Hẳn là vì ưa đá nhau nên nó bị cụt đuôi. Stêpan Ivanôvít kêu nó là con "Tiểu liên". Một điều lạ là, chính nhờ chơi với đàn chim bẻm mép như thế đã làm cho anh lái xe tăng ra khỏi hẳn được tình trạng chẳng nói chẳng rằng từ trước của anh. Lúc đầu, anh còn thản nhiên nhìn Stêpan Ivanôvít gập đôi người lại trên nạng để leo lên bộ ống sưởi, tiến đến bờ cửa sổ, rồi đẩy cửa thông hơi ở trên. Nhưng sáng hôm sau, khi đàn chim ào ào bay tới, thì anh lái xe tăng, mặt mày nhăn nhó vì đau đớn, cũng nhỏm dậy nhìn ra coi chúng đua nhau ăn. Ngày thứ ba khi ăn cơm, anh lấy một miếng bánh bông lan lớn đút vào dưới gối vì anh cho rằng cái món ăn ngon đó của bệnh viện được đàn chim ríu rít và tham ăn này đặc biệt thích.

Một bữa kia "Tiểu liên" không lại ăn. Cưcúckin phát biểu ý kiến cho rằng chắc nó bị mèo vồ và như thế là đáng đời. Anh lái xe tăng ít nói bỗng nổi giận và cho Cưcúckin là "đùa vô duyên", và hôm sau khi con chim cụt đuôi trở lại kiếm ăn nheo nhéo trên mép cửa sổ, và quay đi ngoảnh lại khắp phía cái đầu bé nhỏ có cặp mắt dạn và sáng thì anh lái xe tăng

cười lên. Đó là lần thứ nhất anh cười sau bao nhiêu tháng ở bệnh viện.

Sau đó ít lâu, Gơvôđép thực sự sống vui vẻ trở lại. Ai cũng ngạc nhiên thấy anh tỏ ra vui đùa, ưa chuyện trò thân mật với anh em. Đó tất nhiên chính là thành công của chính ủy và, như Stêpan Ivanôvít thường nói, chính ủy rất tài tình trong nghệ thuật "tìm ra chìa khóa" dùng cho mỗi người. Và Anh đã làm thế nào mà được kết quả đó? Thì ra thế này:

Cái lúc mà ở phòng số 42 vui hơn cả, là lúc cửa mở ra, Cơlaođia Mikhailôna bước vô, vẻ mặt bí mật, hai tay giấu sau lưng, chị nhìn mọi người và hỏi:

- Thế nào? Bữa nay đến lượt ai khiêu vũ?

Thế nghĩa là có thư tới và ai nhận được một bức thư, thì phải nhỏm dậy một tí trên giường như người khiêu vũ. Người được khiêu vũ nhiều nhất là chính ủy, có bữa anh nhận được tới mười thư một lúc. Anh nhận được thư của sư đoàn, của hậu phương. Có những thư của đồng chí, của sĩ quan, của những người công tác chính trị. Có những thư của binh sĩ và của cả vợ các sĩ quan yêu cầu anh lên lớp cho chồng mình vì ít lâu nay chồng các chị hay tự do bừa bãi. Có những bức thư của các chị góa chồng, vợ của các đồng chí liệt sĩ đề nghị anh giúp ý kiến và giúp đỡ. Anh còn nhận được thư của một em nữ thiếu niên tiền phong miền

Kadắctan, cha em là Đại tá chỉ huy đơn vị của anh, nay đã tử trận, tên riêng em là gì anh nghĩ mãi chẳng nhớ ra. Anh lưu ý đến mỗi bức thư và trả lời từng thư một; anh yêu cầu lập tức cơ quan đương sự cố giúp đỡ cho vợ một viên sĩ quan, cự kịch liệt một anh chồng hay ong bướm, hăm một anh quản lý nhà cửa rằng sẽ tự đến vặn cổ hắn đằng trước ra đằng sau nếu không chịu đặt một cái lò sưởi trong nhà một anh chiến sĩ, mắng em bé ở Kadắctan mà tên riêng sao khó quá khiến anh quên luôn mãi vì em bị một điểm kém về tiếng Nga trong học kỳ hai.

Stêpan Ivanôvít cũng nhận được nhiều thư từ tiền tuyến và cả hậu phương nữa gửi về. Anh nhận được thư của các con trai, đều là thiện xạ như anh, cả thư của con gái anh hiện là đội trưởng sản xuất trong nông trường tập thể, con gái anh gửi không biết bao nhiêu lời bà con và bạn bè chào hỏi anh và kể chuyện nông trường cho anh nghe rằng mặc dù rất nhiều người của nông trường được cử đi làm ở những công trường mới, nhưng nông trường vẫn vượt kế hoạch bao nhiêu phần trăm. Stêpan Ivanôvít phấn khởi và lớn tiếng kể ngay những chuyện này với mọi người, và tất cả phòng, từ hộ lý, y tá, đến viên y sĩ nội trú thường trực là một người khó khăn và cáu kỉnh nữa cũng đều luôn biết rõ tin nhà của anh.

Ngay Cưcúckin, tính tình lạnh nhạt đến giận hờn với tất cả mọi người, cũng nhận được thư mẹ ở vùng Bácsun gởi tới. Anh cướp lá thư trên tay chị y tá và chờ khi mọi người ngủ rồi mới đọc, đọc khe khẽ và đánh vần từng chữ một. Trong những lúc đó, khuôn mặt khắc khổ và khó ưa của anh hiện ra vẻ xúc động và êm dịu lạ lùng, khác hẳn ngày thường. Mẹ anh là một bà y tá già, anh kính yêu vô cùng, nhưng cũng như chẳng hiểu tại sao anh lại ngượng ngùng vì kính yêu mẹ và giấu giếm không muốn biểu lộ lòng kính yêu đó trước mặt mọi người. Riêng chỉ có anh lái xe tăng, trong những lúc vui vẻ trao đổi tin tức nhận được như vậy, thì lại buồn thêm; anh quay mặt vào tường, kéo mền cho kín đầu, anh chẳng còn có ai viết thư cho mình nữa. Cho nên phòng càng nhận được nhiều thư thì anh càng buồn tủi, càng cảm thấy sâu sắc, sự cô độc của mình. Ấy thế nhưng một ngày kia, chị Mikhailôva bước vô phòng với vẻ mặt khác thường. Chị cố ý không ngó chính ủy và hỏi vội:

- Thế nào! Bữa nay ai khiêu vũ?

Mặt chị quay về phía giường anh lái xe tăng, và cả bộ mặt chị nở một nụ cười tươi. Mọi người đều hiểu rằng hôm nay có chuyện kỳ lạ, và ai nấy đều hồi hộp.

- Trung úy Gơvôđép! Đến lượt đồng chí khiêu vũ!

Mêrétxép thấy Gơvôđép rùng mình, vùng quay lại

và mắt sáng lên trong đám vải băng bó. Anh cố tự chủ, nói bằng một giọng run run cảm động mà anh cố gắng làm cho đều đều, anh nói:

- Lầm đấy. Chắc có ai tên là Gơvôđép khác nữa bị thương ở trong bệnh viện.

Tuy nói vậy, nhưng anh vẫn nhìn chầm chập và đầy hy vọng nơi tay chị y tá đang giơ rất cao ba bao thư như giơ một lá cờ.

- Không đâu mà, đúng là của đồng chó rồi! Đây nè: Trung úy G. M. Gơvôđép, và còn ghi rõ phòng 42. Đồng chí thấy chưa?

Anh liền rút mau tay quấn băng ra khỏi mền. Bàn tay ấy run run khi đưa bao thư lên miệng, trung úy dùng hàm răng xé thư từng chút một, vội vàng. Mắt anh sáng như tóe lửa dưới những băng quấn.

Thực là một chuyện kỳ lạ. Ba cô gái, ba nữ sinh viên, cùng từng học ở một trường đại học, mỗi người có một lối viết riêng, đều một lượt viết thư thăm anh, đại khái như nhau. Biết trung úy xe tăng Gơvôđép nằm ở nhà thương Mátscơva, các cô quyết định trao đổi thư từ với người anh hùng bị thương. Các cô yêu cầu anh, nếu không phiền gì cho anh, thì trả lời cho các cô, cho biết tình hình sức khỏe. Một cô ký tên "Anhuta" hỏi anh xem cô có làm gì giúp được anh không. Anh có cần sách vở gì không, hay cần gì khác,

anh đừng ngại cho biết.

Cả ngày, trung úy lật đi lật lại mấy lá thư, đọc lại địa chỉ và tìm hiểu từng nét chữ của từng người. Anh vẫn biết lối trao đổi thư từ này rất thông thường. Trước anh cũng có trao đổi mấy bức thư với một cô bạn không quen, mà anh đã nhận được mấy lời thân ái nhét trong chiếc "găng" tay lép trong gói đồ quà anh nhận được nhân một dịp lễ. Việc trao đổi thư từ chấm dứt khi anh được cô bạn gửi cho anh tấm ảnh với mấy lời tặng giỡn đùa: đó là một phụ nữ đã rộng tuổi, xung quanh có bốn con.

Nhưng lần này, câu chuyện khác hẳn. Điều làm Gơvôđép ngạc nhiên và không sao hiểu được, là tại sao một lần nhận được tới ba lá thư. Và anh cũng không hiểu tại sao ba cô sinh viên y khoa này lại biết đến những thành tích quân sự của anh. Thật tình ra thì tất cả phòng đều ngạc nhiên, nhất là chính ủy.

Nhưng Mêrétxép đã bắt gặp chính ủy liếc nhìn rõ là đồng tình với Stêpan Ivanôvít và chị y tá. Anh hiểu ngay đó là câu chuyện vui chính ủy bày ra.

Nhưng dù thế nào, hôm sau, Gơvôđép ngay từ sớm, cũng xin chính ủy một ít giấy, rồi anh tháo băng tay mặt và bắt đầu viết. Viết đến tận chiều, viết rồi lại xóa, vò nát giấy, rồi lại viết, để trả lời thư ba người bạn gái không quen biết.

Hai cô tự rút lui, nhưng cô Anhuta thân ái thay mặt cả ba người hỏi thăm anh. Gơvôđép giờ là một người cởi mở. Vì thế từ đó, cả phòng ai cũng biết năm thứ ba khoa Y có những chuyện gì: sanh vật học thích thú chừng nào thì hóa học hữu cơ lại phiền toái chừng nấy; giáo sư này giảng hay, giọng nói dễ thương, bài học hấp dẫn, trái lại bài thuyết trình giáo sư nọ buồn chán làm sao: Sinh viên đi làm lao động tự nguyện ngày chúa nhật chất được mấy thước khối củi lên xe cam nhông; và những khó khăn của sinh viên y khoa vừa phải học, vừa phải làm trong một bệnh viện triệt hồi, như thế nào; và cô sinh viên nọ, học đã kém lại chẳng được ai ưa, lại cứ tưởng mình là thánh chúa như thế nào.

Gơvôđép không những chỉ nói bệnh trạng của anh ngày càng khá lần trông thấy. Người ta bỏ cây bó cẳng của Stêpan Ivanôvít, anh tập đi không chống nạng và đi khá thẳng người được rồi. Suốt ngày anh ngồi trên bệ cửa sổ để nhìn ra "ngoài đời lớn rộng". Chỉ có chính ủy và Mêrétxép thì bệnh tình ngày một kém đi.

Nhất là chính ủy thì yếu hẳn đi. Bây giờ anh đến không còn tập thể thao buổi sáng được nữa. Người anh sưng lên và da vàng ỏng. Tay anh bị tê liệt, không cầm nổi bút chì hay muỗng ăn nữa. Mỗi buổi sáng chị

hộ lý phải giúp lau mặt cho anh, cho anh ăn. Thấy rõ được là anh khổ sở và bực tức, không phải vì anh đau đớn về thể xác, mà là vì anh thấy mình bất lực. Nhưng dù sao, anh không để ai trông thấy gì cả. Anh vẫn say mê đọc tin tức trong báo như cũ, và cũng vẫn học tiếng Đức. Nhưng phải để cuốn sách lên một cái giá bằng đay sắt do Stêpan Ivanôvít đã làm cho anh. Và lão chiến sĩ ngồi bên anh giúp anh lật từng trang sách. Buổi sáng, khi chưa có báo, anh ham mê hỏi nữ y tá, bản thông tin thế nào, thời tiết hôm nay ra sao, có những tin đồn ở Mátscơva. Và anh yêu cầu với Vaxiliêvít gắn máy truyền thanh suốt cho đến giường anh.

Sức anh càng kém, tinh thần anh lại càng có vẻ cương quyết và mạnh mẽ. Anh vẫn ham mê đọc hàng sấp thư gửi tới và đọc cho Cưcúckim hay Gơvôđép viết trả lời dùm. Có một lần, sau khi thay băng, Mêrétxép mệt ngủ thiếp đi, bỗng nghe tiếng la khàn khàn của anh và thức dậy.

- Cả một lũ quan liêu! - Chính ủy tức giận càu nhàu.

Trên giàn đọc sách làm bằng dây sắt, có đặt tờ báo của sư đoàn mà một người bạn của anh gửi đến cho anh, mặc dầu báo không được phép lưu hành ra ngoài đơn vị.

- Cứ phòng ngự hoài, đâm ra ngu xuẩn cả đám.

Khát- sốp mà lại là quan liêu à? Nhà thú y sĩ giỏi nhất quân đội mà lại cho là quan liêu à! Chú Gơrisa(1) nè! Viết, viết ngay dùm tôi nè!

Anh đọc liền cho Gơvôđép một bản báo cáo giận dữ gửi cho Ủy ban quân sự của quân đoàn để yêu cầu có ý kiến với bọn "viết lách ẩu" dám sỉ vả bậy bạ một người lương tâm gương mẫu. Anh đưa thư cho chị y tá và tiếp tục riết móc mãi bọn cạo giấy, dùng đủ mọi danh từ mà họ gọi họ. Thực là kỳ lạ, một người đã không còn chút sức lực để quay cái đầu trên gối mà vẫn lo lắng những công việc của người khác đến mức ấy.

Buổi chiều hôm đó lại xảy ra một chuyện đặc biệt hơn nữa. Trong lúc trời chiều, bóng tối đã tràn ngập góc phòng bệnh, nhưng chưa vặn đèn, Stêpan Ivanôvít ngồi trên bệ cửa sổ, nhìn xuống bờ sông suy nghĩ. Trên sông, người ta đang đập lớp băng còn phủ mặt sông. Mấy chị nông dân trên áo quần có phủ vải không thấm nước, đang loay hoay quanh một cái lỗ vuông thành một vết sân trên băng. Một ông già hiền hậu đầu đội cái mũ có bịt tai, mặc quần bó và áo nhồi bông, lưng đeo rìu, dẫn ngựa đến nơi đập băng, và các chị phụ nữ lấy móc chất những tản băng lên xe trượt

(1) Thân mật chị Gơvôđép, mà tên riêng là Gơrigơri.

tuyết. Anh Stêpan Ivanôvít vốn có óc thực tế nhận ra đó là một nhóm người trong nông trường ra làm việc, nhưng họ làm việc thiếu kế hoạch quá đỗi. Anh đang bận tâm trí vào những vấn đề tổ chức đó, không chú ý thấy có một con ngựa đến gần chỗ phá băng quá, trượt chân và chìm xuống nước. Xe trượt tuyết giữ ngựa trên mặt nước, nhưng dưới lớp băng, thì dòng nước đang cuốn nó đi. Ông già đeo rìu, hoảng lên, nên cuống cuồng, khi thì nắm lấy càng xe mà kéo, khi thì cầm lấy hàm thiết ngựa mà giữ ngựa.

Stêpan Ivanôvít kêu lên:

- Có con ngựa chết đuối.

Chính ủy cố gắng quá sức chống khuỷu tay choài lên, áp ngực vào bệ cửa sổ, đưa đến gần cửa kính bộ mặt bơ phờ đi vì đau đớn. Anh lẩm nhẩm:

- Đồ ngu quá! Đầu óc để đau? Sao không cắt dây cương; cắt, Thì tự con ngựa nó vùng lên. Chà! Thế là nó giết chết mất con ngựa rồi.

Stêpan Ivanôvít ra sức cố gắng leo lên cửa sổ. Con ngựa đang chìm. Từng hồi, nước bùn đã tràn qua phủ kín nó, nhưng nó vùng vẫy một cách tuyệt vọng, lại nhô lên trên mặt nước và lấy móng hai chân trước của nó cố đạp lên băng.

Chính ủy ráng hết sức mình la lớn, làm như ông

già ở tận phía dưới sông có thể nghe được:

- Cắt dây cương đi nào!

Stêpan Ivanôvít hai tay làm thành loa cũng hô lớn theo:

- Ới ông già, lấy rìu ở lưng ra mà cắt dây cương đi! Cắt dây cương đi, mau lên!

Ông già nghe được lời khuyên đó từ trên trời rơi xuống. Ông nắm lấy dao và phát hai nhát, chặt đứt dây cương và con ngựa thoát khỏi mọi ràng buộc, vùng mạnh lên băng được. Nó thoát chết đứng giũ toàn bộ lông ở trên băng ngay cạnh hố nước sâu, như con chó bị ướt.

Một tiếng nói vang lên trong phòng:

- Thế này là cái gì thế này, hử?

Vaxiliêvít áo bơ-lu không cài nút và không đội cái mũ thường đội, đã đứng sẵn ở cửa phòng.

Giáo sư rất tức giận, rủa rầm lên, ông giậm chân xuống sàn và không thèm nghe ai giải thích gì cả. Ông hăm đuổi cho thương binh phòng này cút đi đâu thì cút đi, và ông bỏ ra đi hổn hển quắc mắt, chẳng cần hiểu chuyện gì vừa xảy ra lúc nãy ở trong phòng này.

Mấy phút sau Cơlaođia Mikhailôna tất cả chạy vô,

hớt hơ hớt hải, và mắt còn đỏ, lệ lưng tròng. Valixiêvít vừa quở trách chị ta một trận ra trò. Nhưng ngay lúc đó, chị thấy chính ủy mặt tái xanh và không còn hồn sắc gì nữa, đang gục xuống gối, không đụng đậy, mắt nhắm nghiền. Chị chạy vội tới chỗ anh.

Tối đến, bệnh tình anh càng trầm trọng. Phải chích thuốc hồi sinh và bơm dưỡng khí cho anh. Anh cứ mê sảng hoài. Khi anh vừa tỉnh dậy thì gắng mỉm cười ngay với Cơlaođia Mikhailôna đang nghiêng mình trên anh, hai tay ôm bình dưỡng khí, và anh nói đùa:

- Đừng có sợ, cô em! Tôi ấy à, tôi rất có thể đến âm ty rồi, còn trở về đem theo thuốc chữa cho da mặt khỏi những vết tàn hương đấy!

Thực là đau xót, thấy con người to lớn đó vẫn chiến đấu với bệnh tật, tuy mỗi ngày anh càng thêm cạn sức.

VIII

Giống như chính ủy, Alếchxây Mêrétxép cũng mất sức lần lần. Trong một lá thư gửi cho cô "Đội thiên văn", người duy nhất trên đời mà hiện nay anh có thể nói hết được những băn khoăn của mình, anh cho rằng mất sức thế này, chắc anh khó sống lắm, nhưng nghĩ cho cùng thà vậy còn hơn một phi công không có chân, giống như chim không cánh, chỉ còn sống và mổ ăn chứ không bay được nữa. Không khi nào anh chịu kiếp sống của chim không cánh. Anh sẵn sàng chịu đựng số phận rủi ro nhất, và anh chỉ mong nó tới sớm hơn thôi. Một lá thư viết như thế đã làm cho người nhận thư phải khổ lây, vì trong khi trao đổi thư từ giữa hai người, cô gái đã từ thú thật rằng đối với "đồng chí trung úy" lòng cô không phải là lạnh nhạt. Hẳn là cô không bao giờ lại dám nói rõ thế, nếu anh không trải qua một tai nạn bi thảm đến thế.

Cưcúckin vẫn chứng nào tật ấy, có lúc nói đùa:

- Cô ta chắc muộn chồng rồi. Lúc này, đàn ông quý như vàng. Chắc cô ta không cần đôi cẳng anh đâu, cô chỉ cần số tiền phụ cấp thương binh thôi!

Nhưng Alếchxây nhớ tới bộ mặt xanh mét áp gần mặt anh giữa lúc cái chết vi vu trên đầu hai người.

Anh biết rằng sự việc không phải như thế. Anh cũng biết là kể chuyện tâm tình buồn chán như vậy sẽ làm cho cô ta khổ. Nhưng chẳng cần tìm biết tên cô "đội Thiên văn là gì" là gì, anh vẫn cứ gửi gấm cho cô những dòng tâm sự bi đát ấy.

Chính ủy đã có "chìa khóa" cho mỗi người nhưng vẫn chưa tìm được cái gì hợp với Alếchxây. Ngay sau khi cưa chân Mêrétxép, một cuốn sách bắt đầu được lưu hành trong phòng: cuốn "Thép đã tôi thế đấy". Sách được đem đọc thiệt lớn. Mêrétxép hiểu nội dung cuốn sách dành cho ai rồi, nhưng thật ra nó cũng không an ủi nổi anh được mấy. Từ hồi nhỏ, anh đã kính phục Paven Coócsaghin. Đó là một trong những anh hùng mà anh thích nhất. Nhưng bây giờ anh nghĩ: "Nhưng Coócsaghin đâu có phải là phi công! Anh ta có thể biết được một khi đã "cắn bả" hàng không rồi, thì thế nào chăng? Ngoài ra Ôtrốpski nằm dính trên giường, không viết cuốn sách vào một lúc như bây giờ mà tất cả đàn ông và rất nhiều đàn bà đang ra trận,

và ngay con nít cũng còn phải chất hòm gỗ lên cho vừa cao để có thể điều khiển được máy móc, sản xuất đạn đại bác". Tóm lại, cuốn sách không thành công theo ý muốn.

Bấy giờ chính ủy liền phác một kế hoạch bao vây. Rồi làm như không chú ý gì cả, anh kể chuyện một người bị tê liệt cả hai chân mà vẫn có thể làm được những công tác có ích lợi cho xã hội. Stêpan Ivanôvít là anh chàng ưa xáp vô mọi chuyện, bật lên những tiếng kêu khen ngợi. Và anh thêm vô một kỷ niệm riêng: Anh nói trong xứ anh có một y sĩ cụt tay, mổ xẻ rất tài, cưỡi ngựa xuất chúng và đi săn có hạng, có thể dùng một tay mà bắn trúng trông con mắt của một con sóc. Chính ủy lại nhắc chuyện về nhà hàn lâm đã quá cố Uyliêm, mà anh quen biết riêng trước đây khi anh làm việc ở các trạm máy móc và máy kéo. Nhà bác học này bị tê liệt nửa người, chỉ sử dụng được một tay mà vẫn điều khiển được viện nghiên cứu của ông và làm được một khối công việc khổng lồ.

Mêrétxép nghe và mỉm cười. Nghĩ, nói, viết, ra lệnh, chữa bệnh, săn bắn nữa, tất cả những cái đó, thì cụt cả hai chân vẫn dư sức làm. Nhưng anh, anh là một phi công, một phi công có khiếu từ thuở nhỏ, một phi công có thể nói là đã ra đời từ ngày còn thơ ấu,

anh coi một cánh đồng dưa, nghe thấy rồi trông thấy trên đời một con chuồn chuồn nhỏ xíu bay, phơi đôi cánh bạc lóng lánh. Từ đó, anh không ngừng mơ tưởng đến ngày anh sẽ thành phi hành gia. Anh nghĩ tới nghề từ trên ghế nhà trường, và anh nghĩ tới nghề sau này khi anh làm thợ tiện. Đêm đến, lúc cả nhà ngủ, anh sống lại những chiến công của Liapiđépki tìm thấy và cứu được những người trên tàu Sêlưukin. Cùng Vôđôpianốp, anh cỡi máy bay nặng đậu trên những mảng băng nối vùng Bắc cực; cùng Cưcalốp, anh xuyên qua Bắc cực mở những con đường chưa ai qua, đi về phía nước Mỹ. Rồi Đoàn thanh niên Cộng sản đã phái anh đi miền Viễn Đông công tác. Anh đã làm việc ở trong rừng, đó là một trong những người xây dựng nên thành phố của tuổi trẻ: thành phố "Thanh niên", trên sông Tình ái[1] Nhưng chính ở đó nữa, trong rừng sâu, anh vẫn nhớ tới ý nguyện của anh. Và anh đã gặp trong đám người xây dựng , những bạn trai, bạn gái trẻ tuổi, có mộng tưởng như anh, muốn trở nên phi công, và, chuyện kỳ lạ, họ đã tự tay mình xây dựng trong rừng, nơi chỉ có bản đồ của thành phố, một Câu lạc bộ hàng không riêng của mình.

Đến giờ mọi người xây dựng thành phố nghỉ ngơi sau ngày lao động, các hội viên Câu lạc bộ Hàng

(1) Tức Hắc long giang.

Không, đứng đầu là Alếchxây, lấy dầu hỏa bôi vào mình để xua muỗi và đi vào rừng, mang theo nào rìu, nào cuốc, nào cưa, nào thuốc nổ.

Và họ đã cưa gỗ, đốn cây, bẩy trốc gốc, san bằng đất, xâm lấn vào rừng mà chinh phục được một khoảng trống đủ để xây dựng một sân bay. Họ đã thành công, đã giành được của rừng mấy cây số đủ chỗ cho máy bay thẳng đường cất cánh.

Chính trên sân bay này. Mêrétxép đã xòa cánh lần đầu, trên một chiếc máy bay tập luyện, cuối cùng thực hiện được mộng tưởng nồng nhiệt nhất của anh hồi tuổi trẻ. Rồi anh theo học trường quân sự hàng không và trở thành một huấn luyện viên cho thanh niên. Rồi chiến tranh xảy ra, và tuy ban giám đốc nhà trường hăm này hăm khác, nhưng sau cũng để anh bỏ nghề dạy dỗ đi chiến đấu ở tiền tuyến. Tất cả sở thích, tất cả cảm nghĩ, tất cả vui sướng, tất cả dự định cho tương lai và tất cả những thành tích của anh đều gắn liền với nghề hàng không. Thế mà, anh em đưa thí dụ của Uy-liêm ra kể!

Anh buông một câu:

- Uyliêm không phải là phi công. - Rồi anh quay mặt vô tường.

Nhưng chính ủy không nản chí, nhất quyết tìm cách

"mở khóa" cho bằng được anh chàng ngang bướng này. Một hôm, đang lúc lầm lì như mọi khi thì Alếchxây nghe tiếng khàn khàn của chính ủy kêu.

- Coi nè. Alếchxây! Có câu chuyện của cậu này!

Stêpan Ivanôvít truyền cho Mêrétxép coi một tập san, trong đó có một bài báo ngắn có đánh dấu. Đó là một bài báo nói về các phi công Nga trong đại chiến thế giới lần thứ nhất. Từ những trang báo có một bộ mặt lạ trân trân nhìn Alếchxây. Đó là một sĩ quan trẻ tuổi, có râu mép nhọn, đầu đội mũ thường, gắn huy hiệu trắng, chụp lệch xuống một bên tai.

Chính ủy nhấn mạnh:

- Đọc đi, đọc đi mà! Thực chẳng khác họ viết cho cậu đấy!

Mêrétxép đọc. Đó là chuyện một phi công Nga Valiriên Cácpôvít. Khi thiếu úy Cácpôvít bay trên trận tuyến giặc thì anh bị một viên đạn "đum đum" của Đức bắn trúng chân. Mặc dù chân anh bị tan nát, nhưng anh có thể cưỡi máy "Phácman" vượt trận tuyến giặc và đậu được ở phía mình. Anh phải cưa một chân nhưng anh không chịu giải ngũ. Anh tự chế ra được chân giả và tự rèn luyện lâu lắm và rất kiên trì khiến cho khoảng cuối chiến tranh, anh lại tham chiến được. Anh trở thành huấn luyện viên trong một trường hàng không quân sự, và hơn nữa, theo lời nói thêm,

"anh có dịp lên không" trên chiếc phi cơ của anh. Anh được thưởng huân chương thánh Giêoócghi và phục vụ cho thành tích rạng rỡ trong ngành hàng không quân sự cho tới ngày anh bị tử nạn.

Mêrétxép đọc đi đọc lại bài báo. Người thiếu úy trẻ tuổi, mặt gầy còm và bướng bỉnh, từ trong tấm hình chụp, cười với anh một nụ cười như hơi sốt ruột và mệt nhọc. Cả phòng êm phăng phắc, mọi người chăm chú nhìn về phía Alếchxây. Anh vò bù tóc, và mắt không rời bài báo, tay với lấy cây bút chì trên bàn nhỏ đầu giường, ghi một nét thật cẩn thận quanh bài báo.

Chính ủy dí dỏm hỏi:

- Cậu đọc chưa?

Alếchxây không nói, mắt vẫn đọc từng dòng của bài báo.

- Cậu nghĩ thế nào về chuyện này?

- Anh ta chỉ cụt có một giò!

- Ừ, nhưng cậu là một người Xô- viết.

- Anh ta lại lái chiếc Phácman. Thế mà gọi là máy bay được à? Gọi là chuồng gà thì hơn! Ai chẳng điều khiển được! Lái nó cần gì phải khéo léo, và cần gì phải phản ứng lanh lẹ!

Chính ủy nhấn mạnh lần nữa.

- Ừ, nhưng cậu là một người Xô- viết.

Alếchxây mắt không rời bài báo, miệng nhắc như cái máy: "Một người Xô-viết". Rồi gương mặt xanh mét của anh sáng lên như có một vừng ánh sáng từ trong chiếu ra, và anh nhìn hết anh em với vẻ vui thích và ngạc nhiên. Đêm đó, anh lót tờ báo dưới gối, và anh nhớ lại hồi nhỏ, ngủ với các anh trên lò sưởi, anh nhét dưới gối con gấu cũ không có tai, mà mẹ anh lấy giẻ cũ làm cho anh. Điều đó đã làm cho anh cười và cười rất lớn. Cả đêm, anh cũng không nhắm mắt. Mọi người trong phòng đều ngủ ngon, Gơvôđép cựa mình làm cho lò xo giường kêu kẽo kẹt. Stêpan Ivanôvít ngáy rít ầm lên, như gan ruột bị xé ra. Từng chập một, chính ủy trở mình rên, nhưng tiếng rên khẽ như chỉ đến răng là ngừng lại. Như Mêrétxép có nghe thấy gì đâu. Anh kéo tờ báo ra, nhìn lại trong ánh sáng ngọn đèn nhỏ, nét mặt tươi cười của viên sĩ quan phi công. Anh nghĩ:

"Thực là gian khổ, nhưng cậu mình cũng đã làm được. Đối với mình, gian khổ sẽ gấp mười, nhưng để cậu mình coi, mình không chịu lùi đâu!".

Nửa đêm, bỗng không nghe thấy tiếng chính ủy thở nữa. Alếchxây nhỏm dậy và thấy chính ủy lịm đi, mặt không còn giọt máu, mình không cựa quậy. Trông

như anh đã tắt thở. Phi công với tay lấy cái chuông nhỏ và lấy hết sức run kêu.

Cơlaođia - Mikhailôna chạy tới, tóc rối tung, mặt còn ngây ngủ. Vài phút sau y sĩ nội trú gác tới. Coi mạch, chích thuốc long não và đặt ống dưỡng khí vào miệng cho anh thở. Sau cả giờ đồng hồ mà vô hiệu quả. Đang lúc như không còn hy vọng gì nữa thì chính ủy nhè nhẹ mở mắt. Anh cười mỉm chút chút với Cơlaođia Mikhailôna và nói nho nhỏ với chị:

- Xin lỗi đã làm phiền cô vô ích. Tôi chưa tới được tận âm ty thành ra chưa lấy được kem chữa tàn hương cho cô. Thôi phải chịu vậy nghen! Giữ lấy vậy nghen!

Câu khôi hài đó làm mọi người yên tâm. Cây sến còn vững, có lẽ còn chống đỡ nổi với giông tố. Y sĩ nội trú ra về. Nghe thấy tiếng giày anh cọt kẹt đến tận cuối hành lang. Những người hộ lý cũng đi ra. Chỉ còn chị Cơlaođia Mikhailôna là còn ngồi bên mép giường chính ủy. Bệnh nhân lại ngủ lại. Trên giường mình, Mêrétxép nhắm mắt, tưởng tới những chân tay giả nối bằng dây cu-roa với những bộ phận điều khiển máy bay. Anh nhớ hồi còn ở Câu lạc bộ hàng không, có một huấn luyện viên kể cho nghe: trong hồi nội chiến, có một phi công phải nối thêm một khúc cây ở chỗ bàn đạp điều khiển máy bay, vì chân anh ngắn quá.

Anh hứa với Cácpôvít: - "Tớ ấy à? Cậu ạ, tớ sẽ làm không kém cậu đâu. Tớ sẽ bay và còn bay nữa". Lời kêu đó cứ vang lên trong đầu Alếchxây. Anh nằm im, mắt nhắm nghiền. Có thể tưởng như anh ngủ ngon và mỉm cười với mộng đẹp. Chính lúc đó thì anh nghe được một câu chuyện hai người nói với nhau mà trong những giờ phút gian nguy đau đớn trong đời anh, anh đã nhiều lần nhớ lại:

- Tại sao, mà tại sao anh làm như thế mới được chứ? Đau như thế mà anh vẫn cứ cười cứ đùa, thực là một điều gớm ghiếc quá. Tim tôi ngừng đập mỗi khi tôi nghĩ tới anh, tưởng tượng anh đau đớn đến thế nào. Tại sao anh không chịu ở một phòng riêng?

Hình như đó không phải là tiếng nói của chị y tá coi phòng bệnh Cơlaođia Mikhailôna nữa, chị y tá dịu hiền, dễ thương, hầu như không phải người trần xác thịt, mà là tiếng nói của một người đàn bà tràn ngập tình cảm và căm hờn. Trong tiếng nói ấy cảm thấy nổi lo lắng và có thể còn có cái gì khác nữa.

Mêrétxép mở mắt ra. Dưới ánh đèn lờ mờ, anh thấy trên gối khuôn mặt xám ngắt và sưng phồng của chính ủy có đôi mắt trong sáng vì chan hòa điềm tĩnh và yêu thương, và anh còn thấy nét mặt trông nghiêng của cô y tá, thanh tú và rất thùy mị. Ánh đèn chiếu, nhìn sấp bóng, như có một vòng ánh sáng quanh tóc

cô vàng chói và thả tung. Mêrétxép nhìn cô, cảm thấy nhìn như thế là như phạm phải lỗi gì xấu, nhưng anh vẫn không thể không nhìn cô được.

Chính ủy làm như nói với một cô gái nhỏ:

- Này, này, em bé! Nước mắt, nước mũi thế kia, là thế nào? Cho uống một chút thuốc an thần coi, nên chứ!

- Anh vẫn còn cứ khôi hài được! Anh thực là một người kỳ lạ. Chuyện không thể tưởng tượng được, không thể tưởng tượng được anh nghe chưa? Đáng lẽ khóc, anh lại cười, mình đang đau đớn ê chề mà lại đi an ủi người ta. Anh, này! Anh! Anh có nghe không? Anh không thể cứ tiếp tục hy sinh như thế mãi.

Cô ôm mặt khóc thầm, khóc rất lâu. Chính ủy âu yếm nhìn đôi vai của cô nhô lên hạ xuống thực là buồn bã dưới áo bờ lu trắng.

- Trễ quá mất rồi, em ạ! Tội nghiệp em, nhưng trễ quá mất rồi! Trong những công việc tư của tôi, tôi luôn luôn cứ bị lỡ dịp một cách thảm hại. Tôi không bao giờ có ngày giờ lo cho tôi và lần này thì mới là thực sự không có ngày giờ nữa!

Chính ủy thở dài. Chị y tá ngửng lên, mắt lệ lưng tròng. Cô nhìn chính ủy với cặp mắt năn nỉ. Anh mỉm cười, thở dài một lần nữa rồi với giọng nói bình thường

của anh, đầy bình thường và lấn vào với đôi chút hóm hỉnh, anh lại nói:

- Cô là một cô gái thông minh. Vậy cô hãy nghe câu chuyện này nghen! Chẳng hiểu sao lúc này tôi lại chợt nhớ ra nó nữa. Chuyện đã lâu lắm rồi, trong thời nội chiến, ở vùng Tuakéttan, đoàn kỵ binh của tôi đang mải miết đuổi theo bọn phong kiến phản động thì bị lọt vô một vùng sa mạc. Ngựa Nga của chúng tôi không quen đi trên cát, nên đều té quỵ. Chúng tôi từ kỵ binh, trở thành bộ binh. Chỉ huy trưởng ra lệnh bỏ hết các đồ vật khác, chỉ giữ súng đạn và lội bộ trở về thành phố. Thành phố này ở cách đó 160 cây số, vậy mà phải lội qua bãi cát. Cô thử tưởng tượng xem thế nào? Chúng tôi lên đường: một ngày, hai ngày, ba ngày. Trời nắng gắt. Không có một miếng nước uống. Miệng chúng tôi đã khô và nứt nẻ. Đâu đâu cũng chỉ có cát cháy bỏng: cát bay trong không khí, cát rào rạo dưới chân, cát sột soạt đầy răng miệng, cát đốt phỏng mắt, cát cào sói cổ họng. Không ai chịu nổi nữa. Người này tiếp theo người khác, trai tráng trong đoàn đều gục xuống cát, không cử động nổi nữa. Chúng tôi có đồng chí chính ủy tên là Páplôvít. Thoạt nhìn, thì anh ra dáng một anh trí thức, trông chẳng ra cái vẻ gì cả. Anh là một nhà sử học, nhưng anh thực là một người Bônsơvích. Có thể tưởng rằng anh té trước tiên. Nhưng không, anh tiến bước hoài và chính anh khuyến

khích mọi người . Nếu nghe theo lời anh thì hình như sắp tới chỗ rồi, hay chẳng bao lâu thì tới đích thôi. Và hễ có người nào gục xuống thì anh lấy súng lục ra hăm: "Đứng lên, kẻo tôi bắn chết bây giờ". Ngày thứ tư, chúng tôi chỉ còn cách thành phố có mười lăm cây số, chúng tôi đã kiệt sức rồi. Chúng tôi đi ngã xiêu ngã tó, như lũ người say rượu, và cả bọn kéo bước lê thê như bước của những con vật bị thương. Bỗng nhiên, chính ủy cất tiếng ca. Anh ca giọng tồi lắm, và bài hát tuy chẳng có ý nghĩa gì lắm, - một bài hành khúc cổ lỗ sĩ thôi, - mà tất cả chúng tôi đồng thanh nhắc lại. Tôi ra lệnh tập hợp hàng ngũ và đi theo kiểu bước đều. Có tin thì tin, không tin thì thôi, nhưng chúng tôi tiến lên dễ dàng hơn. Sau đó, chúng tôi lại réo lên bài thứ hai, rồi bài thứ ba. Cô có biết với cái miệng khô ran và nứt tung vì nắng hun như lò lửa, hát như thế thì là thế nào không? Chúng tôi vừa đi vừa hát tất cả những bài mà chúng tôi biết. Đấy cô coi đời có lắm chuyện lạ không?

Cơlaođia Mikhailônalaođia Mikhailôna hỏi:

- Thế còn đồng chí chính ủy?

- Chính ủy ra sao à? Ông ta trở về yên lành chứ còn sao nữa? Bây giờ ông là giáo sư khoa cổ học. Ông đang đi bới đất tìm những di tích nhà cửa tiền sử. Nhưng phải nói rằng sau chuyện đó, ông bị mất giọng:

khan tiếng, suốt đời. Mất giọng, nhưng như thế thì có sao? Giọng giữ lấy, thì làm gì với giọng? Tiếng nói của ông sẽ ra sao? À thôi! Nói chuyện lăng nhăng thế đủ rồi. Cô em về ngủ đi thôi! Lấy danh dự của một kỵ binh, tôi hứa thôi không chết đêm nay nữa đâu mà sợ!

Sau đó, Mêrétxép ngủ một giấc thực ngon, thực say. Anh mơ thấy một bãi sa mạc, mặc dù trong đời anh chưa hề thấy sa mạc bao giờ. Và mơ thấy những miệng đầm đìa máu, nứt nẻ, từ đó bay ra những lời ca. Anh mơ thấy chính ủy Vôlôđia trong giấc mơ của anh sao mà giống chính ủy Vôbôlốp vậy! Sáng, anh dậy trễ. Mặt trời đã đỏ những vũng nắng lớn giữa phòng, tức nghĩa là lúc đó đã gần trưa rồi. Anh thức dậy với một cảm giác rất vui. Anh đã nằm chiêm bao ư? Chiêm bao chi vậy? Mắt anh thấy tờ tạp chí mà anh còn nắm chặt trong tay từ hồi khuya khi ngủ. Thiếu úy Cácpôvít vẫn cười với anh, một nụ cười phấn khích và mệt mỏi, trên tờ giấy bị nắm nhầu, Mêrétxép lấy mu bàn tay vuốt thẳng ra cẩn thận và liếc nhìn Cácpôvít. Chính ủy đã rửa mặt, chải đầu, đang nhìn anh làm như vậy mà mỉm cười.

Chính ủy vui vẻ hỏi:

- Thế nào, cậu liếc tình với với nó đấy à?

Mêrétxép nói:

- Sẽ còn bay.

- Nhưng bay thì cậu tính sao cho bay được? Người mất có một đôi chân thôi, còn cậu thì mất cả hai!

Mêrétxép trả lời:

- Nhưng tôi là một người Xô- viết, một người Nga.

Anh nói những tiếng đó, làm như do đó mà anh tin tưởng rằng anh sẽ vượt thiếu úy Cácpôvít và sẽ bay được. Cơm trưa, anh ngấu nghiến ăn hết đồ ăn, ngạc nhiên nhìn chén dĩa sạch trơn, và đòi ăn thêm. Anh đang được kích thích mạnh. Anh hát, huýt gió, nói một mình, mà nói thực lớn tiếng. Khi giáo sư đi thăm bệnh nhân, Cơlaođia Mikhailôna Vaxiliêvít săn sóc đến anh nhiều, anh hỏi giáo sư đủ thứ câu hỏi để làm sao cho mau lành bệnh. Khi nghe nói phải ăn ngủ nhiều, anh đòi tăng gấp đôi khẩu phần, và suýt tý thì nghẹn lại khi ráng sức để cố ăn hết miếng thịt băm thức tư trong bữa. Anh không ngủ được suốt ngày, tuy tự đặt thành kỷ luật là phải cố nhắm mắt một giờ rưỡi đồng hồ.

Đôi lúc hạnh phúc làm cho người ta ích kỷ. Hỏi giáo sư lu bù đủ mọi chuyện, Alếchxây không để ý tới một điều mà cả phòng ai cũng chú ý tới. Vaxiliêvít xem bệnh theo lệ thường, đúng tăm tắp giờ hàng ngày, tức là vừa lúc ánh mặt trời chiếu trên sàn phòng lướt dần vừa tới một tấm phản bị mục. Giáo sư tỏ ra

vẫn chăm chú như mọi ngày, nhưng cả phòng ai cũng thấy ông như có vẻ xao xuyến bên trong, khác hẳn với thói quen thường ngày. Ông không cáu kỉnh và không la rầy, không hăm dọa ai như mọi khi. Ở một góc mắt ông đỏ và sưng lên, một mạch máu nhỏ run run không ngừng; buổi chiều, khi ông trở lại, lưng ông khòm thêm hơn trước, và người ông trông già hẳn đi. Giọng trầm trầm, ông phê bình một chị hộ lý bỏ quên giẻ lau trên quả đấm cửa, coi bảng ghi nhiệt độ của chính ủy, cho toa mới rồi ra đi không nói một lời, theo sau cả đám tùy tùng im lặng và hoang mang. Khi ra đi, ông vấp phải ngưỡng cửa, và nếu không có người giữ thì ông bị ngã. Cái con người to lớn, giọng nói gắt gỏng đó, không thể tưởng tượng được rằng ông ta có thể bình tĩnh và lễ phép. Thương binh phòng 42 nhìn thấy ông như thế, rất bàng hoàng. Cái ông to béo, thương người ấy, ai cũng thương, và thấy ông thay đổi đến như thế, ai cũng khắc khoải xót xa.

Sáng hôm sau, mọi chuyện đều sáng rõ. Ở mặt trận miền Đông, người con trai duy nhất của Vaxiliêvít đã tử trận. Anh cũng là một y sĩ, một nhà bác học trẻ tuổi có tài, có nhiều triển vọng và đã làm cho cha của anh tự hào và sung sướng vì anh. Đến giờ khám bệnh thường, cả nhà thương ai cũng lo lắng, đợi chờ: giáo sư có đi khám bệnh như mọi khi hay không? Phòng

42, tất cả mọi con mắt đều đăm chiêu theo dõi ánh sáng mặt trời tiến dần, hầu như không thẳng tiến, trên sàn gác. Khi nắng tiến đến tấm thảm phản mục, mọi người nhìn nhau: thôi, ông không đến rồi. Nhưng ngay lúc đó, vang lên ngoài hành lang tiếng giầy nặng nề mà ai cũng biết là tiếng chân lao xao của đoàn người đi theo. Giáo sư có vẻ tươi hơn hôm qua. Nhưng mắt ông vẫn đỏ, mi mắt với mũi ông sưng như người vừa bị cảm nặng. Tay ông béo tốt, run run không thấy rõ, khi cầm xem bảng nhiệt độ ở bàn của chính ủy. Nhưng ông vẫn cương quyết và chính xác như mọi ngày. Chỉ có khác là ông không rầy rà và la hét.

Thương binh và bệnh nhân như đã hẹn trước với nhau, nên mọi người đều cố gắng cho giáo sư biết toàn những tin mừng. Ai nấy đều khỏe hơn mọi ngày. Ngay những người đau nặng nhất cũng không phàn nàn gì cả và nói là mình bớt nhiều, có lẽ là gần khỏi. Và tất cả, có lẽ là quá lố, đã ca tụng bệnh viện tổ chức quá hay và cách trong lòng sông, con sông giơ tấm lưng mạnh mẽ, cho tàu máy hơi, cho ca- nô, chuyên chở thay xe hơi thủ đô trong giờ phút khó khăn này. Trái hẳn với dự đoán gở dại của Cư- cúc- kin, chẳng có một thương binh nào Trong phòng 42 phải bỏ mạng trong những ngày tuyết tan này. Trừ chính ủy, còn tất cả đều bớt nhiều và ai nấy nói chuyện về giấy cho ra

khỏi bệnh viện.

Người ra trước tiên là Stêpan Ivanôvít.

Hồi hôm, anh mừng rỡ quá sức, phần phật đi dạo khắp nhà thương. Anh không ở yên một chỗ nữa. Sau khi đi dạo ở hàng ba, anh trở về phòng, đến sân cửa sổ ngồi nặng ruột bánh mì, rồi bỗng nhiên anh lại đứng lên và chạy tuốt ra ngoài. Chỉ tới chiều, chiều tối, anh mới chịu yên tĩnh trở lại, đến ngồi bờ cửa sổ và suy nghĩ lung lắm, lâu lâu lại thở dài. Đến giờ coi sóc thuốc men rồi, chỉ còn có ba người ở trong phòng: chính ủy lặng yên nhìn trân trân Stêpan Ivanôvít, và Mêrétxép thì đang ra sức bình sinh cố ngủ. Phòng lặng im khi chính ủy cất tiếng nói, một giọng nói lắng nghe mới thấy, đầu quay về phía Stêpan Ivanôvít mà hình bóng nổi đen trên khung cửa sổ ánh nắng chiếu tà soi vàng ánh.

- Ở thôn quê, giờ này là trời tối rồi và cảnh vật thảy đều yên tĩnh. Mùi đất màu, mùi phân, mùi khói xông lên thoang thoảng. Trong chuồng, có con bò lục đục trở mình trên ổ; nó giở dạ sắp đẻ. Bây giờ đã là mùa xuân... chẳng biết phụ nữ trong làng họ đã xoay sở ra sao để bón phân cho ruộng rẫy? Họ đã có hạt giống chưa? Cương yên đã sẵn sàng chưa?

Mê- rét- sép có cảm tưởng rằng Stêpan Ivanôvít nhìn chính ủy với con mắt không phải là ngạc nhiên

mà là sợ hãi, kinh hoàng.

- Đồng chí thật là có phép thánh, đồng chí chính ủy! Đồng chí đoán được cả ý nghĩ của người khác... Phải rồi đấy! Phụ nữ họ biết xoay xở, việc gì cũng làm được hết, nhưng thế nào thì thế, không biết họ loay hoay làm ăn ra sao khi không có chúng ta?

Nói xong cả hai lặng yên. Tiếng còi hú vang lên từ trên mặt sông, lướt trên nước, và đập vô bến lát đá.

Stêpan Ivanôvít hỏi khẽ :

- Đồng chí nghĩ thế nào? Chiến tranh sắp chấm dứt chưa? Liệu có xong trước mùa gặt cỏ này không nhỉ?

- Mà chiến tranh chấm dứt ngay hay không thì có sao đến cậu? Tuổi cậu đâu còn phải nhập ngũ nữa đâu? Cậu là binh sĩ tình nguyện mà. Cậu cứ xin giải ngũ là được giải ngũ và được về nhà chỉ huy một đội nữ binh. Ở hậu phương, một đứa nhanh nhẩu như cậu đâu phải là đứa dư? Cậu nghĩ sao? Lã râu?

Chính ủy vừa nói vừa nhìn người lính già với một nụ cười âu yếm. Anh chàng nhảy từ bệ cửa xuống xúc động đến run lên:

- Cho tôi giải ngũ à? Đồng chí cho rằng có thể vậy sao? Tôi đang lo đúng lúc này đây không biết làm gì, không biết nói gì với Ủy ban đây. Nói cho cùng, thì

đúng đấy, tôi đã tham dự ba cuộc chiến tranh: chiến tranh đế quốc, cả cuộc nội chiến và cả một mẫu của cuộc chiến tranh này nữa. Có lẽ như thế cũng đã là tạm đủ đấy chứ, hả? Đồng chí khuyên tôi nên làm gì nào, đồng chí chính ủy?

Từ giường mình, Mêrétxép cáu tiết nói vọng qua :

- Cậu làm đơn đi, và bảo Ủy ban: xin cho tôi quay về hậu phương với phụ nữ và nhờ người khác đánh Đức, che chở giùm cho tôi.

Stêpan Ivanôvít với vẻ hối hận liếc nhìn Mêrétxép, và chính ủy thì nhăn mặt lại một cái.

- Cậu định hỏi tôi khuyên cậu cái gì ấy à, Stêpan Ivanôvít? Cậu cứ hỏi trái tim Nga của cậu, nó sẽ trả lời ngay.

Hôm sau, Stêpan Ivanôvít nhận được giấy ra nhà thương. Anh đã mặc quân phục khi anh trở vào phòng chào anh em ra đi. Người anh bé nhỏ, áo va-rơ phai màu bó sát người, dây lưng choàng áo khéo quá, không có một vết nhăn. Anh như trẻ lại 15 tuổi. Trên ngực anh lóng lánh ánh sáng chói rực của những tấm huân chương đã được lau chùi thật kỹ: ngồi sau anh hùng Liên Xô, Cấp hiệu Lê- nin và huân chương "vì anh dũng" anh đã khoác ngoài một tấm áo bờ-lu trắng, nhưng áo không che lấp những bằng chứng của vinh

quang quân sự của anh. Từ đầu đến chân, từ đôi ủng cũ tới đôi ria mép, mà anh đã uốn vênh nhọn lên, anh giống như một "nhà binh dễ thương" in trên bưu thiếp trong dịp Nô-en thời đại chiến thứ nhất 1914.

Anh tới trước mặt từng người một trong những người bạn cùng phòng và từ biệt mọi người, gọi mỗi người theo cấp vị, rập đế giầy thật cẩn thận, chỉ cứ trông anh làm là đã thấy vui.

Anh đặc biệt chăm chú khi nói:

- Thưa đồng chí chính ủy trung đoàn, cho tôi xin phép từ biệt đồng chí!

- Chào anh, Stêpan Ivanôvít, và chúc anh may mắn.

Chính ủy nén đau làm hiệu kéo Stêpan Ivanôvít lại. Người lính quỳ xuống, ôm lấy cái đầu to lớn của chính ủy và hai người ôm nhau hôn ba lần theo phong tục Nga. Người lính bồi hồi xúc động, lẩm bẩm nói:

- Phải mau lành bệnh, Xêmion Vaxêliêvít! Cầu trời cho đồng chí mạnh và sống lâu. Đồng chí thực là một người quí giá như vàng. Ba tôi xưa cũng không lo chăm sóc giúp đỡ tôi như anh. Suốt đời tôi sẽ nhớ mãi.

Cơlaođia Mikhailôna kéo tay anh ra :

- Thôi đủ rồi, Stêpan Ivanôvít, đủ rồi. Xúc động lắm không được lợi cho anh ấy đâu.

Ivanôvít quay lại phía chị một cách long trọng và cuối mình Xuống sát đất nói:

- À còn chị, chị Cơlaođia Mikhailôna, cám ơn chị đã tốt, đã thương yêu chúng tôi như vậy. Chị quả là cô tiên xô- viết của chúng tôi. Đó là ý tôi...

Rồi cảm động bước đi, không biết nói chi nữa, anh đi thụt lùi ra phía cửa.

Chính ủy mỉm cười hỏi:

- Vậy thế thư cậu gửi về đâu nào? Về nhà cậu ở Xibêri nhé!

Stêpan Ivanôvít luýnh quýnh trả lời:

Đồng chí chính ủy sao nói thế? Thời chiến tranh, thì thư gửi cho một người lính, gửi đâu thì đồng chí biết rõ rồi chứ!

Nói xong anh cúi mình sát đất chào mọi người một lần nữa và ra đi, khuất mặt sau cửa.

Cả phòng lập tức trở lại yên tĩnh và trống rỗng. Thương binh lại tiếp tục kể cho nhau chuyện trung đoàn mình, chuyện chiến hữu mình, chuyện những cuộc chiến đấu lớn đang đợi chờ mình. Bệnh bớt dần, đây không phải là chuyện mơ mộng mới, mà là những sự thực: Cúckin đã lần bước ở hàng ba, anh đã bắt đầu kiếm chuyện cãi cọ với mấy chị y tá và chọc tức các bạn thương binh. Anh đã gây bất hòa với số lớn

những thương binh lành bệnh đã đi lại được. Anh lái xe tăng cũng đã đứng dậy được. Anh dừng lại soi gương ở ngoài hàng ba, ngắm nghía rất lâu, đầu, cổ, vai, những nơi đã tháo băng đang lành sẹo. Thư từ với "Anhuta" càng thân mật anh càng hiểu rõ đời sống trong trường đại học thì anh càng lo lắng Khi thấy mặt mình bị bỏng làm xấu hẳn đi. Tối đến, lúc trời tranh tối tranh sáng, mặt anh không phải là đẹp trai, anh có những nét thanh tú với vầng trán cao, với cái mũi nhỏ nhô lên, với râu mép đen mà anh đã để từ lúc vô bệnh viện, với một vẻ bướng bỉnh trên cặp môi tươi tắn đầy trẻ trung. Nhưng có ánh sáng, thì thấy rõ mặt anh vẫn đầy sẹo, làm sần sùi cả da, mỗi khi anh cảm động hay đổ mồ hôi sau khi đi chữa bệnh bằng nước nóng xong, những vết sẹo ấy co lại làm cho khuôn mặt anh khác hẳn, và những lúc đó soi gương thì nơi khóe mắt anh rưng rưng lệ.

Mêrétxép thường khuyên anh, ra lối dỗ dành.

- Làm gì phải lo nghĩ dữ vậy. Cậu có làm kép hát bóng đâu mà sợ? Nếu cô nhỏ đó yêu cậu thực tình thì đâu phải mấy cái sẹo này làm bớt yêu? Mà nếu bớt yêu chỉ vì thế thì cô nhỏ đó là đồ tồi, đồ bỏ đi rồi! Thế thì đi mà kiếm một cô khác thương cậu thực tình là hơn!

Cưcúckin bảo nhỏ:

- Phụ nữ nào cũng cỡ vậy thôi.

Chính ủy hỏi:

- Còn má anh thì sao?

Trong cả phòng này, chính ủy chỉ kêu Cúckin là anh thôi, nên nghe câu đó viên trung úy có một cảm tưởng khác thường. Cưcúckin giật mình đánh thót một cái, mắt sáng lên như tóe lửa, mặt anh mét đi trắng hơn cả tấm khăn trải nệm nằm.

Chính ủy dịu giọng:

- Anh thấy chưa? Có những người đàn bà rất tốt chứ? Vậy thế sao Gorigôri không thể gặp may? Trong đời, các cậu ạ, nó như thế đấy, kiếm gì thì được nấy.

Tóm lại, cả phòng vui trở lại, khỏe mạnh hơn. Chỉ riêng có Chính ủy ngày càng yếu đi. Anh chỉ dễ chịu khi nào được tiêm Moóc-phin hay hồi, nên suốt ngày anh cứ vùng vẫy, nửa ngây nửa ngất với các thứ độc dược đó. Từ khi Stêpan Ivanôvít đi rồi, sức anh càng kém hơn. Mêrétxép yêu cầu cho anh nằm sát giường của chính ủy để anh có thể giúp đỡ cho bạn được nếu cần. Anh cảm thấy ngày càng thân thiết với chính ủy.

Alếchxây, với hai chân cụt, cảm thấy đời mình sẽ vô cùng buồn chán và khó khăn so với mọi người, và anh cũng thấy mình muốn gần gủi chính ủy, người, tuy thế nào thì thế, vẫn sống một cuộc đời vui vẻ đầy

đủ, sống hết mình, và mặc dù bệnh ngày càng trầm trọng, vẫn cứ có sức hấp dẫn bạn bè như một viên đá nam châm. Chính ủy ngày càng ít khi tỉnh táo, nhưng mỗi khi anh tỉnh thì anh lại vui như khi mạnh khỏe.

Một hôm, trời tối lâu rồi, bệnh viện im phăng phắc, trừ những tiếng rên của người đau, tiếng ngáy, và tiếng mê sảng, khi có tiếng chân nặng nề quen thuộc ở ngoài hàng ba. Qua cửa kính, Mêrétxép thấy chị y tá gác ngồi trước một cái bàn nhỏ và đang len mãi không dứt. Ngay lúc đó, bóng cao lớn của Vaxiliêvít hiện ra ở đầu hàng ba. Ông bước chậm rãi, hai tay chắp sau lưng. Chị y tá thấy ông đến, đứng phắt lên, nhưng giáo sư vùng vằng gạt chị sang bên. Áo "bờ-lu" của ông không gài nút, ông không đội mũ y sĩ, tóc hoa râm của ông xõa bù xù xuống trán. Mêrétxép đang bàn với chính ủy về một cách làm hai chân giả mà anh vừa nghĩ ra, thấy giáo sư, anh ngừng lại và nói nhỏ :

- Vaxili vô kìa!

Vaxiliêvít sẩy bước đứng lại, vịn tay vào tường và lẩm bẩm cái gì chẳng ai nghe được. Rồi ông tách ra khỏi vách bước vô phòng số 42. Ông ngừng bước giữa phòng và lau mồ hôi trán như để tìm lại một câu chuyện gì. Miệng ông có hơi rượu. Chính ủy đề nghị:

- Mời Vaxili Vaxiliêvít ngồi xuống đây nào! Chúng

ta nói lên một chút chuyện.

Bước đi không vững, kéo lê chân, giáo sư đến giường chính ủy ghé ngồi xuống, tay xoa trán. Lò xo giường kêu "kèn kẹt" như rên lên. Đã nhiều lần, ngay giờ khám bệnh, giáo sư thường đã có lúc đứng lại nói chuyện với chính ủy về sự biến diễn của chiến tranh. Giáo sư có những cử chỉ tôn trọng chính ủy một cách đặc biệt từ trước rồi, cho nên trong đêm nay giáo sư tới thăm, bản thân cuộc thăm viếng đó không lạ lùng chi hết. Nhưng Mêrétxép cũng cảm thấy hai người sẽ nói chuyện khác thường, và e rằng câu chuyện giữa hai người không cần có mình, nên nhắm mắt lại, làm bộ ngủ.

Giáo sư nói nhỏ:

- Bữa nay là 29 tháng 4, ngày sinh nhật của nó. Giờ thì phải nói, lẽ ra nó đã 36 tuổi rồi.

Chính ủy ráng hết sức rút bàn tay sưng mọng của mình ra, đặt lên tay Vaxili Vaxiliêvít. Lúc ấy bỗng xảy ra một cái gì không thể tưởng tượng được. Là giáo sư òa lên khóc. Thực là khác thường khi thấy con người to lớn, đầy sức mạnh và đầy nghị lực ấy khóc. Alếchxây, như không định ý, cũng co rụt đầu lại và giấu kín mặt dưới mền.

- Trước khi đi nó đến thăm tôi, nó cho biết nó xin

nhập ngũ khi có chủ trương động viên đông người nhập ngũ và hỏi tôi nó phải giao lại công việc của nhà thương cho ai. Nó cùng công tác với tôi ở đây. Tôi ngạc nhiên quá nên như là gắt lên với nó. Tôi không hiểu tại sao một y sĩ, một nhà bác học có tài lại cầm súng ra đi. Nhưng nó nói, tôi nhớ hết câu nói của nó: "Thưa ba, có lúc một giáo sư đại học y khoa cũng phải ra cầm súng ạ". Rồi nó lại hỏi tôi:

"Con giao việc cho ai?" Tôi định gọi chuông điện thoại và chỉ gọi chuông điện thoại, là không chuyện gì, không một mảy may chuyện gì xảy ra cả. Anh nghe chưa. Không một chuyện gì! Nó điều khiển cả một ngành ở đây, mà đây lại là một nhà thương quân sự. Anh có nghe tôi nói chưa?

Vaxili Vaxiliêvít im một lát. Có thể nghe tiếng ông thở khó khăn, hổn hển:

- Đừng có cựa, anh bạn, anh kéo tay về đi, tôi biết rằng chỉ một cử động nhỏ thôi cũng đủ làm anh đau đớn vô cùng. Tôi đã suy nghĩ suốt đêm coi phải làm như thế nào. Anh hiểu chứ: Tôi biết có một người khác - anh biết tôi muốn nói ai chứ[1] có con đóng sĩ quan và tử trận ngay trong những ngày đầu của cuộc chiến tranh này. Anh có biết người cha đó đã làm gì không? Ông ta cho đứa con thứ hai ra mặt trận làm phi công khu trục tức là công tác nguy hiểm nhất. Tôi

nghĩ tới người đó, tôi thấy hổ thẹn với những ý nghĩ do dự của mình và tôi không quay điện thoại.

- Và bây giờ giáo sư tiếc phỏng?

- Không! ... Có thể nói đó là tiếc được sao... Nhiều lúc tôi tự hỏi tôi có phải là kẻ đã giết hại đứa con một của tôi không? Ấy thế đấy : nếu nó còn sống, thì, giờ đây nó có thể ở đây, bên tôi, cùng tôi, bố con phục vụ đắc lực cho Tổ quốc. Nó có tài, tài năng vững chắc; nó lanh lẹn, dũng cảm và thông minh nó đang tiến đến làm rạng rỡ nền y khoa Xô-viết được. Vậy mà tôi đã không gọi điện thoại...

- Giáo sư đã tiếc vì không gọi điện thoại?

- Chính ủy nói sao? À thế hả? Tôi không biết...

- Nếu phải làm lại giáo sư có thể làm khác thế không?

Hai người im lặng. Nghe thấy tiếng bệnh nhân ngáy. Giường của chính ủy có tiếng kẹt đều đều. Có lẽ là giáo sư trong lúc suy nghĩ đau khổ lắc lư mình trên giường. Nước nóng tiến vào ống sưởi khiến ống kêu lách tách.

Chính ủy với giọng nói đượm muôn nghìn êm nhẹ, hỏi:

- Thế nào?

- Tôi không biết. Tôi không thể ứng khẩu trả lời

câu hỏi của đồng chí được. Tôi không biết. Nhưng hình như nếu phải làm lại, thì tôi chắc cũng không thể làm khác trước được. Không hơn không kém. Tôi chỉ là một người cha như những người cha khác... Thực là tàn khốc... chiến tranh tàn khốc quá...

- Giáo sư nên tin chắc rằng người cha nào cũng thế, khi nhận được tin ghê gớm ấy, nhất định cũng đau xót như giáo sư... Vâng, cũng đau xót như thế...

Vaxili Vaxiliêvít ngồi im một lúc lâu như mê mẩn đi. Ông nghĩ gì? Dưới vầng trán rộng và răn reo của ông, những tư tưởng gì đã diễn trong những phút dài dằng dặc ấy?

- Vâng, bạn nói có lý, người cha nọ cũng đau xót nhưng ông ta đã lại cử đứa con thứ hai đi... Cám ơn bạn, cám ơn. Nhưng nói lại chuyện đó làm chi nữa?

Ông đứng lên, và vẫn chưa ra đi, còn đứng giây lâu bên giường. Ông thận trọng đặt bàn tay chính ủy trở về chỗ cũ dưới mền, và đắp mền cho chính ủy rồi bước khỏi phòng, không nói thêm một lời.

Đêm đó bệnh của chính ủy nặng thêm. Anh chết giấc. Anh uốn mình trên giường, nghiến răng và lớn tiếng la, rồi bỗng nhiên anh xỉu đi, người cứng đờ và coi tưởng như đây là lúc tận số của anh rồi. Valixi, từ lúc hay tin con chết đã không ở phòng lớn rộng và

trống trải của mình nửa mà vô ngủ ngay trong nhà thương, trên cái đi văng da trong căn phòng làm việc nhỏ của ông. Bệnh của chính ủy nặng đến nỗi ông đã phải ra lệnh ngăn chỗ nằm của chính ủy bằng một cái bình phong. Ai cũng biết thường hễ làm theo cách đó thì thường là bệnh nhân sắp sửa sang "phòng số 50".

Sau khi tiêm mũi thuốc hồi và bơm mãi cho thở dưỡng khí, mạch anh đập trở lại, thầy thuốc gác Vaxili Vaxiliêvít trở về ngủ mấy giờ đồng hồ còn lại trong đêm. Chỉ còn có VCơlaođia Mikhailôna sau bình phong, tâm tư bàng hoàng và nước mắt ràn rụa. Mêrétxép cũng không ngủ được, anh tự hỏi: "Lẽ nào thế là hết sao?"

Cuộc đau khổ của chính ủy kéo dài. Anh rên la và nói mê sảng. Qua tiếng anh rên rỉ, có một tiếng gì anh một mực nhắc lại mãi với một giọng nói khàn khàn. Mêrétxép tưởng anh đòi uống.

Cơlaođia Mikhailônalaođia Mikhailôna từ phía sau bình phong chạy ra tay run rẩy rót một ly nước bưng ra. Bệnh nhân không chịu uống. Cái ly đụng vô răng anh vô ích, nước chảy xuống gối, nhưng chính ủy vẫn không ngừng tiếng Lúc nãy. Mêrétxép chợt hiểu ra lời chính ủy nói: "Sống, sống"... Ngay trong cơn bất tỉnh, con người đó, bằng tất cả sức mình, phản kháng lại với cái chết.

Chính ủy cuối cùng nằm êm trở lại được và mở mắt ra. Cơlaođia Mikhailôna lẩm bẩm:

- Thật là nhờ trời!

Rồi chị thở dài dễ chịu, định xếp tấm bình phong trở lại.

Chính ủy ngăn lại:

- Để nguyên đó tôi xin mà! Để nguyên đó, bé em ạ! Như thế dễ chịu hơn. Và nhất là đừng có khóc! Đất đã ẩm ướt nhiều rồi, đâu cần thêm nước. Vậy thế nào, thế nào hả? Bình thường đấy chứ, "cô tiên Xô-viết"? Cô điều thực là tai hại, là thần tiên dần giống như mình chăng nữa, chỉ gặp được lúc mà ta sắp sang bờ... bên kia thôi.

X

Tình hình của Mêrétxép kỳ quặc làm sao: Từ khi anh biết chắc rằng với lòng quyết tâm rèn luyện, anh có thể lái phi cơ trở lại được và trở thành được phi công toàn diện thì anh cảm thấy ham sống và ham hoạt động vô cùng.

Đời anh lại có một mục đích: lại trở thành một phi công khu trục. Anh mê say theo đuổi mục đích đó cũng như trước kia anh đã mê say, với chân đã bị nát, bò bao nhiêu ngày đêm trở về hàng ngũ của mình. Từ nhỏ, anh đã có tập quán bố trí đời sống của mình và luôn đưa ra một mục đích, để rồi định biện pháp đạt tới mục đích đó, không bỏ phí thì giờ quí báu. Anh đã đi tới những kết luận thực tế sau đây: Trước hết, khỏi bệnh và lấy lại sức khỏe vì bị thiếu ăn một thời gian khá lâu. Muốn thế thì phải ăn và phải ngủ nhiều hơn.

Thứ hai, khôi phục cho mình những đức tính của một phi công chiến đấu và muốn thế thì phải tập các môn thể dục và phải rèn luyện tất cả những gì vừa với sức mình. Thứ ba, là một việc vừa quan trọng nhất vừa khó khăn nhất, đó là làm sao cho hai chân bị cắt nơi bắp chuối, mạnh lên, giữ sao cho nó vừa cứng khỏe vừa dẻo dai, để khi có chân giả thì có thể tập những động tác của người phi công được.

Đối với một người cụt cả hai chân chỉ bước đi được cũng chưa phải là chuyện dễ thế mà Mêrétxép đã lái máy bay và hơn nữa lái máy bay săn giặc. Trong chiến đấu hàng không việc phối hợp các động tác phải thực chặt chẽ và đòi hỏi mức mau lẹ trong mấy phần trăm của một giây đồng hồ, cho nên hai chân phải điều khiển chính xác, khéo léo và nhất là phải mau lẹ cũng như hai bàn tay. Phải tập luyện sao cho cẳng cụt, có chân giả bằng gỗ và da, có thể cử động hoàn toàn y như chân thiệt.

Bất cứ ai đã hiểu biết về kỹ thuật hàng không đều thấy rằng dự định của Mêrétxép là cực kỳ vô lý. Nhưng bây giờ thì Alếchxây tin tưởng rằng khả năng của con người có thể thực hiện được diều ấy và đã như vậy thì Mêrétxép, anh, phải thực hiện được mục đích đề ra. Vì vậy anh quyết định thi hành kế hoạch. Anh theo đúng việc điều trị của bác sĩ và săn sóc tới

việc dùng thuốc một cách tỉ mỉ đến nỗi nhiều lúc anh cũng tự lấy làm lạ. Anh ăn đến nhồi chặt bụng, và đã được thêm khẩu phần, dầu có lúc không ngon miệng lắm cũng cứ đòi. Anh ráng ngủ đủ số giờ đã định dầu thế nào thì thế, và tập ngủ trưa đã quen, mặc dù phải ra sức khắc phục cái khó chịu phải ngủ trưa, vì anh vốn ưa hoạt động, chạy nhảy. Anh thấy ép mình ngủ, ăn hay uống thuốc là những việc không khó quá. Nhưng tập thể dục là một chuyện khác. Phương pháp mà anh thường tập không thích hợp với một người què cả hai cẳng và suốt ngày đóng chặt trên giường. Anh sáng chế ra một phương pháp riêng cho anh: hàng giờ anh cứ cuối xuống, vươn lên, hai tay để chống bên hông, vặn mình và quay cổ đến kêu răng rắc. Các bạn trong phòng thường hay chọc anh một cách thân mật. Cưcúckin ưa chế nhạo, thường kêu anh là "Lađumách" hay anh em nhà "Giamenski", hay những tên của tất cả các nhà vô địch chạy đua khác. Thấy anh tập thể thao như thế, Cưcúckin không chịu được cho rằng đó là một thứ bệnh khùng trong nhà thương. Nên thường có lúc Alếchxây bắt đầu tập là anh xông ra ngoài hành lang vừa ra vừa lẩm bà lẩm bẩm.

Khi đã tháo băng ở hai cẳng anh rồi và anh đã có thể cử động trên giường dễ dàng hơn, Alếchxây nghĩ ra những cử động phức tạp hơn. Anh nhét hai đầu

chân cụt dưới thành giường sắt và hai tay chống hông, anh tập cuối xuống, vươn lên càng cứ tăng thêm mãi số cử động lần lần và tập làm thật chậm.

Rồi anh sáng chế cả một loại cử động cho cả hai chân. Anh nằm ngửa, gập hai cẳng và co lên ruỗi dài ra. Lần đầu khi anh tập cử động này, anh hiểu rằng tập như thế khó khăn vô cùng có khi không tập nổi cũng nên. Cử động ruỗi chân làm cho cặp giò mới bị cắt đau nhức vô cùng. Cử động của anh thật là vụng về và không vững chắc. Anh thấy không thể điều khiển được chân anh, chẳng khác như phi công không điều khiển được máy bay của mình khi một bên cánh hay đuôi máy bay đã tổn hại. Muốn hay không, anh bất giác tự so sánh với chiếc máy bay, và cảm thấy thăng bằng của Cơlaođia Mikhailôna thể mình đã bị mất; anh vẫn mạnh, nhưng đã mất đi không bao giờ khôi phục lại được nữa những khả năng và cử động quân bình có từ hồi nhỏ.

Tập thể dục, cặp giò làm cho anh đau đớn ghê gớm. Nhưng mỗi ngày Mêrétxép vẫn cứ để thêm mấy phút tập cẳng. Đó là những phút cực khổ nhất: nước mắt anh ràn rụa, anh cắn môi muốn chảy máu để không bật ra những tiếng rên đau. Nhưng anh vẫn giữ kỷ luật thật nghiêm mỗi ngày mỗi tập đầy đủ những cử động, trước tiên một hay hai bận mỗi ngày, và mỗi

ngày mỗi lâu thêm. Khi tập xong, anh kiệt sức nằm ngửa trên gối có lúc tự nhủ: chắc không còn sức tập lần sau nữa. Nhưng hôm sau đúng giờ, anh vẫn tập như trước. Đêm đến anh lấy tay rờ đùi, háng, anh sung sướng vì thấy dưới tay những bắp thịt rắn chắc càng ngày càng có sức mạnh như xưa chứ không phải một thứ thịt nhão và mỡ.

Tất cả tư tưởng của anh đều dồn vô hai chân. Nhiều lúc vì không để ý, anh tưởng chừng như đau ở bàn chân, anh vội trở mình và lúc đó anh mới nhớ ra là anh chẳng còn chân nào cả. Đó là vì một thứ ảo tưởng do Cơlaođia Mikhailôna cấu của gân cốt gây ra; cái phần cẳng đã bị cắt đi còn cứ tiếp tục sống mãi với thân mình: anh vẫn thấy như buồn buồn hay đau đớn, nhất là khi trời ẩm cái ý kiến đó ám ảnh anh đến nỗi có nhiều lúc anh thường nằm mơ thấy mình còn lành lặn và nhanh nhẹn. Có lúc anh nghe như thấy lại kèn báo động và anh ba chân bốn cẳng chạy tuốt ra máy bay, vọt lên một chiếc cánh, chui vô lòng phi cơ và bằng chính cặp chân đó thử các bộ phận máy trong khi Iura lật cánh vải bạt che động cơ. Có lúc anh cầm tay Onga chạy chân không thở không ra hơi băng qua thảo nguyên trổ bông và anh thấy như được vuốt ve khi hai chân đạp trên đất ẩm thấp và ấm áp. Đó là những cảm giác khoái trá nhất, và anh khổ sở biết bao khi tỉnh giấc, thấy mình tàn tật.

Sau những giấc chiêm bao như thế, Alếchxây thường bần thần nản chí. Những lúc đó, anh có cảm giác như tự mình hành hạ mình vô ích. Anh không thể bao giờ nữa lái máy bay, cũng không thể bao giờ nữa chạy chân không trên thảo nguyên với cô thiếu nữ thân yêu của miền Kamixin mà càng xa nhau lâu ngày anh càng thấy yêu tha thiết.

Thư từ với Onga không làm cho anh vui chút nào, cả lúc bấy giờ. Gần như mỗi tuần, Cơlaođia Mikhailôna đều cho anh "khiêu vũ" nghĩa là cho anh nhảy nhỏm trên giường và vỗ tay, để nhận bao thư có tuồng chữ tròn trặn và nắn nót như của một nữ sinh. Thư càng tới càng dài thêm, càng thiết tha hơn, hình như mối tình giữa hai người hồi nhỏ bị chiến tranh cắt đứt đi, thì bây giờ đã già dặn lên trong tim Onga. Được thư của cô, anh càng buồn chán, anh cho rằng không có quyền hưởng ứng những tình cảm tươi đẹp như thế. Hai người đã là bạn đồng học, ở trường kỹ thuật của nhà máy cưa Kamixin, đã mến thương nhau một cách thơ mộng từ hồi nhỏ, và đã gọi thế là ái tình theo kiểu người lớn. Rồi hai người xa nhau sáu, bảy năm, cô thiếu nữ đi học ở một trường cơ khí. Khi trở về cô làm công nhân cơ khí ở xưởng máy, nhưng Alếchxây không còn ở thành phố nữa. Anh đã vô học ở trường hàng không. Hai người chỉ gặp lại nhau ít ngày trước khi chiến tranh bùng nổ, một thời gian ngắn ngủi

thôi. Lần gặp đó, không ai nghĩ tới trước; không chừng không ai còn nghĩ đến ai nữa, vì từ trước bao nhiêu nước đã chảy dưới cầu. Nhưng một chiều xuân, Alếchxây cùng mẹ đi ra ngoài phố, bất chợt gặp một thiếu nữ mà anh cũng không chú ý gì cả, trừ một ý thoáng qua là cô gái này có cặp giò đẹp.

- Tại sao con không hỏi nó. Con quên nó rồi sao? Onga đó mà. - Và mẹ anh còn nhắc cả họ của thiếu nữ nữa.

Alếchxây quay lại. Thiếu nữ cũng quay lại, ngó theo hai người. Hai cặp mắt gặp nhau, tim anh bừng nóng lên. Để mẹ đứng đó, anh chạy vội lại với thiếu nữ đứng trên lề đường, dưới một cây dương trụi lá.

- Em đấy à? - Anh ngạc nhiên hỏi nàng, vừa hỏi vừa nhìn chầm chập giống như nàng là một nàng tiên kỳ diệu hiện xuống trần gian giữa một chiều xuân, trong ngõ hẻm bùn lầy này.

Thiếu nữ cũng không ngờ là gặp được anh, trả lời:

- Alếchxây sao?

Sau sáu, bảy năm xa cách, lần đầu tiên, họ mới gặp lại nhau. Trước mặt Alếchxây, đây là một thiếu nữ, yêu kiều, nhẹ nhõm, thanh tú, nét mặt tươi trẻ tròn trĩnh và hiền hậu, điểm mấy chấm tàn hương nơi cuối sống mũi. Nàng nhìn anh bằng cặp mắt xám, lớn và nhè nhẹ nâng cao cặp lông mày uốn nét dịu dàng về

phía cuối thanh thanh như ngọn bút lông. Thiếu nữ nhỏ nhắn, và lịch sự hôm nay khác hẳn cô bé mấy năm trước kia, da đỏ thẩm, tròn như cây nấm, hồi anh còn học chung năm thứ nhất trường chuyên nghiệp lúc đó cô ta còn mặc chiếc áo cũ của cha, tay xắn cao lên. Quên cả mẹ ở đó, Alếchxây nhìn trân người thiếu nữ, nhìn say sưa làm như trong sáu, bảy năm nay anh vẫn mơ tưởng ngày gặp gỡ này.

Cuối cùng anh nói:

- Em thay đổi nhiều quá đi thôi!

Nàng hỏi lại, giọng sang sảng khác hẳn hồi học trò:

- Thay đổi, nhưng thay đổi ra sao chứ?

Một luồng gió thổi mạnh chùm vô phố, và reo lên trong những cành dương liễu trụi trơ. Nó làm tung bay chiếc duýp của thiếu nữ, để lộ ra cặp giò xinh xắn vô cùng. Bằng một cử chỉ rất hồn nhiên và kiều diễm, chị mỉm cười kéo duýp lại.

Không che giấu mình ngợi khen sắc đẹp của chị, anh nói:

- Thực em đã thay đổi nhiều quá!

Nàng cười hỏi:

- Thay đổi, phải rồi, nhưng thay đổi khá hơn hay thế nào? Hơn hay không nào?

Bà mẹ nhìn hai trẻ, mỉm cười bâng khuâng rồi bỏ đi. Hai người, mặt nhìn mặt, ngắt lời nhau hoài: "Em còn nhớ không?"... "Anh biết đấy?"... "Thế còn bạn nọ...?" "Bạn này bây giờ đi đâu?...".

Họ đứng lâu lắm như thế cho tới lúc Onga chỉ cho Alếchxây thấy ở mấy căn nhà nhỏ gần đó, sau cửa kính qua những cây tùng mã vĩ nhỏ và những lùm hoa phong lữ, đã có những chấm trắng tức là mặt những người bắt đầu đang nhìn họ bằng cặp mắt tò mò.

Onga nói :

- Anh có thời gian không? Chúng ta đi ra bờ sông Von-ga nhé!

Và hai người cầm tay nhau, một cử chỉ mà xưa kia không bao giờ dám làm - cả hai, quên hết chuyện đời, cùng dẫn nhau đi về phía bờ sông cao, một ngọn đồi chót vót từ trên đó nhìn xuống sông ngắm được cả một vùng phong cảnh rộng lớn trên sông Von-ga đang tràn ngập nước, hùng vĩ xoáy những tảng băng kéo đi.

Từ lúc đó, mẹ anh ít thấy đứa con thân yêu nhất ở nhà. Và khác hẳn hồi xưa, độ này anh ăn mặc chải chuốt, hàng ngày là quần cho có nếp, và đánh bóng nút áo đồng; cái cát-két trắng, có gắng một cái huy hiệu đẹp, tối đó cất kỹ trong va-li, anh lấy ra dùng, anh cạo râu hàng ngày và mỗi chiều, anh soi gương phía trước, soi gương phía sau mãi rồi mới ra đường đi

đón Onga từ xưởng máy về.

Ngay ban ngày, cũng có khi anh biến đâu mất; anh đãng trí, nhiều khi trả lời người trong nhà chẳng trúng vào đâu cả! Tất cả những chuyện ấy không lọt qua con mắt đầy kinh nghiệm và linh tính của mẹ anh. Bà hiểu rõ cả và không giận: bà hiểu rằng người già thì già đi và bọn trẻ thì tiến lên với cuộc đời.

Chưa lần nào đôi trẻ nói với nhau về tình yêu cả. Mỗi ngày, cùng đi với Onga về trên con đường cao ngất dọc sông Vonga nước óng ánh lúc trời chiều xuống lần, hay theo những vườn dưa quanh thành phố, nơi nó vằn vèo, trên đất đen sì và béo mỡ như hắc ín, những dây leo lớn có lá chĩa ra và màu xanh xẫm của những cây dưa. Alếchxăng ta tính từng ngày nghỉ phép còn lại và thề sẽ tỏ rõ nổi lòng mình với Onga. Nhưng ấy thế là một buổi chiều ngày nữa lại qua. Anh lại đến đón nàng ở cổng xưởng nhà máy cưa, đi theo nàng về đến tận cái nhà nhỏ một tầng mà ở đấy nàng trọ trong một căn phòng xinh xắn gọn gàng sáng sủa như ca-bin máy bay. Anh kiên nhẫn đợi nàng trong lúc nàng đang thay quần áo sau cái cửa kính của phòng nàng, anh chủ tâm không nhìn cái chân, cái vai, hay khuỷu tay để hở của nàng thỉnh thoảng hiện ra sau khung cửa. Nàng trang điểm xong rồi trở ra, hai má đỏ hây tươi mát, mái tóc êm dịu, nàng mặc cái áo "bờ-

lu" bằng lụa trắng vẫn thường mặc trong tuần.

Hai người đi coi hát bóng, xem xiếc, dạo chơi vườn, nhưng Alếchxăng chẳng cần gì cả, anh chẳng nhìn màn ảnh hay sân khấu, cũng chẳng thèm nhìn đám người qua lại, mắt anh chỉ nhìn một người, ngắm nàng không chán mắt, và anh tự nhủ: "Lần này nhất định là nhất định, khi về thế nào cũng phải nói". Nhưng đi chơi về rồi mà anh vẫn thiếu can đảm không nói nổi đến cùng được.

Một sáng chủ nhật, hai người định đi chơi trên đồng cỏ bên kia sông Vonga. Lúc ra đi đón nàng anh mặc chiếc quần trắng đẹp nhất của anh, với chiếc áo sơ-mi cổ bẻ mà mẹ anh khen là xứng với nét mặt cứng cỏi và xạm nắng của anh. Onga cũng sắm sửa rồi. Nàng đưa anh cầm một gói nhỏ, thắt trong cái khăn, và cả hai lên đường. Ông già chở đò đã bị cắt cụt cả hai cẳng từ chiến tranh thế giới lần thứ nhất được trẻ nhỏ yêu lắm, trước đây đã dạy Alếchxăng bắt cá trên những làn cát. Ông đẩy cái thuyền nặng nề ra xa bờ, rồi chèo qua sông, tay chèo từng nhát nhỏ và mạnh, đôi chân gỗ đập thình thình. Đò rẽ ngang dòng nước tiến lên từng đoạn nhỏ, sát dần bờ sông xanh tươi. Nàng ngồi phía sau thọc tay xuống để lướt mơ màng trên mặt nước. Alếchxây hỏi:

- Bác Acasa nè! Bác có nhớ chúng cháu không hả?

Ông già đưa đò nhìn mặt đôi thanh niên với cặp mắt, trả lời:

- Nói thực ra là không.

- Không là thế nào? Cháu bà Mêrétxép đây mà! Bác đã dạy cháu cách lấy xiên bắt cá lòng tong trên cát ấy mà!

- Có thể là thế, nhưng bao nhiêu là trẻ đến nghịch ở đây, làm sao nhớ nổi tất cả!

Đò vượt qua cái cầu nhỏ, nơi đậu một chiếc ca- nô phình bụng, sơn đã róc nhưng hãnh diện kêu vang lên cái nhãn hiệu "Rạng đông". Rồi đò đâm sâu vào cát rít kẹt bên bờ.

Ông già nhảy xuống nước, đẩy đò vô bờ, giải thích:

- Chỗ này là bến của tôi! Tôi không làm việc cho thành phố, tự mình làm việc cho mình thôi.

Chân gỗ của ông già cắm xuống cát, và đò chẳng tiến thêm chi mấy nữa. Ông lái đò thản nhiên nói:

- Cô cậu phải nhảy vô bờ thôi!

Alếchxây hỏi?

Chúng cháu phải trả bác bao nhiêu?

- Bao nhiêu cũng được. Vui như hai cô cậu thì đáng lẽ phải trả giá cao mới phải. Còn nhớ ra hai cô cậu ấy à, thì thôi, chịu!

Nhảy khỏi đó, hai người bị ướt chân. Onga đề nghị cởi giầy. Chân bước xuống cát ướt và ẩm, êm dịu vô cùng. Hai người thấy tự do, vui vẻ như muốn chạy, muốn nhảy cỡn, muốn lăn trên cỏ, như hươu nai.

Onga kêu:

- Đuổi bắt em!

Nói rồi nàng chạy, với tất cả sức khỏe của cặp giò nhanh nhẹn của nàng; nàng chạy qua những bãi cát bên bờ sông thấp này, cứ mỗi lần nước dâng là bị ngập, tiến vô những cánh đồng cỏ xanh như ngọc, lấm chấm có điểm hoa. Alếchxây hết sức rượt theo. Anh chỉ thấy trước mắt màu nét sặc sỡ của tà áo hoa lung linh như mây khói. Chạy chân không, anh cảm thấy như hoa đang mơn trớn đôi chân anh, cùng những thân rau chua dại đập chân anh, cùng đất xốp mềm nóng hổi dưới ánh mặt trời.

Lúc đó anh coi như tối cần thiết phải đuổi kịp Onga, như tương lai của hai người sẽ do đó mà định đoạt, như chắc chắn rằng là, ở đây, trên cánh đồng cỏ thơm tho và đầy hoa này, anh nói ra dễ dàng hơn cái mà tối nay anh không có can đảm nói rõ. Nhưng mỗi lần anh đuổi kịp nàng, đã giơ tay để với lấy nàng, thì nàng lại vung ra mà chạy lẹ như một con mèo, miệng cười khúc khích tươi giòn.

Nàng chạy hoài và anh bắt không nổi. Rồi nàng

chạy lộn trở lại bờ sông, phục xuống cát và nóng, cặp má đỏ hồng, miệng mở như thèm khát, ngực thở hổn hển, hít khí trời và cười vàng rộn. Chính trên bãi cỏ đầy hoa đó, giữa những bông cúc trắng nhỏ lấm chấm như những ngôi sao trắng, anh đã chụp hình nàng. Rồi hai người đi tắm sông với nhau! Anh ngoan ngoãn đi ngoặt vào bụi rậm và ngoảnh mặt đi khi nàng thay quần áo và vắt bộ đồ tắm ướt. Khi nàng gọi, thì anh đã thấy nàng ngồi trên cát, đôi chân ửng nắng gập lại dưới mình, chỉ còn bận chiếc áo như mây khói, và đầu quấn chiếc khăn bông. Nàng đã trải trên cỏ chiếc khăn thiệt là sạch, bốn góc có đá biển tròn chặn lại và đã bày ra những gì trong gói đồ ăn ra. Hai người cùng ăn ít rau xà-lách và bích quy do chính tay nàng làm. Onga không quên đem theo muối và tương cải, nàng đã đựng những gia vị này trong những cái ve nhỏ trước đựng kem thoa mặt. Thật là vừa yêu kiều vừa cảm động biết chừng nào, khi thấy người thiếu nữ huy hoàng và tao nhã đó lo toan cả những việc của một người nội trợ. Alếchxây quyết định thầm: kéo dài khá lâu rồi. Phải chấm dứt. Ngay chiều nay sẽ nói chuyện đó. Anh sẽ thuyết phục được nàng, chứng minh cho nàng thấy rằng nàng thế nào cũng phải là vợ anh mới được.

Sau khi phơi nắng cho đến cháy da thịt trên bãi

cát, rồi tắm thêm một lần nữa, hai người định với nhau tôi nay sẽ về nhà Onga - mệt mỏi và sung sướng, hai người chậm rãi trở ra bến đò. Chẳng thấy ca- nô, cũng chẳng thấy đò. Anh chị Acasa hết hơi mà không thấy bác trả lời. Mặt trời đã lặn trên thảo nguyên rồi. Từng bó tia nắng hồng tươi lướt trên đỉnh bờ cao phía bên kia sông, phủ vàng mái nhà của thành phố nhỏ bé và cây đầy bụi đứng im trong cảnh chiều tà, ánh sáng phản chiếu vào những cửa sổ lấp lánh đỏ rực như máu. Đây là một chiều hè nóng và yên tĩnh. Ở thành phố có cái gì đây. Thường ra, thì giờ này ở phố nhộn nhịp những người. Hai chiếc cam- nhông đầy người đi qua, rồi một đội quân nhỏ diễu qua.

Alếchxây gợi ý:

- Chắc bác Acasa đã nhậu rượu say mất rồi. Có lẽ chúng ta phải ngủ đêm ở bên này thôi!

Nàng nhìn anh, với cặp mắt sáng và lớn:

- Bên anh, ở đâu em cũng chả sợ.

Anh ôm lấy nàng và hôn. Đó là cái hôn đầu tiên và duy nhất của lứa đôi ấy. Trên sông, tiếng chèo đã khua nước thình thình. Đò từ bên kia chở sang rất nhiều khách qua sông. Hai người nhìn thấy đò mà lòng như giận dỗi, coi con đò như mang lại cái gì không may cho mình.

Mọi người lặng lẽ nhảy từ đò lên bờ. Ai nấy mặc quần áo ngày hội, nhưng nét mặt lại đều lo lắng và sa sầm. Vẫn lặng lẽ mọi người bước qua cồn trước mặt hai người. Đàn ông lầm lì, đàn bà cảm động khóc sướt mướt. Đôi thanh niên chẳng hiểu gì cả, nhảy xuống đò và bác Acasa tránh nét mặt rạng rỡ hạnh phúc của hai người, nói:

- Chiến tranh rồi đấy! Hôm nay đồng chí Môlôtốp đã lên tiếng ở đài phát thanh rồi.

Alếchxây đang ngồi nhảy nhỏm lên hỏi:

- Chiến tranh...! Với ai thế?

Bác Acasa tức giận nhấn vào cặp chèo và kéo mạnh lại, càu nhàu:

- Vẫn với những thằng ấy chớ ai! Đồ khốn kiếp! Bọn Đức ấy! Bây giờ động viên, ở các phòng mộ quân đã đông người rồi đấy.

Không về qua nhà nữa, Alếchxây đi thẳng đến Ủy ban quân sự. Rồi anh đáp chuyến tàu đêm 12 giờ 40 phút trở về đơn vị, chỉ vừa kịp ghé qua nhà lấy va-li, không kịp chào Onga.

Hai người gửi thư cho nhau không nhiều, nhưng không phải thế có nghĩa là cảm tình với nhau phai nhạt và đôi bên quên nhau dần. Không! Anh vẫn nóng lòng chờ thư của Onga, những lá thư mà Onga viết

nắn nót với dòng chữ tròn trặn của cô nữ sinh. Anh vẫn mang luôn trong mình thư đó và thường đem ra đọc mỗi khi chỉ có một mình. Đó là những bức thư mà anh đã ôm trên ngực, đã ngắm nghía trong những ngày kinh khủng nhất trên đời khi anh phải bò ngang rừng. Nhưng hai người quen nhau, tình thân bị đột ngột cắt ngay vào một lúc, chưa cái gì rõ ràng cả, nên hai người viết thư cho nhau như hai người bạn cũ mà thôi, không hề dám tỏ rõ điều còn thầm kín giữa hai bên.

Cho đến ngày nay, tại bệnh viện, Alếchxây mới ngạc nhiên mà nhận thấy rằng, qua mỗi bức thư, Onga tha thiết tiến tới hơn trước, chẳng ngại ngùng gì bày tỏ nỗi lo âu thắm thiết của mình. Nàng viết rằng nàng rất tiếc chiều đó bác Acasa chèo đò qua không đúng lúc, và nàng khẩn khoản xin anh nhớ cho rằng, dẫu có chuyện gì xảy ra đi nữa, trên đời như thế là từ nay anh có một người anh có thể tuyệt đối tin cậy, và một nơi anh có thể trở về khi chiến tranh chấm dứt, như trở về với những người trong gia đình vậy. Anh có cảm tưởng rằng người viết thư cho anh là một cô Onga đã hoàn toàn biến đổi. Khi anh nhìn ảnh nàng, anh tưởng đâu như chỉ một luồng gió là đủ để tung nàng lên trời với tà áo hoa nàng bận, như những bó hoa nhẹ như không khí mà chỉ một hơi thở khẽ sẽ

phân tán ra bốn phương. Viết thư cho anh quả thực là một người phụ nữ đang yêu anh tha thiết và đau khổ vì chẳng được gần gũi người yêu. Anh thấy thế vừa sung sướng vừa lo lắng. Sung sướng ngoài ý muốn của anh, còn lo lắng vì anh thấy mình không có quyền hưởng một mối tình như thế, không xứng với một tấm lòng chân thành như thế. Anh, thì anh không dám thú thật để nàng biết trong bức thư đầu tiên rằng anh không còn là trang thanh niên tráng kiện, mặt mày giống như người Bêôm thời trước, mà nay chỉ còn là một người què quặt như ông già Acasa mà thôi. Anh không dám viết sự thực làm cho mẹ anh đang ốm, đau buồn có thể chết vì tin dữ dội đó, vì vậy ngày nay anh phải nói dối Onga trong một bức thư và càng ngày càng phải đi sâu nhiều hơn nữa trong màng lưới những câu nói dối của mình.

Cho nên những thư từ Kamisin gửi tới cho anh, gợi trong lòng anh những tình cảm mâu thuẫn: vui có, buồn có vừa lo lắng vừa hy vọng. Thư vừa khiến anh hân hoan vừa khiến anh khổ cực. Anh đành cứ bắt buộc phải sáng tạo ra mãi những câu chuyện dối trá mới. Nhưng anh không thể làm như thế, nên thư anh gửi Onga thành ra cứ ngày càng ngắn và khô khan.

Viết cho cô "Đội thiên văn" dễ hơn. Tâm hồn cô đơn giản, nhưng thẳng thắn và tha thiết. Trong một

lúc tuyệt vọng, vừa sau khi anh bị cưa chân, thấy cần ngỏ với một ai nỗi lòng buồn khổ của mình, anh đã viết cho cô một bức thư dài trong đó anh toàn tả những nỗi niềm đau đớn. Không lâu, anh nhận được thư trả lời, thư viết trên một tờ vở, chen kín bằng một lối chữ uốn éo, với đầy những chấm than và những giọt nước mắt làm lem nhiều dòng chữ trong thư. Cô viết rằng nếu không vì kỷ luật quân sự thì cô đã bỏ tất cả ra đi để săn sóc anh và chia sớt những nỗi đau buồn với anh. Cô yêu cầu anh viết thư nhiều hơn nữa cho cô. Thư đó của cô chứa chan tình cảm ngây thơ, son trẻ, khiến anh hối hận vì đã nói dối cô khi cô đưa cho anh thư của Onga, hỏi thư của ai, anh lại nói là thư của em gái. Không có quyền lừa dối một người chân thực như thế được. Anh liền viết thư nói thẳng thắng với cô rằng anh đã có một vị hôn thê ở Kamisin và anh không dám cho mẹ anh và Onga biết tai họa đã xảy ra cho anh.

Trong một thời gian ngắn lạ thường. Thư trả lời của cô "Đội thiên văn" đến. Cô cho biết cô đã đưa thư của cô gửi anh qua tay một viên thiếu tá phóng viên mặt trận đưa hộ, người này mới chuyển sang đơn vị và tỏ ý yêu cô. Nhưng cô không thèm để ý tới mặc dù anh là một thanh niên vui vẻ và dễ thương. Thấy rõ, qua lá thư lần này của cô là cô buồn và tủi. Cô cố giấu, nhưng người đọc nhận ra ngay. Cô trách tại sao

anh không nói thực và xin anh từ nay cứ coi cô như một người bạn gái. Cuối thư, mấy dòng viết thêm bằng chì, cô thêm rằng đồng chí "trung úy" đừng quên cô, "trung úy" có thể tin tưởng ở tình bạn vững chắc của cô, và nếu cô thiếu nữ ở Kamisin có thay đổi tình cảm (biết đâu chừng các cô gái ở hậu phương ấy) hay nếu cô ấy thôi yêu hoặc sợ không dám lấy anh. Thì anh đừng quên "Đội thiên văn" nhé. Cô dặn dù sao, anh cũng phải luôn luôn nói hết sự thực. Kèm theo thư này, cô gửi cho anh gói nhỏ đựng mấy tấm khăn tay bằng lụa dù, có thêu chữ đầu tên anh, một hộp đựng thuốc hút trên vẽ hình một phi cơ đang vút bay, một cái lược, một chai dầu thơm Côlôn hiệu "Mộclan" và một miếng xà phòng thơm. Alếchxây hiểu biết tất cả giá trị của những thứ ấy đối với các cô thiếu nữ phục vụ trong quân đội lúc khó khăn này. Anh biết rằng một miếng xà phòng thơm, một ve dầu thơm Côlôn nhận được trong những ngày lễ đó là những đồ thường các cô giữ làm vật kỷ niệm để tưởng nhớ những lúc thanh bình. Càng hiểu giá trị của đồ tặng anh càng quý nó đặt trên bàn đầu giường, trong lòng tưng bừng vui nhưng không khỏi hơi bối rối.

Tuy nhiên khi anh đem nghị lực bình sinh ra tiến hành cuộc luyện tập với đôi cẳng đã bị cắt cụt, lòng hy vọng một ngày kia lại bay được, chiến đấu được, anh thấy mình đứng trong một cảnh nước đôi khó

chịu. Điều mà anh bối rối nhất là phải nói dối trong thư với Onga mà anh ngày càng thấy tha thiết yêu và lại đi nói chuyện tâm tình với một thiếu nữ mà anh chưa quen biết chi mấy.

Nhưng anh tự hứa với mình sẽ chỉ tỏ lộ tình yêu của mình với Onga khi nào đã thực hiện được điều anh mơ ước: có thể phục vụ trong quân đội, sau khi đã khắc phục được tàn tật của mình. Và viễn cảnh đó đã khuyến khích anh tiếp tục cố gắng, cố gắng một cách mê đắm nhất định đạt tới đích.

XI

Chính ủy mất ngày một tháng năm. Cái chết thực bất ngờ. Ngay sáng hôm đó, sau khi mặt đã rửa và đã chải đầu, anh cứ hỏi đi hỏi lại mãi chị hớt tóc: "Bữa nay trời tốt không? Mátscơva ngày lễ năm nay coi ra sao?"

Anh vui mừng vì được biết rằng đã phá những ụ vắt ngang các đường phố, nhưng anh lại tiếc vì trong ngày xuân kỳ diệu này, chan hòa ánh sáng, mà lại không có biểu tình tuần hành. Anh trêu ghẹo Cơlaođia Mikhailôna vì nhân ngày lễ, cô ra sức anh dũng đánh phấn che cho được những chấm tàn hương trên mặt. Anh có vẻ khỏe và mọi người hy vọng anh sẽ thoát khỏi chăng.

Từ khi anh không còn đọc được báo nữa, đã có đặt một bộ máy nghe riêng cho anh nghe tin tức. Gơvôđép biết sửa rađiô, anh đã thay đổi vài bộ phận làm cho bộ máy nghe vang lên nói và hát cho cả phòng cùng

nghe được. Hồi 9 giờ, tiếng người phát thanh bấy giờ cả thế giới đều nghe và biết, bắt đầu đọc bản nhật lệnh của Ủy viên nhân dân Bộ quốc phòng. Mọi người lặng im nghe, sợ sót mất từng tiếng, tai đều vểnh lên phía hai cái dĩa tròn đen treo trên tường. Mới vừa nghe câu: "Dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của Lê-nin vĩ đại, chúng ta hãy tiến tới thắng lợi". Nhưng ngay sau câu kết luận đó, cả phòng còn im phăng phắc trong một bầu không khí căng thẳng.

- Tôi muốn đồng chí chính ủy giải thích giùm cho một điều...

Cư-cúc-kin vừa bắt đầu lên tiếng hỏi, chợt bỗng rú lên một tiếng khủng khiếp:

- Đồng chí chính ủy...

Mọi người đổ dồn về phía chính ủy. Anh nằm ruỗi trên giường, rất thẳng, người cứng đờ, mặt nghiêm nghị, hai mắt trợn trừng ngó trân lên trần nhà. Trên khuôn mặt mệt mỏi và xám ngắt, vừa bình tĩnh trang trọng vừa uy nghiêm.

Cưcúckin quỳ gục xuống bên giường la lên:

- Anh đã chết rồi! Anh đã chết rồi!...

Cả phòng trở lên nhộn nhịp, những người hộ lý chạy tới tấp, chị y tá vừa tất tưởi chạy tới, vừa cái nút áo bờ-lu, y sĩ gác cũng chạy vụt tới. Chẳng cần chú ý

tới ai, giấu mặt dưới chăn như một đứa con nít và nức nở ầm ĩ khiến cả vai cả mình rung chuyển, anh Cưcúckin chẳng ưa ai và lúc nào cũng gây lộn, giờ đây đang gục trên ngực chính ủy đã mất mà khóc than...

Ngay chiều hôm đó, một người khác vô nằm nơi giường bỏ trống ở phòng 42. Đó là một phi công chiến đấu: thiếu tá Stơrúccốp, trong sư đoàn phi cơ có nhiệm vụ bảo vệ thủ đô. Trong ngày lễ, bọn phát xít quyết định tấn công một trận lớn vào Mátscơva bằng phi đội. Những đợt oanh tạc cơ của chúng họp thành từng bậc, bị chặn đánh, và sau một cuộc chiến đấu dữ dội, đã phải bỏ chạy ở trận tuyến Pốtxennétnôiê. Chỉ có một chiếc máy bay Iuncơ đã vượt được hàng rào phi đội và vụt lên tầng cao tiếp tục tiến tới phía thủ đô. Chắc hẳn là đoàn phi công đó đã quyết tâm, ra sao thì ra, nhất định hoàn thành nhiệm vụ để gây tang tóc thảm sầu trong ngày hội lớn đó. Xíttrucốp đã thấy chiếc máy bay này ngay đang khi hăng say chiến đấu, lập tức rượt theo. Anh cầm lái một trong số những máy bay chiến đấu Liên Xô tối tân mà không quân bắt đầu được cấp cho. Anh đã đuổi kịp phi cơ Đức ở trên cao khoảng 6.000 thước tại tận vùng ngoại ô. Anh bay rất khéo để tiến tới sát phía sau nó và kịp khi anh bắt được nó trong kính ngắm của anh, anh nổ cò. Anh ngạc nhiên hết sức không nghe thấy tiếng lạch tạch thường nghe thấy. Cò hư máy, không nổ.

Chiếc máy bay Đức bay ngay trước mặt anh. Stơrúccốp bay theo đúng trong khoảng máy bay địch không làm gì anh được. Máy bay anh nấp phía sau bộ phận đuôi của chiếc oanh tạc cơ, tránh được luồng lửa của hai khẩu súng liên thanh của nó chĩa về sau.

Bây giờ, trong ánh sáng buổi sáng tươi tắn tháng năm, Mátscơva là cả một vùng những cửa nhà xám chồng chất, bao phủ sương mù, đã lờ mờ hiện ra phía chân trời. Xíttrucốp không do dự: anh tháo dầu curoa cột anh với thân ghế, nâng nắp cửa máy bay lên và như để nhảy chồm tới máy bay Đức. Vừa bay cho sát kẻ thù, anh vừa tính cách chiến đấu. Trong một lúc, cả hai phi cơ bay sát nhau, cái trước sau như nối liền bằng một sợi dây vô hình. Stơrúccốp nhìn thấy rõ ràng, qua cái pháo đài lồng kính của chiếc máy bay Iuncơ cặp mắt của người sử dụng súng liên thanh Đức đang rình mò từng hành động của anh sẵn sàng chờ lúc chỉ một mẩu nhỏ của cánh máy bay anh lọt ra khỏi khoảng tử giác. Anh thấy được tên phát xít cáu tiết, giật bỏ mũ ra; rõ ràng anh thấy cả màu của tóc vàng ánh xõa từng đám dài trên trán y. Hai họng súng liên thanh nặng, đen ngòm, gắn liền, đợi chĩa vô anh và anh thấy nó chẳng khác những con thú rừng mình vì sốt ruột đang lúc rình mồi. Một lúc, Stơrúccốp có cảm giác như một người không khí giới đứng trước họng súng của quân cướp. Anh phải làm như những

người dũng cảm, nhưng không khí giới trong tay, trong trường hợp đó phải làm. Anh chồm tới kẻ thù, không phải bằng hai quả đấm, mà bằng cả một chiếc phi cơ; anh lấy chong chóng của máy bay đương xoay tròn loang loáng mà đâm bổ vào đuôi cánh máy bay Đức.

Anh chẳng nghe thấy tiếng hai máy bay đụng vào nhau nữa. Lập tức, người anh bị hất tung ra ngoài trời bởi một sức mạnh khổng lồ và quay tít trên không. Đất lộn qua đầu anh, rồi lại trở về chỗ bình thường phía dưới anh và phóng tới phía anh, xanh và óng ánh vàng. Anh liền bấm nút dù, nhưng trước khi anh bất tỉnh, anh giật trên dây dù, anh cũng đã nhìn thấy chiếc IunCơlaođia Mikhailôna, đuôi bị gẫy, đảo như chiếc lá khô, quay cuồng trong trận gió thu, rớt xuống thiệt lẹ và vượt qua anh, không cục cựa lơ lửng trên không. Anh chạm mạnh xuống mái một căn nhà và rớt xuống một đường phố ở vùng ngoại ô, mà ở đó nhân dân đang làm lễ, đang dịp từ dưới đất mục kích cuộc xung kích oai hùng của anh. Anh được nâng lên, bồng vô một nhà gần đấy. Người bu lại đen nghịt đến nỗi thầy thuốc lách mình hồi lâu mới vô tới chỗ. Anh bị giập gẫy xương đầu gối khi anh rớt đụng mái nhà.

Tin thắng trận huy hoàng của thiếu tá Stơrúccốp đã được lập tức phát thanh ngay trong một bản thông tin đặc biệt. Chủ tịch Xô-viết Mátscơva đã đích thân

đưa phi công vô bệnh viện tốt nhất thủ đô. Và khi Stơrúccốp vô tới phòng thì mấy chị y tá đem theo bông cùng những giỏ trái cây và những hộp kẹo bánh, những món quà của nhân dân muốn tỏ lòng biết ơn của mình.

Anh là một người vui tính, dễ thông cảm. Mới vô bệnh viện, Anh đã hỏi các bạn cùng phòng xem tình hình "nhét mõm" trong đó ra sao? Kỷ luật nhà thương có nghiêm không và các cô y tá có đẹp không? Khi thay băng cho anh, anh đã tìm cách kể được một câu chuyện vui cho Cơlaođia Mikhailôna nghe, về đề tài nói mãi cũng không bao giờ hết, về quản trị trong quân đội X. Anh lại còn kiếm được một câu bay bướm khá bạo để khen ngợi thân hình cô y tá. Khi cô y tá đi ra, anh nhíu mắt nhìn theo và nói:

- Kháu đấy! Không biết cô có nghiêm không? Tớ đoán rằng tất cả các cậu đều hoảng với cô. Nhưng đừng có sợ, có lúc nào các cậu được học những bài học về chiến thuật không hả? Đàn bà lạnh như tiền ấy à? Chả có đâu. Y như những đồn lũy mà nói là không thể nào chiếm nổi ấy mà!

Nói xong, anh cười hể hả. Chẳng bao lâu điệu bộ anh đã là điệu bộ của người quen thuộc từ lâu, làm như anh đã ở trong bệnh viện cả năm rồi. Anh kêu mày tao với cả mọi người trong phòng, và khi phải xì

mũi, anh chẳng ngần ngại gì, cứ đưa tay quơ đại cái mù xoa ở trên bàn đầu giường Mêrétxép, cái mùi xoa may bằng lụa dù, do cô "đội thiên văn" mất bao công phu thêu tặng.

Anh nháy mắt, nhét khăn mùi xoa xuống dưới gối và hỏi Mêrétxép:

- Phải con bạn xinh xinh gởi cho mày không? Thế là đủ rồi chú nó ạ! Và nếu mày cho là chưa đủ, thì bảo nó thêu cho chiếc khác, và được thế là nó thích.

Tuy đoán được rằng, dưới lần da rám nắng, má Stơrúccốp đỏ hồng hào, nhưng anh không phải là người còn trẻ lắm. Những vết nhăn như da chân ngỗng đã hiện sâu nơi thái dương, từ hai bên đuôi mắt. Ở anh, cái gì cũng nổi rõ lên rằng anh là một nhà binh lâu lắm rồi, quen ở đâu cũng như ở nhà, cứ đến là tự nhiên xếp được gói đồ, miếng xà phòng rửa mặt và cái bàn chải đánh răng.

Anh đã đem vô phòng một không khí cười đùa vui nhộn. Anh làm chẳng ai phiền về những cử chỉ của anh, trái lại tiếp xúc với anh, ai nấy có cảm tưởng như gặp lại một người bạn quen đã lâu rồi. Duy chỉ có một điều mà Mêrétxép không thích ở anh là ở chỗ anh quá ưa phụ nữ, mà anh cũng không hề giấu giếm điều đó, cứ bô lô ba la nói về chuyện đó suốt ngày.

Hôm sau, đưa đám chính ủy, Mêrétxép, Cưcúckin

và Gơvôđép đều leo lên thành cửa sổ phía sân. Mấy con ngựa pháo binh nặng nề kéo một cỗ xe thường dùng để chở đại bác, tiến sâu vào sân. Một đội quân nhạc, với những nhạc cụ bằng đồng sáng loáng trong ánh nắng đã sẵn sàng và một đội danh dự đã bước nhịp đều tiến tới. Cơlaođia Mikhailôna vô phòng và không cho ai được ngồi trên thành cửa sổ. Cũng như mọi lần, chị bình tĩnh và cương quyết. Nhưng Mêrétxép cảm thấy có cái gì thay đổi trong giọng nói của chị, run run và tan gãy. Cô đến lấy nhiệt độ cho người bệnh mới. Vừa lúc đó, đội nhạc cử một bài tử sĩ ca. Cô y tá tái xanh mặt, tay cô buông rơi ống thủy và những giọt thủy ngân tung tóe trên mặt sàn gác. Hai tay ôm mặt, Cơlaođia Mikhailôna chạy ra khỏi phòng.

Quay mặt ra cửa sổ, nơi kèn của đội âm nhạc từng tiếng một chậm rãi vọng vô, Stơrúccốp hỏi:

- Con bé nó sao vậy? Đang đem nhân tình nó đi...

Chẳng ai trả lời. Nghiêng mình trên cửa sổ, mọi người đều nhìn ra đường phố, nơi cỗ quan tài phủ cờ đỏ đặt trên cỗ xe vừa chầm chậm tiến ra. Thi hài của chính ủy được phủ đầy hoa lá. Sau linh cữu, các huy chương của anh gài trên cái gối được mang theo. Nhiều viên tướng bước theo quan tài, đầu cúi thấp. Trong số đó có Vátxili Vaxiliêvít, cũng bận phục tướng, nhưng đầu trần. Sau các viên tướng, hơi tách riêng ra, đi

trước bộ đội danh dự rập đều chân, là Cơlaođia Mikhailôna tóc xõa, mặc áo bờ-lu trắng, mỗi bước đi chân vấp, như mắt không muốn thấy gì.

Khi chị vừa bước khỏi thì có người liệng cái áo choàng trên vai chị, nhưng chị vẫn cứ tiếp tục đi. Áo choàng tụt dần, rồi rớt xuống đất. Bộ đội đi sau tránh ra hai bên để khỏi đạp lên chiếc áo.

Thiếu tá hỏi:

- Này anh em! Chôn ai đó?

Anh vươn mình lên định nhìn qua cửa sổ, nhưng chân anh đang bị bó trong ống và trong bột không thể nhấc lên nổi. Đám tang đi đã xa, chỉ còn nghe tiếng nhạc bi ai từ xa thùng thình trang trọng lăn trên mặt sông và dội vào nhà cửa dọc bến tàu. Người gác cổng lò cò đi ra khép cánh cửa sắt lại. Nhưng các thương binh phòng 42 vẫn ở lại gần cửa sổ, tiễn đưa chính ủy trong cuộc du hành cuối cùng.

Thiếu tá vẫn nhướng mình lên gần cửa sổ, nóng ruột hỏi.

- Chôn ai đó mới được chứ? Tụi bay là khúc cây cả sao mà chẳng trả lời thế này?

Với một giọng nói ồ ồ, khàn khàn và như từ đáy hang hốc gì đưa tới. Cuối cùng, Cưcúckin lên tiếng trả lời:

- Chôn ai ấy à? Một người chân chính... một người bônsêvích...

Mêrétxép nhớ mãi mấy tiếng: "Một người chân chính". Không thể kiếm được lời nào hơn để chỉ chính ủy. Và Alếchxây từ nay có một điều ham muốn ám ảnh, là muốn trở thành một người chân chính y như người bữa nay vừa được đưa tới nơi ngàn thu an nghỉ.

XII

Sau khi chính ủy mất, cách sống trong phòng có thay đổi.

Không còn ai có thể, bằng tiếng nói đến tự đáy lòng, phá tan sự yên lặng có khi đè nặng các phòng bệnh viện khi mọi người bỗng nhiên tự dìm mình vào nỗi lo buồn riêng, mặc cho sầu não lôi cuốn. Không còn ai giúp, Gơvơđép vui lên bằng một câu đùa những khi anh ngao ngán, hướng dẫn Mêrétxép và nhắc chừng anh Cưcúckin khó tính đủ khéo léo mềm dẻo để cho anh đừng phật ý. Không còn ai làm trung tâm đoàn kết để hợp thành một khối thống nhất bấy nhiêu người rất khác biệt về tâm tính.

Nói cho đúng, lúc này anh em cũng ít cần những chuyện đó. Sự săn sóc của nhà thương và thời gian đã làm được nhiệm vụ của mình. Ai cũng mạnh khỏe ra rõ rệt và thấy trước lúc mình ra khỏi bệnh viện thì ai

nấy cũng bớt nghĩ về tật bệnh của mình. Ai nấy mơ tưởng tới những cái gì chờ họ ở phía ngoài những bức vách bệnh viện, tới sự đón tiếp ở đơn vị cũ, tới những nhiệm vụ sẽ được giao cho. Mọi người đều nhớ tới cuộc đời lính tráng của mình, mọi người đều muốn tham dự cuộc tấn công mới mà các báo chưa nói đả động gì tới nữa như nó đã lơ lửng trong không khí, ai nấy đều đoán trước được như một cơn giông mà ta thấy được trong cái bình tĩnh trên báo đương thấy ở trên khắp các mặt trận. Trở lại chiến đấu sau một thời gian chữa chạy ở bệnh viện là một việc thông thường đối với một chiến sĩ. Việc thông thường đó không đặt thành vấn đề gì hết đối với ai, trừ đối với Mêrétxép. Anh có thể nhờ sự khéo léo và sự rèn luyện của mình thay thế cho cặp giò đã cụt không?

Anh theo đuổi mục đích mà anh tự đặt ra cho mình với một lòng say mê ngày càng sôi nổi. Cứ mỗi ngày thêm một số phút mãi, những cuộc tập chân, và tập toàn diện của anh đã cuối cùng kéo dài tới hai giờ mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều. Theo anh nghĩ, như vậy còn là ít. Anh lại thêm một buổi tập nữa sau bữa ăn. Thiếu tá Stơrúccốp đưa cặp mắt chế giễu nhìn theo anh, không quên làm như báo trò vui:

- Bây giờ mời đồng bào coi một nhân vật kỳ lạ: thầy đại phù thủy Alếchxây Mêrétxép, của quý duy

nhất của rừng rú Xibêri, biểu diễn nghề riêng.

Thực tế, trong những động tác mà Alếchxây tự bắt mình phải làm, có cái gì giống với cái mê say của bọn thầy phù thủy. Thấy anh thực tập là nao lòng: nào đưa đưa đẩy đẩy mãi không thôi, nào xoay tròn mình một cách đều đặn, nào quay cổ và quay tay, mọi động tác anh đều ra sức làm đều đều như chiếc đồng hồ đo âm thanh. Trong những lúc anh tập, những đồng chí của anh đã đi lại được đều bỏ đi ra ngoài hàng ba đi vơ vẩn. Chỉ có Stơrúccốp bị đóng lạnh vào giường, thì anh trùm mền kín đầu và ráng ngủ êm. Tất nhiên, cả phòng ai cũng tin rằng không tài nào lái phi cơ được với cặp giò đã cụt, nhưng trước quyết tâm của người đồng chí, mọi người đều phải kính trọng và muôn nghìn lời đùa giỡn thực ra chỉ che giấu sự cảm phục đối với anh.

Lúc đầu, xương đầu gối của thiếu tá Stơrúccốp bị gãy tưởng nhẹ thôi, nhưng hiện nay thấy thực ra nghiêm trọng hơn là mọi người tưởng. Phải bó bột cho chân anh, và khỏi thì chắc hẳn là khỏi rồi, nhưng không phải là việc mau lẹ được. Anh thiếu tá, cằn nhằn đủ giọng chửi bới chân anh. Bất cứ chỉ một chuyện chẳng ra gì anh cũng cáu tiết và la rầy khắp mọi người được. Trong những lúc đó, anh muốn đánh lộn với bất cứ ai định cãi lý với anh. Anh em thấy thế

đều như đã thầm dặn nhau là đừng làm chi phiền anh, mặc kệ anh, để cho anh "bắn cho hết đạn", như chính anh thường nói, rồi tính vui vẻ tự nhiên của anh nó sẽ trở lại.

Scơrúccốp cắt nghĩa rằng có hai điều làm cho anh bực nhất là không được hút thuốc dù chỉ là một điếu thôi ở trong buồng xí và không được ra ngoài hàng ba nói chuyện tí chút với cô bé y tá tóc hung mà anh đã liếc mắt đưa tình khi đưa anh sang bên phòng mổ thay băng. Có lẽ điều đó có phần nào đúng, nhưng Mêrétxép thì chú ý thấy thiếu tá nổi sung lên mỗi lần, qua kính cửa sổ, anh thấy máy bay liệng trên không phận Mátscơva hay nghe đài hoặc đọc báo, anh thấy tin một cuộc chiến đấu với máy bay giặc hoặc thành tích của một phi công mà anh quen thuộc. Chính Mêrétxép cũng phát bẳng nhằm những lúc đó. Nhưng anh không biểu lộ gì hết, và so sánh mình với Stơrúccốp, thì anh thấy tự hào trong lòng. Anh cảm thấy như anh đã tiến lại được gần hơn con "người chân chính" mà anh cố học theo.

Thiếu tá Stơrúccốp thì vẫn cứ giữ nguyên bản chất của mình. Anh ăn nhiều, cứ suốt ngày hể hả vì bất cứ chuyện gì và ưa kể những chuyện phụ nữ, vừa kể vừa chưng ra là anh thích gái đẹp đồng thời lại khinh ghét đàn bà. Anh đặc biệt khinh khi những phụ nữ

không ở tiền tuyến.

Mêrétxép thấy khó chịu đối với những câu chuyện này của Stơrúccốp. Khi nghe kể chuyện, anh thường nghĩ tới Onga hay là chuyện cô gái ở đài thiên văn mà mọi người ở trong đoàn thể đều kể chuyện lại là đã dùng báng súng tống cổ một viên thượng sĩ ra khỏi căn nhà cô ở mặt trận, vì anh này đã nói chuyện trây với cô và hơn nữa, chỉ suýt nữa là tặng cho thượng sĩ này một phát súng. Alếchxây có cảm tưởng là thiếu tá Stơrúccốp phỉ báng những phụ nữ hạng ấy. Một hôm anh này lại cũng kể một câu chuyện loại đó và kết luận giống hệt như thường lệ bằng câu: "con nào cũng thế cả thôi" và bất cứ là con nào cũng có thể chinh phục được trong khoảnh khắc, Mêrétxép, không chịu nổi nữa, anh nghiến răng lại, mạnh đến nỗi mặt tái mét đi và hỏi:

- Bất cứ là một cô gái nào ư?

Stơrúccốp bình tĩnh trả lời:

- Bất cứ con nào!

Cơlaođia Mikhailôna bước vô phòng, và chị rất ngạc nhiên thấy không khí căng trong phòng, biểu lộ trên nét mặt thương binh. Chị vừa theo thói quen thường vén mớ tóc lòa xòa dưới mũ vừa hỏi:

- Có việc gì thế các đồng chí?

Thiếu tá tươi cười rạng rỡ trả lời:

- Nói chuyện đời đó thôi. Bọn già chúng tôi thế đó: nói chuyện tếu chứ có biết làm gì nữa đâu!

Khi cô y tá ra rồi, Mêrétxép lấy thế tấn công hỏi lại:

- Cô này cũng như bất cứ cô nào hả?

- Mày tưởng nó khác người lắm sao?

Gơvơđép nghiêm nghị nói:

- Để cho Cơlaođia Mikhailôna được yên ổn. Có người cũ trong bọn chúng ta thường gọi cô ấy là "cô tiên Xô-viết" hiền hậu của chúng ta đấy!

- Đứa nào dám cá nào?

Mêrétxép mắt đen lóng lánh lên vì tức giận, la lớn:

- Đánh cá à? Mày định cá cái gì?

- Một viên đạn súng lục, nếu mày cũng muốn, y như bọn sĩ quan thời trước: nếu mày thắng, tao để cho mày hạ tao và nếu tao thắng, mày phải để tao bắn. Stơrúccốp vừa cười vừa nói, cố để chuyện trở thành rỡn cợt.

Mêrétxép bực tức quát lên:

- Đánh cá? Chuyện thế mà cũng cá được! Mày quên mày là sĩ quan Xô-viết rồi sao? Thôi, bây giờ nếu mày

có lý tao cho mày nhổ nước miếng vào mặt tao, nhưng cẩn thận, cuối cùng tao sẽ nhổ vào mặt mày cho coi!

- Nếu mày không dám cá, thì thôi cũng được. Chả cần phải nổi nóng vô ích! Riêng tao, các bạn ơi! Tao chẳng cần thế cũng sẽ làm cho tụi mày thấy chả cần phải ầm ĩ lên thế vì một mụ đàn bà!

Từ hôm đó, Stơrúccốp tỏ vẻ săn đón vô cùng đối với chị Cơlaođia Mikhailôna. Anh kể những chuyện vui, và về những chuyện này thì anh rất thạo. Bất chấp tập quán của phi công là không ca tụng những chiến công của mình trước kẻ khác, anh kể hết những câu chuyện đã xảy ra trong đời anh cho cô nghe, và quả thực đời anh đầy rẫy những chuyện lý thú. Hơn nữa, anh lại còn cố bịa ra những chuyện gia đình anh nói là bị xấu số, và tự than thấy cô độc một mình, nghe ai oán lắm, tuy rằng cả phòng ai cũng biết rằng thiếu tá chưa có vợ và anh chẳng có gì đáng tội nghiệp cả.

Cơlaođia Mikhailôna, tuy đối xử với anh cũng như với mọi người, cũng đôi lúc đến ngồi mép giường anh để nghe kể chuyện chiến đấu của anh, khi đó anh giả bộ như vô tình nắm tay cô, mà cô thì không chú ý cũng không rút tay ra. Mêrétxép thấy vậy bừng bừng tức giận và cả phòng ai cũng khó chịu về thái độ của Stơrúccốp vì anh làm y như anh ra sức thắng trong

một cuộc đánh cá thiệt vậy. Các đồng chí đều dứt khoát buộc anh phải chấm dứt trò chơi đê tiện đó ngay và đang định can thiệp một cách cương quyết thì bỗng nhiên sự việc đã thay đổi bất ngờ.

Một buổi chiều, đến phiên gác của mình Cơlaođia Mikhailôna vô phòng số 42, không phải vì công tác, mà chỉ để chuyện trò đôi chút theo một thói quen của chị đã khiến cho chị được cảm tình của tất cả các thương binh. Thiếu tá bèn kể một câu chuyện và chị lại ngồi cạnh giường anh. Sau đó thế nào, không ai thấy hết, nhưng mọi người đều quay cổ lại vừa vùng đứng lên. Cô tức giận: đôi lông mày dựng ngược phía trán, hai má đỏ bừng, cô nhìn thẳng vô mặt Stơrúccốp trong lúc anh này bối rối và gần như lo sợ.

- Đồng chí thiếu tá! Nếu anh không phải là thương binh và nếu tôi không phải là y tá, thì tôi đã bạt tai anh rồi.

- Không, không! Có gì đâu... Chị Cơlaođia Mikhailôna. Tôi cam đoan, tôi đâu có định... Chỉ giỡn thôi mà...

- À đó là giỡn ư? Cô nhìn anh với cặp mắt không phải là tức giận như hồi nãy nữa mà là khinh bỉ. Rồi cô tiếp:

- Được, như vậy thì tôi không cần nói gì với anh nữa. Này nghe nhá! Các đồng chí của anh làm chứng

đấy nhé: tôi xin từ nay anh chỉ nói gì với tôi về công tác, mỗi khi anh cần tôi săn sóc bệnh cho anh thôi đấy! Thôi chào tất cả các đồng chí ngủ ngon!

Và cô bước ra, bước đi nặng nề khác hẳn ngày thường. Chắc là cô đã ráng lắm mới giữ nổi bình tĩnh.

Cả phòng im lặng hồi lâu. Rồi Alếchxây phá lên cười đắc thắng và chế giễu. Và mọi người quay lại mắng thiếu tá:

- Cậu đã được thưởng với cấp bậc nhé!

Mêrétxép mắt long lên như lửa, tỏ vẻ lễ phép hỏi.

- Đồng chí thiếu tá, xin phép đồng chí cho tôi nhổ nước miếng ngay bây giờ hay chờ lát nữa ạ?

Stơrúccốp bẽn lẽn. Nhưng anh không muốn nhận sự thất bại, và công bố thực ra không tin tưởng chi lắm:

- Ố chào! Tấn công thất bại, nhưng không hề gì, ta bày lại cuộc khác!

Từ đó tới tối, Stơrúccốp không nói một câu nào, chỉ thổi sáo miệng thầm, đôi lúc lẩm bẩm "úi chào, úi chào" để chấm quãng những ý nghĩ miên man trong đầu anh.

Ít ngày sau câu chuyện đó, Constantin Cưcúckin được giấy ra bệnh viện. Anh ra đi bình thản, thấy vì

từ giã mọi người thì chỉ bô ba công bố , tống khứ tế, cút đâu thì cút. Anh ra đi thật là vô tình, nhưng anh cũng dặn dò Mêrétxép và chị y tá chú ý gửi giùm thư của má anh về đơn vị cho anh, đừng để lạc mất.

Mêrétxép dặn lại anh:

- Còn cậu viết thư cho biết cậu nhé! Cho biết được đón tiếp ra sao nhé!

- Viết cho cậu ấy à? Để làm gì vậy? Cậu ăn thua gì với mình hả? Uổng giấy thôi. Với lại có viết, thì đợi mà được cậu trả lời đấy!

- Thì tùy cậu đó!

Cưcúckin bước ra chắc cũng chẳng nghe thấy câu trả lời ấy nữa. Anh đã ra khỏi phòng bệnh, không ngoái cổ lại. Rồi anh qua khỏi cửa bệnh viện, và, cũng chẳng ngoái lại hơn, anh bước theo bờ sông, biến sau góc phố, dù anh biết hẳn hoi rằng, theo lệ thường, mọi người trong phòng lúc đó đều ra cửa sổ nhìn theo anh ra đi.

Tuy nói vậy anh cũng đã viết và viết khá sớm cho Alếchxây. Thư anh khô khan như một thư nhà buôn. Anh chỉ kể lại chuyện trung đoàn đón anh rất ân cần và nói thêm rằng trung đoàn bị thiệt hại nhiều trong những cuộc chiến đấu gần đây và rất vui khi thấy có những phi công có ít nhiều kinh nghiệm đến. Anh kể

tên những đồng chí bị thương và tử trận. Anh nói bạn bè không quên Mêrétxép; đồng chí chỉ huy trung đoàn mới được thăng chức thượng tá và khi nghe nói Alếchxây tập thể thao để trở về với nghề máy bay thì đồng chí ấy nói:

- "Mêrétxép sẽ trở về nghề được. Nó đã quyết định thì nó sẽ thành công!" Tham mưu trưởng cho rằng không làm được những chuyện không thể làm được, nhưng Thượng tá công bố trở lại với những người như Mêrétxép thì không có gì là không làm nổi. Alếchxây lại ngạc nhiên hơn nữa là thấy Cưcúckin viết mấy dòng nói về cô "đội thiên văn". Cưcúckin cho biết là cô đội ta hỏi thăm Mêrétxép dồn dập quá đến nỗi anh phải ra lệnh cho cô phải "Nghiêm, đằng sau quay".

Cuối thư, Cưcúckin cho biết rằng ngay hôm tới đơn vị anh đã bay hai lần, chân vẫn mạnh và trung đoàn sắp nhận thêm nhiều phi Cơlaođia Mikhailôna kiểu LA5. Đếchcharencô là người tiếp nhận các máy bay mới này, cho rằng so với máy bay này, tất cả các máy bay của Đức chỉ còn là những cái "thùng" hay những cái "soong".

XIII

Mùa hè đã đến sớm hơn thường khi. Những người ở trong phòng số 42 nhìn ra rặng cây bạch dương lá cành dày đặc và tươi sáng. Tiếng lá nghe xào xạc và như thì thầm từng hồi. Buổi chiều, bụi của đường phố phủ một lớp trên lá làm mất vẻ tươi sáng lúc ban mai.

Một buổi sáng mùa hè mát mẻ, trong sáng và vàng tươi, Cơlaođia Mikhailôna long trọng dẫn vô phòng một người đã trọng tuổi, mắt mang gọng kính sắt đã hư cột lại bằng ít dây. Mặc dù ông ta mặc một áo "bờ lu" trắng toát và ủi kỹ lưỡng, nhưng nhìn dáng điệu vẫn thấy được ông là một người thợ thủ công già. Ông đem tới một cái gói, bên ngoài bọc giẻ trắng, đặt ngay trước giường Mêrétxép. Thận trọng từng chút, và bằng những cử chỉ rất trang trọng như người làm ảo thuật, ông bắt đầu mở gói đó ra. Tiếng da mới

thuộc rin rít kêu dưới tay ông và một mùi thơm dễ chịu tỏa ra khắp phòng. Đó là một cặp chân giả mới nguyên màu vàng, còn kẽo kẹt, đặt làm riêng cho Mêrétxép. Hai chân giả này có mang giày mới thật đẹp, do quân nhu cấp phát - điều đó đã làm cho người thợ tự hào không phải ít. Đôi giày đi vừa chân đến nỗi có thể có cảm giác như hai chân thiệt xỏ vô giày.

Người thợ ngắm nghía tác khảm của mình qua phía trên cặp mục kỉnh, nói :

- Với đôi giày này, anh có thể đi dự tiệc cưới được đấy!

Ấy chính Vátxili Vaxiliêvít đã dặn tôi khi đặt làm cặp chân này: "Duiép, bác gắn làm cho cặp chân thật tốt, tốt hơn là chân thực đấy nhé!" Đó! Duiép đã làm xong đó! Nhưng chân giả thứ này là chỉ để cho Nga-hoàng xài.

Lòng Mêrétxép se lại khi thấy cặp chân giả. Máu trong người anh như muốn lạnh buốt đi, nhưng anh nóng lòng thử cặp chân giả và tập đi, đi một mình, nên đã nén được tất cả các tình cảm khác. Anh rút hai chân què của anh ra khỏi mền và giục ông thợ lắp thử giùm. Nhưng ông thợ, một người đã có dịp trong "thời kỳ hòa bình" làm một bộ chân giả cho một ông "hoàng" bị cụt chân lúc đua ngựa, ông thợ không thích nôn nóng kiểu đó. Ông tự mãn với tác phẩm của

mình, nên muốn kéo dài thời giờ vui thích. Ông lấy tay áo chùi cặp chân giả, dùng móng tay cậy một vết dơ, miệng thổi bụi trên da và kéo mép áo bơ-lu đánh bóng thêm một lần nữa. Rồi ông đặt nó xuống đất, chậm rãi xếp nùi giẻ lại bỏ túi.

Alếchxây ngồi trên giường nóng ruột :

- Lè lẹ một chút, bác ơi! Bác còn chờ chi thế?

Giờ đây anh nhìn chân cụt của anh với một cặp mắt mới. Anh thấy như đôi chút vừa lòng : bắp chân anh cứng rắn, và dưới làn da nâu có những bắp thịt mạnh mẽ, chứ không phải là mỡ như những cặp giò không cử động từ lâu. Đây chẳng khác như không phải là cặp giò cụt, mà là hai chân còn nguyên của một người đi bộ lão luyện. Đi nhiều và đi nhanh.

Ông già càu nhàu :

- Còn chờ chi? Còn chờ chi à? Chạy gấp quá có ích gì đâu. Vaxili Vaxiliêvít đã nói với tôi: "Duiép, phải làm trội hẳn hơn trước kia nhé! Vì trung úy, ông ta nói thế đấy, muốn bay với hai chân mà Duiép sẽ chế tạo cho anh ta chứ không phải với chân nào khác". Bây giờ thì đã xong rồi đấy. Bây giờ thì dùng đi. Có chân giả như thế này, thì không phải chỉ đi được mà thôi, mà còn đạp xe máy được, và khiêu vũ Penca được với các cô bé nho nhỏ nữa đấy nhé!

Ông đặt cẳng cụt phía mặt của Alếchxây vào ổ đầu chân giả có chèn nỉ dày và cột chặt dây cu-roa lên cẳng anh. Ông lùi lại để ngắm nghía tác phẩm của mình và chặc lưỡi:

- Đấy mới là thứ giấy đẹp nhất! Nó không bận vướng anh Chút nào cả phỏng. Nói thiệt, chứ anh tìm cả Mátscơva cũng không tìm được một người thợ nào như Duiép đâu! Duiép, bác ta có những ngón tay tiên.

Ông khéo léo lắp thêm một chân thứ hai. Và khi ông cột dây vừa xong thì Mêrétxép đã lanh lẹ và mạnh mẽ nhẩy ra khỏi giường. Đánh rầm một cái, Mêrétxép kêu gào lên đau đớn và ngã vật xuống, toàn thân như một khối thịt nằm dưới chân giường.

Ngạc nhiên, ông thợ già tuột mất cả cặp kính. Ông không ngờ khách hàng của ông lại vùng lên như vậy. Mêrétxép nằm sóng soài trên sàn, ngao ngán, thất vọng, hai chân giả xoạc hẳn ra hai bên. Mắt anh trông đờ đẫn, ngượng ngùng và lo sợ. Anh đã vỡ mộng rồi ư?

Cơlaođia Mikhailôna giơ hai tay lên trời và chạy vùng tới đỡ anh. Với ông thợ già, cô dìu Alếchxây lên giường. Anh tuyệt vọng, và nét buồn lo hiện rõ trên mặt anh.

Người thợ rầy rà:

- Nè! Chú bạn, đâu có làm như thế được! Đâu thế! Anh nhảy y như là đã lắp chân thiệt cho anh ấy! Chú bạn thân đừng thối chí, chớ tiu nghỉu mặt mày như thế! Có điều là bây giờ phải bắt đầu lại từ đầu, có thế thôi! Từ nay, chú mình phải quên đi, đừng nghĩ mình là một nhà binh nữa, mà chỉ là đứa con nít, rồi tập đi, lúc đầu phải có nạng, sau vịn vô tường, và sau nữa chống cái gậy. Không nên một lúc đã muốn làm được ngay tất cả mà phải lần lần từng chút, anh có cặp chân tốt thiệt, nhưng không phải là chân của anh. Có ai làm nổi cặp chân mà ba má anh đã làm cho anh hồi trước!

Nhảy một cái vô lối như thế đã làm cho hai chân đau nhói và nặng trĩu lại, nhưng anh vẫn muốn thử ngay lần nữa. Anh xin một cặp nạng bằng nhôm rất nhẹ. Anh chống đôi nạng xuống sàn, cặp chặt nệm ở đầu nạng dưới nách, và lần này thì chầm chậm, cẩn thận, anh dần lướt ra khỏi giường và đứng thẳng người. Đúng rồi: anh giống như đứa con nít không biết đi, nó tự đoán được rằng có thể đi được, nhưng rất sợ bước xa bức tường mà nó vịn. Cũng như đứa con nít lúc tập đi, cha mẹ nó phải cột khăn dưới nách để dìu đi, anh cũng được cô y tá và ông thợ dìu đi từng bước. Lúc đầu anh còn đứng một chỗ, khúc chân cụt đau nhói ở chỗ đè lên chân giả. Rồi còn chập chững anh kéo đưa

một cái nạng lên trước, cái kia sau, tì toàn thân lên nạng rồi kéo theo một cái cẳng trước , cái kia sau. Tiếng da thuộc kêu rin rít và hai tiếng nặng nề lộp cộp trên đất.

Ông thợ già lẩm bẩm:

- Được đó, được đó...

Anh bước thêm vài bước nữa, thận trọng từng chút. Nhưng anh phải cố gắng vô cùng, khiến từ giường ra cửa và trở vô giường chỉ có thế mà sao anh thấy mỏi mệt như một người vác một bao bột lên lầu. Khi anh trở về tới giường thì anh chỉ còn kịp vật mình xuống nằm sấp trên giường, mồ hôi nhễ nhại, không trở mình lại được nữa.

- Thế nào? Anh thấy cặp chân giả của tôi làm như thế nào? Nhờ Chúa, mới có một nhà nghệ sĩ như Duiép trên trái đất.

Ông thợ làm chân giả vừa nói một hơi dài, nói một cách lẩn thẩn, vừa tháo dây chính cu-roa để giải phóng cặp chân cụt của Alếchxây đã sưng lên. Ông nói nữa: Với cặp chân giả như thế này, anh có thể bay, có thể lên tới tận ông Trời. Thực là một công việc đáng là một công việc...

Mêrétxép lẩm nhẩm:

- Cám ơn, cám ơn bác lắm. Thực là một công trình xuất

sắc.

Ông thợ im lặng ngập ngừng như muốn hỏi thêm một câu nữa nhưng ngập ngừng không hỏi lại, hay như chờ người ta hỏi lại mình. Đoạn, ông thở dài thất vọng, bước lần ra cửa rồi chào mọi người:

- Vậy thì thôi, xin chào ạ! Cầu chúc các anh đều may mắn.

Stơrúccốp lớn tiếng gọi:

- Nè, nghệ sĩ, lấy cái này mà nhậu mừng cái chân giả của bác mà "chỉ có Nga hoàng mới được xài" chớ?

Nói rồi, anh nhét vào tay ông già một sấp tấm giấy bạc lớn.

Ông già vui vẻ hẳn lên trả lời:

- A! Cám ơn, cám ơn! Anh nói đúng đấy, phải đánh chén chứ!

Nói xong, ông cẩn thận thồn tiền vô túi và kéo áo bơ- lu lại, Đúng điệu bộ của người thợ thủ công khi xếp lại khăn tạp- để mặc khi làm việc:

- Cám ơn các anh, rồi đánh chén chứ! Nè, về cặp chân thì, lạy Chúa! Cứ tin cậy ở nó! Vaxili Vaxiliêvít thì nói riêng với tôi rằng: "Duiép, đây là một chuyện quan trọng, tôi tin ở bác đấy". Đã vậy thì anh có thể tin lời Duiép: là Dui- ép, thì có thể tin cậy được. Và có dịp gặp

Vaxili Vaxiliêvít, đừng quên nói giùm là rất vừa ý cặp chân này nhé!

Ông lui ra, chào mãi không thôi, và miệng vẫn nói lải nhải. Mêrétxép lại nằm xuống. Anh nhìn cặp chân mới, đặt ở đó, cạnh giường anh. Anh càng nhìn, càng thấy cặp chân làm khéo vừa chu đáo vừa nhẹ nhõm: có thể đi xe máy, khiêu vũ Penca, leo lên tận Chúa Trời. Anh nghĩ: "Mấy việc đó mình đều có thể làm được. Chắc chắn là có thể làm được".

Hôm đó, anh gửi cho Onga một lá thư dài, thiệt là vui, trong đó anh báo cho nàng biết công việc tiếp nhận máy bay gần xong rồi và nhờ sự giúp đỡ của cấp chỉ huy, có lẽ mùa xuân hay chậm nhất là mùa đông, anh sẽ được thôi cái công việc chán ngắt này ở hậu phương, lại trở ra mặt trận, về trung đoàn của anh, nơi đây các đồng chí đang chờ anh và rất nhớ anh.

Đấy là bức thư đầu tiên lời lẽ vui vẻ anh gửi cho nàng kể từ ngày anh gặp nạn lớn. Cũng là thư đầu tiên mà anh viết cho vị hôn thê trong đó anh nói luôn luôn nhớ tới nàng và rất mong ngày tái ngộ. Hơn nữa, anh còn tiến từ cái mức nói hở ra một cách kín đáo rằng sau chiến tranh, hai người có lẽ sẽ gặp được nhau, và nếu nàng không thay đổi ý kiến, thì hai người sẽ có thể chung sống với nhau. Anh đọc lại bức thư đó nhiều lần rồi anh thở dài, lấy bút gạc bỏ kỹ

lưỡng những dòng sau chót.

Anh cũng lại còn viết một lá thư giọng vui đùa cho cô "đội thiên văn" trong đó anh kể sự việc ngày đó của anh với thực nhiều chi tiết thú vị: anh tả những cái chân giả mà "Nga hoàng cũng chẳng có được như thế", tả lần tập đi thứ nhất của anh, cùng lời lẽ ba hoa của ông thợ già, và lại kể cả những dự kiến của anh đi xe máy, khiêu vũ, và bay lên bảy tầng trời. "Mọi người hãy chờ tôi nhé, và đừng quên nói với chỉ huy trưởng là nếu dọn cơ quan thì sắp cho tôi một chỗ ở đấy nhé". Vừa viết, anh vừa liếc xuống sàn. Cặp chân giả để thế nào mà thoạt nhìn, tưởng có một người nằm trốn dưới giường, thò ra hai chân có mang đôi ủng cực đẹp, vàng, mới. Alếchxây lén nhìn quanh mình thấy quả không có ai ngó anh, anh âu yếm vuốt ve cặp chân giả da lạnh ngắt và rin rít.

Có một nơi khác nữa mà chân giả "chỉ có Nga hoàng mới được xài" đã được thảo luận sôi nổi: đó là lớp đệ tam trường Đại học Y khoa. Các cô thiếu nữ bấy giờ chiếm đại đa số tuyệt đối trong lớp được Anhuta cho biết mọi tin tức sự việc của phòng 42. Cô rất hãnh diện vì người viết thư cho mình là thư của trung úy Gơvôđép gửi tới, không phải để cả cử tọa nghe, thì than ôi! Đều được lớn tiếng đọc chung cho mọi người cùng nghe. Có khi trích đọc, có khi đọc cả thư, chỉ

riêng trừ ít đoạn quá thân mật. Phần này phải nói rằng ngày càng tăng thêm trong thư từ ấy giữa hai người.

Các nữ sinh viên đệ tam Y khoa, và trước hết là Anhuta rất có cảm tình với anh Gơrigôri Gơvôđép anh hùng, không thích anh chàng Cưcúckin hay cáu kỉnh, khâm phục quyết tâm không gì thắng nổi của Mêrétxép và đau buồn như có sự đau buồn riêng khi biết tin chính ủy mất, vì Gơvôđép đã mô tả một cách mê say, khiến các cô đều kính yêu. Nhiều cô đã không ngăn được nước mắt khi nghe đọc bức thư kể rõ cái chết của con người hết sức kiên cường và yêu đời ấy.

Thư từ qua lại giữa bệnh viện và trường Đại học ngày càng nhiều. Những thanh niên này không bằng lòng với nhà bưu điện vì khi ấy không mau lắm. Trong một lá thư, Gơvôđép đã từng nhắc lại câu nói của chính ủy, vì những bức thư bấy giờ tới tay người nhận thư như những tia sáng của các ngôi sao xa xôi. Có khi người viết đã chết rồi mà lá thư vẫn còn chầm chậm đi mãi trên đường bưu điện để đem tới cho người nhận thư những lời về đời sống của một người đã chết từ lâu. Anhuta lúc nào cũng đầy sáng kiến, tìm cách gửi thư tiện hơn nhà bưu điện. Cô nhờ được một chị y tá già vừa làm việc ở y xá Đại học vừa làm việc ở bệnh viện của Vaxili Valixiêvít. Nhờ thế từ đó

trường Đại học được biết tin của phòng 42 chỉ chậm một hay hai ngày. Những bộ chân giả mà "chính Nga hoàng cũng chưa bao giờ được xài" đã làm cho nhà ăn của trường Đại học tranh luận sôi nổi về vấn đề Mêrétxép có bay được không. Các cô thảo luận hăng lắm. Dù mỗi người một ý, nhưng ai cũng có cảm tình đối với phi công. Các chị bi quan thì nêu lên hết những khó khăn, phức tạp của cuộc điều khiển máy bay săn giặc và cho rằng không thể nào được; các chị lạc quan thì cãi lại rằng với một con người đã vượt được phòng tuyến giặc bằng cách bò lê hai tuần lễ, bò qua biết bao đường dài, qua rừng, qua rậm, có trời biết dài bao nhiều cây số, thì việc gì cũng có thể làm được. Để dẫn chứng cho lập luận của mình, các chị nêu lên nhiều thí dụ rút ra từ lịch sử hay từ những cuốn sách các chị đã đọc.

Anhuta không nhảy vô những cuộc tranh luận như thế. Cô không chú ý nhiều đến cặp giò giả của anh phi công mà cô quen biết này. Mỗi khi rãnh rỗi, cô nghĩ ngay đến quan hệ giữa chính cô và Gơrigôri Gơvôđép, mà cô thấy ngày càng phức tạp. Lúc đầu, khi nghe câu chuyện bi đát của người sĩ quan anh hùng ấy, cô viết thư chỉ có ý để an ủi anh trong cơn tai biến mà thôi. Nhưng rồi lần lần đôi bên quen nhau, tuy chẳng thấy nhau, thì hình ảnh trừu tượng của người anh hùng chinh chiến lần lần nhường chỗ cho hình ảnh của một trang

thanh niên cụ thể, mà cô ngày càng nghĩ tới. Cô nhận thấy mình đã lo lắng và buồn rầu khi không nhận được thư của anh. Tình cảm mới đó làm cho cô vừa sung sướng lại vừa kinh hoàng. Phải chăng đó là tình yêu? Nhưng lẽ nào có thể yêu được một anh chàng chỉ mới biết bằng thư từ, chưa hề thấy mặt và nghe tiếng một lần? Còn thư của anh lái xe tăng thì lại cũng ngày càng chứa đựng nhiều đoạn mà cô không tiện đọc cho bạn bè nghe. Khi chính anh Gơvôđép, một ngày nọ thú thật rằng "tình cảm yêu đương bằng thư", như anh nói, đã xâm chiếm cõi lòng anh thì Anhuta cũng không còn hoài nghi gì được nữa rằng nàng đã yêu, không phải tình yêu trẻ con, thứ tình yêu của nữ sinh, nhưng đó là một mối tình thật sự. Cô có cảm giác rằng đời cô sẽ vô nghĩa, nếu những thư từ mà giờ đây cô đang nóng lòng chờ mong như thế sẽ không gửi tới nữa. Như thế là, không gặp nhau lần nào, mà cả hai đều để bộc lộ mối tình của mình. Sau khi có sự tỏ tình đó rồi, Gơvôđép thay đổi hẳn. Lời thư của anh ngày càng bối rối, lo lắng và băn khoăn ngại ngùng. Rồi anh thu hết can đảm, viết cho nàng rằng anh đang làm bậy, rằng hai người ngỏ lòng thương nhau mà không gặp nhau, nhưng chắc nàng sẽ không thể tưởng tượng được rằng những vết bỏng đã phá hoại mặt mũi anh đến thế nào, khiến anh không còn giống chút nào tấm hình chụp trước đây mà anh đã gửi cho nàng. Anh không muốn lừa gạt sự tin

cẩn của nàng và anh yêu cầu nàng đừng nói chi đến tình, đến cảm nữa, trước khi chính mắt nàng thấy anh, để biết rõ đối tượng của mình như thế nào.

Thiếu nữ bắt đầu buồn giận, rồi cô lo sợ. Cô giơ tấm hình ra coi: Một thanh niên lịch sự, đẹp trai đang nhìn cô. Anh có cái cằm bướng bỉnh, cái mũi thẳng vạch thực đẹp, râu mép xinh xinh trên đôi môi thanh tú. Vừa trân trân nhìn hình, cô vừa lẩm bẩm hỏi: "Thế bây giờ, anh ra sao, anh yêu của em?" Là thầy thuốc, cô hiểu rằng cháy bỏng khó lành, sẽ để lại những vết sẹo sâu và không tài nào xóa nổi. Cô nhìn lại giây phút trong tư tưởng pho tượng đắp mặt người bị bệnh lột da mặt cô thấy bày ở Viện bảo tàng cơ-thể-học. Mặt sần sùi những vạch dài và những bọng sưng xanh ngắt, môi nứt nẻ và bị rách, lông mày bị đục khoét và mi mắt đỏ lòm vì không còn mi nữa.

Nếu anh của mình cũng như thế? Nghĩ tới đó, cô kinh khủng, mặt tái xanh. Nhưng cô lại tự trấn tĩnh và nổi giận với chính mình... Vì nếu thật đã như thế thì đã sao nào? Anh đã tiếp tục chiến đấu trong một cái xe tăng bùng bùng bốc cháy. Anh đã bảo vệ tự do cho nàng, có thể học tập, bảo vệ danh dự và tính mạng cho nàng. Anh là một vị anh hùng dám hy sinh đời mình trong chiến đấu và đang sốt ruột muốn sớm trở về để lại hy sinh nữa.

Còn nàng, nàng đã làm gì cho cuộc chiến tranh? Nàng đã đào hầm, đã leo mái nhà để canh gác và hiện nay đang làm việc trong một bệnh viện tản cư. Công việc này có thể so sánh với thành tích của anh không? "Ta do dự như thế mà thôi cũng là không xứng đáng với anh ấy rồi!" Nàng tự nói với mình như thế để xua đuổi một cách chật vật hình ảnh của người bị bệnh lột da, mặt mày tan nát, trông không còn ra mặt.

Hôm đó, nàng viết một thư dài và âu yếm nhất từ trước đến nay, Gơvôđép nhận thư đâu có hiểu gì về những do dự của nàng. Anh đọc đi đọc lại mãi những hàng chữ trong bức thư dịu dàng nhường ấy trả lời cho những lo âu của anh; anh lại còn cởi mở cả nỗi lòng với Stơrúccốp. Anh này nghe chuyện tỏ vẻ thông cảm vô cùng và trả lời:

- Đừng có lo gì nữa, chú lái xe tăng! Tục ngữ có câu: "Sắc đẹp không ăn được" và lúc này, mày biết không, đàn ông ấy à? Không cái gì thiếu bằng đâu nhé!

Câu nói đó thực chẳng làm cho Gơvôđép yên lòng chút nào. Gần đến ngày anh lấy giấy ra khỏi bệnh viện, anh càng thường soi gương, lúc đứng xa, mắt liếc nhìn mau vội, lướt qua, mặt mình trong gương, lúc đứng gần, gần vào gương bộ mặt dị hình của mình, và

ngắm nghía hàng giờ những vết cào xé mặt.

Anh nhờ Cơlaođia Mikhailôna mua kem và phấn cho anh. Chẳng bao lâu, anh biết rõ rằng không có một thứ đồ trang sức nào có thể che lấp những vết sẹo của anh. Nhưng đến đêm, khi mọi người đã ngủ, anh cũng vẫn dậy, rón rén vào phòng tiêu xoa bóp mãi không thôi những vết sẹo đỏ rực của anh, đánh phấn, rồi lại xoa bóp nữa, rồi soi gương với hy vọng đổi khác. Nhìn xa, anh có dáng người lắm: anh vạm vỡ to thớ, đùi mông thanh tú trên đôi cẳng thẳng và thon. Nhưng lại gần, thì sẹo đỏ lòm trên má và lên cằm làm vằn vìu và nhăn nheo cả da, khiến anh trông mà tuyệt vọng. Anh kinh hoàng tự hỏi: nàng thấy thế, thì nàng sẽ có cảm giác như thế nào? Nàng có thốt nhiên kinh ngạc vừa ngay khi thấy anh không? Nàng sẽ quay mặt, bước đi nhún vai khinh khi. Hay còn đau đớn hơn nữa, là nàng sẽ ở lại nói chuyện vài giờ chỉ vì lễ phép, nhưng toàn là những chuyện nhạt thếch, lạnh lùng, rồi nàng từ giã ra đi. Gơvơđép bàng hoàng, tái mặt đi vì bị sỉ nhục như vậy, y như vừa sống cảnh ấy rồi.

Anh lấy tấm hình của nàng ra coi, ngắm vầng trán cao, mái tóc quăn và bồng chảy lật ra sau gáy, mũi nhỏ, rộng và ngẩng lên, đặc điểm của người Nga, cùng cặp môi tươi tắn của nàng, giống như môi trẻ

thơ.Cặp môi trên của nàng, có một chấm nốt ruồi đen. Cặp mắt hơi nhô ra có lẽ là màu xám hay màu xanh. Cặp mắt đó nhìn thẳng mặt anh trông thật thà và thẳng thắn, trong bộ mặt nàng chan hòa một vẻ đẹp trong sáng và dịu hiền.

"Thực ý anh như thế nào, nói cho anh biết đi em! Anh có làm cho em sợ không nào? Có chắc em sẽ không chạy trốn khi thấy anh chăng? Em có can đảm không chú ý nhìn gương mặt dị hình của anh chăng?" Anh vừa nhìn hình vừa dò hỏi người trong hình.

Trong lúc đó thì ngoài hàng ba, lộp cộp tiếng nạng chống xuống sàn và ken két tiếng bộ chân giả đang bước đi; trung úy Mêrétxép đang đi đi lại lại không biết mệt mỏi. Một lần, hai lần, mười lần, hai mươi lần. Anh tập đi sáng và chiều theo đúng chương trình các động tác mà anh đã tự qui định, mỗi ngày lại đi nhiều hơn, nhiều hơn. Gơ-vơ-đép nhìn anh nghĩ: "Thực là dũng cảm! Cậu ấy quyết tâm đi tới đích với một ý chí bền bỉ và mạnh mẽ vô song. Chỉ trong một tuần, anh đã đi được khá quen bằng nạng. Người khác thì phải tập đến hàng tháng. Hôm qua anh không chịu nằm băng ca nữa. Anh đã tự tới phòng thay băng. Anh đã tự mình đi tới thay băng, do con đường có thang, khi đi cũng như khi về. Đau chảy nước mắt, nhưng anh vẫn rán chịu. Anh lại đã cự nự chị y tá định đỡ

anh và anh đã vui sướng nở mày nở mặt khi anh đã lên bậc thang được một mình, thực chẳng khác như anh đã trèo lên tới đỉnh núi Enbòru vậy".

Gơvơđép quay từ phía gương ra dõi theo Mêrétxép đang lanh lẹ đưa chân đi, đưa nạng đi. Bước nhanh lên nào! Mặt anh đẹp và dễ thương làm sao! Chiếc sẹo nhỏ cắt ngang một chân mày của Mêrétxép không làm cho anh xấu chút nào, trái lại tăng thêm phần nào vẻ đẹp của anh. Ôi chao, nếu mình, Gơvơđép, mình có bộ mặt như Mêrétxép nhỉ! Còn đôi chân thì có sao. Vì có ai thấy chân đâu; còn thì cứ tập thôi, là cuối cùng đi được, bay nữa cũng được. Nhưng bộ mặt thì khác! Bộ mặt giống như nửa cái củ cải bị nhấm nửa chừng, có thể nói ban đêm ma đã ra từng đàn nhảy múa làm dấu trên đó rồi chắc...

Alếchxây Mêrétxép sắp hoàn thành chặng thứ 23 buổi tập tối nay, từ đầu này tới đầu kia ngoài hàng ba, anh mệt mỏi vô cùng: mình anh khòm đi, đùi anh sưng lên đang nóng cháy, vai anh tỳ xuống nạng đã cứng hẳn ra. Khi đi qua chỗ Gơvơđép, anh liếc nhìn người lái xe tăng đang đứng trước gương: thực là kỳ cục! Tại sao anh cứ mân mê hoài bộ mặt anh như vậy? Tất nhiên, anh có định làm một ngôi sao hát bóng thì khó đấy, nhưng còn lái xe tăng thì lúc nào anh muốn là được thôi mà! Khổ cái quái gì. Mặt ấy ư? Miễn là

đầu còn nguyên, và còn đủ cả tay cùng chân thì được rồi. Cần là cần cặp giò, cặp giò thiệt to, chứ không phải cặp giò cụt ngắn đau nhức và nóng hổi giống như đặt không phải trên da thuộc, mà là trên sắt nung đỏ vậy.

Tốc tốc, két két, tốc tốc, két két...

Trung úy Mêrétxép cắn môi và cố dằn không để nước mắt trào ra khi anh đau quá, ráng đi chặng thứ 29 dọc theo hàng ba để hoàn thành đến cùng chương trình rèn luyện hàng ngày.

Giữa tháng sáu, Gơrigôri Gơvơđép rời bệnh viện về đơn vị. Một hai ngày trước, anh thảo luận rất lâu với Alếchxây. Hai chiến hữu gặp nạn sung sướng vô cùng vì thấy đời tư của mình cùng đều rắc rối. Hai anh, chẳng giấu giếm gì hết, kể cho nhau nghe tất cả những lo lắng băn khoăn của mình, kể hết những gì hai anh càng thấy khó giữ cho một mình mình biết, vì hai anh đều coi như danh dự của mình không cho phép được cởi mở với ai. Hai anh đưa cho nhau coi hình nhỏ chụp riêng đã nhầu nát và ngả màu vàng. Đó là bức ảnh mà anh đã tự chụp cho nàng trong ngày tháng sáu tươi đẹp nọ. Trời trong sáng, khi hai người cùng chạy chân không trên cỏ ấm áp của thảo nguyên nở hoa bên sông Vôn-ga. Mình thon thon như một cô gái nhỏ trong chiếc áo màu sặc sỡ, nàng ngồi

trên bãi cỏ: chân nàng xếp lại, một bó hoa đặt tản mác trong lòng. Giữa những bông cúc nhỏ đang nở, chính nàng cũng có vẻ là một bông cúc nhỏ trắng toát, tươi sáng và trong trẻo vô cùng trong sương sớm. Nàng vuốt ve hoa, đầu mơ màng nghiêng về một bên, mắt lớn ra vì một niềm vui tràn ngập, y như nàng mới tìm ra được vẻ đẹp của đời.

Chiến sĩ xe tăng nhìn tấm hình, và công bố rằng một cô gái như nàng không bao giờ bỏ.Và nếu nàng hất hủi anh, thì đó là một kẻ vứt đi! Và như thế có nghĩa là chúng ta đoán sai khi nhìn bên ngoài, và như thế thì thà rằng biết ngay là thực ra đó chỉ là một đứa gái hư đời... để chẳng gắn bó cuộc đời với họ...

Anhuta cũng làm cho Alếchxây vừa ý. Tuy không có dụng tâm, nhưng cũng nhắc lại với Gơvođép bằng một cách nói khác, đúng những câu mà Gơvođép đã vừa nói với anh. Tất nhiên câu chuyện ngây thơ kiểu đó không giải quyết gì được tình cảm của hai người, nhưng mỗi người cũng đều thấy khỏe hơn một chút, hình như mụn nhọt trong người vừa đã vỡ mủ rồi.

Anhuta đã kêu điện thoại hứa sẽ đi đón Gơvođép ở cửa nhà thương và hai bạn đều đồng ý với kế hoạch sau đây: Gơvođép sẽ đi cùng Anhuta qua trước cửa sổ phòng, và Alếchxây sẽ viết thư cho anh lái xe tăng, để anh biết ngay nhận xét của mình đối với nàng.

Còn Gơvơđép thì hứa về phần mình sẽ kể lại cho anh biết thái độ Anhuta đón tiếp anh thế nào, phản ứng của nàng thế nào trước bộ mặt bị phá hoại của anh, tóm lại, nói tình hình sự việc biến diễn thế nào. Mêrétxép nguyện: nếu việc của Gơrigôri êm đẹp thì anh sẽ viết thư nói thực mọi chuyện cho Onga, và chỉ dặn nàng đừng cho mẹ biết mẹ buồn, nhất là mẹ ốm, còn rất yếu và chỉ mới dậy thôi.

Vì thế, không hẹn mà cả hai đều mong mỏi chờ ngày anh lái xe tăng được ra khỏi bệnh viện. Hai anh thức suốt đêm vì thế, và cả hai đều lẻn ra ngoài hàng ba: Gơvơđép thoa sẹo trước gương một lần nữa, còn Mêrétxép thì lấy nùi giẻ cột vào đầu nạng để không có tiếng động trong đêm tối, tiếp tục tập đi.

Mười giờ sáng, Cơlaođia Mikhailôna, mỉm cười ranh mãnh, đến cho Gơvơđép biết có người chờ anh. Gơvơ- đép nhảy từ trên xuống như một trận gió. Mặt anh đỏ lên, đỏ bừng đến nỗi càng làm cho các vết sẹo nổi rõ hơn. Anh thu xếp đồ đạc xong rất mau.

Cô y tá vừa nhìn anh thu xếp quần áo, vừa mỉm cười nói:

- Khách là một cô đẹp lắm, rất đoan trang!

Gơvơđép tươi hẳn lên.

- Thực hả chị? Chị cũng vừa bụng với cô ta hả? Đẹp

thực à?

... Trong lúc bối rối, anh quên chào anh em, bước vội ra cửa.

Thiếu tá Stơrúccốp cằn nhằn :

- Thằng bé con nít quá. Nói làm sao, bào hao làm vậy!

Mấy lúc gần đây, anh chàng hết sức vô tư này đã thay đổi hẳn tính tình. Anh nằm êm, hay gắt gỏng vô lý; bây giờ anh đã bắt đầu ngồi dậy được, anh nhìn suốt ngày qua cửa sổ, hai má tì trên hai tay, chẳng thèm trò chuyện với ai cả.

Cả phòng: anh trung úy Mêrétxép và hai bệnh nhân mới đều ra cửa sổ để coi người đồng chí của mình đi ngoài phố. Thời tiết dịu mát. Trên trời, những cuộn mây bông viền chói lói màu vàng ối, cuồn cuộn bay, hình thù thay đổi mỗi lúc một khác. Lúc đó, trên con sông, một đám mây xám nhỏ tất tả bay qua, nhểu tả tơi trên con đường đi của nó những giọt nước mưa lớn long lanh ánh nắng. Trận mưa rào ấy làm cho đá lát bến sông lóng lánh và làm cho đường phố tráng nhựa lốm đốm những vệt lớn như đá hoa đêm. Trời dày đặt hơi nước ấm áp, làm cho ai cũng muốn thò đầu ra cửa sổ để cho nước mưa ve vuốt mặt.

Mêrétxép nói thầm:

- Anh chàng đã tới kia!

Cánh cửa gỗ sên nặng nề mở từ từ. Một cặp trai gái bước ra: một thiếu nữ mình tròn trặn, không đội mũ, tóc chải đơn giản, mặc một áo ngắn trắng tay ngắn, một duýp màu sẫm, và một thanh niên bộ đội mà lúc đầu chính Alếchxây không nhận ra đó là chiến sĩ xe tăng. Một tay xách va-li và trên cánh tay kia thì gác áo khoác ngoài, anh bước đi nhẹ nhàng uyển chuyển, rắn rỏi, khiến cứ trông anh đi là đủ thấy vui: Muốn thử sức mình, cái mừng rỡ không xiết được lại tự do cử động, anh nhảy qua mấy bậc thềm, nắm tay người yêu và cả hai đi tuốt dọc bờ sông dưới trận mưa lớn. Hai người tiến gần cửa sổ phòng và trông thấy hai người, trái tim Alếchxây nẩy lên vì sung sướng. Công việc tiến hành tốt: vẻ mặt thẳng thắn, giản dị và hiền từ của thiếu nữ như nàng quyết không thể thay lòng, đổi dạ vì người yêu gặp nạn.

Khi đi trước cửa sổ đôi trai gái dừng lại, ngẩng đầu nhìn lên. Hai anh chị đứng gần bức lũy thấp bằng đá cát bóng láng dưới mưa. Hình ảnh hai người nổi bật trước những giọt mưa đang nhểu xuống từ từ, và trên không những vạch sáng loáng.

Alếchxây bấy giờ nhận thấy vẻ băn khoăn, lo lắng trên mặt anh bạn lái xe tăng, và có Anhuta thì tuy cô vẫn dễ thương như trong hình, nhưng cũng ra dáng

bối rối hoang mang: tay nàng chỉ chạm vào cánh tay người chiến sĩ xe tăng và cử chỉ của nàng không vững chãi, do dự tưởng như nàng muốn sắp rút tay ra và bỏ chạy.

Cả giơ tay chào, miệng cười miễn cưỡng, rồi đi ra bến sông, và khuất dạng ở góc phố. Mọi người trở về giường mình, im lặng.

Trung úy nhận xét:

- Công việc của Gơvơđép không êm đẹp lắm đâu!

Nhưng anh nghe thấy tiếng gót giày của Cơlaođia Mikhailô- na, giật mình, và vội quay về phía cửa sổ.

Thời giờ còn lại cả ngày hôm đó, Alếchxây lo âu hết sức. Buổi chiều, anh buồn đến nỗi bỏ cả việc tập đi. Anh đi ngủ sớm hơn mọi người, nhưng khi các đồng chí trong phòng đã ngủ êm từ lâu thì lò xo giường anh vẫn kêu kẽo kẹt như bực rọc, khó chịu.

Sáng hôm sau khi y tá vừa tới cửa phòng, thì anh đã hỏi xem có thư cho anh không. Không có thư. Anh rửa mặt lấy lệ, ăn không ngon miệng, nhưng anh tập đi hăng hơn mọi ngày, và để trừng phạt tội lười biếng hôm qua, anh đi thêm 15 chặng nữa để gỡ lại thời gian bỏ phí mất hồi hôm. Kỷ lục bất ngờ này làm cho anh bớt sợ. Chứng cớ đã rõ là anh có thể dùng nạng đi phải chăng mà không đến nỗi quá mệt. Hàng ba

dài 15 thước, mà anh đã đi hết 45 lần. Như thế là anh đã đi được 2.250 thước nghĩa là hai cây số, thêm một phần tư nữa. Quãng đường đó dài đại khái bằng từ nhà ăn của sĩ quan tới phi trường. Anh ôn lại quãng đường mà anh đã thuộc lòng rồi: đi một dọc theo nhà thờ nông thôn cũ đã hư nát, rồi dọc theo một trường học đã bị cháy chỉ còn trơ lại sườn, trường cháy buồn rầu nhìn ra đường đi bằng những cửa sổ đen ngòm chẳng khác những con mắt hoắn sâu, vượt qua một lùm cây nhỏ, nơi giấu những thùng xăng, cơ quan chỉ huy bằng gỗ, nơi cô "đội thiên văn" làm phận sự của cô giữa đống bản đồ và giảng đồ của cô. Ấy là một mẩu đường khá là bộn đấy chứ, đất trời ơi!

Mêrétxép định nâng số chặng tập lên 46 lần, sáng 23 lần, chiều 23 lần, và ngay từ ngày hôm sau, thử tập đi không nạng xem sức mới của mình ra sao. Ý định đó phá tan cái buồn xịu của anh, làm cho anh lên tinh thần bằng cách khiến anh chăm chú đến những nhiệm vụ thực tế. Buổi chiều, anh lên đường tập, tập hăng lắm, hăng đến nỗi anh đi 30 lần lúc nào mà gần như không hay. Vừa lúc đó, người gác phòng giữ quần áo đến cản anh lại, đưa một lá thư. Anh cầm lấy bao thư nhỏ đề: "Gửi Trung úy Mêrétxép, đưa tận tay". Mấy chữ sau có gạch dưới 2 gạch, khiến anh không thích. Phía trên địa chỉ lại có ghi, cũng gạch dưới: "Thư riêng".

Alếchxây tựa vào bờ cửa sổ và xé bao thư: anh càng đọc thư, một lá thư dài mà Gơvơđép viết cho anh ở nhà ga trong ban đêm, thì mặt anh càng sầm tối lại.Gơvơđép cho biết rằng Anhuta quả như hai người đã tưởng tượng, có thể là khắp Mátscơva không có một cô gái nào đẹp hơn nàng, nàng tiếp đón anh như tiếp đón người thân thiết và anh càng thấy rằng là một cô gái rất đáng yêu.

"... Nhưng sự việc đã xảy ra đúng như chúng ta đã dự đoán. Cô ta rất dễ thương. Cô không nói gì với tôi và cũng không tỏ cho tôi thấy gì khác. Cô thiệt là hoàn toàn. Nhưng tôi đâu có mù mà không thấy rằng cái mõm ghê tởm của tôi đã làm cho cô sợ hãi. Tất cả mọi công chuyện đều có vẻ như êm đẹp, nhưng chỉ nhìn cô là tôi thấy rõ: cô nhìn tôi với cặp mắt trong đó tôi thấy có cả xấu hổ, sợ hãi và thương hại. Tôi không biết có cái gì đó... Cô có dẫn tôi vô trường Đại học. Đáng lẽ tôi không đi thì hơn. Các nữ sinh viên bao quanh tôi, nhìn tôi... Anh hãy nghĩ coi:họ đã biết rõ tất cả chúng mình, Anhuta đã kể không biết bao nhiêu chuyện về chúng mình... Và tôi thấy rõ là cô ta nhìn bạn với dáng điệu của một người phạm lỗi, như tỏ vẻ đã dẫn một người rất đáng kinh sợ như tôi vô trường. Nhưng một điều đặc biệt nhất, cậu Alếchxây thân ái ạ! Là nàng không để lộ ra ngoài cho thấy gì

hết. Đối với tôi, cô âu yếm, thân mật, và nói chuyện luôn miệng làm như sợ phải im lặng. Rồi cô dẫn tôi về nhà. Cô ở một mình, vì cha mẹ đều đã tản cư; thấy rõ đó là một gia đình danh giá. Cô pha trà tôi uống, nhìn hình tôi trong bình trà mà thở dài. Cuối cùng tôi không thể nào chịu nổi nữa. Mặc thây! Tôi đã nói thẳng với cô: "Tôi thấy rõ là mặt mũi tôi không hợp mắt cô. Như thế là cô rất có lý, tôi hiểu cô và không giận chút nào cả đâu!" Cô ta òa ra khóc. Tôi bảo cô: "Đừng khóc nữa. Cô rất đẹp. Ai mà không yêu cô. Tại sao lại làm lỡ cả cuộc đời mình?" và tôi tiếp luôn: "Bây giờ cô đã thấy tôi rồi. Cô đã thấy rõ đấy, tôi đẹp trai kiểu thế nào. Cô suy nghĩ kỹ đi. Còn tôi, thì trở về đơn vị, sẽ cho địa chỉ sau. Và nếu cô chưa thấy đổi ý, thì cô cứ việc biên thư cho tôi". Rồi tôi lại còn nói thêm nữa: "Đừng lo buồn gì về tôi. Trước kia tôi thế nào ấy mà, thì bây giờ thôi rồi, cô à! Vì bây giờ là chiến tranh mà".

Tất nhiên, cô đã cãi lại: "Không mà, không mà! Anh nói cái gì thế?". Rồi lại khóc. Lúc đó, có kèn báo động, cô chạy ra. Trong lúc ồn ào, tôi lẩn trốn và đi thẳng đến trụ sở sĩ quan. Tôi xin giấy đi đường được ngay, mọi việc đều yên ổn, tôi có giấy tờ trong túi rồi và tôi ra đi đây. Nhưng có điều là chắc anh đã rõ, anh Alếchxây ạ, tôi lại càng yêu thương cô thêm hơn nữa,

và bây giờ tôi không biết sẽ sống ra sao nếu không có cô!"

Khi đọc thư bạn, Alếchxây có cảm giác như là thấy tương lai của chính anh. Đúng là những việc như thế cũng sẽ xảy ra đối với anh. Onga không bỏ mặc anh, không xây dựng lại, nàng sẽ cố gắng nhịn sự hy sinh với một tâm hồn cao thượng cũng như thế, nàng cũng sẽ cười qua bao nhiêu giọt lệ, cũng sẽ thuận âu yếm vuốt ve anh bằng cách dẹp cái ghê tởm của nàng.

Alếchxây, nghĩ đến thế, lớn tiếng nói:

- Thế nào thì thế cũng được, nhưng không thể, không thế!

Rồi anh vội vã khập khễnh bước vội về phòng, ngồi vào trước bàn, viết một mạch xong bức thư gửi cho Onga, một bức thư ngắn ngủn, lạnh nhạt, một bức thư giải quyết công việc. Anh không đành lòng cho nàng biết sự thực: Mẹ anh đã đang đau, bắt mẹ phải gánh thêm một nỗi buồn mới nữa, thì có ít gì đâu! Anh viết thư cho Onga nói rằng anh đã suy nghĩ về tình cảm giữa hai người và anh thấy nàng không nên chờ anh, vì đó là đòi hỏi nàng quá nhiều. Chiến tranh kéo dài bao lâu nữa? Năm tháng trôi qua và tuổi thanh xuân cũng trôi theo. Chiến tranh tạo ra nhiều chuyện bất ngờ, có thể đau đớn thất vọng. Nếu anh bị chết thì sao? Nàng sẽ ở không mà chưa phải là vợ

anh bao giờ. Tàn nhẫn hơn nữa: Nếu anh bị thương tật, và nàng cho rằng cứ phải cưới một người tàn phế, thì đâu có hay gì? Vậy nàng đừng làm phí tuổi xuân của mình, và nàng hãy quên anh ngay đi. Nàng có thể không trả lời anh, anh cũng sẽ chẳng giận gì. Anh sẽ thông cảm với nàng, dầu điều đó sẽ khiến anh đau xót vô cùng. Nhưng như thế là hơn.

Tay anh cầm lá thư, như bị bỏng cháy. Không đọc lại, anh gián bao thư và khập khiễng chạy ra bỏ vô hợp thư xanh biếc, treo ở hàng ba bên cạnh ấm nước bằng kim khí sáng loáng hiệu "Khổng lồ".

Anh trở về phòng và lại ngồi trước bàn. Bây giờ biết nói với ai nỗi buồn xịu của mình. Nói với mẹ ư? Không được. Với Gơvơđép ư? Tất nhiên hắn hiểu mình, nhưng bây giờ Gơvơđép ở đâu? Làm sao tìm kiếm ra được hắn trên những nẻo đường vô cùng quanh co phức tạp đưa hắn tới mặt trận? Với các chiến hữu trong trung đoàn ư? Nhưng họ có các may mắn về phần họ, là tâm trí bận về chiến đấu. Với cô "đội thiên văn" ư? Chứ sao! Rồi anh viết trang này qua trang khác, nhờ đó mà thấy lòng được an ủi như đã được khóc thổn thức trên vai bạn thân. Nhưng bỗng nhiên, anh ngừng lại ở nửa chừng một câu đang viết, anh do dự một lúc rồi giận dữ và vò nát cả xếp giấy, xé nhỏ ra tất cả. Stơrúccốp ngăm lên, mĩa mai:

- Không đau khổ nào gớm ghê hơn đau khổ do lời nói gây ra...

Anh đang ngồi trên giường anh, tay cầm lá thư Gôvôđép. Anh chẳng ngại ngần gì đã cứ lấy đại thư để trên bàn đầu giường của Alếchxây đọc đã xong.

- Nhưng mà bữa nay sao bọn nó cả lũ lạ lùng thế này? Cái thằng Gơvơđép ngu si này cũng thế. Một đứa con gái nhăn mặt lại tí mà cũng đau với khổ! Bây giờ thì cậu đã lăn mình vào tình trạng tâm lý phức tạp... Mầy không giận tao vì tao đọc thư nó đấy chứ? Giữa bạn bè với nhau ở mặt trận mà, đâu có gì bí mật phải không?

Alếchxây không giận, anh suy nghĩ. Có lẽ ngày mai anh chờ người lấy thư mở thùng thư để xin lại lá thư thì hơn.

Đêm đó, anh ngủ phập phồng. Anh mơ thấy sân bay phủ tuyết và chiếc phi cơ "LA- 5" mà anh chưa hề biết, có chân chim thế cho bộ bánh xe. Iura, người thợ máy, leo lên máy bay, nói rằng Alêchxây "đã bay đủ rồi", nay đến lược để cho anh bay. Rồi anh thấy bác Mikhaila, sơ mi trắng, quần trong ướt cả, đang tấm hơi nước cho anh; bác cầm thứ cành cây bu-lô kỳ lia lịa trên mình anh và vừa không ngớt cười nói rằng trước khi cưới vợ thì phải tắm một lần cho thật kỷ. Rồi gần sáng anh mơ thấy Onga. Ngồi trên chiếc đò

lật ngược, nàng thõng xuống nước, cặp chân lanh lẹ, ngâm đen anh thấy hình dáng nàng yêu kiều, nhẹ nhàng và tươi sáng. Nàng giơ tay che mặt trời, nàng cười, nàng gọi anh. Anh thì lội tới, nhưng nước chảy mạnh gạt anh vô bờ ngày càng xa nàng. Anh ra sức vận dụng gân cốt cả chân lẫn tay. Anh lội tới được gần nàng và anh đã thấy mớ tóc của nàng gió đùa tung bay, những giọt nước nhỏ lấp lánh trên cặp đùi rám nắng...

Anh thức dậy vui vẻ, bình tĩnh trở lại. Nhưng anh vẫn nằm nhắm mắt hồi lâu, cố ngủ trở lại để tiếp tục giấc mơ vui thích đó. Chỉ có con nít mới nằm mơ tiếp như thế được. Hình ảnh của thiếu nữ, nước da ngăm ngăm vì nắng như đã đột nhiên soi sáng tất cả. Bây giờ, không phải là lúc bỏ phí ngày giờ nhai đi nhai lại chuyện tấm tức, bỏ lơi cho sự việc trôi qua, mà phải ra sức lội thẳng, phía Onga, lội ngược dòng, tiến lên phía trước dù khó khăn đến mấy, tận sức mà hướng tới, mà đạt được. Còn bức thư? Anh muốn tới chỗ hộp thư rình người lấy thư, nhưng anh lại thôi: mặc kệ, để cho nó đi đi! Một mối tình chân thực đâu có vì một lá thư như thế mà tan vỡ. Bây giờ, anh tin vững chắc: đó là mối tình chân thực và nàng sẽ đợi anh, dù anh vui hay buồn, mạnh hay yếu, dù anh ở trong tình trạng nào đi nữa, và nghĩ như thế anh thấy trong người khỏe hẳn lên.

Buổi sáng, anh tập đi không chống nạng. Anh bước xuống giường, cử động rất thận trọng, đứng dậy và đứng yên đó, hai chân dạng ra, hai cánh tay giơ ngang để giữ thăng bằng, rồi chống tay vào tường, anh bước một bước. Da bọc chân giả rin rít, mình anh nghiêng qua một phía, nhưng anh dùng tay để lấy lại quân bình. Anh bước thêm bước thứ hai, vẫn chưa rời khỏi tường. Anh chưa hề bao giờ nghĩ rằng, tập đi khó như thế. Khi còn nhỏ anh đã tập đi cà khêu. Anh leo lên những cái gạc dựa vào tường, rồi ưỡn mình rời ra xa, đi một, hai, ba bước, rồi hình như có một sức mạnh gì không sao cưỡng nổi đẩy nghiêng người anh, anh phải nhảy xuống đất: cặp cà khêu rớt xuống bãi cỏ đầy bụi ở phố nhỏ đó vùng ngoại ô. Trên cà khêu thì dễ thôi: lúc nào cũng có thể nhảy xuống được; với chân giả thì không được. Đến bước thứ ba, anh thấy người nghiêng thẳng đi, một chân lao đao dưới anh, và anh té nhào xuống ván một cách nặng nề.

Anh đã lựa để luyện tập, lúc giờ coi sóc bệnh nhân, anh em đều đi tới phòng thuốc để điều trị. Anh không gọi ai giúp anh. Anh bò lên gần vách, tỳ tay vô tường và đứng lên, anh sờ nắn lại nơi đau, nhìn tại nơi khuỷu tay anh những chỗ bị tím bầm lại, và anh nghiến răng cứ bước thêm bước nữa không tỳ tay vô tường. Anh cho rằng đã tìm ra bí quyết. Chân giả của anh khác chân thiệt là ở chổ nó không co giãn được. Trước

anh không biết đặc tính của nó, anh cũng chưa luyện quen được những thói quen, những phản ứng cần thiết để sửa đổi vị trí của cẳng anh trong khi anh bước, khiến cho một bàn chân trước từ gót chân sau cho tới ngón chân, chịu sức nặng của toàn thân khi anh bước đi một bước, rồi sau đó lại đưa sức nặng của toàn thân lên gót chân thứ hai. Không nên để hai chân song hàng với nhau, mà phải đứng chéo góc mới giữ người được vững chãi.

Tất cả những cái đó, con người ta đã học được từ thuở nhỏ tí ti, ngay từ khi người mẹ còn phải coi chừng, đứa bé bước những bước đầu tiên bằng những cặp giò nhỏ bé, chập chững. Những thói quen đó, ta giữ nó suốt đời, nó lần lần đã trở thành những phản ứng tự nhiên. Nhưng đến khi người ta phải dùng bộ chân giả, sự bình quân tự nhiên của thân thể có thể thay đổi, thì những phản ứng truyền được từ thời thơ ấu, đã không giúp gì trái lại còn làm cho bước đi thêm khó khăn. Muốn có thói quen mới, phải luôn luôn chống lại thói quen cũ. Vì thế rất nhiều người bị cưa chân đã không có đủ quyết tâm cần thiết để tập đi, và không học được nghệ thuật sử dụng chân mới, nghệ thuật mà hồi nhỏ họ học được dễ dàng biết mấy.

Mêrétxép có quyết tâm. Anh phân tách những sai

lầm, rồi lại tập tiến lên, và chú ý bước xa bức tường, bước choạng thân cho nghiêng ra, làm cho sức nặng của người anh đè lên gót chân, rồi lên đầu ngón chân anh. Chân giả của anh kêu lên như hục hặc. Khi mình anh đã chuyển sang phía ngón chân rồi, anh rút lẹ chân kia rời khỏi mặt đất tung lên phía trước. Gót chân anh đụng mạnh xuống sàn. Alếchxây giữ quân bình bằng cánh tay, đứng vững như vậy giữa phòng mà không dám bước thêm nữa. Đứng trên đó không vững chút nào, lúc nào cũng như muốn té xuống, anh thấy mồ hôi lạnh nhỏ giọt trên trán.

Chính trong lúc anh đang đứng điệu bộ như thế thì Vaxili Vaxiliêvít bước vô bắt gặp. Bác sĩ đứng ở trước cửa, nhận xét Mêrétxép , bước lại gần, đở tay anh :

- Hoan hô, chiến sĩ bò! Nhưng tại sao lại một mình thế, không có y tá hay ai cả? Tự ái hả?... Nhưng thôi việc gì cũng thế, chỉ vạn sự khởi đầu nan. Bây giờ cái khó nhứt đã vượt qua rồi.

Vaxili Vaxiliêvít vừa được cử làm giám đốc một cơ quan y tế rất trọng yếu. Đó là một nhiệm vụ lớn cần rất nhiều ngày giờ của ông. Ông đã phải bớt nhiều ngày giờ của ông nhưng ông vẫn đứng đầu. Và tuy có những người khác thay ông chỉ huy thực sự ở đây, khi nào có thì giờ rảnh ông vẫn lâu lâu ghé qua, thăm các phòng và khám bệnh. Nhưng từ ngày con ông hy sinh,

ộng đã bỏ tật bẳn gắt gỏng ầm lên; vui bệnh viện, ông không quát mắng, cũng không rầy rà ai cả nữa. Những người quen biết ông nhiều đều cho đó rõ ràng là triệu chứng của tuổi già rồi.

- Thế thì, Mêrétxép, bây giờ chúng ta cùng tập với nhau nhé. Còn các anh kia thì các anh cứ tiếp tục đi khám cho bệnh nhân các phòng khác, chẳng cần tôi đi nữa. Đi đi, đây không phải thứ làm trò xiếc, không cần có khán giả. - Ông nói với tùy tùng như vậy, rồi nói tiếp :

- Bây giờ, thì, nào, chú, tập nào! Một... Hãy bám, bám vào tôi, chớ có e dè gì cả. Bám vào mà; tôi là tướng, phải nghe lệnh tôi. Một, hai... được rồi đó, bây giờ bước chân mặt. Được rồi, lại bước đến chân trái. Hoan hô!

Ông bác sĩ nổi tiếng này vui vẻ xoa hai tay, làm như ông tập đi cho anh chàng này là ông hoàn thành được một nhiệm vụ có tính chất quyết định gì có trời mà biết được về y học. Nhưng ông làm tròn bất cứ việc gì ông làm, dồn tất cả thích thú nghị lực vào mà làm. Ông buộc Mêrétxép phải đi hết căn phòng từ đầu này tới đầu kia, và khi anh này mệt nhoài ngồi thụp xuống ghế thì ông cũng đến ngồi xuống bên anh.

- Thế nào? Chú thấy chưa, rồi bay được mà! Nhứt là trong cuộc chiến tranh như bây giờ, ta thấy có

người bị bắn rớt cả cánh tay mà vẫn dẫn đại đội của mình tiến lên, có người khác bị tử thương rồi vẫn khư khư ôm lấy khẩu liên thanh, hay lấy ngực lấp lỗ châu mai của quân thù... Chỉ có những kẻ đã chết rồi là không chiến đấu nữa, - Vừa nói ông già vừa thở dài. Mắt ông mờ đi. Ông tiếp:

- Nói thế chứ, phải rồi, họ vẫn chiến đấu chớ, bằng tấm gương mà họ đã lưu lại. Đúng là thế đấy!... Thế nào? chúng ta tiếp tục đi chứ, chú mình!

Khi Mêrétxép ngừng lại một lát để thở, giáo sư chỉ giường của Gơvôđép nói :

- Còn anh này, anh chiến sĩ xe tăng, anh đã khỏi rồi hả? Đã đi rồi hả?

Mêrétxép báo cho giáo sư biết rằng Gơvôđép đã trở ra mặt trận, và anh đau khổ một điều, là mặt anh đã bị những vết phỏng hủy hoại một cách không sao chữa chạy chi được, nhứt là ở phần dưới bộ mặt.

- Đã viết thư về rồi ư? Đã lại lo buồn về tình ái rồi hẳn? Anh hãy khuyên anh ta để râu mép và râu cằm. Tôi nói thiệt đó. Như vậy người ta có thể bảo anh là thích khác đời, nhưng có những cô gái lại ưa cái đó đấy.

Một chị y tá hổn hển thò đầu vô cửa hé mở, báo cho giáo sư biết Hội đồng Bộ trưởng đang kêu điện

thoại muốn nói chuyện với giáo sư. Vaxili Vaxiliêvít nặng nề đứng dậy; cứ trông ông phải chống hai bàn tay to lớn thăm tím và xù xì của ông lên đầu gối, cứ trông phải ra sức thế nào mới đứng dậy được, là đủ thấy rõ ông đã già hẳn đi trong mấy tuần. Đến cửa, ông quay lại vui vẻ kêu to:

- Đừng nên viết trang thư dặn bạn anh, rằng chính tôi khuyên anh ta nên để râu đó. Đó là một biện pháp tuyệt đối công hiệu. Rồi là được các bà các cô mê tít cho mà xem.

Ngay chiều hôm đó, một nhân viên già của bệnh viện đem tới cho Mêrétxép một cây gậy kiểu xưa, đẹp lộng lẫy bằng nhung đen, đầu gậy có tay cầm bằng nga, có chữ khắc tên.

- Của giáo sư gửi lại đó. Vaxili Vaxiliêvít biếu anh chiếc gậy của ông và ông dặn anh dùng nó chống mà đi.

Buổi chiều hè đó, ở nhà thương buồn ra trò. Phòng 42 trở thành một mục đích du ngoạn của mọi người. Thương binh ở phòng bên trái, bên mặt và cả lầu trên đều đến đây để ngắm nghía món quà của giáo sư thực là một cây gậy tuyệt đẹp.

XV

Ở mặt trận, thời gian yên tĩnh báo hiệu giông tố, vẫn kéo dài. Thông cáo cho biết những trận đánh địa phương, những cuộc do thám trận địa va chạm nhau. Vì vậy không có mấy thương binh, nên ban giám đốc ra lệnh nới bớt chỗ cho phòng 42, chỉ còn chứa lại hai giường: một ở bên mặt của Mêrétxép, một ở bên trái, gần cửa sổ nhìn ra bến sông, của thiếu tá Stơrúccốp.

Có những đoạn do thám đánh bất ngờ: Mêrétxép và Stơrúccốp là những chiến sĩ có kinh nghiệm, đều hiểu điều đó có ý nghĩa gì. Nghỉ ngơi càng lâu bao nhiêu, thì giông tố sắp tới càng mạnh khủng khiếp bấy nhiêu. Một hôm, thông cáo cho biết rằng ở đâu đó trên mặt trận phía nam, xạ thủ ưu tú là Stêpan Ivúckin, anh hùng Liên Xô, đã hạ thêm hai mươi lăm giặc Đức, tức là riêng anh đã bắn được hai trăm tên phát xít. Cũng có nhận được thư của Gơvôđép. Tất

nhiên anh không cho biết anh ở đâu, anh làm gì, nhưng anh nói rằng anh đã trở về với cấp chỉ huy cũ của anh là Paven Rômistơrốp, rằng anh rất thích, rằng ở đây có hằng hà sa số trái anh đào và mọi người ăn thứ trái cây đó no nê phè phỡn. Anh nhờ Alếchxây nhận được thư thì báo tin cho Anhuta biết với. Anh có gởi cho nàng một thư nữa, nhưng biết đâu chừng thư đó có thể lạc,vì anh, anh vẫn trên đường đi luôn, địa chỉ thay đổi không ngừng.

Hai tin tức vắn đó đủ cho một quân nhân nhận xét rằng cơn giông tố sắp nổi lên ở đâu đó mặt trận phía Nam. Tất nhiên Alếchxây viết thư cho Anhuta và truyền đạt cho Gơvôđép lời giáo sư khuyên anh để râu. Nhưng biết rõ lúc này đây say sưa với cuộc chiến đấu sắp tới, quyết liệt là chừng nào và thiết tha là chừng nào trong lòng chiến sĩ, Gơvơđép không thể có đầu óc nào nghĩ tới chuyện râu ria và có lẽ cũng không nghĩ đến cả Anhuta nữa. Phòng 42 lại có một tin mừng khác nữa. Một sắc lệnh đã quyết dịnh tặng danh hiệu Anh hùng Liên- Xô cho thiếu tá Stơrúccốp. Tin mừng lớn lao không làm cho thiếu tá vui lâu. Anh vẫn cứ buồn xịu. Cái khiến cho anh cáu tiết lên là hai đầu gối "khốn kiếp" của anh vẫn đóng đanh anh trên giường bệnh trong lúc này. Cái cáu kỉnh của anh lại còn một lý do nữa, mà anh giấu giếm thực kỹ, nhưng Alếchxây đã hoàn toàn nhờ tình cờ mà khám phá ra

được.

Bây giờ Mêrétxép tập trung tất cả ý chí để thực hiện một mục đích duy nhất: tập đi. Vì vậy anh ít để ý những việc xảy ra quanh anh. Anh đã bố trí chặt chẽ thời dụng biểu. Ba tiếng đồng hồ mỗi ngày: một tiếng buổi sáng, một tiếng buổi trưa và một tiếng buổi tối, anh đi lại ở hàng ba với bộ chân giả của anh. Lúc đầu các thương binh cũng thấy phiền vì cái bóng hình mặc áo ngủ dài màu xanh biếc cứ đi đi lại lại hoài trước cửa phòng họ, đều như cái máy đo âm thanh, với đôi chân giả của anh vẫn cứ kêu rin rít một cách đều đều. Nhưng mãi riết rồi họ cũng quen di đến nỗi không tưởng tượng được nữa rằng có thể vắng bóng anh ở hàng ba vào những giờ phút nhất định. Hôm Mêrétxép bị cảm không đi được, thì các phòng bên phái người tới phòng 42 coi xem trung úy què giờ có chuyện chi vậy.

Sáng nào cũng vậy, Alếchxây tập thể dục, xong rồi, anh ngồi xuống ghế, tập cho chân anh quen với các động tác phi cơ. Có khi vì tập quá lâu, đầu anh choáng váng. Tay anh ù đi, mắt anh hoa lên thấy phơi phới những vòng tròn xanh xanh, và mặt đất lảo đảo dưới chân anh. Lúc đó thì anh tới la-va-bô, cuối đầu xuống máy nước, rồi ngả lưng ruỗi chân nằm nghỉ cho mau lại sức khỏi trễ chương trình đi và tập thể dục.

Một hôm, anh tập đi tới lúc đầu đã choáng váng, anh chẳng nhìn thấy gì nữa trước mắt anh, anh liền sờ soạng trở về phòng, nằm im. Lúc đó, anh thấy có tiếng nói: giọng bình tĩnh pha chế giễu, của Cơlaođia Mikhailôna và giọng run run vì tức giận của thiếu tá Stơrúccốp. Hai người mải nói chuyện đến nỗi không chú ý có Mêrétxép vô nữa.

- Cô hiểu tôi đi, cho nào! Tôi nói chuyện rất là nghiêm chỉnh đấy. Nói thế mà không ăn thua gì với cô à? Vậy thế cô có phải là người đàn bà hay không đấy hả?

- Tôi là một người đàn bà, nhưng tất cả những điều gì anh nói đều không ăn thua gì với tôi cả! Vả lại, về vấn đề đó, anh không thể nói chuyện nghiêm chỉnh được, mà tôi cũng chẳng cần gì đến nghiêm chỉnh của anh.

Stơrúccốp bừng bừng nổi giận. Khùng lên làm như muốn chửi ai, anh la lớn suốt phòng:

- Nhưng tôi yêu cô mà! Trời ơi là trời! Tôi xin thề như thế. Và cô có là bằng gỗ, thì mới không thấy. Vậy thế, thế nào? Ăn thua chưa nào?

Anh quay lại, tay gõ gõ nhẹ vô cửa kính.

Cơlaođia Mikhailôna nhẹ nhàng bước ra phía cửa phòng, với cách đi yên lặng của các cô y tá.

- Nè cô, chờ chút đã nào, đi đâu thế? Tại sao cô không trả lời tôi?

- Đây không phải là lúc, cũng không phải chỗ để chuyện trò loại ấy. Giờ này là giờ công tác của tôi.

- Tạo sao cô tránh tôi? Tại sao cô hành hạ tôi? Trả lời đi nào!

Có niềm tuyệt vọng trong giọng nói của thiếu tá. Cơlaodia Mikhailôna dừng lại ở cửa phòng. Bóng dáng thanh tú của chị nổi lên trên nền tối của hàng ba. Mêrétxép không ngờ rằng chị y tá nghiêm trang nọ, đâu còn phải là một cô gái lớn lên, mà lại có sức quyến rũ nhường ấy của người phụ nữ. Cô đang đứng đó, đầu ngẩng cao nghiêng về phía sau, khiến cô nhìn thiếu tá như từ một bệ cao nhìn xuống vậy.

- Được. Tôi thuận trả lời. Tôi không yêu anh, và xem chừng ra thì tôi sẽ không bao giờ có thể yêu anh được!

Nói rồi, nàng bỏ đi. Thiếu tá nằm phục xuống giường, giấu đầu xuống gối. Mêrétxép bắt đầu hiểu vì sao ích lâu nay Stơrúccốp có biết bao chuyện kỳ quặc, như luống cuống khi chị y tá vô phòng, như những trận thay đổi tính tình mau lẹ khiến anh đang vui bỗng đùng đùng nổi giận dữ dội. Hẳn là anh đang thực tình đau khổ, Alếchxây thương hại anh, nhưng anh lại cũng đồng thời thấy như thỏa mãn. Khi thiếu tá nhỏm dậy,

anh bật ra một câu chế giễu:

- Vậy thì xin phép thiếu tá cho tôi nhổ nước miếng chứ ạ, thưa đồng chí thiếu tá?

Thực ra, nếu anh biết trước được nói thế thì xảy ra như thế nào, chắc anh không nói, dù là đùa. Thiếu tá vùng chạy lại giường anh, và với một giọng nói đượm tuyệt vọng, anh gào lên :

- Ừ thì nhổ đi, hãy cứ nhổ đi nào! Vì mày nói thế mà đúng đấy. Còn tao thì đáng đời tao. Mày không nhổ hả?... Vậy tao phải làm gì đây? Mày khuyên tao một câu đi nào, nói đi, mày nghe chuyện đã biết cả rồi mà...

Anh lảo đảo ngồi xuống giường, hai tay ôm đầu.

- Chừng mày tưởng chuyện chơi hẳn? Đâu phải chuyện chơi! Chuyện đứng đắn hết sức, tao đã đề nghị với nó cưới nó, mà sao nó ngu thế chứ.

Chiều hôm đó, Cơlaođia Mikhailôna vô phòng săn sóc cho bệnh nhân. Cô vẫn hiền hậu như thường, thân ái, nhẫn nại, và mặt mày tươi sáng vì điềm tĩnh. Cô mỉm cười với thiếu tá như mọi người, nhưng nhìn anh với một thứ ngạc nhiên và lo sợ. Stơrúccốp ngồi gần cửa sổ, gậm gậm móng tay một cách điên cuồng. Cơlaođia Mikhailôna đã bước đi ra hàng ba rồi, chỉ còn nghe tiếng giày cô vang động ở xa, mà Stơrúccóp

vẫn còn nhìn theo, mắt nhìn vừa hờn giận vừa mê đắm :

- "Cô tiên Xô-viết"! Thằng chó chết nào đặt tên nó như thế? một con quỉ mặt áo "bơ-lu" trắng thì có.

Một nữ y tá làm việc ở văn phòng, lớn tuổi và xương xẩu, bước vô.

- Alếchxây Mêrétxép có đi được không?

Stơrúccốp cào nhào:

- Nó chạy cũng còn được...

Chị y tá ra vẻ kẻ cả, trả lời:

- Tôi đến đây không phải để đùa giỡn.

- Có người gọi điện thoại trung úy Mêrépxép.

Thiếu tá nháy mắt với chị y tá khó tính, hỏi:

- Một thiếu nữ phải không?...

Chị y tá vừa trang trọng rút lui vừa trả lời với một giọng nói sắc như dao cắt:

- Tôi không có hỏi giấy người ta!

Mêrépxép chống gậy nhảy thoắt ra khỏi giường. Anh đi vượt lên trước chị y tá và đúng là chạy chỗ hàng ba. Anh chờ gần tháng nay thư trả lời của Onga và bữa nay anh có một ý kiến kỳ khôi. Nếu là nàng thì sao? Đó là một điều rõ là không thể có được. Lúc

này, không ai có thể từ Stalingơrát đi Mátscơva được. Với lại tại sao nàng lại biết anh ở nhà thương được, trong khi trong thư anh viết rằng anh làm việc ở hậu phương, ở ngoại ô chứ đâu có nói ở ngay Mátscơva. Nhưng lúc đó, Mêrétxép tin ở phép lạ. Và không chú ý thấy, anh đã chạy, chạy thực sự và lần đầu tiên bằng chân giả của anh, chỉ thỉnh thoảng mới chống gậy thôi, ngả nghiêng nghiêng ngả trong tiếng kẽo kẹt của bộ chân.

Trong điện thoại, vang lên một tiếng nói trầm trầm, anh hoàn toàn chưa nghe thấy. Người ta hỏi đấy có phải là trung úy Alếchxây Pêtơrôvít Mêrétxép ở phòng 42 không? Anh trả lời cụt ngủn, y như câu hỏi ấy là một câu thóa mạ:

- Phải!

Bên kia đầu dây, tiếng nói như nghẹt lại. Rồi lạnh lùng cảm rõ thấy là cố ý lạnh lùng, tiếng nói xin lỗi vì đã làm phiền anh.

- Tôi là Anna Gơribôva, bạn gái của anh trung úy Gơvơđép, bạn anh, đấy ạ. Anh không biết tôi đâu.

Thiếu nữ hình như phật lòng vì câu trả lời xẵng, trả lời như vậy.

Nhưng Mêrétxép hai tay bấm lấy ống nghe, vận hết sức ra kêu lên:

- Phải Anhuta không? Phải cô rồi! Tôi biết cô nhiều mà. Gorigôri đã nói...

- Anh ở đâu... và làm gì! Anh bỏ đi đột ngột quá. Có báo động, tôi ra khỏi phòng, vì tôi làm y tá ở trạm trực nhật. Đến khi trở lại, anh đã đi đâu rồi. Chẳng có một chữ để lại, cũng chẳng cho địa chỉ. Tôi chẳng hiểu làm sao cả. Anh ở đâu? Tại sao anh ra đi như thế? có chuyện gì vậy? Anh Alêchxây thân mến ơi! Xin lỗi anh vì đã kêu anh như thế! Tôi cũng biết rõ anh mà, và tôi rất cảm động. Anh ở đâu? Tại sao anh lại đột ngột thế?...

Mêrétxép thấy ấm trong lòng. Anh sung sướng thay cho bạn. Thực ra, người bạn kỳ khôi của anh đã lầm vì quá nghi ngờ tự ái. Vậy ra các vết thương chiến tranh không làm cho các cô thiếu nữ chân thành sợ hãi. Và chính anh, phải rồi, chính anh anh cũng có thể tin rằng anh cũng sẽ được kiếm với tấm lòng tha thiết như thế.Tất cả ý nghĩ đó thoáng ra trong đầu anh như một tia chớp. Anh phồng phổi gào lên trong ống nói:

- Anhuta này, mọi việc đều êm thắm cả đấy, chị Anhuta ạ! Đó chỉ là một chuyện hiểu lầm thôi đó. Anh vẫn sống vẫn mạnh, anh đã ra mặt trận, phải rồi, thùng thư số 42531- B. anh đã để râu rồi, Anhuta à! Ối trời ơi là trời! Một bộ râu thật là ghê gớm, râu

mà, râu ấy, râu như râu của chiến sĩ du kích, anh để râu coi ngộ lắm.

Anhuta không tán thành câu chuyện râu và nàng cho bộ râu là thừa. Thấy thế lại càng phấn khởi hơn nữa, Mêrétxép cắt nghĩa thêm rằng như thế thì Gơrigôri ta chỉ việc với hai nhát dao cạo là cạo tuột luốt hết, rồi tống râu đi đâu thì tống, tuy mọi người ai nấy đều thấy anh để râu là rất đẹp.

Cuối cùng, lúc hai bên buông ống nghe xuống thì đã là đôi bạn thân thiết rồi và hai bên đã định rằng khi nào ra nhà thương, Mêrétxép báo cho cô biết bằng điện thoại. Khi trở về phòng, Alếchxây mới nhớ ra là khi tới máy nói, anh đã chạy. Anh cố lại chạy nữa, nhưng không chạy được. Chân giả đập trên sàn như có một luồng đau nhói xuyên qua toàn thân anh. Nhưng kệ! Anh nghĩ bữa nay không được thì ngày mai, ngày mốt, rồi anh nhất định sẽ chạy được, chứ có quái gì! Mọi việc rồi sẽ xong xuôi. Anh không cần nghi ngờ gì nữa rằng anh có thể lại chạy, lại bay, lại chiến đấu. Và vì anh có thói quen hay nguyện, anh thề rằng, ngay khi nào lên máy bay chiến đấu trận đầu và hạ được một máy bay Đức đầu tiên, anh sẽ viết thư cho Onga nói rõ tất cả. Rồi thì ra sao thì ra!

một người chân chính

Nhà báo PHẠM DÂN

- Sinh năm 1920 ở Hoa Lư , Ninh Bình.
- 1945: Sĩ quan Vệ Quốc đoàn.
- 1948: Phái viên TW đi trong đoàn TW Đảng và Chính Phủ vào Nam bộ tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở Nam bộ, suốt 30 năm, một vạn ngày đêm.
- 1977: Phó Tổng giám đốc kim Phó Tổng biên tập Thông tấn xã Việt Nam.
- 1960: Dịch cuốn *Một người chân chính* của Bôris Pôlêvôi, Nxb. Thanh Niên.
- 1965: Dịch cuốn *Tấm kiếng giết người* của kỹ sư P. Garin, tác giả Alêchxây Tônstôi.
- 2002-2005: Chủ tịch Câu lạc bộ Nhà báo cao tuổi TP. HCM.
- Chủ biên ba tập *"Một thời làm báo"* - Hồi ký của các nhà báo lão thành.

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỪ
288B An Dương Vương, Q.5, TP.HCM - ĐT: 8392516
Website: *dnsachthanhnghiatphcm.com.vn*
Email: dnsthanhnghia@vnn.vn
Giá: 35.000đ